

Thomas Green s.j.

**Sự phân định  
thiên liêng**  
*Nghệ thuật và thực hành*

Nếu tất cả đều được quyết định trước và nếu Thiên Chúa thực hiện những hoạch định của Ngài bên ngoài chúng ta, thì sự phân định lại còn ý nghĩa gì nữa ? Lm.Green nhấn mạnh rằng nhu cầu phân định chỉ xuất hiện từ giờ phút mà cảm nhận về sự tự do cá nhân trội hơn cảm nhận về định mệnh : lúc đó, đối với loài người, một đời sống tương quan thật sự với Thiên Chúa được mở ra, trong đó việc nhận ra nhiều tiếng nói khác nhau bên trong được ghi nhận, lại chiếm một vị trí rất quan trọng. Nhưng trong chúng ta cũng như chung quanh chúng ta, lúa tốt lại mọc xen lẫn với cỏ dại, và sự nhằng nhịt ấy làm cho bước tiến của chúng ta trở nên bấp bênh : cho nên các quy tắc được I-nha-xiô đê Lôiôla đề ra trong *Tập linh thao* là một kim chỉ nam đến rất đúng lúc. Từ trong lớp vỏ già nua đã mấy trăm năm, Lm.Green đã biết rút ra cho chúng hoa trái của một kinh nghiệm cá nhân và đem lại cho nó một vị riêng. Người cũng rất tài để trích ra từ cái cũ điều mới mẻ.

Thomas GREEN, linh mục Dòng Tên người Mỹ, hiện nay là linh hướng, giáo sư Triết học và Thần học tại Đại học Manille.

**Sự phân định  
thiên liêng**  
*Nghệ thuật và thực hành*  
♦  
*Ở lòng và lúa tốt*

Desclée de Brouwer

1991

Thomas Green s.j.

# Sự phân định thiên lương

*Nghệ thuật và thực hành*



*Ở lòng và lúa tốt*

Bản Pháp ngữ của **Colette Henry** dịch từ Anh ngữ  
**Weeds among the Wheat. Discernement :**  
**Where Prayer and Action meet**

Desclée de Brouwer  
1991

## DẪN NHẬP

# Điểm gặp gỡ của cầu nguyện và hoạt động

Hơn bao giờ hết trong lịch sử của Giáo Hội, tất cả chúng ta, nam và nữ, đang sống ở cuối thế kỷ này, một thời kỳ mà sự phân định chiếm rất nhiều chỗ : từ “phân định” đang lưu hành trong tất cả các môi trường tu sĩ đương thời. Thành viên của các cộng đoàn tu cũng như chính các cộng đoàn ấy đều được mời gọi phân định Thánh Ý Thiên Chúa trong các hoàn cảnh cụ thể của đời họ. Các phong trào Thánh Linh thì phải phân định về nguồn gốc và ý nghĩa của các lời ngôn sứ được thốt lên trong những buổi triệu tập của họ. Những người trẻ phân định về ơn gọi của mình, còn đàn anh đàn chị, đã từng chọn cho mình một lối sống thì phân định về những trở ngại và khả năng đang gặp phải sau đó. Những người linh hướng, bây giờ đóng vai những hợp tác viên, chứ không còn có nhiệm vụ, như trong quá khứ nữa là cho biết một cách đơn giản Thánh Ý Thiên Chúa đối với những ai đến tìm mình : hiện nay họ đồng hành với những người này trên con đường tăng trưởng, với tư cách

là những người “phiên dịch” giúp người khác hiểu tiếng nói mà Thần Khí ngỏ với họ, trong lòng.

Khi nói đến sự phân định trong những bối cảnh khác nhau như vậy, hầu như chúng ta cũng biết được mình nói gì. Chúng ta biết là, việc người ta nhấn mạnh về tính đồng trách nhiệm và tập đoàn tính trong Giáo Hội, theo gợi ý của Công đồng Vatican II, mời mọc mỗi Kitô hữu nhận phần trách nhiệm và ngôn sứ vụ để sống và tuyên xưng đức tin. Đồng thời chúng ta cũng nhận thấy là điều đó đòi hỏi có sự tham gia nhiều hơn và bớt tính độc tài trong cách tìm Thánh Ý Thiên Chúa. Mỗi người phải tự mình cảm nhận việc Thần Khí Thiên Chúa hoạt động nơi bản thân : vấn đề không chỉ là nhắm mắt đưa chân bước theo một người lãnh đạo bằng cách mong gặp Thánh Ý Thiên Chúa từ trên xuống được vạch sẵn. Chắc hẳn rằng quyền bính vẫn giữ vị trí của nó trong dự án của Thiên Chúa, nhưng như chúng ta đã ghi nhận trong chương 3 của cuốn *Sự cởi mở với Thiên Chúa (Opening to God)* (1), nó không còn có thể chỉ cho chúng ta những chỉ tiết vụn vặt của dự án Thiên Chúa đối với chúng ta nữa, và lại công việc đó có bao giờ ở trong khả năng của quyền bính đâu. Điều mà quyền bính có thể làm và phải làm là vạch ra những đường nét lớn của đời sống chúng ta đối với Đức Kitô ; nhưng bên trong khuôn khổ chung ấy, mỗi người phải theo một ơn gọi riêng, duy

(1) Các sách tham khảo theo tôi là hữu ích nhất : xem chương 1, chú thích 1 ; chương V, chú thích 2 ; phần kết, chú thích 2. Trong mỗi tác giả được trích đều có một thư mục học.

nhất. Không bao giờ có hai người cùng nghe một tiếng gọi của Thiên Chúa như nhau, không có hai người cùng sống một cuộc sống y hệt như nhau.

Tới đây, mọi sự đã rõ ràng đối với tất cả những ai, nam hoặc nữ, ngày nay muốn suy nghĩ về sự tiến triển của Giáo Hội. Đó là một viễn tượng làm hứng khởi, một trong những khía cạnh khuyến khích và đầy hứa hẹn nhất của đời sống Kitô giáo cuối thế kỷ XX. Tuy nhiên, một vấn đề được đặt ra : trong một chừng mực nào đó, thậm chí còn là điều chắc chắn nữa, cuộc sống trong quá khứ có phần dễ hơn khi mà Thánh Ý Thiên Chúa (hình như) có được sự diễn tả rõ ràng và chính xác qua những quyết định của các bề trên trong Giáo Hội. Có thể lúc đó người ta chống lại với những bó buộc của cuốn Giáo luật cũ và cách xử sự chuyên quyền của các mục sư cũng như các Giám mục, nhưng ít nhất mình biết một cách chính xác ăn bao nhiêu thịt ngày thứ sáu mới mắc tội trọng và trong những trường hợp nào bỏ lễ là điều nghiêm trọng cần xưng thú. Thời đó, mình hưởng được sự an toàn của đứa trẻ, điều mà mình đang phải trả giá bằng một tuổi thiếu niên vĩnh viễn trong đời sống thiêng liêng. Bây giờ chúng ta được mời mọc vâng phục Thiên Chúa một cách trưởng thành và có trách nhiệm ; và giá phải trả cho sự chín muồi đó là - sự tối tăm, trách nhiệm trong những lựa chọn riêng, nhu cầu *biết chính Thiên Chúa* và việc nghiệm ra đường đi nước bước của Ngài - thường đầy âu lo. Có lẽ chúng ta khám phá ra được rằng thánh Phao lô, sau khi đã mô tả về con người thiêng liêng như người “không tự xét xử lấy mình và cũng không bị ai xét xử”,

ngỏ lời với chúng ta khi thánh nhân thêm : “*Thưa anh em, về phần tôi, tôi đã không thể nói với anh em như với những con người sống theo Thần Khí, nhưng như với những con người sống theo tính xác thịt, như với những trẻ nhỏ trong Đức Kitô. Tôi đã cho anh em uống sữa chứ không cho dùng thức ăn, vì anh em chưa chịu nổi. Nhưng bây giờ anh em cũng vẫn còn không chịu nổi.*” (1 Cr 3,1-2)

Chúng ta có chịu đựng nổi thức ăn đặc của những con người trưởng thành trong Đức Kitô không ? Nhiều người, có lẽ là những trẻ nhỏ trong Đức Kitô, thậm chí còn chạy trốn, bám váy mẹ khi họ thấy thực tại đầy đe dọa. Nhưng tôi xác tín rằng con số những người chấp nhận trở nên trưởng thành trong Đức Giêsu và ước mong điều đó, cũng rất đáng kể (vả lại tôi đã có được niềm vui giúp đỡ một vài người). Vấn đề của họ, như đối với các môn đệ đầu tiên, là họ cần đến một người hướng dẫn, cần học *phân định*, đảm đương trách nhiệm của chính đời mình, khám phá ra gương mặt của Thiên Chúa.

Trong lòng hảo tâm của Ngài, Ngài chăm sóc chúng ta, do đó mà ngày nay có nhiều sách nói về nghệ thuật phân định, mà phần lớn rất có chất lượng (1). Theo thiển ý của tôi, khó khăn duy nhất nằm ở chỗ là, cho tới nay phần lớn các tác phẩm đó lại mang tính kỹ thuật cao và quá chuyên sâu.

Do đó chúng có nguy cơ trở nên khó hiểu đối với những người Kitô hữu miệt mài cầu nguyện nhưng chưa

(1) Xem chú thích trang 4.

qua một trường lớp đào tạo nào về thần học hoặc về linh đạo. Đó là đối tượng của cuốn sách này, dù công việc có khó khăn đấy : diễn tả trong ngôn ngữ “đời thường” dù uyên thâm và sùng đạo (dẫu người trình bày là linh mục, tu sĩ hay giáo dân) ý nghĩa và những nguyên tắc cơ bản trong nghệ thuật của sự phân định Kitô giáo. Cũng thách đố ấy mà tôi ghi nhận từ nhiều năm nay khi tôi giảng dạy về sự phân định, trong khuôn khổ của chương trình về thần học mục vụ , ở “Loyola School of Theology” (Viện thần học Ignace-de-Loyola).

Trong tổng thể, cấu trúc của cuốn sách này chính là cấu trúc của một giáo trình giảng dạy. Tôi còn thêm một “bài thực tập” ở cuối mỗi chương. Các sinh viên nhận thấy rằng những câu hỏi đó mà mục đích là áp dụng vào chính cuộc sống họ, nội dung của các bài giảng và các nguyên tắc cơ bản của sự phân định, là một trong những khía cạnh bổ ích nhất của lớp học. Giữa hai buổi thuyết trình, cách nhau một tuần, họ cố gắng tìm đáp án cho những câu hỏi được nêu lên. Kế đó, trong giờ đầu của buổi học tiếp theo, họ chia nhau thành từng nhóm nhỏ để chia sẻ cách giải đáp của mình và thảo luận về những gì chưa rõ. Tôi cũng đem lại đáp án của tôi. Những ai đọc cuốn sách này trong một nhóm, sẽ có lợi khi theo phương pháp làm việc như thế. Nhưng thậm chí cả độc giả đơn độc cũng sẽ thấy tiện lợi khi sử dụng những câu hỏi ở cuối các chương (độc giả sẽ tìm thấy đáp án của tôi trong phần phụ lục) được coi như bảng trắc nghiệm về sự hiểu biết và lối áp dụng thực tiễn về điều mình đã đọc, sự phân định cũng như lời cầu nguyện

là một nghệ thuật, người ta học phân định bằng thực hành nữa chứ không chỉ bằng đọc sách.

Trong chừng mực mà việc phân định có thể dạy qua một cuốn sách, trước hết cần nói rõ hai điều : sự phân định là gì ? và làm sao phân định cho có hiệu quả ? Dựa trên kinh nghiệm bản thân, câu thứ nhất là chủ yếu vì với một ý niệm rõ ràng về bản chất của sự phân định và những điều kiện tiên quyết phải có, “bộ máy” của sự phân định sẽ không khó làm quen bao nhiêu. Cho nên phần đầu của cuốn sách này (“Chuẩn bị đất”) nhắm làm cho độc giả hiểu thế nào là sự phân định. Gốc rễ, cũng như tất cả những gì liên quan đến đức tin, đều nằm trong Kinh Thánh : các chương 1 và 2 tìm lại vị trí của sự phân định trong Cựu và Tân Ước, không phải với chủ ý tiến hành chú giải chính xác và đầy đủ đâu (điều mà Guillet đã làm rồi và được tôi trích một vài đoạn) nhưng đúng hơn là trong mục đích tìm lại ý nghĩa, trực giác của sự phân định trong Kinh Thánh.

Trong giai đoạn đầu của Cựu Ước, không bao giờ từ này được sử dụng, thậm chí cả ý niệm nữa cũng không thấy có, do quan niệm lúc bấy giờ về Thiên Chúa và bản tính loài người. Nhưng đến thời kỳ của Gioan và Phaolô, sự phân định trở thành một chủ đề trung tâm trong sử điệp của các tông đồ. Thêm vào đó, toàn bộ các sách Tin mừng được xem như là hai sự phân định một cách thật có lợi : sự phân định do Đức Giêsu tiến hành và sự phân định mà Ngài là đối tượng. Vậy mà nếu chúng ta nắm bắt được do sự tiến triển nào trong các quan niệm và trong kinh nghiệm đã khiến cho sự thay đổi đó trở thành

khả thi, thì chắc chắn chúng ta sẽ có một hình ảnh rõ nét hơn về chỗ đứng của sự phân định trong đời sống Kitô hữu hiện nay. chương 3 sẽ phác họa rõ hơn nữa hình ảnh đó khi xem xét phẩm chất và những điều kiện cho phép một người phân định : *ngày nay* phải trở nên loại người nào để là người khôn khéo có khả năng phân định được Thánh ý Thiên Chúa, điều mà Ngài không ngừng vén mở ? “Có được như Đức Giêsu một trái tim có khả năng phân định” nghĩa là gì ?

Sau khi đã dựng lên tấm phông cho sự phân định bằng cách cho thấy phân định là gì, trong phần hai chúng ta sẽ đề cập đến đề tài “gieo giống tốt” nói về diễn biến của sự việc : phân định như thế nào ? Nguồn mạch cổ điển vẫn nằm trong các quy tắc của sự phân định thiêng liêng như I-nha-xiô đệ Lôyôla đã ấn định trong các bài *linh thao*. Cả ngày nay nữa, những quy tắc ấy đã được soạn thảo ra cách đây bốn trăm năm chục năm vẫn là tiêu chuẩn (nơi hợp quy tắc) của Giáo Hội về vấn đề phân định. Điều gì thánh Âu-tinh đã tiến hành đối với vấn đề sự dữ, thánh Têrêxa thành Avila hoặc Gioan Thánh giá đối với việc cầu nguyện, thì thánh I-nha-xiô, nhờ ân huệ của cùng một Thiên Chúa không ngừng xuất đầu lộ diện, đã tiến hành đối với việc phân định. Do đó các chương từ 5 đến 7 nghiên cứu trong chi tiết những quy tắc cổ điển cho những ai mới bước chân vào đời sống thiêng liêng (chương 5 và 6), kế đó cho những tâm hồn đã trở nên trung thành (chương 7). Nhưng trước khi xem xét những quy tắc dành cho những người mới bước vào nghề “đang gieo giống tốt”, phần hai bắt đầu với

chương 4 trong đó nền tảng của sự phân định thiêng liêng theo thánh I-nha-xiô, được trình bày. Bài tường trình này dựa vào một đoạn nổi tiếng trong *các bài linh thao*, vào cuối tuần thứ hai, trong đó I-nha-xiô giải thích tương quan giữa sự phân định và việc tiến hành lựa chọn mà thánh nhân đưa ra ba cách để lựa chọn tốt nhưng chỉ có một cách thực sự là việc phân định mà thôi.

Phần thứ ba, mang tựa đề “Một mùa gặt trong đó lúa tốt xen lẫn với cỏ lùng” bắt đầu với những quy tắc dành cho những tâm hồn “trung thành”. Khi nào chúng ta đã đạt tới giai đoạn ổn định ấy và tương quan của chúng ta với Thiên Chúa đã phát triển, thì tinh thần xấu buộc phải đi theo một chiến lược mới, tinh vi hơn để toan chấm dứt “triều đại” của Thánh Ý Thiên Chúa trên cuộc đời chúng ta. Là vì bây giờ chúng ta đã biết nhận ra khá hơn rồi giọng lưỡi của ma quỷ, nó sẽ tìm nhạy tiếng nói của Thiên Chúa và đánh lạc chúng ta bằng cách giới thiệu những cám dỗ dưới dạng những việc thiện. Ngoài việc nó trá hình, chúng ta đã nhận ra khi trở nên trưởng thành rằng “tinh thần xấu” còn mang nhiều bộ mặt khác nhau. Chương 8 (dựa trên dụ ngôn được Mt 13,24-30 thuật lại, trong đó theo lời Đức Giêsu cỏ lùng và lúa tốt mọc chung với nhau cho đến mùa gặt) do đó cố gắng phát hiện và nghiên cứu các loại cỏ dại đang mọc chen lẫn trong lúa tốt. Trong ngôn ngữ của Kinh Thánh, cỏ lùng này trên mảnh đất của cuộc đời chúng ta chính là thế gian, xác thịt và ma quỷ, xét theo hạn từ về sự phân định và quyết định của người Kitô hữu, cỏ lùng và giống tốt nói lên thứ hỗn hợp về những điều được linh

ứng cùng những bám víu đủ loại (một tình yêu chân thành đối với Thiên Chúa đầy nhưng trộn lẫn với tự ái và việc đi tìm mình, thậm chí cả nơi các tông đồ nhiệt tình và quảng đại nhất) gây rắc rối cho việc phân định kể cả nơi những tâm hồn trung thành và đã đạt tới mức độ trưởng thành.

Chính dụ ngôn đó của Đức Giêsu đã cung cấp phụ đề của cuốn sách : *Cỏ lùng và lúa tốt*. Nói cho cùng, việc phân định là vô cùng quan yếu trong cuộc sống của một vị tông đồ, chính vì chúng ta sống nhờ đức tin và vì trong cuộc đời của chúng ta, theo lời của Đức Giêsu, cỏ lùng sẽ mọc chen với giống tốt cho đến mùa gặt. Nhận xét gây thất vọng mà chúng ta đã đề cập đến ở chương 2 trong cuốn *When the Well Runs Dry* (“*Khi giếng đã khô cạn*”) về đời sống cầu nguyện, thì ở đây lại mang một chiều kích tông đồ : thậm chí cả khi mạch nước của sự cầu nguyện thật sự tinh sạch và trung thực, một vài loại cây trong mảnh vườn của tâm hồn trung thành vẫn có vẻ không mang lại những bông hoa được mong đợi. Đồng thời có những cỏ dại mọc lên mà linh hồn lấy làm tiếc, nóng lòng mong nhổ đi nhưng chúng vẫn sống dai dẳng dù có dài công cố gắng và cầu nguyện. Đối với “người chiêm niệm trong hành động” thì đây là nguyên nhân đưa tới hai nỗi buồn : không những linh hồn không tài nào dâng tiến lên Thiên Chúa một ngôi vườn không có cỏ dại nơi mà Ngài có thể thích thú lui tới, theo lời của thánh Têrêxa, mà còn chính thừa tác vụ của linh hồn ấy là chiều kích tông đồ của sự chiêm niệm của mình, lại bị lu mờ, bớt phong phú do cỏ lùng đang sinh sôi nảy nở

trong mùa màng và trong đó người thợ gặt đang bị vây hãm. Chương 8 tìm cách dọn quang cỏ lùng đó để có thể nhổ cái có thể nhổ và hiểu được giá trị thần thiêng của cái phải chừa lại cho đến lúc Ông Chủ của mùa màng xét cần nhổ.

Như chương 8 giả thiết ngầm, có một giây liên kết chặt chẽ giữa sự tăng trưởng nội tâm mà chúng ta đã nói tới trong *Mạch suối* và sự tăng trưởng tông đồ của người chiêm niệm trong hành động. Chương 9 đề nghị xem xét sự liên kết đó : khám phá được làm sao người bơi lội tập thả bóng mình trên mặt nước (xem chương 6 cuốn *Mạch suối*), trở thành có khả năng làm chứng một cách thường trực về một tình yêu sáng suốt, sự sung mãn của đời sống tông đồ. Những vấn đề tôi quan tâm trong cuốn *Darkness in the Marketplace* ("*Bóng tối trên quảng trường*") theo tôi, tìm thấy ở đây, những cách giải quyết. Nếu *Cỏ lùng và lúa tốt* có thể đọc và hiểu được đối với những độc giả chưa biết đến các cuốn sách trước của tôi về cầu nguyện, thì không phải vì thế mà cuốn *Bóng tối* lại chẳng là một tác phẩm về sự phân định rồi, nhưng về một sự phân định thực tiễn hơn là lý thuyết ; sách ấy đặt nặng việc phân định phần u ám và đầy tính thanh luyện trong đời sống tông đồ, có lẽ là vì khía cạnh ấy đặc biệt nổi cộm trong cuộc sống cá nhân của tôi lúc bấy giờ. Ý nghĩa của "*Bóng tối trên quảng trường*" theo tôi cần được soi sáng bởi chính đời sống cầu nguyện và linh hướng người khác của tôi.

Nhưng bóng tối chẳng phải là thực tại cuối cùng hoặc tiên quyết đâu. Đêm tối dẫn đường cho rạng đông

và ngọn suối khô cạn dẫn đưa (hoặc đúng hơn, bắt buộc chúng ta đi) đến với những mạch suối ngầm. Cho nên, trong cuộc đời tông đồ của mình, việc học tập lâu dài và đôi khi nhọc nhằn để thực hành phân định làm nảy sinh nơi chúng ta một cảm tính mới mà có thể nói đó là khả năng thường trực để thi thố một tình yêu sáng suốt. Ấn huệ của sự chín muồi này là đối tượng của chương 9. Theo tôi đó chính là ý nghĩa sâu xa của thành ngữ mà I-nhà-xiô dùng : "chiêm niệm trong hoạt động".

Rõ ràng suốt cuốn sách này, chúng tôi nhấn mạnh đến sự phân định *cá nhân* nhưng phải công nhận rằng hiện nay người ta nói rất nhiều về sự phân định của *cộng đoàn* : làm sao các cộng đoàn (tu sĩ, giáo xứ, hoặc của phong trào Thánh Linh) có thể phân định được Thánh Ý Thiên Chúa đối với họ trong tư cách là một nhóm. Cho nên tôi đã giải thích trong phần kết lý do tại sao tôi không đề cập đến sự phân định của cộng đoàn sớm hơn, và làm sao tất cả những gì đã được nói đến về sự phân định cá nhân đều có thể áp dụng cho một cộng đoàn mà các thành viên cùng nhau đi tìm Thánh Ý Thiên Chúa. Tôi tin chắc rằng một cộng đoàn sẽ không khó khăn gì để phân định *với điều kiện là những người nó bao gồm*, xét về cá nhân, đều được đâm rễ sâu trong việc cầu nguyện và sự phân định, còn trong trường hợp ngược lại, thì sẽ không tài nào phân định được. Do đó mà bài tường trình ngắn của chúng tôi về sự phân định của cộng đoàn đều tập trung ở những điều kiện riêng cho một nhóm, y như một bản chuyên khảo từ nay đã trở nên cổ điển được Lm. John Futrell, s.j, trình bày.



Dù sự phân định là cá nhân hay cộng đoàn, mục tiêu là đạt tới một tình yêu sáng suốt, dẫn tới sự tự do thật. Do đó mà phần bặt lại kết thúc bằng một nhận xét về sự tự do tinh thần, có lẽ là món quà lớn nhất mà Thiên Chúa đã tặng những ai mà việc phân định đã trở thành một khả năng thường trực. Vì đó là một nố mâu thuẫn mà chỉ có những tình nhân mới có thể hiểu được : chỉ khi nào mình trao ý chí của mình cho người mình yêu thì mình mới trở thành tự do thật sự. Vậy mà mức độ phó thác đó chỉ có thể trở thành khả thi nếu chúng ta biết mình được hoàn toàn chấp nhận với con người của mình.

Do đó mà tôi nghĩ rằng chúng ta đã đi trọn vòng. Chúng ta đã bắt đầu bằng cách khẳng định rằng nếu sự phân định ngày nay quan trọng đến thế là vì trong đời sống Kitô hữu của mình chúng ta được mời gọi đi đến một sự tự do của người trưởng thành có trách nhiệm. Chúng ta sẽ kết thúc bằng cách khám phá ra rằng chỉ có sự phân định do một tình yêu sáng suốt phán quyết mới có thể giúp chúng ta trở thành tự do thật sự. Vì phần kết gắn lại với phần mở đầu, thì chỉ còn bắt đầu nữa mà thôi!

# I

## Chuẩn bị đất

## 1

## Những bước Kinh Thánh đầu tiên : ngôn sứ giả và ngôn sứ thật

### *Vấn đề phân định và tầm quan trọng của nó*

Vừa rồi tôi có tiến hành một khoá huấn luyện cho một cử toạ bọ gồm rất đông nữ tu từ các nước Anh, Ai-len, E-cốt đến, về chủ đề “cầu nguyện và phân định”. Đề tài do chính các nữ tu chọn và những ngày học tập chung với nhau thường kết thúc trong một cảm tưởng phấn khởi chung. Tôi đã tìm thấy ở đây sự khẳng định hùng hồn về một ý kiến mà tôi đã có, rằng nghệ thuật phân định vừa là trung tâm của đời sống Kitô giáo hiện nay lại vừa là đối tượng của một thứ hiểu lầm nào đó thậm chí cả nơi những Kitô hữu chuyên cần cầu nguyện và dẫn thân.

Việc tăng trưởng trong cầu nguyện và nghệ thuật phân định là hai đề tài thường được đặt ra cho tôi khi tôi thuyết trình ở Philippines hoặc ở nước ngoài. Nếu đề tài thứ nhất ngày nay được đề cập đến và thảo luận một cách rộng rãi, thì trái lại đề tài thứ hai còn rất mù mờ và màu nhiệm đối với hầu hết những người chuyên cầu

nguyện. Những bài báo và những tác phẩm rất tốt đã được xuất bản thời của chúng ta về sự phân định (chúng ta sẽ tham chiếu đến trong suốt cuốn sách này) nhưng đó chỉ là một dòng suối nhỏ bên cạnh dòng chảy lớn là mở văn liệu mới mẻ và có chất lượng về việc cầu nguyện. Thêm vào đó một vài tác phẩm trong số những tác phẩm hay nhất lại có xu hướng mang tính kỹ thuật và chuyên biệt, do đó mà không dễ hiểu đối với người Kitô hữu bình thường dù có dẫn thân và ước muốn tham gia vào công trình của Thiên Chúa trong thế giới hiện đại chẳng nữa.

Có cách nào giới thiệu nghệ thuật phân định vừa chính xác vừa dễ hiểu cho độc giả “tay ngang” là linh mục, nữ tu hay giáo dân đang chuyên tâm vào, nhưng không phải là những chuyên viên không? Tôi nghĩ là có, mặc dù những chướng ngại vật thật to lớn. Để bắt đầu, người được mời gọi phân định phải là một người chuyên cần cầu nguyện: coi trọng Thiên Chúa và thật sự lưu ý đến hoạt động của Thiên Chúa trong chính cuộc đời của mình. Hơn nữa, còn phải có khả năng phân biệt những điều quan trọng; chẳng hạn, phân biệt giữa “*làm những việc cho Chúa*” và “*làm việc của Chúa*”, giữa “*phân định*” và “*quyết định*”, giữa “*lắng nghe những tâm tình của mình*” và “*dựa cây vào lý trí của mình*”. Vậy mà, dựa vào kinh nghiệm bản thân, những phân biệt ấy không dễ nắm bắt chút nào và cũng không dễ chấp nhận trong thực tế.

Cuốn tự điển “*American college dictionary*”(1966) định nghĩa như sau động từ “phân định”:

1. Nhận thấy bằng mắt hoặc bằng một giác quan nào khác, nhận thức bằng trí tuệ...
2. Phân biệt bằng trí tuệ, nhận ra sự khác biệt coi như tách biệt nhau; tách biệt, phân biệt.

Cho nên việc sử dụng từ phân định thường bao gồm một trật hành vi nhận thức và hành vi phân biệt hoặc phán đoán. Cũng vậy trong trường hợp của việc “phân định thiêng liêng” thì sự nhận thức và sự phán đoán đều quan trọng. Khi từ phân định được sử dụng với ý nghĩa tôn giáo, cái “của riêng” và nét đặc trưng của nó lúc bấy giờ chính là *đối tượng* mà nó nhắm nhận thức và phán đoán. Đối tượng mà chúng phân biệt và lượng giá khi tiến hành phân định là chính những *tình cảm* của mình, dù khẳng định này có thể gây ngạc nhiên. Do đó chúng ta cần tiếp xúc với những tình cảm của mình là điều cần thiết không thể thiếu được cho việc phân định thiêng liêng. Nhưng có mấy ai trong chúng ta có được sự tiếp xúc đó? Có mấy ai đặt tên đặt tuổi được cho những tình cảm đang ở trong chúng ta, nhận ra là chúng đang ở trong mình, để thuần hoá và điều chỉnh chúng lại, trong khi mà các tình cảm ấy lại là nguyên liệu của sự phân định? Nhiều người cho rằng khó lòng biết được Thiên Chúa vì mình không thấy, nghe và sờ chạm được Ngài như đối với một con người khác. Điều đó dĩ nhiên là đúng, nhưng tôi đã có được xác tín rằng chướng ngại lớn nhất để phân định thật sự (và để tăng trưởng thật sự trong cầu nguyện) thì chẳng phải là bản tính không sờ chạm được của Thiên Chúa cho bằng sự ngu muội về chính mình, để không nói là *chống cự* lại với việc hiểu

biết con người thật của mình, như chúng ta sẽ đề cập đến trong chương 3. Hầu hết chúng ta đều mang mặt nạ, không chỉ trước mặt người khác mà thôi nhưng ngay cả khi mình đứng trước chiếc gương nữa.

Đó là bấy nhiêu yếu tố khiến cho việc phân định trở nên một nghệ thuật ít ai theo học nổi và khái niệm phân định khó nắm bắt được. Nhưng tuy vậy nó vẫn là chìa khoá cho một đời sống Kitô hữu đích thực và những khó khăn không phải là không vượt nổi đối với ai thành tâm muốn lớn lên. Xét về bản chất, sự phân định là một nghệ thuật ; người ta học nó qua thực hành nhờ vào những điều chỉnh liên tiếp. Thêm vào đó, nó là một ân huệ, chứ không hẳn là kết quả trước hết của một cố gắng riêng tư, nhưng là ân huệ Thiên Chúa ban cho ai yêu mến Ngài và được Ngài yêu mến.

Vì nó là một nghệ thuật và một ân huệ, sự phân định không thể giảng dạy được ; nhưng có thể nói rõ những đường viền của nó. Có thể chỉ cho thấy, như chúng tôi mong tiến hành trong chương này và chương sau, ý nghĩa và vị trí chủ yếu của sự phân định trong mạc khải của Kinh Thánh. Hơn nữa, rất may cho chúng tôi là đặc sủng chính của I-nha-xiô đệ Lôiôla và của Hội Dòng Tên mà Ngài đã thành lập lại là “sự phân định thiêng liêng”. Trong hai loạt quy tắc về sự phân định chiếm vị trí trung tâm của *các bài linh thao*, I-nha-xiô (hay đúng hơn Đức Giêsu qua I-nha-xiô) đã ban cho Giáo Hội những nguyên tắc cơ bản của một sự phân định đích thực. Những quy tắc ấy hết sức thực tiễn và tầm thường như chúng ta sẽ thấy ở chương 4 và các chương

tiếp theo. Thậm chí sự ngắn gọn của chúng cũng gây thắc mắc và chúng tôi đã cố gắng kéo thật lên bộ xương của chúng bằng những giải thích và ví dụ. Nhưng chúng tôi sẽ tiến hành công việc đó mà tôi mong rằng không đánh mất ý nghĩa của cái cụ thể là nét riêng của I-nha-xiô. Bất luận điều gì chúng ta có thể nói về sự phân định chẳng nữa, chúng ta đều phải luôn luôn đắm rề trong cuộc sống và trong hành động của người Kitô hữu.

### *Thiên Chúa của Ít-ra-en thời nguyên thủy?*

Cho nên chúng ta bắt đầu nơi mà mọi huấn giáo tốt đều bắt đầu, trong Kinh Thánh. Cựu Ước rất ít sử dụng từ phân định, hình như chưa bao giờ : khái niệm “phân định” chỉ xuất hiện một cách muộn màng trong lịch sử Ít-ra-en. Để hiểu lý do tại sao, tốt hơn nên bắt đầu ghi nhận một vấn đề cơ bản : đối với con người, Thiên Chúa là ai ? Theo tôi, có ba cách hình dung Thiên Chúa, ba cách hình dung đó có thể xếp loại như sau : “ông thợ đồng hồ”, “người làm trò múa rối” và “người cha của những đứa con trưởng thành”.

Nếu Thiên Chúa được quan niệm như ông thợ đồng hồ thì không tài nào có sự phân định thật được. Ngài đã tạo dựng vũ trụ như ông thợ đồng hồ lắp đặt chiếc đồng hồ của mình nhưng Ngài không còn can dự gì vào trong tạo dựng của mình nữa khi đã tạo dựng xong. Tôi có một chiếc đồng hồ đeo tay, quà tặng ngày tôi chịu chức linh mục năm 1963. Nó đơn sơ mà đẹp và chỉ giờ

rất chính xác từ hai chục năm nay. Suốt thời gian đó, đôi ba lần tôi có đưa cho tiệm chùi đầu hoặc sửa chữa. Nếu các bạn hỏi tôi về người lắp đặt ra nó, tôi sẽ nói chắc chắn là người thợ ấy có tay nghề cao. Tôi biết chắc là ông có thật và biết ông rất lành nghề. Nhưng tôi không có một ý niệm nào về ông ta, thậm chí chẳng biết ông còn sống không nữa. Ông đã để dấu ấn của mình lại trên chiếc đồng hồ của tôi, nhưng một khi công việc đã hoàn tất và chiếc đồng hồ đã rời khỏi xưởng thợ của ông, thì ông không còn liên lạc trực tiếp với chiếc đồng hồ nữa. Thì cũng vậy trong quan niệm về Thiên Chúa như ông “thợ đồng hồ” : Ngài đã tạo dựng vũ trụ, đã để dấu ấn lại về tài nghệ và về bản thể của mình nhưng đã không còn một mối liên hệ trực tiếp nào với tạo dựng của mình nữa. Qua tạo dựng ấy, mình có thể biết được một cái gì đó về Ngài (cũng như tôi đối với nghệ nhân đã lắp đặt chiếc đồng hồ của tôi khi tôi xem xét giá trị mỹ thuật và kỹ thuật của công việc ông làm) nhưng chúng ta không thể biết Ngài một cách riêng tư hoặc đi vào trong tương quan trực tiếp với Ngài.

Đó chính là Thiên Chúa của các nhà thần luận hiện đại : Ngài là nguyên nhân thật của tạo dựng nhưng là Đấng không thể biết được. Thử hỏi một Thiên Chúa như thế chờ đợi điều gì nơi chúng ta - thử *phân định* Thánh Ý Ngài hôm nay, trong cuộc đời chúng ta - cũng sẽ vô ích như vậy nếu tôi hỏi ông thợ đồng hồ : ông muốn tôi làm gì với chiếc đồng hồ của tôi. Tôi có thể giả thiết rằng ông ấy muốn tôi gìn giữ nó và nếu cần cho lau đầu ; nhưng tôi sẽ không bao giờ biết chắc cả. Có thể là

nghệ nhân ấy ghét bỏ công việc của mình và sẽ lấy làm thích khi thấy những sáng tác của mình bị huỷ bỏ : điều ấy ít có thể xác thực được nhưng có một điều tôi cảm chắc là chẳng bao giờ tôi hỏi ông được ! Dù sao, chỉ tội mất thì giờ khi cứ loay hoay để biết xem ông thợ đồng hồ mà tôi không hề biết và có lẽ đã chết, muốn làm gì với chiếc đồng hồ của tôi. Bây giờ chính tôi có trách nhiệm, về điều tốt cũng như điều xấu xảy đến cho nó.

Như chúng ta đã nói, với một Thiên Chúa là thợ đồng hồ, sự phân định chẳng có ý nghĩa cũng chẳng có thể tiến hành được. Nếu hề khác, Thiên Chúa được quan niệm như “người làm trò múa rối”, lúc đó sự phân định trở thành vô ích. Nếu Thiên Chúa can dự trực tiếp và hoàn toàn trong tạo dựng của Ngài, nếu Ngài giật dây và vận dụng con người cùng các biến cố như một tên làm trò múa rối giật dây những con rối của mình, lúc đó thì chúng ta chẳng có tự do. Chúng ta đâu có cần đi tìm Thánh Ý của Thiên Chúa nữa vì dù muốn dù không Ngài sẽ chu toàn ý Ngài. Để thay đổi phép ẩn dụ, chúng ta như thể những con tốt đen tốt đỏ được tay chơi cờ là Thiên Chúa xê dịch trên bàn cờ của cuộc đời. Các con tốt cũng như các con rối chẳng cần biết người ta chờ đợi gì ở nơi chúng.

Thiên Chúa - thợ đồng hồ của thần luận, như chúng ta đã ghi nhận, là một hiện tượng tân thời, con đẻ của chủ nghĩa duy lý ở các thế kỷ vừa qua, trong đó công nghệ học đã bắt đầu tin rằng, tự mình, nó có thể hiểu và hướng dẫn hết mọi sự. Theo sự hiểu biết của tôi, trong các xã hội nguyên thủy, có thấy những nhà văn

thần luận đề nghị khái niệm về một Thiên Chúa - thợ đồng hồ - đầu !

Chắc chắn đối với các tổ phụ và ngôn sứ trong Cựu Ước, Thiên Chúa chẳng phải là một ông thợ đồng hồ : Ngài dẫn vào trong sự phát triển liên tục và trong vận mệnh của tạo dựng, ngay từ đầu, tại Vườn Địa đàng (St 3). Ngược lại, Thiên Chúa, “người làm trò múa rối” là một ý niệm rất xưa cổ : có lẽ đó là quan niệm cổ nhất về Thiên Chúa. Đẩy cho tới cùng, cách nhìn như vậy sẽ đưa đến việc phủ nhận hoàn toàn sự tự do và trách nhiệm của con người. Dù sao để đi tới mức cuối cùng đó, tư duy thần học phải rất cao rồi. Nói chung nơi những con người đơn sơ và trong các xã hội bán khai, trách nhiệm của con người và quyền tuyệt đối của Thiên Chúa là hai khái niệm cùng chung sống với ít nhiều may mắn. Hình như đó là trường hợp của những người Do thái thời đầu. Vua Saul chẳng hạn, vào những giai đoạn gay cấn của triều đại ông, được mô tả như bị những thần tốt và xấu thúc đẩy - như thể bị ma ám vậy ; tuy vậy ông vẫn được ca ngợi hay bị lên án vì những hành vi của mình. Dù điều đó có vẻ không hợp lý nhưng là một thái độ rất phổ biến thời chúng ta. Bao nhiêu lần tôi đã nghe người ta nói : “Tôi đã phạm tội và Thiên Chúa giận tôi ; tuy nhiên tôi làm cách nào được ? Tôi đã van xin Ngài dừng để tôi gặp người đàn ông mà tôi yêu, người ấy đã có vợ.” Hoặc là : “Tại sao Thiên Chúa cho phép đưa con trai tôi làm lạc ? Tôi có xúc phạm đến Ngài trong điều gì để Ngài không đáp lại lời cầu nguyện của tôi ?” Mặc dù người ta không ý thức, Thiên Chúa, Đấng làm cho đưa

con tốt (hoặc xấu) và hướng dẫn bước chân của các tình nhân, đúng ra là một người làm trò múa rối, một tay chơi cờ.

Đối với đề tài của chúng ta, điều quan trọng là sự phân định không còn có ý nghĩa gì nữa, trong một viễn tượng khi một thứ hỗn hợp mâu thuẫn của tự do và của định mệnh ngự trị như vậy. Điều đó đặc biệt đúng khi tâm tình nổi cộm là một tâm tình của định mệnh, hình như là trường hợp của Ít-ra-en cổ đại. Trong tác phẩm của Jacques Guillet, người rất có thẩm quyền đối với lịch sử của sự phân định, ông viết :

*“Dù sao trong những bản văn cổ nhất, người ta chưa nói đến sự phân định. Vì hai lý do. Một mặt, ảnh hưởng của các thần (chính hoặc tà) mạnh mẽ và bao trùm đến độ người có kinh nghiệm không làm sao cưỡng lại được. Chắc chắn là người ấy không mất nhân cách của mình : cũng chính ông Saul đó mà thần tốt (Thần Khí) đã biến thành một nhà lãnh đạo tài tình (1 Sm 11,6) còn thần khí hung ác, thành một tên bạo chúa, đa nghi (16,14-23). Ấy vậy mà chính con người này vừa đáng được ca ngợi vì lòng dũng cảm của mình lại vừa bị lên án vì sự hờn ghen rất bất công. Nhưng trong cả hai trường hợp ông bị nộp mình cho một Đấng mạnh hơn ông.” (1)*

Lý do thứ hai, theo Jacques Guillet, của sự vắng bóng việc phân định trong các bản văn của Cựu Ước là

(1) Tự điển Tu đức “khổ chế và thần bí”, điều khoản nói về “Sự phân định thiêng liêng” của Jacques Guillet. Beauchesne Paris 1957, tập III, trang 1223.

chúng chưa có kinh nghiệm hoặc sự chín muồi cần thiết để tham dự vào những quyết định quan trọng liên quan đến gia đình hoặc thậm chí cả đến cuộc sống của chúng. Dần dần, thường thì một cách vụng về và khó nhọc, chúng sẽ khẳng định quyền tự mình quyết định.

Trong đa phần các gia đình, việc chuyển bước từ quy chế của đứa trẻ sang quy chế của đứa con trai hoặc con gái trưởng thành thường diễn ra một cách khó khăn. Có khi nó chẳng diễn ra bao giờ cả và con cái vẫn luôn phải bám váy người mẹ mà không bao giờ trở nên hoàn toàn trưởng thành được. Cũng có trường hợp việc chuyển bước đó được thực hiện bằng một sự vong thân và một sự chua chát có thể kéo dài suốt đời. Trường hợp lý tưởng tuy vậy vẫn có thể diễn ra, một cách thành công nếu không nói là một cách dễ dàng, tương quan giữa cha mẹ và con cái (trai hoặc gái) được biến đổi hoàn toàn. Từ nay họ gặp nhau như những con người trưởng thành, những người bạn và theo một ý nghĩa nào đó, những người ngang hàng nhau. Vì tình bạn đòi phải có sự bình đẳng, có lẽ chỉ ở bình diện này thôi mà cha mẹ con cái mới có thể gặp nhau như những người bạn thật. Đứa con trai hoặc con gái biết ơn cha mẹ sinh thành, nuôi dưỡng mình, đã tôn trọng nơi mình sự khôn ngoan, hoa trái của tuổi tác và kinh nghiệm - nhưng họ cũng độc lập, tỏ ra già dặn trong tư duy cũng như trong hành vi của mình và có khả năng đảm nhiệm hướng đi đời mình. Còn cha mẹ, vì đã chín muồi, họ mức lấy trong chính khả năng tự lập của đứa con trưởng thành của họ, một cảm giác triển nở và thành công.

vì, đối với người Do thái, “tinh thần tốt xấu đều phát xuất từ Thiên Chúa, ngang nhau, mặc dù tinh thần tốt biểu lộ những hoạch định cứu độ của Ngài còn tinh thần xấu là ý muốn đưa kẻ thù tới sự diệt vong (Tl 9,23 ; 1 Sm 16,14-23 ; 18,10 ; 19,9 ; 2V 19,7 ; Is 19,14 ; 29,10)”. Chúng ta sẽ xem xét kỹ hơn về ý nghĩa của từ “tinh thần” trong mạch văn này, và cả sự phân biệt giữa “tinh thần tốt và xấu”. Nhưng bây giờ, điều cần nhớ, là thời ấy người ta coi mỗi xung động, tốt hoặc xấu, đều từ Thiên Chúa mà đến và bị áp đặt cho con người. Với một vũ trụ quan kiểu ấy, Thiên Chúa gần như là người giữ dây, và sự phân định mà con người có thể dâng hiến Ngài, chẳng có ý nghĩa bao nhiêu.

### *Thiên Chúa của các ngôn sứ*

Tuy nhiên với thời gian, các gương mặt tôn giáo nổi bật trong Ít-ra-en bắt đầu quan niệm tương quan của họ với Giavê một cách mới mẻ. Thuyết định mệnh nhường bước cho một tâm tình trách nhiệm cá nhân và người ta đi tới chỗ coi Thiên Chúa như một người bạn và một người cha - một người cha của những đứa con trưởng thành, nếu có thể nói như thế. Qua đó tôi muốn cho thấy là hình ảnh của người cha có thể được suy diễn nhiều cách tùy theo mình nghĩ đến những đứa con thơ dại hay đã trưởng thành. Những đứa trẻ thơ dại thì vẫn còn hơn những con rối vì chúng vẫn có tương quan yêu thương với bố mẹ và có một tinh thần riêng của chúng. Nhưng

Tiến trình chúng ta vừa mô tả là khía cạnh ngữ ngành nhất, đồng thời là khía cạnh làm thoả lòng nhất của vai trò làm cha làm mẹ. Nhưng chúng ta có thể nào áp dụng theo kiểu loại suy cho tương quan của chúng ta với Thiên Chúa? Một câu trả lời khẳng định sẽ có vẻ lạ lùng; dù sao chẳng nữa Thiên Chúa là Thiên Chúa tối cao của cuộc đời chúng ta. Có thể nào thật sự nói đến sự tự lập đối với Thiên Chúa, đến một sự gặp gỡ với Ngài như giữa những người trưởng thành? Thật lạ lùng nếu quan niệm tương quan của chúng ta với Thiên Chúa theo kiểu ấy (2). Thật vậy, tôi nghĩ là có một sự khác biệt lớn giữa tương quan với Thiên Chúa của một người đã đạt tới mức trưởng thành thiêng liêng và tương quan của một đứa con trưởng thành với cha mẹ nó. Nhưng Đức Giêsu rõ ràng đã dạy cho chúng ta gọi Thiên Chúa là “Cha!” Và lại rõ ràng Ngài cũng đã cho chúng ta hiểu (và thánh Phaolô đã minh nhiên tuyên bố trong 1 Cr 3,1-3 (3)) rằng

- (2) *Độc giả của hai cuốn sách “Khi giếng đã khô cạn” và “Bóng tối trên quảng trường” có thể cho rằng quan niệm đó có vẻ mâu thuẫn với lý do hiện hữu của mạch suối khô cạn hoặc của đêm tối, là giải thoát chúng ta khỏi những mối quynh luyện và khỏi ý chí chúng ta muốn “làm chủ tình hình”, để cho phép Thiên Chúa là Thiên Chúa trong cuộc đời của chúng ta.*
- (3) *“Thưa anh em, về phần tôi, tôi đã không thể nói với anh em như với những con người sống theo Thần Khí, nhưng như với những con người sống theo tính xác thịt, như với những trẻ nhỏ trong Đức Kitô. Tôi đã cho anh em uống sữa chứ không cho dùng thức ăn, vì anh em chưa chịu nổi. Nhưng bây giờ anh em cũng vẫn còn không chịu nổi vì anh em còn là những con người sống theo tính xác thịt” (đọc thêm 1 Tx 2,7 và 1 P 2,2)*

tương quan với Thiên Chúa là Cha chúng ta đó phải tiến hoá và đạt tới mức trưởng thành.

Đức Giêsu sử dụng tính phụ tử loài người, theo kiểu so sánh để mô tả một tương quan với Thiên Chúa đã đạt tới mức trưởng thành; vậy mà như mọi sự so sánh, nó vừa bao gồm những điểm giống cùng những điểm khác. Tầm quan trọng của những khác biệt không được làm cho chúng ta bùng mắt trên những điểm giống nhau. Về vấn đề chúng ta đang quan tâm, tính loại suy đối với các đứa con đang thời chín muồi, đòi về phía chúng ta một sự phân định để đặt đúng chỗ những nét giống đó. Thánh Phaolô trong bức thư chúng ta vừa trích (1 Cr 2,15) định nghĩa “con người sống theo Thần Khí như người xét đoán được mọi sự, mà chẳng có ai xét đoán được người đó”. Trong một đoạn tuyệt vời, tác giả của thư gửi Do thái tuyên bố:

*“Về vấn đề này (chức tư tế của Đức Giêsu) chúng tôi còn nhiều điều phải nói, nhưng khó mà cắt nghĩa vì anh em đã trở nên uể oải không muốn nghe. Quả thật, với thời gian, đáng lẽ anh em đã phải là những bậc thầy, thế mà anh em lại cần phải để cho người ta dạy anh em những điều sơ đẳng về các sách ngôn của Thiên Chúa: thay vì thức ăn đặc, anh em lại phải cần dùng sữa. Thật vậy, phàm ai còn phải dùng đến sữa, thì không hiểu gì về đạo lý liên quan đến sự công chính, vì người ấy vẫn là trẻ con. Thức ăn đặc thì dành cho những người đã trưởng thành, những người nhờ thực hành mà rèn luyện được khả năng phân biệt điều lành điều dữ” (Dt 5,11-14).*



Do đó người Kitô hữu trưởng thành là người có khả năng phân định, là đứa con mà từ nay không phải xin chỉ thị chính xác và chi tiết của bố nữa, đứng trước mỗi trường hợp, điểm này phép loại suy đối với người cha của những đứa con trưởng thành do đó vẫn có giá trị ! Trong Cựu Ước, như chúng ta đã ghi nhận trên đây, sự mời gọi đi tới mức trưởng thành trước mặt Thiên Chúa chỉ tuân tự xuất hiện trong lương tâm của Ít-ra-en. Vào lúc đó, khi trách nhiệm cá nhân trước mặt Thiên Chúa bắt đầu trở nên quan trọng, ý niệm về một sự phân định (chứ chưa phải chính sự phân định) lại chiếm vị trí hàng đầu trong các sách ngôn sứ. Như Jacques Guillet đã ghi nhận, là vì tiếng nói, Thánh ý của Thiên Chúa được xem như tối tăm và nhiệm màu. Bất cứ “tinh thần” nào đầu nhất thiết là tinh thần của Thiên Chúa. Nhiều tiếng nói khác xen lẫn với tiếng của Ngài :

*“Đối diện với tiếng nói của Thiên Chúa có một tiếng nói khác được cất lên, tiếng nói của tội lỗi (St 4,7), tiếng nói của Xatan, đối thủ của Thiên Chúa. Vậy mà tiếng nói này cũng có một cái gì màu nhiệm đó. Khi thì hình như nó trỗi lên từ trái tim của con người và bộc lộ chính ước muốn của hắn (St 6,5 ; 11,4 ; Xh 32,9 ; Đnl 32,5-20 ; Tv 95,10) khi thì rõ ràng nó biệt lập với con người và không xuất phát từ con người, nhưng từ một nhân vật đáng ngại, sáng suốt và mạnh mẽ hơn con người, dai dẳng và ý thức hơn trong những kế hoạch của nó, được thông tin tốt hơn con người về những thiên hướng của chính trái tim con người và bề ngoài xem như*

*có khả năng nắm bắt cả những chủ ý của Thiên Chúa nữa (St 3)” (4)*

Cuộc sống lại thêm phức tạp trong chừng mực chúng ta già dặn đi. Giữ những giới răn rõ ràng một cách đơn giản, tối mật và trẻ con lúc bấy giờ không còn có thể được nữa. Bản thể của Thiên Chúa và mạc khải của Ngài trở nên màu nhiệm hơn khi đức tin của chúng ta còn là một đức tin của đứa trẻ. Nguồn nước cung cấp những chân lý đơn sơ nay đã cạn hay ít là nước không còn trong nữa. Trong khi mà chúng ta rời khỏi mái ấm của gia đình để hoà mình với cuộc sống bên ngoài dưới một bầu trời nơi mà mặt trời đã khuất, thì vô vàn tiếng nói đã làm xao nhãng sự chú ý của chúng ta với tiếng nói của Thiên Chúa (và thường xuyên nói ngược lại), Jacques Guillet mô tả như sau tình cảnh đó :

*“Con người chìm đắm trong ba tầng mù tối : sự mù tối của một Thiên Chúa bắt người khác nhận mình mà không xuất đầu lộ diện ; sự mù tối của Xatan đang giấu mình, đưa gợi ý hơn là tự khẳng định, đề nghị hơn là bắt người khác nhận mình... Sau cùng là sự mù tối của chính con người không tài nào nhìn thấy rõ được trong thâm cung lòng mình, cũng không sao bao học được hoàn toàn sự nghiêm trọng nơi những hành vi của mình cùng những hậu quả của nó.”*  
(Xh 32,21 ; 2 Sm 12,7)

(4) Jacques Guillet, *sdd*, trang 1222 và tiếp theo.

Trong “ba tầng mù tối” ấy, con người bị chất vấn và phải tiến hành lựa chọn.

“Lựa chọn đối với con người, không chỉ là làm hành động này hay hành động kia, nhưng còn phải nhận ra những tiếng nói mà mình nghe, do đó là phân định.”

*Phân định các lời sứ ngôn đích thực*

Trong Cựu Ước, việc áp dụng quang trọng nhất của sự phân định có lẽ nằm ở chỗ phân biệt các ngôn sứ thật với ngôn sứ giả. Nhiều ngôn sứ xuất hiện ở Ít-ra-en vào lúc mà nền quân chủ tỏ ra có thể lực nhất. Họ thường xung đột với nhau, bằng cách tuyên sấm những điều mâu thuẫn và dạy những cách ăn ở trái ngược nhau. Làm sao, trong những điều kiện ấy, dân Do thái và các người lãnh đạo của họ xác định được ai là những ngôn sứ, thật sự nói cho họ lời của Thiên Chúa ? Với thời gian, qua các thế kỷ, họ phát hiện ra một vài tiêu chuẩn. Jacques Guillet kê ra sáu nguyên tắc để xác định tính xác thực của một sứ ngôn - sáu tiêu chuẩn, đúng ra, để biết ai là người thật sự cất tiếng nhân danh Thiên Chúa (5) chúng ta, có thể được tóm tắt như sau :

1. Các lời của ngôn sứ (\*) loan báo một tai hoạ thì

(5) nt trang 1223. Guillet trích nhiều câu Kinh Thánh minh hoạ cho việc áp dụng mỗi tiêu chuẩn.

(\*) ngôn sứ (dt) } = prophète nói Lời Chúa = prophétiser  
sứ ngôn (tt) } nói tiên tri = prédire

có nhiều cơ may là đích thực hơn các lời sứ ngôn loan báo một biến cố vui. Hình như nguyên tắc được áp dụng ở đây là như sau : báo trước một biến cố thuận lợi có thể dễ dàng xuất phát từ ước muốn được lòng và ý chí vượt ve, nhằm đáp lại sự chờ đợi của các thánh giả. Mặt khác, tiên báo về một tai hoạ không phải là một lối hành xử tự nhiên. Thậm chí cả ngày nay nữa, một người lãnh đạo chính trị mà báo trước rằng rồi đây sẽ phải thất lưng buộc bụng thì ít có cơ may thắng cuộc tranh cử hoặc nổi tiếng được. Do đó mà có thể nghĩ rằng người nào nói như vậy là do thành tâm và xác tín.

2. Một lời sứ ngôn đích thực được xác thực bằng việc loan báo “những dấu chỉ” đã xảy ra thật sự. Ở đây cũng cần ghi nhận rằng động từ “nói Lời Chúa” trước hết không có nghĩa là “nói tiên tri” (tiên đoán) nhưng là làm phát ngôn viên cho một người khác. Ngôn sứ là người nói nhân danh Giêhô. Ngày nay khi chúng ta liên kết ý nghĩa của “lời tiên tri” với “lời của ngôn sứ” là chúng ta tập trung chú ý về một tính cách tùy thể của ơn gọi sứ ngôn. Nhưng chúng ta không hoàn toàn sai lầm : đúng là các ngôn sứ có những tiên đoán dù sao thì cùng trong mục đích duy nhất là xác nhận nguồn gốc thần thiêng của ơn gọi mình. Khi Đức Giêhô tuyên bố : “Còn nếu tôi làm các việc đó thì dù các ông không tin tôi ít ra cũng hãy tin các việc đó” (Ga 10,38), Ngài dựa trên “các

lời của ngôn sứ } = prophétie  
lời sứ ngôn }  
(qui định của dịch giả trong cuốn sách này)

dấu chỉ” để làm cho học thuyết và sứ mệnh của mình trở nên xác thực. Cũng vậy, khi Gioan Tẩy giả hoài nghi về tính Mê-si-a của Đức Giêsu, Ngài nhắc lại cho ông các việc Ngài đã làm, tin chắc rằng Gioan sẽ mức lấy ở đó những lý do để tin nhiệm mặc dầu ông có ngỡ ngàng về cách giảng dạy và hành động của Đức Giêsu :

*Đức Giêsu trả lời : “ Các anh cứ về thuật lại cho ông Gioan những điều mắt thấy tai nghe : người mù xem thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe Tin mừng và phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi.” (Mt 11,4-6)*

3. Còn quan trọng hơn cả tiêu chuẩn trên đây là sự trung thành với đức tin cơ bản của Ít-ra-en. Vì thậm chí cả những dấu chỉ và phép lạ thành công cũng không bảo đảm được một cách chắc chắn tính xác thực của một ngôn sứ : ma quỷ cũng có thể thực hiện những phép lạ và như chúng ta sẽ thấy trong phần thứ ba của cuốn sách này, các kinh nghiệm và biến cố đầy an ủi, vô phước thay, không hẳn là một dấu chỉ chắc chắn về sự hiện diện và ảnh hưởng của Thiên Chúa. Do đó mà Đức Giêsu cũng đã lưu ý cho thấy rằng Ngài không đến để bãi bỏ luật Mô-sê (Mạc khải) nhưng là để kiện toàn (Mt 5,17). Và chính những người Do thái, vào một thời còn rất sớm trong sự phát triển của tư duy về sự phân định, cũng đã hiểu :

*“ Nếu ở giữa người có tiên tri hay người chiêm mộng chỗi dậy và đàm hứa với người dấu lạ hay điềm thiêng, cho đi có xảy đến thực dấu lạ và điềm thiêng nó đã báo với*

*người, nhưng nếu nó nói : “ Ta hãy đi theo các thần khác - người không hề biết - và ta hãy làm tôi các ngài”, người sẽ không nghe lời của tiên tri ấy hay người chiêm mộng ấy (6)” (Đnl 13,2-3)*

Thiên Chúa trung tín không thể tự mâu thuẫn được. Mạc khải (ít là những gì chúng ta nắm bắt được) thì có khả năng tiến hoá - nhưng sự tiến hoá không bao giờ có thể đồng nghĩa với sự mâu thuẫn. Nếu vị ngôn sứ đi tới chỗ mâu thuẫn với đức tin cơ bản của Ít-ra-en hoặc của Giáo Hội, thì ông không thể do Thần Khí hướng dẫn được. Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng đối với những nhà tư tưởng tôn giáo có tính cách canh tân (như Isaia, tác giả sách Gióp hoặc cả chính Đức Giêsu nữa) khó lòng mà biết được rằng tư tưởng của họ có thật sự mâu thuẫn với Mạc khải hoặc nó chỉ đặt lại vấn đề về một quan niệm của Mạc khải được mọi người chấp nhận nhưng lệch lạc. Teilhard de Chardin và Martin Luther King là những ví dụ của thời đại !

4. Cho nên chứng tá của cuộc đời vị ngôn sứ cũng quan trọng ngang với tính vững chắc của giáo thuyết ông dạy. Guillet có một nhận xét lý thú về tiêu chuẩn của một hạnh kiểm tốt : nó có giá trị ít là về mặt trái. “ Nếu không tuyệt đối chắc chắn rằng một ngôn sứ mà cuộc sống rõ ràng vô tội tích thưởng lên tiếng nhân danh Thiên Chúa, thì ít là một cuộc đời tội lỗi thường để lộ họ là một ngôn sứ giả” (7). Tôi sợ rằng các người pha-ri-sêu lại là

(6) Guillet sdd - trích Đnl 13,2-3.

(7) Guillet sdd trang 1226.

sự minh họa cho điều vừa nói. Có thể, dưới cặp mắt của những người đương thời, đời sống luân lý và tôn giáo của họ thật sự không chê trách được. Họ là hiện thân cho một lòng đạo, một sự nhiệt tâm tôn giáo “đáng chú ý” nhưng phỉnh phờ mà cuối cùng chúng ta gọi là “pha-ri-sêu”. Nhưng ngược lại, một cuộc đời tội lỗi không bao giờ có thể là nhãn hiệu của một ngôn sứ thật cả : một Adolf Hitler quỷ quái, hoặc một Jim Jones cuồng tín (và bất luận quyền lực nào của y trên người ta hoặc trên các biến cố ở Guyane, mặt khác), không tài nào có thể là những ngôn sứ thật được.

5. Tất cả những tiêu chuẩn mà chúng ta đã xem xét qua - tai họa, dấu chỉ, học thuyết, hạnh kiểm - đều là những tiêu chuẩn thấy được và bên ngoài. Còn tiêu chuẩn thứ năm lại là chủ ý của vị ngôn sứ. Người đó (nam hoặc nữ) hành động vì muốn được tiếng tăm, thế lực hay để làm cho người ta sấm hối mà trở về với Thiên Chúa hằng sống ? Guillet nói rằng tiêu chuẩn này “khó vận dụng hơn”, theo tôi, chính vì nó ở bên trong mà không thể chỉ được đánh giá qua các hiện tượng hữu hình được mô tả trên đây.

6. Tiêu chuẩn thứ sáu và cũng là tiêu chuẩn sau cùng, cũng nội tâm như vậy được Guillet cho thấy : kinh nghiệm về chính ơn gọi của mình được vị ngôn sứ sống qua. Đối với vị này, đây là một cái gì quyết liệt và quyết định. Do đó mà hầu hết các ngôn sứ đều mô tả một thị kiến mở đầu (chẳng hạn Is 6 ; Gr 1,4-10 ; Xh 3 đối với Môsê ; Hs 1-3). Chính kinh nghiệm đã đặt họ ra riêng, đã thanh luyện miệng lưỡi họ, và biến họ thành những

phát ngôn viên của Thiên Chúa. Mặc dù kinh nghiệm ấy không được những thánh giả trực tiếp cảm nhận hoặc kiểm tra, nó vẫn là then chốt đối với bản thân các ngôn sứ. Từ lúc Thiên Chúa hằng sống xâm chiếm họ, tất cả ân ích sau đó được chu toàn trong cuộc đời của họ, đều xuất phát từ kinh nghiệm được biến đổi ban đầu ấy. Những kết quả cụ thể là hoa trái và sự xác định việc Ít-ra-en gặp gỡ Thiên Chúa hằng sống lần đầu tiên.

### *Phần kết*

Đó là sáu tiêu chuẩn của Cựu Ước để phân định tính xác thực của một ơn gọi sứ ngôn. Các tiêu chuẩn ấy giúp dân Do thái kiểm tra xem những người khẳng định việc dạy dỗ và hướng dẫn họ nhân danh Thiên Chúa có thật sự xứng đáng với danh hiệu ngôn sứ không. Mặc dù từ “phân định” chưa được dùng và tầm vóc của chính nó còn giới hạn so với tầm vóc mà Tân Ước gán cho nó (là điều mà chúng ta sẽ nghiên cứu tới đây), bảng khảo sát ngắn này về việc Ít-ra-en tiến hành nhận định đã cho phép chúng ta có được một vài nhận xét quan trọng.

Trước hết chúng ta thấy rằng Thiên Chúa ân cần theo sát tạo dựng của mình. Ngài không phải là một ông thợ đồng hồ mà sau khi đã khởi động thế giới rồi cứ để mặc cho động lực nội tại thúc đẩy. Ngài cũng không mong làm trò múa rối và vận dụng tạo dựng theo những mục đích của mình trong một hệ thống định mệnh. Trái

lại, Ngài đúng là người Cha của những đứa con thơ, nhưng không muốn những đứa con của mình muôn đời cứ mãi non nớt và lệ thuộc vào mình một cách trẻ con hoặc nô lệ. Mục tiêu của Ngài đặt ra cho Ít-ra-en và cho chính chúng ta là sự chín chắn, là việc dẫn đưa chúng ta đến một tương quan của những con người trưởng thành với Ngài, trong đó chúng ta tự cảm thấy có trách nhiệm, tương quan mà những đứa con đã đến tuổi trưởng thành thường có với cha và bạn của chúng, không được gọi chúng ta là những “tôi tớ” mà là những người “bạn”, có thể nói như vậy để tán rộng câu 15,15 của Gioan.

Kể đến, sự can thiệp của Thiên Chúa trong cuộc đời chúng ta thường tối tăm và tế nhị, khó giải thích được. Điều ấy lại càng đúng hơn nữa khi chúng ta đang bước từ thời thơ ấu sang tuổi trưởng thành. Trong vườn Địa đàng, Thánh ý Thiên Chúa đối với Adam và Eva thật rõ ràng và đơn giản mặc dù lý do không rõ lắm. Nhưng sau đó, Giavê đã chọn nói chuyện với dân Ngài qua trung gian của những con người khác hơn là nói trực tiếp như đối với cặp vợ chồng đầu tiên. Khi làm như vậy, Ngài đã cân nhắc để rời chuốc lấy nguy cơ nhìn thấy những tôi tớ này mà Ngài đã chọn, vô phước thay, hành động rất ư là con người : bóp méo lời Ngài và bất trung. Nguy cơ ấy, theo tôi, Thiên Chúa đã muốn chuốc lấy, chính vì Ngài muốn nhân loại đạt tới sự chín muồi cần thiết để có thể đưa vào cộng tác trong công trình cứu độ và cứu rỗi. Thiên Chúa đã có thể hướng dẫn lịch sử một cách hữu hiệu hơn nhiều nếu Ngài đã đặc biệt can thiệp một cách trực tiếp và “lạ lùng”. Thậm chí cả ngày nay

nữa, nhiều người đơn sơ thích Thiên Chúa sắp xếp như vậy hơn, để sẽ phải ít đòi hỏi họ hơn về mặt đức tin và chiến đấu để không cho phép người cha đưa những đứa con yêu dấu của mình đến tuổi trưởng thành.

Cuối cùng, từ những gì chúng ta vừa nói, dẫn đến hệ luận : con người trưởng thành, nam hoặc nữ, đều có trách nhiệm phê phán, phân định trong những tiếng nói hoặc những phát ngôn viên của Giavê, cái đúng cái sai và người thật người giả. Thiên Chúa thật sự chăm sóc đến cuộc đời của chúng ta, lưu tâm đến lịch sử của mỗi người - nhưng không áp đặt ý của Ngài. Và Ngài chọn hành động qua những con người có thể bóp méo hoặc suy diễn sai lời đang hướng dẫn họ.

Đối với người Do thái thời Cựu Ước, sự phân định nhằm xác định xem lời của một ngôn sứ có đích thực không. Với việc ra đời của Đức Giêsu như chúng ta sẽ thấy trong chương sau, ơn gọi sứ ngôn sẽ được hoàn thành và biến đổi. Từ đó ba nhận xét được nêu trên đây - rằng Thiên Chúa tham dự vào lịch sử của con người, rằng sự tham dự ấy thường nhiệm mầu và tối tăm, và do đó chúng ta có trách nhiệm phân định lời Ngài - sẽ phải được triển khai và soi sáng. Dầu sao thật đã rõ ràng Thiên Chúa của truyền thống Do thái giáo và Kitô giáo không phải là một ông thợ đồng hồ, cũng chẳng phải là một tên múa rối, nhưng Ngài là và muốn là người Cha của những đứa con trưởng thành. Ý muốn được thiết lập giữa chúng ta loại tương quan ấy là chính nền tảng của mọi sự phân định Kitô giáo.

### Bài thực tập

(Vì sự phân định là một nghệ thuật, mà nhờ thực hành có thể học tập được, nên khi dạy về sự phân định, theo tôi, việc kết thúc mỗi bài bằng một câu hỏi cho phép áp dụng vào cuộc sống, điều vừa được giải thích, thì thật thuận lợi. Thế nên có lẽ bạn đọc cũng sẽ thấy việc làm đó có ích chẳng, khi tiến hành đọc cuốn sách này ? Đáp án của tôi nằm ở cuối tác phẩm).

Đối với chương *Một* này, có thể suy nghĩ về câu hỏi sau đây : *Ngày nay hơn bao giờ hết, người Kitô hữu trưởng thành được mời gọi nhận ra những ngôn sứ của thời đại chúng ta và xem ai là người thật sự phát ngôn nhân danh Thiên Chúa. Trong 6 tiêu chuẩn để phân định của Cựu Ước, độc giả sẽ ưu tiên chọn những tiêu chuẩn nào để nhận ra ngày nay một ngôn sứ thật ? (có thể trả lời câu hỏi một cách tổng quát, hoặc quy chiếu vào một trường hợp ngôn sứ đương thời, đặc biệt như Ghandi, Martin Luther King hoặc Giáo hoàng Gioan XXIII).*

## 2

### Sự phân định của Đức Giêsu

#### *Đức Giêsu phân định*

#### *và là đối tượng của một sự phân định*

Chúng ta đã khám phá ra rằng những văn sĩ của Cựu Ước dần dần đi vào trong một sự hiểu biết về Thiên Chúa và về con người, kéo theo nhu cầu phân định. Thiên Chúa của Ít-ra-en lưu tâm đến lịch sử của tạo dựng mình. Ngài không phải là một Thiên Chúa, thợ đồng hồ “chế tạo” ra con người và sự vật rồi buông thõng để mặc chúng cho các định luật và phương tiện của bản thân. Thêm vào đó, hoạt động của Ngài lại mâu nhiệm và kín ẩn, để chỗ cho sự tự do của con người và tự bộc lộ qua những trung gian loài người có thể bóp méo hoặc gây nhiễu sứ điệp của Ngài khi truyền đạt lại. Sau cùng, hình như còn cả những tiếng nói khác, những “tinh thần” khác cũng tra tay làm việc, cạnh tranh với Giavê và toan đánh lạc dân Ngài bằng cách nhại tiếng nói của Ngài. Do chính sự mù tối này mà nhân loại được mời gọi sống trong đức tin chứ không phải trong một thị kiến rõ ràng : con người buộc phải suy nghĩ tìm ra Thánh ý Thiên Chúa cho chính mình, tiến hành một sự lựa chọn

không trách cứ ông điều gì, cũng không có ý nghĩa gì cả, nếu chẳng là tâm trí con người không thể hiểu được những phán quyết của Thiên Chúa.

Tác giả của sách Gióp sử dụng cuộc tranh luận này để nói lên sự bất đồng với ý kiến của những người đương thời về cách Thiên Chúa xử sự với con người. Qua nhân vật Gióp, ông quả quyết không thể chấp nhận được một Thiên Chúa độc tài và thất thường như thế. Thiên Chúa của các bạn Gióp có lẽ cũng không phải tay múa rối nữa vì Gióp vẫn tự do để tuân phục hoặc tiếp tục bướng bỉnh ngoan cố. Nhưng hình ảnh người ta phác lên về Ngài là một ông vua chuyên chế hoặc một ông bố của những đứa con nhỏ : chúng ta không phải tranh luận về cách lối Thiên Chúa hành động nơi con người vì Ngài vượt xa chúng ta về trí tuệ và quyền năng. Chúng ta không cần hiểu mà chỉ việc chấp nhận và khuất phục.

Có lẽ có một điều mà độc giả đã ghi nhận : hình ảnh đó về Thiên Chúa mà Gióp và tác giả của nhân vật Gióp bác bỏ, thì không xa với ý niệm mà nhiều Kitô hữu còn giữ lại về Ngài. Thậm chí hình ảnh (ý niệm) đó còn được một vài trào lưu phê chuẩn, trong đó sự tiền định là thành phần của truyền thống được chuyển giao, chẳng hạn bởi Calvin, và John Knox, đối với họ, Thiên Chúa nhất định thực hiện Thánh Ý Ngài, giữa loài người, một cách không lay chuyển. Và trong truyền thống của Lutêrô, có cả một phong trào trong đó ngày càng lộ rõ ý tưởng rằng các sự việc càng có vẻ phi lý trước mắt loài người thì chúng càng có cơ may phù hợp với Thánh Ý Thiên Chúa “*vì cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái*

giữa bao nhiêu là cảm hứng và lời sứ ngôn tự cho là từ Thiên Chúa mà đến. Tất một lời và mặc dù động từ này chưa được sử dụng, họ cần phải *phân định*.

### *Một người cha của những đứa con trưởng thành*

Sự mời gọi đi tới việc phân định là thiết thực, tuy nhiên sự hiểu biết về Thiên Chúa của người Do thái còn trung bình chưa tiến hoá đủ (so với Tân Ước) để có được một sự khai triển đầy đủ về khái niệm phân định. Vẫn còn một cái gì máy móc tự động đó trong cách lối người Do thái thời Cựu Ước đọc đoán về những chủ ý của Thiên Chúa. Tôi muốn nói rằng những dấu chỉ bên ngoài và tiếng nói của quyền bính vẫn quan trọng hơn các sự linh ứng từ nội tâm đến. Có lẽ cuốn sách của Gióp là ví dụ điển hình nhất về vấn đề này được đặt ra cho Ít-ra-en : Gióp đau khổ, như vậy là do Gióp đã phạm tội nên ông phải ăn năn sám hối. Theo ý kiến của bạn bè ông, đại biểu cho nền thần học Do thái chính thống thời đó, những tai hoạ bên ngoài mà Gióp đang phải gánh chịu cho thấy rõ ràng là Thiên Chúa không bằng lòng về ông. Khi ông phản đối bảo rằng lương tâm ông không trách cứ mình điều gì và rằng do đó ông không thể nào ăn năn sám hối về một điều mà ông không biết, bạn bè cho rằng việc kháng cự của ông là sự ngoan cố và kiêu căng. Nếu ông đau khổ là vì ông đã phạm tội ; và giải pháp duy nhất là ăn năn sám hối về điều xúc phạm đến Giavê bất luận là điều gì. Rằng lương tâm của Gióp

*khôn ngoan của loài người và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người” (1 Cr 1,25).*

Vậy mà ý niệm về Thiên Chúa ấy nơi bạn bè của Gióp, chúng ta thường thấy hiện diện một cách mặc nhiên, đến cả trong các truyền thống Kitô giáo đang đặt nặng vấn đề tự do của con người và trách nhiệm cá nhân. Dù sao chăng nữa, câu trích trên đây là của Phaolô và là thành phần của Mạc Khải Thánh Kinh ; tiếp theo sau là hai mươi hai câu trong đó Phaolô mạnh mẽ đối lập triết lý của con người với sự khôn ngoan của thập giá. Thế nên mỗi môn đệ của Đấng bị đóng đinh đều phải nhìn nhận rằng đường lối của Thiên Chúa không tự nhiên đối với chúng ta. Vấn đề được đặt ra, dĩ nhiên là cần biết rằng nói vậy có nghĩa là đường lối của Thiên Chúa đối lập với sự hiểu biết của con người hay đúng hơn vượt lên trên sự hiểu biết của con người chăng.

Lẽ nào Thiên Chúa lại có thể vẽ một vòng tròn vuông ? Đối với thánh Tôma, người tỉnh A-ki-nô và những ai cùng với ông nhìn thấy nơi trí tuệ loài người một sự tham dự vào trí tuệ của Thiên Chúa, được ban qua việc tạo dựng, câu trả lời phải là “không”. Điều gì là mâu thuẫn với những đầu óc được tạo dựng của chúng ta thì không thể được Thần Khí biến đổi được, Ngài, Đấng mà chúng ta tham dự vào sự khôn ngoan. Chúng ta có thể lầm tưởng, dĩ nhiên. Chúng ta có thể sử dụng lý trí của mình một cách sai lệch và rút ra những hệ luận không chính xác. Nhưng trong chừng mực chúng ta thật sự sử dụng trí tuệ của mình một cách ngay ngắn, thì không bao giờ chúng ta lại đi đến những kết luận mâu

thuẫn với sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Mặt khác, có thể là triết lý của chúng ta không với tới nổi (hoặc đúng hơn sẽ không với tới một cách chắc chắn) chân lý toàn diện và thậm chí còn xa nữa là khác. Nhất định, sự khôn ngoan của Thiên Chúa sẽ vượt lên trên - sẽ vượt xa - những gì chúng ta có khả năng nắm bắt về mặt con người. Một người đắm mình trong sự khôn ngoan của Thập giá có thể nhận thấy rằng rốt cuộc thì Thập giá là giải pháp duy nhất. Để mặc cho bản tính tự nhiên của mình, cũng con người ấy sẽ không bao giờ khám phá được con đường Thập giá, nhưng ngay khi con đường ấy được mạc khải và mạc khải ấy đã trở thành bộ phận của chính mình, chúng ta thấy rằng nó không mâu thuẫn với triết lý của chúng ta mặc dù nó nở rộng những chân trời của chúng ta một cách vô cùng và vượt xa tất cả những gì triết lý của chúng ta có thể tưởng tượng được.

Biện luận chúng ta đưa ra ở đây có vẻ hơi “khó tiêu” đấy, nhưng tôi mong rằng độc giả sẽ có sự kiên nhẫn đọc lại và tiêu hoá vậy. Vì có một quan điểm khác mang những nội hàm có tính cách định mệnh tức là nghĩ rằng Thiên Chúa có thể vẽ một vòng tròn vuông, rằng Ngài làm được mọi sự thậm chí cả những gì là mâu thuẫn đối với chúng ta, và chúng ta không thể đặt giới hạn hợp lý cho những điều Ngài có thể làm. Nếu thật sự là vậy, tôi sợ rằng chúng ta chẳng bao giờ có thể gạt bỏ hình ảnh của một ông vua chuyên chế hoặc một ông bố của những đứa con thơ ả. Và kết quả là mọi sự phân định thật trở nên bất khả thi. Nhiều người vì không bao giờ suy nghĩ về những ý niệm cơ bản nên vận hành từ một



vũ trụ quan như thế đó. Không ít người trong số đó lại có cảm tưởng không thể thật sự tự do, thật sự là con người được nếu chẳng là bằng cách loại trừ Thiên Chúa khỏi đời họ : một Thiên Chúa mà như Sartre cảm nhận là một mối đe dọa cho sự triển nở toàn diện của con người họ. Nhiều người khác mong ước sâu xa một cuộc sống tôn giáo và kết hiệp với Thiên Chúa thì có cảm tưởng chỉ đạt tới được khi đánh mất đi cá tính của mình.

Hai phản ứng đó - sự loại trừ và sự tuân phục nô lệ - đều xuất phát từ một Thiên Chúa được quan niệm như rất đòi hỏi và nếu có thể nói là bất nhân. Chủ nghĩa hiện sinh của Sartre đã phổ biến trong toàn thế quần chúng ý tưởng rằng cần phải tống khứ Thiên Chúa ra khỏi lịch sử, để con người có thể hoàn toàn là người và rằng con người chỉ có thể tự do và có trách nhiệm bằng cách loại trừ Thiên Chúa đang bóp nghẹt và đẩy mình vào tình trạng của một đứa bé không tự phòng vệ được. Nhưng để cho phản ứng đó được phổ biến rộng rãi như vậy, thì Thiên Chúa của những tín hữu hẳn đã phải xử sự như vậy đối với những người sùng đạo. Và quá thường xuyên cảm tưởng đó lại được biện bạch ; chẳng hạn những méo mó về cách quan niệm đời sống chung và đức vâng lời trong các dòng tu đã đưa tới kết quả là bảo vệ sự triệt hạ của nhân cách.

Thánh Biển Đức đã đưa đời sống cộng đoàn vào đời tu để sửa chữa một chủ nghĩa cá nhân thái quá được một vài linh đạo của sa mạc làm nảy sinh. Thánh nhân có cảm tưởng rằng, sau nhiều năm sống đời ẩn sĩ, người ta sẽ không nên thánh do thực hành tối đa việc cầu

nguyện và hãm mình mà là bằng cách sống đời thường trong cộng đoàn với tấm lòng đầy yêu thương. Đó chính là cuộc sống bình thường : việc thánh hoá cái tâm thường (8). Nhưng với thời gian, qua bao thế kỷ, kể cả thế kỷ của chúng ta, lý tưởng ấy của đời sống cộng đoàn đã bị bóp méo và rốt cuộc chỉ còn gợi nhắc đến “một đường chỉ đen” không mặt mũi màu sắc gì, nơi mà lý tưởng được nhắm tới là đánh mất đi khả năng phân biệt một nữ tu này với một nữ tu khác và nơi mà luật lệ đối với một linh mục tốt là cử hành thánh lễ (như chính tôi cũng đã học được cách đây chỉ có hai chục năm) cách nào mà khi rời khỏi bàn thờ, không một tín hữu nào nhận ra căn tính của ông cả. Thời nay, những thái cử như vậy có vẻ kỳ cục và những ví dụ đan cử thì thái quá, đối với chúng ta là những người đặt nặng tính duy nhất của nhân cách, của những nhu cầu tâm lý và xúc cảm riêng nơi mỗi người, và cảm thấy rất mạnh sự cần thiết biến mỗi cử hành phụng vụ thành một kinh nghiệm mang tính con người và mang tính cộng đoàn. Kỳ cục thì có kỳ cục thật đấy, nhưng các ví dụ lại chẳng có gì là quá đáng đâu, và rất nhiều người trong chúng ta còn mang cả tì vết sau khi đã được uốn nắn, hoặc bị bóp méo trong một truyền thống về đời sống cộng đoàn xơ cứng và dễ làm mất đi chiều kích cá tính.

(8) *George Lane, dòng Tên, trong Linh đạo Kitô giáo (được nhà xuất bản của Trường Đại học Loyola tái bản, 1984) đã tóm gọn rất hay những giai đoạn phát triển của linh đạo Kitô giáo. Cũng rất hay việc nghiên cứu chi tiết hơn của Jordan Aumann, o.p. Lịch sử của linh đạo (Manille, Nxb thánh Phaolô 1979)*

Đức vâng lời cũng đã trải qua một sự tiến hoá tương tự : trong cuộc đời của Đức Giêsu, nó là một sự say mê thiếu đối đối với Cha và Thánh Ý của Cha Ngài ; nhưng trong tu hội, đức vâng lời có thể trở thành một sự tuân phục tối mật, thiếu suy nghĩ và thậm chí cả máy móc nữa đối với mọi cấp quyền bính quyết định nhân danh Thiên Chúa. Thánh I-nhà-xiô đệ Lôyôla trong bức thư nổi tiếng của Ngài về đức vâng lời đã đề cao “sự vâng lời tối mật”, nhưng coi nó như kết quả của một tiến trình đối thoại và phân định lâu dài giữa người bề trên và đương sự. Thánh Têrêxa thành Avila trong *Lâu đài nội tâm* (Ngôi nhà thứ năm, chương 3) nói rằng “sự kết hợp của các ý chí” là cách kết hợp duy nhất cần thiết cho sự thánh thiện của bà. Nhưng Têrêxa là người phụ nữ cương nghị và sáng suốt nhất, và sự kết hợp các ý chí mà thánh nhân đặt ở trung tâm sự thánh thiện, lại nhằm kết hợp Thánh Ý Thiên Chúa với ý chí của một con người đầy say mê, năng động và tràn trề sức sống. Đó chính là “tính nội tâm đầy đam mê” mà Kierkegaard đề cập tới. Đối với I-nhà-xiô, Têrêxa và Kierkegaard, người ta không nên thánh bằng cách tự biến mình thành người máy, nhưng bằng cách tận dụng hết tất cả tiềm năng trong nhân cách của mình và để thay đổi hình ảnh, đồng thời dồn hết tiềm năng ấy về một mối tình cũng như về việc phục vụ Thiên Chúa, từ đó thiếu đối tất cả những gì còn lại.

Vô phước thay, nhưng có lẽ là điều không tránh được, lý tưởng về sự tuân phục cũng như về đời sống cộng đoàn đã bị bóp méo nghiêm trọng qua các thế kỷ.

Sự vâng phục tối mật thường được hiểu và sử dụng như phương tiện làm thui chột, đến chấm dứt mọi câu hỏi cũng như mọi sáng kiến cá nhân. Đặt vấn đề hay gợi ý các giai đoạn tiến hành được I-nhà-xiô coi như chính yếu của thời kỳ phân định trong đức vâng lời, ngược lại được coi như kém đức tính. Sự vâng phục “tối mật” mà I-nhà-xiô khuyên nhủ ở cuối tiến trình (như là thái độ lý tưởng khi đối với tôi rõ ràng Thánh Ý Thiên Chúa lại đối ngược với cách tôi hiểu về sự việc) thì ngược lại, trở nên điểm xuất phát của tiến trình. Trong vườn Cây Dầu, khi Đức Giêsu tuyên bố “Cha ơi ! Xin đừng theo ý con mà xin theo ý Cha”, thì trước đó Ngài đã đối thoại với Cha và đã tự do nói lên điều mà xét theo con người Ngài ước mong. Chắc hẳn là Ngài đã “tối mật” buông thác cho những gì Cha muốn, nhưng chỉ sau khi đã ba lần trong lời nguyện cầu xin Cha tìm một giải pháp “tốt hơn”, và sau khi Thập giá được coi như con đường được Cha đề nghị, một cách rõ ràng nhưng không được giải thích.

Như việc quy chiếu với giai đoạn trong vườn Cây Dầu cho thấy, tôi nghĩ rằng quan niệm xơ cứng về đức vâng lời và đời sống cộng đoàn, thật xa cái nhìn của Thiên Chúa và của con người được chứa đựng trong Tân Ước. Phản ứng của Sartre bằng “cái chết của Thiên Chúa” có lẽ là chính đáng khi nó nhắm một tôn giáo được thể chế hoá. Vậy mà Đức Giêsu trong những lần tranh luận với những người pha-ri-sêu (chẳng hạn Ga 5,7 và 8), tuyên bố rằng một tôn giáo như thế thì rất xa với thực tại Ngài biết, mà Ngài đến mạc khải. Trước mắt Ngài, chủ nghĩa hình thức của sự vâng phục và sự cứng

nhắc trong kỷ luật nơi người pha-ri-sêu là bấy nhiêu cách bóp méo Mạc Khải của Cựu Ước (Mt 15,1-20). Đối với Ngài, tôn giáo là nội tâm (Mt 6,1-18) và Thiên Chúa là “Cha” (Mt 6,2,9,14,15...) một người Cha mà tương quan của Ngài là tương quan của người con trưởng thành và Ngài dạy cho chúng ta cũng phải có một tương quan như thế (xem lời nguyện tứ tế trong Ga 17 và khi Ngài ca ngợi Gioan Tẩy giả trong Mt 11,2-19).

### *Sự phân định từng trải và có suy nghĩ*

Cho nên ba điểm mà chúng ta thấy xuất hiện trong Mạc Khải của Cựu Ước - Thiên Chúa hoạt động trong lịch sử của chúng ta, con người trưởng thành và có trách nhiệm trước mặt Thiên Chúa và tầm quan trọng mà nó kéo theo về sự phân định cho một đời sống tương quan đích thực với Thiên Chúa - được cụ thể hoá một cách sâu xa và đầy đủ hơn nơi cuộc đời và lời giảng dạy của Đức Giêsu. Chúng ta đã có một phác hoạ tuyệt vời trong các sách Tin mừng cũng như trong các thánh thư : sự phân định là minh nhiên rõ ràng ở các thánh thư vì một lý thuyết đã được dàn dựng trong các thư của Gioan và Phaolô ; lý thuyết đã vắng bóng trong các sách Tin mừng nhưng ở đây sự phân định đã được thực hành mặc dù từ này không được sử dụng. Guillet trình bày sự tương phản ấy như sau :

*“Từ ngữ “**ơn phân định các loại tinh thần**” (\*) đã có mặt trong các thư (1 Cr 12,10 ; 1 Ga 4,1) nhưng không thấy trong các sách Tin mừng, không phải là các sách này không biết đến : các sách này chú tâm hoàn toàn vào việc thuật lại những lời lẽ và hành động của Đức Giêsu, nên không màng đến việc soạn thảo ra một học thuyết. Trái lại, đối diện với những vấn đề được đặt ra trong các giáo đoàn, các thánh thư dành nhiều chỗ hơn cho các nguyên tắc và lý thuyết. Có thể nói một cách nôm na rằng việc phân định các loại tinh thần, đã được sống trong các sách Tin mừng và đã được tư duy trong các Thánh thư.” (9)*

Kinh nghiệm phân định đã được biết qua trong các sách Tin mừng, càng đáng lưu ý hơn nữa khi chúng ta thấy kinh nghiệm ấy được tiến hành theo hai chiều : Đức Giêsu phân định về căn tính và sứ mạng của mình ; về phía mình, các môn đệ phân định tiếng gọi họ đón nhận từ phía Đức Giêsu đồng thời cả căn cước và sứ

*(\*) Cuốn Tân Ước của PVCGK dịch là “**ơn phân định Thần Khí**”, nhưng ở đây xin dịch “**sự phân định các loại tinh thần**” (le discernement des esprits), có lẽ cũng đúng với mạch văn của I-nha-xiô hơn. Thánh nhân phân biệt :*

- tinh thần tốt (Thần Khí)*
- tinh thần xấu (ma quỷ - thể gian - xác thịt)*

*Có những cuốn sách khác lại phân biệt 3 loại tinh thần :*

- Thần Khí*
- Ma quỷ*
- Tinh thần của con người*

*(Chú thích của dịch giả)*

*Guillet, sđd, trang 1231.*

mệnh của Ngài trong mối liên hệ với chính cuộc đời của họ. Guillet gọi sự phân định thứ nhất là “không sai lầm”, cái thứ hai là “mò mẫm” :

*“Thật vậy, khi xuất hiện Đức Giêsu tức khắc buộc những ai Ngài gặp phải đặt câu hỏi để biết Ngài từ đâu đến, tinh thần nào đang hướng dẫn Ngài, quyền năng Ngài có. Các sách Tin mừng Nhất lãm giới thiệu Mạc Khải như cuộc gặp gỡ giữa hai tiến trình, và có thể nói, của hai sự phân định. Một bên sự phân định không sai lầm của Đức Giêsu về bản thể và sứ mệnh của Ngài tại thế. Bên kia sự phân định đầy mò mẫm, bị công kích, đôi khi mù quáng hoặc bị tê liệt mà Ngài đến làm cho chuyển động, soi sáng hoặc nâng đỡ, nơi những ai chấp nhận tiếp đón Ngài. Tất cả công việc của Ngài là đánh thức nơi loài người cái nhìn, mà trong đức tin, rốt cuộc phân định được bí quyết của con người và sứ mệnh của Ngài.” (10)*

### *Đức Giêsu phân định*

Mỗi sự phân định trên đây, sự phân định của Đức Giêsu và sự phân định nơi những môn đệ đầu tiên của Ngài, giúp chúng ta hiểu ý nghĩa và tầm quan trọng của sự phân định trong cuộc đời chúng ta. Trước hết Đức Giêsu phân định “một cách chắc chắn”. Việc Lm.Guillet xích lại gần hai khái niệm “không sai lầm” và “phân

(10) Guillet, *sdd*, trang 1232 và 1233.

định” khi nói về Đức Giêsu thì hoàn toàn lạ lùng. Các bạn hãy nhớ lại rằng chúng ta đã chỉ cho thấy là việc phân định giả thiết sự mập mờ tối tăm và bất định trong những gì thật sự Thiên Chúa đã muốn nói với chúng ta. Linh mục E.Malatesta, dòng Tên, đã định nghĩa sự phân định như sau :

*“Qua từ “phân định Thần Khí”, người ta hiểu đó là tiến trình bởi đó chúng ta xem xét, dưới ánh sáng của đức tin và trong độ tương hợp của đức ái, bản chất của những tâm trạng thiêng liêng mà chúng ta cảm thấy nơi chính mình và được người khác cảm nhận. Mục đích của việc xem xét ấy là xác định, trong chừng mực có thể được, đâu là những tâm trạng đưa dẫn chúng ta đến với Thiên Chúa để phục vụ Ngài và anh em trong một sự toàn thiện lớn hơn, và đâu là những tâm trạng đưa đẩy chúng ta đi xa mục đích đó.” (11)*

Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này một cách chi tiết hơn trong phần hai, về ý nghĩa cần hiểu cho tổ hợp từ “các loại tinh thần” (sự phân định thiêng liêng, ơn phân định Thần Khí). Hiện nay chúng ta hãy ghi nhận rằng có

(11) “*Sự phân định Thần Khí*” của Guillet. Thành ngữ “*sự tương hợp của đức ái*” là một di sản quý hoá của truyền thống kinh viện trong khoa thần học. Nó liên quan đến một sự hiểu biết không xuất phát từ lý luận hoặc phân tích mà là từ một kinh nghiệm lâu dài chung sống với Đấng mình yêu mến. Đó chính là sự hiểu biết mà một phụ nữ thường viện đến khi quả quyết : “*Tôi biết chồng tôi, không bao giờ anh ấy có thể hành động một cách âm mưu cả.*”

những “tinh thần” khác nhau đang tra tay làm việc, những cảm hứng mâu thuẫn có vẻ từ Thiên Chúa mà đến. Cho nên sự phân định giả thiết là trước đó chúng ta đã trải qua một sự tối tăm, một sự “mập mờ đánh lộn con đen”. Nếu tiếng nói và Thánh Ý Thiên Chúa hoàn toàn rõ ràng rồi thì đâu có gì để phân định nữa.

Thế nên để trở lại với Đức Giêsu, nói rằng sự phân định của Ngài bất khả ngộ là một lời khẳng định gây bối rối. Nếu hiểu, như nói chung người ta thường nghĩ, rằng tất cả đều tỏ tường đối với Ngài ngay từ bước đầu - rằng ngay từ bụng mẹ Ngài đã ý thức trong lương tâm con người của mình, một cách rõ ràng và đầy đủ, Ngài là ai cũng như điều gì Ngài phải chu toàn và chịu đựng - thì khó lòng thấy được làm sao còn có thể nói đến sự phân định nữa trong trường hợp của Ngài. Ngài còn phân định điều gì nữa nếu Thánh ý Thiên Chúa lúc nào cũng hiển nhiên đối với Ngài ? Còn chỗ nào đâu cho sự tối tăm và “nhập nhằng” nữa ?

Người ta cũng có thể phủ định một cách đơn giản rằng Đức Giêsu đã phải tiến hành phân định. Có lẽ Lm. Guillet đã sử dụng từ “phân định” một cách phỏng chừng và sai lầm chẳng khi đem áp dụng cho Đức Giêsu ? Vậy mà nếu đúng rằng hình ảnh thường có và “hợp với truyền thống” mà hầu như tất cả chúng ta đều hình dung, là, trong nhân tính của mình, Đức Giêsu biết hết mọi sự và không hề bao giờ có chút nghi ngờ nào hoặc không bao giờ phải chiến đấu như chúng ta, tôi dám quả quyết là điều ấy sai và không khớp với những gì Kinh Thánh nói về kinh nghiệm làm người của Ngài.

Mat-thêu (4,1-11) và Lu-ca (4,1-13), cả hai đều mô tả Đức Giêsu đã chịu ba cơn cám dỗ trong sa mạc trước khi bắt đầu đời sống công khai của mình. Những đoạn ấy đặc biệt thật hay vì chúng giới thiệu Ngài như Mô-sê mới hoặc Ít-ra-en mới. Mỗi lần bị Xa-tan cám dỗ, Ngài trích các đoạn của sách Đệ nhị luật trong đó Mô-sê nhắc lại cho con cái Ít-ra-en tất cả những lỗi lầm họ đã phạm rờng rã các năm ở trong sa mạc, và ra lệnh cho họ cần tránh xa trong tương lai những cám dỗ của ma quỷ. Đức Giêsu là Ít-ra-en mới : ở những điểm nào Ít-ra-en đã tỏ ra bất trung với Giavê thì Đức Giêsu, Ngài đã thắng Xa-tan. Và nhờ chiến thắng của Ngài mà dân được chuộc tội. Đoạn này mang tính biểu tượng cao, và do đó người ta có thể có xu hướng nói rằng từ “cám dỗ” không thể áp dụng theo nghĩa đen cho kinh nghiệm của Đức Giêsu. Vậy mà tác giả thư gửi Do thái tuyên bố một cách hoàn toàn rõ ràng rằng :

*“Chúng ta có một vị Thượng tế siêu phàm đã băng qua các tầng trời là Đức Giêsu, Con Thiên Chúa. Vậy chúng ta hãy giữ vững lời tuyên xưng đức tin. Vị Thượng tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của ta vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội. Bởi thế ta hãy mạnh dạn tiến lại gần ngài Thiên Chúa là nguồn ân sủng, để được xót thương và lãnh ơn trợ giúp mỗi khi cần” (Dt 4,14-16).*

Đối với tác giả của bức thư này, điều đặt nền tảng cho lòng tin nhiệm và niềm hy vọng của chúng ta chính

như mọi người thương mến” (2,52). Thật khó lòng mà hình dung làm sao một con người đã biết hết tất cả mọi sự từ đầu, lại còn có thể khôn lớn được nữa. Hoặc nữa, để chỉ trích dẫn một vài đoạn đặc thù nhất, Mt 26,36-46 mô tả Đức Giêsu trong Vườn Cây Dầu buồn rầu xao xuyên. Ba lần Ngài cầu xin Cha : “Cha ơi ! Nếu được xin cho chén này rời khỏi con, nhưng đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha”. Và trong Tin mừng Gio-an, Đức Giêsu tuyên bố :

*“Bây giờ, tâm hồn Thầy xao xuyên  
Thầy biết nói gì đây ?  
Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này  
Nhưng chính vì giờ này mà con đã đến  
Lạy Cha ! Xin tôn vinh danh Cha.”*  
(Ga 12,27)

(Đây cũng chỉ là một cách nói khác về cuộc khủng hoảng Ngài trải qua trong Vườn Cây Dầu).

Thật vậy, có thể nói là Tin mừng Gio-an mang tính “thần thiêng” nhất trong bốn Tin mừng, tuy nhiên thậm chí cả trong Gio-an nữa, người ta vẫn tìm thấy những đoạn cho thấy rằng Đức Giêsu ý thức dần về căn tính và sứ mệnh của mình.

Hiện nay và đối với người trẻ, hình ảnh về một Đức Giêsu gần gũi với kinh nghiệm loài người có vẻ như bình thường. Nhưng đối với những ai trông chúng ta lớn lên ở một thời kỳ xa xưa hơn thì hình ảnh đó hơi “chương tai gai mắt”. Mặc dầu Giáo Hội, trong những tài liệu chính thức của mình, đã tỏ ra hà tiện một cách là

là Đức Giêsu, vị Thượng tế của chúng ta, cũng đã bị cám dỗ như chúng ta. Tác giả tiếp tục và nói rằng Đức Giêsu, như mọi vị thượng tế “có khả năng cảm thông với những kẻ ngu muội và những kẻ lầm lạc, bởi vì chính Người cũng đầy yếu đuối” (5,2). Thật vậy, khó lòng mà biết được một cách chính xác làm sao tác giả áp dụng điều ấy cho Đức Giêsu, Đấng không hề phạm tội, tuy nhiên xa hơn, Phaolô lại nói : “Dầu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục ; và khi chính bản thân đã tới mức thập toàn, Người trở nên nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu” (5,8-9). Chính những câu trích này đã đưa đẩy tôi trên đây xem xét sự kiện rằng Đức Giêsu đã nếm trải sự cám dỗ. Thật vậy, có thể nào bị cám dỗ nếu tất cả đều rõ ràng ? Hình như là không. Trên trời chẳng còn sự cám dỗ nào nữa, vì thật là ngu ngốc về phía ma quỷ, ai lại đi cám dỗ những người đã hưởng kiến Nhan Thiên Chúa, diện đối diện bao giờ. Hoặc làm sao nó có thể phỉnh gạt được những ai đã nhìn thấy tất cả trong sự hưởng kiến ? Hình như sự ngu muội và lầm lạc mà bức thư nói đến (5,2) không thể thiếu được để một người bị cám dỗ hoặc có thể bị cám dỗ.

Áp dụng điều đó cho Đức Giêsu có vẻ lạ lùng, dù có tính đến chẳng nữa những đoạn trong các sách Tin mừng hoặc của thư gửi Do thái mà chúng ta vừa trích dẫn. Nhưng cũng rất nhiều đoạn Kinh Thánh phác họa Đức Giêsu ấy “rất là người”. Lu-ca viết rằng sau khi gặp lại cha mẹ trong Đền thờ, trẻ Giêsu trở về Na-da-rét với họ và ở đó “ngày càng khôn lớn, được Thiên Chúa cũng

lòng đối với những bình luận về lương tâm con người của Đức Giêsu, đối với số đông, chúng ta lại có thói quen nghĩ đến Ngài và tin vào Ngài như một người rất khác lạ và hơn hẳn chúng ta rất xa. Nói rằng Ngài đã phải học hành như chúng ta, bị cám dỗ như chúng ta và một cách nào đó đã sống đức tin trong tâm tối y như chúng ta, bấy nhiêu điều có vẻ như không ăn khớp được với đức tin của chúng ta nơi thần tính của Ngài. Nếu đọc chương 4 của thư gửi Do thái theo cốt chữ, người ta đã chẳng phải đi đến kết luận rằng Đức Giêsu chỉ có thiên tính vào cuối đời làm người của mình thôi đó sao? Hoặc tệ hơn nữa, rằng Ngài chẳng có thiên tính chút nào mà chỉ là một siêu nhân đó thôi ư?

Hai quan điểm ấy rõ ràng đi ngược lại với đức tin của Giáo Hội. Chúng ta không thể nói Đức Giêsu chỉ là người, cũng không thể nói Ngài đã trở nên Thiên Chúa một cách tiệm tự được. Vậy thì, vì chúng ta tuyên bố Ngài sống trong sự mù tối của đức tin và cũng bị cám dỗ y như chúng ta, chúng ta phải hiểu làm sao lời khẳng định ấy mà đồng thời duy trì được thiên tính của Đức Kitô? Sự so sánh sau đây theo tôi là hữu ích. Khi thái tử Charles của Anh quốc và công chúa Diana sinh một đứa con trai, hoàng tử bé bỏng ấy chiếm vị trí thứ hai trong việc nối ngôi, ngay sau bố của nó. Nghĩa là nếu hoàng hậu Elisabeth và thái tử Charles qua đời thì hoàng tử William sẽ làm vua. Cậu bé hiện nay có thể chưa ý thức hoàn toàn về căn tính vua chúa của mình, tuy vậy, cậu vẫn là người thừa kế nối ngôi. Khi lớn lên, càng ngày cậu bé càng ý thức hơn. Rồi đây sẽ cảm thấy rằng mình

khác bạn bè cùng vui đùa với mình. Sau nữa rằng mình là người thừa kế nối nghiệp và mang dòng máu vua chúa. Ở tuổi hai mươi cậu thanh niên sẽ hiểu khá hơn ý nghĩa của sự việc ấy. Ở tuổi ba mươi, sẽ hiểu hơn một chút nữa. Không phải căn tính của cậu bé đã thay đổi đâu nhưng là sự nhận thức và hiểu biết. Ngay khi sinh ra cậu bé đã là dòng dõi vua chúa và là thái tử thừa kế nối nghiệp. Nhưng chỉ qua thời gian cậu mới thật sự ý thức về căn cước dòng họ vua chúa của mình.

Tôi thiết nghĩ rằng tình trạng của Đức Giêsu có thể so sánh với tình trạng của thái tử William. Từ khi Nhập thể, như đức tin của chúng ta khẳng định một cách rõ ràng, Ngài thật sự đã là Con Thiên Chúa và đồng thời con của Đức Maria. Nhưng Kinh Thánh nói rõ là Ngài đã bị cám dỗ như chúng ta, Ngài đã phải khôn lớn, và đã đau khổ mà học vâng lời. Ngược với thái tử William, Đức Giêsu vừa có một nhận thức từ thiên tính và một nhận thức về phía nhân tính của Ngài; và trong sự nhận thức của thiên tính, mọi chân lý từ đời đời đã được Ngài nắm bắt đầy đủ. Tuy vậy trong sự nhận thức của nhân tính, Ngài đã phải khôn lớn dần và khám phá mọi sự theo kiểu của chúng ta, theo kiểu mà thái tử William đã phải làm. Rằng Đức Giêsu vừa có một nhận thức đầy đủ của Thiên Chúa và của loài người là một điều hết sức màu nhiệm. Không bao giờ chúng ta có thể nắm bắt bằng lý trí một sự kết hợp thể đó được. Nhưng chúng ta không thể giải quyết màu nhiệm bằng cách phủ nhận một trong hai chân lý được mạc khải này. Đức Giêsu là Thiên Chúa thật đồng thời là người thật và thiên tính của

Ngài không nuốt chửng và không thể nuốt chửng được nhân tính của Ngài. Trong tư cách là con người Ngài đã khôn lớn, đã học hỏi và đã bị cám dỗ. Trong chừng mực mà sự so sánh với thái tử William có giá trị, có thể nói là qua quá trình rất là người đó mà một cách tiệm tự Đức Giêsu đã đạt tới việc chiếm hữu đầy đủ và ý thức về thiên tính của mình, việc nhận thức hoàn toàn mình là ai từ muôn đời.

Theo ý nghĩa đó, có thể hiểu được làm sao Guillet có thể tuyên bố rằng Đức Giêsu đã có sự phân định thật sự. Nhưng cũng rõ ràng không kém là Đức Giêsu của các sách Tin mừng cũng có cái gì khác đó. Trong một vài đoạn, các thánh sử cho chúng ta thấy rằng Ngài có một ý thức duy nhất, không suy suyển về căn tính và sứ mệnh của mình : chẳng hạn khi Ngài đối đầu với những người pha-ri-sêu (Ga 5,7,8), hoặc trong bài diễn văn cuối cùng ngỏ với các tông đồ (Ga 13,31 ; 16,33) hoặc nữa trong lời nguyện tư tế, nói với Cha Ngài (Ga 17). Mặc dù dễ thấy hơn trong Tin mừng Gio-an, sức mạnh và sự chắc chắn thật duy nhất đó cũng được gặp thấy trong các Tin mừng Nhất lãm (chẳng hạn Mc 7 ; Mt 11 ; Lc 9). Theo tôi, chúng ta đang nắm được yếu tố biện minh cho việc Lm.Guillet phân biệt giữa sự phân định “không sai lầm” của Đức Giêsu và sự phân định “mò mẫm” của chúng ta. Nếu sự phân định của Đức Giêsu liên quan đến căn tính và sứ mệnh của Ngài thật sự là một sự phân định nghĩa là nó đã diễn ra trong tối tăm và phát triển một cách tiệm tự, thì không phải vì

vậy mà sự phân định ấy lại kém chắc chắn theo ý nghĩa là “không lầm đường lạc lối”.

Tính bất khả ngộ, theo tôi là một khái niệm khó vận dụng. Khi tôi yêu cầu sinh viên của tôi suy nghĩ về sự phân định bất khả ngộ của Đức Giêsu, hầu hết họ đều đồng hoá tính bất khả ngộ với sự rõ ràng. Họ cho rằng phân định một cách chắc chắn là có một ý niệm rõ ràng về tình thế, là biết đầy đủ về điều Thiên Chúa muốn và tại sao Ngài muốn. Trong trường hợp này thì đúng là khó mà thấy được làm sao tính không sai lầm có thể dung hoà với sự tăm tối của việc phân định được. Làm sao một việc vừa có thể hoàn toàn rõ ràng sáng sủa lại vừa tăm tối được ? Không thể được ! Nhưng tôi không nghĩ rằng sự chắc chắn bao hàm sự rõ ràng đâu, trong hiểu biết, và cũng không đòi phải có nữa. John Courtney Murray, dòng Tên, nói với chúng tôi khi đề cập đến Công đồng Vatican II, rằng Giáo Hội phải mất khoảng năm mươi năm để nắm bắt đầy đủ những gì một công đồng đã định nghĩa hoặc tuyên bố. Và ông thêm : chính các nghị phụ cũng không ý thức hết tất cả những gì họ đã thực hiện. Bất chấp sự mù tối ấy, họ vẫn có thể nói năng hành động một cách chắc chắn không lầm lạc vì Thần Khí hướng dẫn những cuộc thảo luận của họ và nói qua họ hơn là điều họ ý thức tức khắc. Cũng vậy khi chúng ta khẳng định rằng Đức Giáo hoàng bất khả ngộ trong một vài trường hợp : chúng ta không muốn nói rằng nhất thiết Ngài phải thông suốt về những vấn đề trong các trường hợp ấy, mà đúng hơn Ngài không thể sai lầm trong những vấn đề chính yếu cho đời sống của



giàu có (Mt 19,16-22) hay bởi sự nhút nhát như Phêrô khi chối Thầy trong sân nhà vị thượng tế (Lc 22,54-62). Tất một lời, họ thiếu cởi mở. Việc bám víu của họ vào vinh dự, sự giàu sang phú quý, sự an toàn, vào chính sự sống (12) làm cho sự phân định của họ về con người và sứ mệnh của Đức Giêsu trở nên khó khăn và rối ren.

Họ phân định nhưng không phải một cách chắc chắn hoặc không sai lầm đâu. Còn sự phân định của Đức Giêsu thì không sai lầm là vì Ngài hoàn toàn cởi mở với Thần Khí. Thần Khí có thể hướng dẫn Ngài làm theo Thánh Ý của Đức Chúa Cha, thậm chí cả khi Thánh Ý này mù tối hoặc không rõ ràng đối với lý trí con người nơi Đức Giêsu vì Ngài là một người không có tội, không có những quyến luyến hỗn loạn bừa bãi. Còn đối với số đông trong chúng ta và nói chung trong cuộc đời chúng ta, chúng ta giống như Phêrô. Ông yêu mến Đức Giêsu ; ông yêu mến Thiên Chúa. Nhưng có lẽ phải nói ông yêu mến “Thiên Chúa và...” thay vì yêu “Chúa mà thôi”. Ông thật sự muốn làm Thánh Ý Thiên Chúa ; nhưng cũng muốn những điều khác nữa. Và những ước muốn khác mà các thánh gọi là những gấn bó bừa bãi khi chúng ngăn cản chúng ta trôi nổi một cách tự do trong đại dương của Thiên Chúa, gây trở ngại cho việc ông phân định về Đức Giêsu. Chúng ta có một ví dụ điển

(12) Xem những gì chúng tôi đã nói ở chương 5 của “*Cởi mở với Thiên Chúa*” (*Opening to God*), chương 3 và 4 của “*Khi giếng đã khô cạn*” (*When the Well Runs Dry*) và các chương 1 và 5 của “*Bóng tối trên Quảng trường*” (*Darkness in the Marketplace*).

Giáo Hội. Vậy mà điều gì là đúng đối với Đức Giáo hoàng và các Công đồng, trong một vài lĩnh vực hạn hẹp, nhân vì chức vụ riêng, thì cũng đúng cho con người Giêsu trong mọi lĩnh vực của đời mình, nhân vì mẫu nhiệm Ngôi Hiệp và sự cởi mở hoàn toàn với Thần Khí, mỗi khoảnh khắc đời Ngài. Như chúng ta, Ngài đã bị cám dỗ ; nhưng ngược lại với chúng ta, như thư gửi Do thái đã nói (4,15), Ngài không phạm tội bao giờ. Ngài đã khôn lớn như mọi con người, nhưng chưa bao giờ từ chối sự khôn lớn ấy, chưa bao giờ từ chối với Cha cả.

### *Đức Giêsu là đối tượng của một sự phân định*

Do đó sự phân định của chúng ta có thể nào chắc chắn không ? Chúng ta có thể nào nhận ra mà không sai lầm điều Thiên Chúa mong muốn nơi chúng ta (*đối tượng* của Thánh Ý Ngài) dù câu *tại sao* còn mù tối và chỉ dần dần trở nên rõ ràng mà thôi ? Trên lý thuyết thì *có thể, nếu*, như Đức Giêsu, chúng ta hoàn toàn cởi mở với Thần Khí. Thật vậy, có lẽ các thánh xích lại gần được một chút, trong mức độ kết hợp các ý chí, với Đức Giêsu khi họ đạt được sự trưởng thành của họ. Nhưng các sách Tin mừng cho thấy rõ là thậm chí cả các tông đồ cũng chưa đạt tới mức cởi mở ấy, trong đời sống công khai của Đức Giêsu. Họ cuộn tròn trên chính mình, bị ức chế bởi lòng tự ái, như hai người con đây tham vọng của Đê-bê-đê toan dành chỗ vinh dự trong Nước Trời (Mc 10,35-40) hoặc bởi của cải như người thanh niên

hình trong sự việc xảy ra được cả Mat-thêu (16,13-23) cả Mác-cô (8,27-33) kể lại. Đức Giêsu hỏi các môn đệ : “Anh em bảo Thầy là ai ?” Phêrô tuyên bố Ngài là Đấng Kitô được Ít-ra-en hết sức mong đợi : “Thầy là Đấng Kitô , Con Thiên Chúa hằng sống.” Câu trả lời của ông là một lời tuyên xưng đức tin tuyệt vời nơi Đức Giêsu, đã khiến, trong bản tường thuật của Mat-thêu, Đức Giêsu tuyên bố ông là Đá, trên đó Giáo Hội sẽ được xây dựng. Vậy mà, ngay sau đó, ông chao đảo, bị Đức Giêsu gọi là “Xa-tan” ; tại sao ? là vì giữa đó Đức Giêsu đã nói tiếp bằng cách mạc khải Ngài là một Đấng Mê-si-a chịu đau khổ, sẽ bị giết chết để cứu độ dân Ngài. Và Phêrô không sẵn lòng nghe điều ấy. Trong nhiều thế kỷ, dân tộc Do thái đã chờ đợi một Đấng Mê-si-a chiến thắng đến giải cứu mình khỏi sự áp bức thuộc địa, nhưng không bao giờ nghĩ đến một Đức Mê-si-a đau khổ cả. Phêrô không thể chấp nhận một ý tưởng xa lạ như thế với những quan niệm của mình. Ông yêu mến Đức Giêsu và tin vững vàng rằng Ngài là Đấng Mê-si-a, nhưng một Đấng Mê-si-a phù hợp với ý tưởng riêng, với sự chờ đợi và gắn bó của ông. Đến mức nào ông đã phải thấy ngỡ ngàng và bối rối khi vừa nghe ca ngợi lại bị chê trách cùng một lúc. Ca ngợi vì ông đã được Thần Khí hướng dẫn và chê trách vì bị Xa-tan đánh lạc !

Có lẽ nhiều người trong chúng ta tự cảm thấy gần gũi Phêrô trong Tin mừng hơn với tính thẳng thắn, tình mến, sự sôi nổi, và nói một cách chính xác hơn, với sự yếu đuối của con người ông. Và thêm vào đó, có niềm vui thấy ông khôn lớn. Trong sách Công vụ tông đồ, khi

Thần Khí của ngày Ngũ tuần xâm chiếm ông, chúng ta có thể nhìn thấy ông, theo tôi, tiến hoá về một sự “bất khả ngộ” lớn hơn trong việc nhận thức về Lời và Thánh Ý Thiên Chúa trong Giáo Hội. Vai trò của ông trong cuộc tranh luận về việc trở lại của dân ngoại đặc biệt lạ lùng. Thị kiến về những con vật ô uế mà Phêrô được lệnh phải ăn, trái với luật Do thái, được coi như biểu tượng của Thánh Ý Thiên Chúa muốn Phêrô rửa tội cho gia đình Co-nê-li-ô (Cv 10,11-48). Phêrô tỏ ra bối rối hoang mang, ông không hiểu. Nhưng đối với ông, “rõ ràng” Thiên Chúa muốn gia đình ngoại giáo này được đưa vào và đón nhận trong đức tin, đặc biệt sau khi Thần Khí đã được đổ tràn trên gia đình đó cũng một cách ấy, và với những hệ quả đó như vào ngày Ngũ tuần. Phêrô sẽ còn phải trải qua nhiều lúc lộn xộn và lưỡng lự nữa, ít là nếu chúng ta tin vào bản tường thuật của Phaolô về sự bất đồng của họ (Gl 2,11-14). Nhưng tại Công đồng Giê-ru-sa-lem, ông sẽ lên tiếng một cách chắc chắn không sai lầm nhận danh Thiên Chúa và sự can thiệp của ông rất quyết liệt (Cv 15,7-11), sẽ vĩnh viễn chuyển hướng sự tiến hoá của Giáo Hội. Chẳng bao giờ nữa Giáo Hội sẽ tự coi mình và bị coi như là một phong trào cải cách của Do thái giáo cả.

Là điều quan trọng khi ghi nhận rằng đối tượng của sự phân định nơi các môn đệ là con người và sứ mệnh của Đức Giêsu chứ không chỉ học thuyết của Ngài. Chính Ngài cũng thường nại đến “các việc” mình làm để biện bạch cho việc tin vào chính bản thân Ngài, dù rằng lời lẽ Ngài nói có vẻ chối tai (Ga 5,36 ; 10,25 ; 10,38).

Ngài là “Thầy” của họ ; nhưng giáo huấn của Ngài phải được tiếp thu không phải vì giá trị đạo đức nội tại của nó, cũng chẳng phải vì sự thuyết phục bằng tính lô-gích của nó nhưng chỉ vì giáo huấn đó là của Ngài và vì do chính Ngài công bố. Jacques Guillet đã nói lên điều đó một cách tuyệt vời, khi nói đến các mối phúc do Đức Giêsu công bố :

*“Nhưng ngay khi Ngài đã chọn những môn đệ đầu tiên, thì sứ điệp của Ngài liền thay đổi đáng vẻ. Nước Trời không những gần, bây giờ nó đã ở ngưỡng cửa... và sự phân loại được Gio-an chờ đợi giữa trấu và lúa bắt đầu chia rẽ loài người : một bên là những người nghèo, đau khổ, hiền hoà, bị bách hại ; và bên kia, những người giàu có hạnh phúc. Đối với những người này : Nước Trời và niềm vui của họ ; đối với những người khác, nỗi bất hạnh.”*

Nhưng sự phân chia nhân loại thành những người được chúc phúc và những kẻ bị chúc dữ không chỉ đơn giản là một sự “thống kê”, một sự lựa chọn dựa trên “nhưng dữ kiện gần như bề ngoài”. Các mối phúc đâu phải một sự phân loại máy móc theo đó tất cả những người giàu đều bất hạnh và tất cả những người nghèo được chúc phúc đâu, vì sự tình cờ khiến họ giàu hay nghèo. Chúng ta hãy hiểu cho đúng hơn rằng niềm vui và nỗi bất hạnh của những người giàu cũng như của những người nghèo ăn thua nơi cách lối họ tự định vị đối với Đức Giêsu.

*“(Các mối phúc) chỉ có ý nghĩa khi chúng nằm trên môi miệng của Đức Giêsu, chúng chỉ đúng ở chỗ là Đức Giêsu đang có đó để đem lại niềm vui mà Ngài nói đến. Nếu không chúng chỉ lãng nhục xúc phạm đến sự đau khổ mà thôi. Chính sự hiện diện của Đức Giêsu là niềm vui của những người sầu khổ, là sự giàu sang của những người nghèo, và chính sự hiện diện ấy tiến hành phân chia người giàu với người nghèo, người hạnh phúc với người bị bách hại”.*

Điều chúng tôi muốn cho thấy qua đó là sự phân định nhắm con người Đức Giêsu nữa chứ không chỉ trên học thuyết của Ngài. Người nghèo được chúc phúc nếu họ sống trong sự hiện diện của Ngài và vì Ngài tuyên bố điều đó với họ. Và người giàu sẽ hối hận về sự giàu sang của mình, cảm thấy gánh nặng và nhận ra nhu cầu tự giải thoát khỏi, *nhưng chỉ nếu* họ đã đích thân gặp Ngài. Ngoài điều kiện đó, các lời chúc phúc cũng như chúc dữ đều là chuyện phi lý và thơ mộng. Theo tôi, đó chính là sự khác biệt giữa Phêrô và Giuda. Giáo huấn của Đức Giêsu chẳng rõ ràng mà cũng chẳng có sức thuyết phục đối với Phêrô hơn là đối với Giuda đâu. Trong Ga 6,68-69, khi hầu hết các thính giả của Đức Giêsu và thậm chí cả môn đệ của Ngài cũng bỏ đi vì thấy giáo huấn của Ngài về Bánh hằng sống khó nuốt quá, thì Phêrô nhân danh nhóm mười hai , đúng vậy, đáp lại khi Ngài hỏi họ cũng muốn bỏ đi hay sao : “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai ? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của

Thiên Chúa”. Do đó mà Phêrô đã chọn không phải học thuyết của Đức Giêsu mà là chính con người Ngài. Cũng như thế ông nói : “Lạy Chúa, con không hiểu hơn những người khác đâu, Nhưng con tín nhiệm nơi *Thầy*. Những gì *Thầy* nói, con xin tiếp thu chỉ vì chính *Ngài* đã nói điều ấy mà thôi”. Thảm kịch đối với Giuđa hình như là đã không bao giờ tìm được nơi Đức Giêsu điều mà Phêrô đã khám phá ra. Vì lý do đó mà giáo huấn của Đức Giêsu hẳn là đã chẳng bao giờ tìm được chỗ đứng trong trái tim của y.

### *Sự phân định chín chắn*

Cũng câu hỏi đó dĩ nhiên được đặt ra cho chúng ta. Chúng ta quay lại với Kinh Thánh, không phải để đón nhận trước hết một giáo huấn về đạo đức đầy khôn ngoan, dù lý do đó có giá trị không kém, mà là để gặp gỡ Thiên Chúa qua con người của Đức Giêsu Kitô. Một vĩ nhân như Mahatma Ghandi đã nhận thức được nền đạo đức và luân lý cao siêu nhất của lịch sử loài người. Nhưng ông đã không có đức tin nơi Đức Giêsu. Cách nào mà sự tranh luận lê thê về tính hiện thực và sự thực hành các lý tưởng cũng như phương pháp của Ghandi vẫn còn ở mức độ của lý trí con người. Còn đối với người nào, theo gương Phêrô, gặp được Thiên Chúa của đời mình, vấn đề lại hoàn toàn khác. Điều đó thật hiển nhiên trong các thánh thư, nơi mà, như đã được trình bày trên đây, sự

phân định lại là đối tượng của một tư duy rõ ràng minh nhiên, đặc biệt trong các thư của Phêrô và Phaolô. Cái khó ở đây là áp dụng kinh nghiệm của các tông đồ về Đức Giêsu với những nhu cầu và vấn đề của Giáo Hội sơ khai. Lời cầu nguyện lúc bấy giờ chính là lấy làm của mình trong sự suy gẫm và chiêm niệm, kinh nghiệm hiển dung của Đức Giêsu, dưới sự run rủ của Thần Khí, lại phải lưu ý đến hoạt động và những hoàn cảnh cụ thể của những giáo đoàn thời các tông đồ. Vậy mà, như chúng ta đã nói, điểm này là nơi gặp gỡ của sự cầu nguyện và hoạt động, lại là địa điểm của sự phân định và việc định nghĩa nó.

Thánh Phaolô và Gioan kê ra một danh sách về những tiêu chuẩn phân định khác nhau trong cộng đoàn Kitô giáo. Vì những tiêu chuẩn ấy lại là nền tảng của Kinh Thánh về các quy tắc cổ điển cho sự phân định theo thánh I-nhà-xiô, chúng ta sẽ có cơ hội nói tới trong các chương sau. Dù sao cũng sẽ lý thú khi kết thúc chương này bằng cách đặt chúng song song với những tiêu chuẩn của Cựu Ước để phân định tính xác thực của một lời sứ ngôn mà chúng ta đã bình luận ở chương 2. Chúng ta ghi nhận một sự thay đổi quan điểm sẽ tóm tắt tốt những gì chúng ta đã thấy qua trên đây về hai lối phân định trong các sách Tin mừng.

Đối với những tiêu chuẩn của Cựu Ước (loạn báo hoạn nạn, dẫu lạ, sự trung thành với mạc khải, thái độ luân lý của vị ngôn sứ, đồng thời những tiêu chuẩn nội tâm về chính chủ ý và thị kiến khai mào mà vị ngôn sứ đã có về sứ mệnh và sự lựa chọn của Giavê), điều gây

ấn tượng nhiều nhất trong sự thay đổi quan điểm nơi Gioan và Phaolô, là tầm quan trọng mà họ gán cho tình huynh đệ và “thái độ đối với Đức Giêsu Kitô” (13). Nhận xét chí lý về người loan báo hoạn nạn, thì ít có cơ may thành công hơn vì không vừa lòng người ta và bị coi như một tên bịp thì đã không tìm thấy trong Phaolô cũng không thấy trong Gioan, có lẽ vì loan báo một Thiên Chúa bị đóng đinh và mời gọi môn đệ Ngài vác Thập giá mình mà theo Ngài, thì đã là một “hoạn nạn” đủ lắm rồi để đáp lại tiêu chuẩn thứ nhất này ! Còn về tiêu chuẩn thứ hai, thật vậy, Phaolô nại đến những dấu lạ điềm thiêng ông đã làm và Phaolô cũng như Gioan đều lấy kinh nghiệm nội tâm của bản thân làm bằng chứng : người thứ nhất dựa trên việc mình được ơn trở lại trên đường Damas và người thứ hai dùng làm nền tảng cho sứ điệp mình loan :

*Điều chúng tôi đã nghe,  
Điều chúng tôi đã thấy tận mắt,  
Điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng  
Và tay chúng tôi đã chạm đến  
Đó là lời sự sống (1 Ga 1,1).*

Cặp mắt xác thịt trông thấy con người Giêsu ; nhưng cái nhìn nội tâm của tình yêu, khi nhận ra Đức Giêsu trong thân xác thì thấy rằng “Ánh sáng chiếu soi

(13) Guillet sđd, kê ra sáu tiêu chuẩn phân định đối với thánh Phaolô, trang 1240 đến 1243 và bầy “luật lệ” rút ra từ thư thứ nhất của thánh Gioan, là một thư quan trọng (trang 1246 - 1247)

trong bóng tối và bóng tối đã không diệt được ánh sáng” (1,5). Như Guillet đã ghi nhận, người môn đệ thật, thậm chí cả người không biết Đức Giêsu bằng xương bằng thịt, đều sở hữu một kinh nghiệm nội tâm về Thần Khí, “thấm nhuần và đim người ấy trong một tâm trạng đầy xác tín và ánh sáng, không lệ thuộc bất cứ ảnh hưởng loài người nào”, xác tín và ánh sáng ấy làm nảy sinh một sự phó thác, một sự tín nhiệm tuyệt đối, triệt thoái nỗi sợ sệt.

Như tầm quan trọng được gán cho tình huynh đệ đã rõ ràng trong Tân Ước, những dấu chỉ nội tâm của Thần Khí ấy phải biến thành hoa trái mắt thấy được cho cộng đoàn Kitô giáo và cho tất cả mọi người. Nếu ai nói : “Tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối, vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy” (1 Ga 4,20 ; 2,9 ; 3,10). Thánh Phaolô trình bày những đòi hỏi cụ thể đó của tình huynh đệ trong một đoạn nổi tiếng của thư Ga-lát (5,19-23), đoạn này đồng thời cho thấy rõ ràng có nhiều “linh thần” khác nhau đang giao chiến cùng một lúc trong cuộc sống của người Kitô hữu và của cộng đoàn :

*“Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là :  
dâm bôn, ô uế, phóng dăng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hoà, ghen tương, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ bè phái, ganh tỵ, say sưa, chè chén và những điều khác giống như vậy... Còn hoa quả của Thần Khí là :*

*bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ.” (14)*

Cuối cùng như Lm.Guillet đã ghi nhận khi bình luận về sự phân định theo thánh Gioan, chính toàn bộ những tiêu chuẩn trên phải được kiểm tra để có thể phân định Thần Khí Thiên Chúa trong một hoàn cảnh hay một sự lựa chọn cụ thể :

*“Đó là một cái nhìn tập trung không hy sinh bất cứ yếu tố nào của kinh nghiệm Kitô giáo, nhưng đem lại cho chúng tất cả giá trị của chúng bằng cách tập hợp chúng lại : việc tuyên xưng về mặt tín lý, tôn trọng quyền bính của Giáo Hội, trung thành cụ thể với đức ái, kinh nghiệm nội tâm cần thiết, sự hiệp thông với Ba Ngôi Thiên Chúa, tất cả mọi dữ kiện cùng đi đôi với nhau, tất cả đều phải được đón nhận không hạn chế và phát triển không hậu ý. Nơi nào thiếu một trong những dữ kiện đó, mình có thể cảm chắc là tất cả các dữ kiện khác đều thiếu cả.” (15)*

Chỉ một vài tiêu chuẩn được kiểm tra mà thôi thì chưa đủ vì ma quỷ, như Phaolô nói, cũng đội lốt thiên thần sáng láng (2 Cr 11,14). Nó có thể nhại giọng nói của Thiên Chúa và có thể xuất hiện cải trang thành thiên thần tốt. Nhưng nếu mọi dấu chỉ đều hiện diện thì chúng ta có thể tín nhiệm sự linh ứng đang hành động hoặc quyết định, và nghĩ rằng nó từ Thiên Chúa mà đến. Như

(14) *Sđd* trang 1246.

(15) *nt* trang 1247.

chúng ta sẽ thấy trong phần thứ ba, thậm chí cả khi hoa trái tỏ ra tốt tươi, “cái đuôi rắn” sẽ thò ra dưới sự thúc đẩy của tinh thần xấu, ít là đối với những người đã học trở nên sáng suốt nhờ yêu thương.

### *Kết luận*

Cho nên chúng ta đã thấy trong chương này rằng Tân Ước vẽ lên một bức phác hoạ chắc chắn và đầy đủ về sự phân định trong đời sống người Kitô hữu. Quan niệm về Thiên Chúa hiện diện ở cảnh sau là quan niệm về một người cha của những đứa con trai, con gái trưởng thành. Mẫu gương và trung tâm điểm là con người Giêsu, tự bản thân cũng sống một cuộc đời yêu thương, là nguồn mạch của sự phân định nơi Ngài và trở nên đối tượng cho sự phân định của chúng ta. Hơn nữa, chúng ta không chỉ “phân định” Đức Giêsu trong việc cầu nguyện mà thôi, nhưng còn trong những hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống với tư thế là một cộng đoàn Kitô giáo nữa. Cuối cùng, khi tiến hành thám hiểm một trật trong Cựu Ước và Tân Ước, chúng ta đã tìm hiểu rõ ý nghĩa chính xác và biết rõ chúng ta phải là những con người như thế nào để có thể phân định Đức Giêsu, Thánh Ý Cha Ngài trong cuộc sống của chúng ta ngày nay. Cho nên trước khi bắt đầu nghiên cứu các quy tắc cổ điển của sự phân định theo thánh I-nhà-xiô, trong chương sau, chúng ta sẽ vẫn tắt lướt qua những điều kiện cần thiết cho sự phát

triển của một tình yêu sáng suốt, như chúng ta đã khám phá trong Kinh Thánh và cụ thể hoá bằng những ví dụ.

### *Bài thực tập*

1. Tìm xem Đức Giêsu có thật sự phân định chính bản thân Ngài là ai và sứ mệnh của Ngài là gì không, và trong trường hợp Ngài phân định một cách chắc chắn “không sai lầm”, thì điều đó có ích lợi thực tiễn nào cho việc phân định mà chính bạn đang sống chăng ?

2. Gioan Tẩy Giả là một trong những gương mặt vĩ đại của giai đoạn giao thời giữa Cựu Ước và Tân Ước. Ông đại biểu cho tất cả những ai trong Cựu Ước đi tìm, nếu nói được như vậy, phân định về Đức Giêsu, Đấng Messia đã được loan báo. Nếu bạn có thể gặp Gioan, bạn sẽ nêu những câu hỏi nào về cách ông đã phân định về Đức Giêsu hoặc về sứ mệnh riêng và căn cước của Ngài ? (để giúp bạn sau đây là những đoạn chính của Tin Mừng liên quan tới Gioan : Ga 1, 6, 15, 19-36 ; 3, 25-30 ; 5, 33-36 ; 10, 41 ; và Mt 3, 1-17 ; 4, 12 ; 9, 14 và tt ; 11, 2-19 ; 14, 1-12 ; 16, 14 ; 17, 13 ; 21, 25-27 - và những đoạn song song trong Luca và Mác-cô.

## 3

### Bầu khí của sự phân định đối với chúng ta

Như chúng ta đã thấy rõ khi nghiên cứu Mạc Khải trong Tân Ước, nghệ thuật phân định là một ân huệ chính yếu cho đời sống của Giáo Hội. Vậy mà đây là một nghệ thuật đặc biệt. Đề tài này đã tốn rất nhiều giấy mực mấy năm qua và từ này thường được nói tới trong các môi trường tôn giáo ; tuy vậy sự phân định đích thực vẫn hiếm có. Thậm chí cả những người hiểu được chỗ khác biệt giữa sự phân định thiêng liêng và việc quyết định (và họ không nhiều đâu) tuy vậy họ vẫn rất khó lòng biết tiến hành phân định thật sự và có kết quả. Theo ý kiến của tôi, vấn đề không phải là vì những nguyên tắc phân định tự chúng khó hoặc mù tối ; trở ngại đúng hơn nằm ở bầu khí cần thiết cho sự phân định (nghĩa là những điều kiện tâm hồn cần phải có, thậm chí cả trước khi có thể bắt đầu phân định nữa), là sự phó thác bản thân mình hoàn toàn cho Thiên Chúa. Điều ấy giả thiết về phía chúng ta, để cho Thiên Chúa toàn quyền sử dụng, làm điều Ngài muốn làm, là chính thái độ của Đức Giêsu đối với Cha Ngài.

Những tiêu chuẩn để nhận ra tính chính xác trong một lời của ngôn sứ, mà chúng ta đã nghiên cứu, hoặc những quy tắc của Tân Ước cho sự phân định theo Phaolô và Gioan, thì không luôn luôn dễ thực hành đâu. Tuy vậy, tương đối đã rõ ràng; nhất là khi chúng ta thấy những quy tắc đó được thể hiện trong đời sống của Giáo Hội sơ khai, hoặc trong chính cuộc đời của Đức Giêsu. Còn tâm trạng cơ bản của tâm hồn giả thiết sử dụng các tiêu chuẩn ấy, thì mơ hồ hơn. Nói cách khác, vấn đề thật để chọn những chiếc cà vạt cho một người khác, thì chẳng phải là biết có mấy loại, mấy kiểu cà vạt cho bằng một sự hiểu biết phát sinh từ tình yêu *đối với người* mình biểu những chiếc cà vạt ấy. Họ là ai ? Tôi phải là loại người như thế nào - giữa người ấy và tôi, phải có loại tương quan nào - để tôi có thể biết người ấy, những sở thích ước muốn của người ấy ? Chính khi nghĩ đến câu hỏi sau cùng này mà tôi nói đến “một bầu khí” cần thiết cho sự phân định.

Chúng ta cũng đã thấy một bầu khí làm việc như thế đó trong cuộc đời của Đức Giêsu, và ở một mức độ thấp hơn, trong cuộc đời của Phêrô và các môn đệ khác. Nếu chúng tôi đã bắt đầu cuộc nghiên cứu này bằng Kinh Thánh, phần lớn là vì Kinh Thánh giúp chúng ta nhận thức được ý nghĩa kytô giáo của sự phân định. Vậy mà cái nhìn Kinh Thánh đó, bây giờ chúng ta phải coi, xem nó liên quan đến những con người nam và nữ của thế kỷ XX là chúng ta như thế nào. Mục đích của chương này là chất vấn chúng ta về bầu khí trong đó chúng ta

đang tiến hành phân định về cuộc sống của chúng ta ngày nay.

Vì sự phân định được áp dụng cho những quyết định cụ thể, và trong những hoàn cảnh đặc biệt đòi phải có một câu trả lời thực tiễn, nên chúng ta hãy bắt đầu tưởng tượng ba loại kịch bản tiêu biểu trong đó các tâm hồn đang gặp khốn quẫn có thể đi tìm một vị linh hướng để giúp họ xác định điều gì Thiên Chúa đang chờ đợi nơi mình.

### *Ba trường hợp phân định*

Joe đang theo học thần học ở chủng viện giáo phận của mình. Anh là con đầu của một gia đình đông anh em và nghèo, hình như đang cần đến sự giúp đỡ của anh. Laetitia là một nữ tu mới khấn lần đầu trong một dòng sống đời hoạt động, và cộng đoàn của chị đang trải qua một thời kỳ đầy căng thẳng liên quan đến mức độ và cách thức dấn thân về mặt xã hội và chính trị, sao cho phù hợp với đời sống dâng hiến của các thành viên. Đời sống vợ chồng giữa Maria và Ed đã bắt đầu tan rã, hình như có sự khác khẫu giữa hai người ; tuy nhiên họ cũng cần phải tính đến bốn đứa con của họ nữa. Đối với mỗi người trong họ : Maria và Ed, Letty và Joe, đây là một nổ lực tâm đầu đốn thật đấy nhưng rất là con người và tầm thường. Và lại, làm người là trải qua những lúc khủng hoảng mà không một giải pháp tốt nào là hiển nhiên cả. Joe có phải lưu lại trong chủng viện để đo



đuổi ơn gọi mà anh cảm thấy rất mãnh liệt ? Hay, đơn giản đây chỉ là một sự trốn tránh trách nhiệm sơ đẳng đối với gia đình mình, để sống yên tâm với nhiều lợi lộc và dễ dãi, trong khi mà người thân của anh phải đau khổ ? Còn Laetitia, tới mức nào chị được mời gọi dẫn thân vào cuộc chiến hiện nay cho công bình xã hội và chính trị ? Cộng đoàn của chị ấy bị chia rẽ triệt để về vấn đề này. Người thì cho rằng một sự dẫn thân như vậy hoàn toàn nghịch ngược với lối sống theo Tin Mừng của một nữ tu, người thì bên vực cũng mãnh liệt không kém rằng ngày nay Tin Mừng đòi hỏi sự dẫn thân đó nơi người môn đệ chân chính của Đức Kitô. Điều làm cho tình thế phức tạp là bên này lẫn bên kia đều trích dẫn những văn kiện của Đức Thánh Cha và Giáo Hội để chứng minh quan điểm trái ngược của họ. Thế thì Letty phải nghĩ gì và làm gì ?

Mặc dù Maria và Ed chẳng phải là tu sĩ hoặc chủng sinh, chúng ta hãy giả thiết (điều mà một cách mặc nhiên chúng ta đã làm trong trường hợp của Letty và Joe) rằng đây là những kytô hữu đầy xác tín, và thành tâm mong muốn tìm một giải pháp phù hợp với Tin Mừng. Ít là một linh mục mà họ tín nhiệm đã để cho họ nghiệm ra rằng cuộc hôn nhân của họ có nhiều nguy cơ bị Giáo Hội xoá bỏ (có lẽ do tâm trạng của họ lúc cưới nhau). Bề nào thì họ cũng sẽ dễ dàng được phép chia tay nhau một cách hợp pháp. Nhưng còn con cái thì sao ? Dù gì đi nữa bây giờ đã có chúng và cha mẹ chúng có trách nhiệm. Họ sẽ đảm trách công việc của họ tốt hơn bằng cách chia tay (ít là để cho con cái có thể lớn lên trong

một bầu khí bình an) hoặc là cứ ở chung (để cho con cái có thể lợi dụng sự hiện diện và ảnh hưởng của một người bố trong việc huấn luyện khi chúng bước tới tuổi dậy thì ?). Nên chọn làm gì hơn ? Maria và Ed bị tràn ngập bởi những lời khuyên từ phía gia đình và bạn bè, thậm chí họ đã bị áp lực nữa. Nhưng còn Thiên Chúa, Ngài muốn gì ?

### *Thước đo của sự phân định*

Như chúng ta đã nói, những nổ lực tâm như vậy, vô phước thay lại là thành phần trong cuộc sống tại thế của chúng ta. Đôi khi là một cuộc khủng hoảng lớn nhưng đôi khi nó không đáng kể. Nhưng chúng ta tất cả đều gặp những vấn đề mà hình như không có giải pháp nào đơn giản và thật sự vừa ý.. Đối với người không có đức tin hoặc người tín hữu mà đức tin đóng một vai trò không đáng kể trong việc hướng dẫn đời họ, thì sự lựa chọn sẽ phải lệ thuộc lý trí (phải cân nhắc hơn thiệt cho mỗi giải pháp) hoặc dựa trên trực giác (thường là một cách lịch sự để chỉ định những xúc động hoặc những bám víu theo bản năng). Nhưng đối với người tín hữu có xác tín (và chúng ta đã coi như Maria, Ed, Letty và Joe là những người như thế) thì câu hỏi : “Tôi phải làm gì ?” trở thành “Thiên Chúa muốn tôi làm gì trong tình trạng khủng hoảng này ? Đâu thật sự là Thánh Ý Thiên Chúa ?” Mặc dù những người bạn trên đây, trong nỗi

khốn quẫn của họ, chưa từng nghe nói đến từ “phân định” bao giờ, ấy thế mà đó là tất cả vấn đề phân định.

Để mô tả một cách sơ sài sự phân định chúng ta có thể nói rằng sự phân định là nghệ thuật xác định Thánh Ý Thiên Chúa trong những hoàn cảnh cụ thể đang diễn ra với chúng ta. Thiên Chúa đang thật sự chờ đợi điều gì nơi Ed và Maria ? nơi Joe ? nơi Letty ? Có trường hợp nào mà Thánh Ý Thiên Chúa hoàn toàn rõ ràng không : chẳng hạn bình thường một người mẹ có nhiệm vụ nuôi nấng con cái mình ; việc phân định về hành động này lúc bấy giờ tất yếu đến độ mình chẳng cần dừng lại ở đó. Trong những trường hợp như thế, quá lắm còn có thể nói về sự phân định để chỉ một thiện ý quen thuộc và bộc phát của tính nhận cảm nhằm làm đẹp lòng Thiên Chúa. Nhưng bình thường thì từ này được sử dụng cho những hoàn cảnh như đã được chúng ta mô tả, trong đó có sự nhập nhằng nghĩa là Thánh Ý Thiên Chúa không thể phân định một cách rõ ràng.

### *Những điều kiện tiên quyết cho sự phân định*

Trong những hoàn cảnh nhập nhằng ấy, sự phân định là cần thiết để đương sự có thể khám phá được Thiên Chúa nói với họ làm sao trong những tình thế nguy kịch éo le hoặc qua chính tình thế đó. Nhưng muốn được vậy, người phân định phải được trang bị một vài đức tính hoặc thiên hướng. Đây là ba đức tính quan trọng :

1. *Ước muốn làm Thánh Ý Thiên Chúa* : Trước hết sự phân định giả thiết một đức tin “sống động”. Chúng ta đã nói tới trên đây, nhưng bây giờ phải khảo sát tỉ mỉ hơn *bản chất* của xác tín không thể thiếu được này, đối với ai muốn phân định. Chúng ta đã nói rằng “người tín hữu có xác tín” là người thành tâm muốn làm Thánh Ý Chúa và chu toàn công việc của Ngài qua những thực tại của thế giới này. Nếu điều Ngài muốn tôi chỉ quan tâm đến một chút thôi, nếu tôi không muốn điều Ngài muốn (hoặc ít là tôi không cảm thấy được đưa đẩy ước muốn) thì không tài nào có sự phân định được. Đây là điều kiện thứ nhất mang tính quyết định. Vậy mà nó có yêu cầu cao : không thể nào nói đến sự phân định trong cuộc sống của một người mà Thiên Chúa không có trọng lượng nào cả, dù nhỏ chẳng nữa. Chúng ta đã bước một bước dài khi giả thiết ở bước đầu rằng Joe, Letty, Ed và Maria đều là những người thật sự ưu tư tìm xem Thiên Chúa chờ đợi gì nơi họ.

Có một tác phẩm cổ điển về sự phân định : tập *linh thao* của thánh I-nha-xiô đệ Loyola, cuốn sách giáo khoa được dùng làm kim chỉ nam cho người tinh tâm cũng như người hướng dẫn tinh tâm trong một thời gian ba mươi ngày. Được viết ra vào thế kỷ XVI, tập *linh thao* được dùng làm tài liệu mẫu cho nhiều cuộc tinh tâm đủ loại, đã thật sự làm giàu cho cuộc sống của Giáo Hội - còn thánh I-nha-xiô thì đã trở nên quan thầy các cuộc tinh tâm và của những người hướng dẫn tinh tâm. I-nha-xiô không dừng lại lâu ở điều kiện thứ nhất vì ông giả thiết là nó đương nhiên phải có, đối với mọi ứng viên

muốn tinh tâm nghiêm túc. Nếu tâm trạng của ứng viên không khớp với yêu cầu đó, thì :

“tốt hơn nên ban cho ứng viên một vài bài linh thao “nhẹ ký” cho đến chừng nào người ấy xưng thú các tội lỗi của mình ; sau đó sẽ cho tiến hành xét mình vài lần và cho người ấy xưng tội thường xuyên hơn họ có thói quen làm, để duy trì họ trong những tâm tình đã lĩnh hội được ; sẽ không đi xa hơn trong các chủ đề có chọn lọc.” (16)

Khi đề cập đến các chủ đề có chọn lọc này, I-nha-xiô sẽ đưa vào đó sự phân định. Vì nếu những ứng viên chưa có ước muốn thành tâm và cụ thể để thi hành Thánh Ý Thiên Chúa, thì tốt hơn nên đặt cho họ những nền tảng để giúp họ mặc được những tâm tình theo yêu cầu, hy vọng rằng sau đó họ sẽ có khả năng tiến hành một cuộc tinh tâm phân định khác, với cơ may sinh hoa kết quả hơn. Ước muốn làm Thánh Ý Thiên Chúa mà chúng tôi gọi là *một đức tin sống động* là điều kiện thứ nhất quyết định cho một sự phân định đích thực.

2. *Sự cởi mở với Thiên Chúa* : Nhưng người tiến hành phân định là người “đạo đức” sốt sắng thì vẫn chưa đủ. Thiên Chúa có thể chiếm vị trí quan trọng trong

(16) I-nha-xiô đệ Loyola, *Linh thao*. Tài liệu không ghi ngày tháng - bản dịch bằng tiếng Pháp được trích dẫn trong sách này là của Lm. Edouard Gueydan, Dòng Tên, do Desclée de Brouwer xuất bản (Bellarmine) lần thứ hai, được xem và sửa chữa lại năm 1989. Các con số là số đoạn chữ không phải số trang.

cuộc đời của một người mà ước muốn làm Thánh Ý Ngài vẫn không thật sự có mặt. Vì người ta cũng có thể có đức tin theo kiểu một người cuồng tín, nghĩa là bị Thiên Chúa và vinh quang Ngài ám ảnh, mà đồng thời vẫn bám vào những ý riêng của mình về Thiên Chúa và về Thánh Ý của Ngài. Dĩ nhiên, không thể gọi đó là “ước muốn Chúa muốn” được. Nhưng đó là một lối nhại lại Thánh Ý Chúa một cách phỉnh phờ và nguy hiểm, đã gây biết bao đau khổ trong lịch sử cũng như trong đời sống của các cá nhân. Để có được một ước muốn thiết thực về Thánh Ý Thiên Chúa, phải thật sự *cởi mở* với Thiên Chúa, một Thiên Chúa luôn bí nhiệm, thường gây ngạc nhiên và xáo trộn như Kierkegaard đã nhắc đi nhắc lại, một cách hết sức say sưa.

Tất cả chúng ta, ngay cả những người tốt nhất, đều khám phá rằng những ý tưởng của chúng ta về Thiên Chúa thường ngăn cản chúng ta nhận thức đúng về Ngài như Ngài tự mạc khải với chúng ta. Theo tôi, những người Pharisêu đã vấp phải chướng ngại vật này : họ đã không có khả năng phân định một cách ngay ngắn về con người và sứ mệnh của Đức Giêsu, cùng lời mời gọi của Ngài, vì họ bị những thành kiến và những bám víu gán bó riêng làm cho mù quáng. Họ đầy nhiệt tình tôn giáo nhưng có lẽ một cách vô tình họ tìm kiếm “Thiên Chúa và” những ý riêng của họ hơn là “một mình Thiên Chúa mà thôi”. Cả các tông đồ nữa, ngày Thăng Thiên còn khăng khăng hỏi Chúa Giêsu : “Có phải bây giờ là lúc Thầy khôi phục Vương Quốc Ít-ra-en không ?” (Cv 1,6). Họ theo Ngài đã mấy năm rồi, nghe

lời giáo huấn của Ngài, lấy làm kinh ngạc thán phục trước những phép lạ Ngài làm mà vẫn không hiểu Ngài. Quan niệm của họ về Đấng Messia và vương quyền của Ngài tiếp tục làm tắt nghẽn tinh thần và gây trở ngại cho trí tuệ của họ. Một sự cởi mở thật là một ân huệ của ngày Ngũ Tuần trong cuộc đời của chúng ta cũng như của các tông đồ. Chúng ta cần cầu nguyện xin Thần Khí ban cho chúng ta sự cởi mở ấy. Chẳng nào chúng ta chưa thật sự cởi mở với Thiên Chúa, chúng ta chưa có khả năng phân định. Không có gì gây ngạc nhiên cả khi người cầu nguyện trưởng thành càng ngày càng thấy lời nguyện của người cha đứa bé bị quỷ ám, đến trên môi miệng mình : “Tôi tin ! Nhưng xin Thầy giúp lòng tin yếu kém của tôi” (Mc 9, 24).

Thánh I-nha-xiô nói về sự cởi mở với Thiên Chúa này trong “Phần mở đầu để tiến hành chọn lựa” (§ 169). Bài bình luận này đến ở cuối tuần linh thao thứ hai. Trong tuần đầu, ứng viên tĩnh tâm được Thần Khí hướng dẫn, đã đạt tới một sự biết mình thành thật, thấy mình như Thiên Chúa trông thấy. Trong tuần thứ hai, từ việc biết mình, người ấy vươn tới việc chiêm ngắm Đức Giêsu Kitô trong cuộc sống công khai của Ngài. Người đó đã tự “lột trần” trước mặt Thiên Chúa trong tuần đầu, thì nay tìm mặc lấy và trở nên đầy tràn Đức Giêsu Kitô. Đối với thánh I-nha-xiô, lúc nào cũng hướng về việc hoạt động và sự phục vụ, điều ấy có nghĩa là khám phá xem Thiên Chúa đang chờ đợi nơi chúng ta điều gì. Để sử dụng chính từ ngữ của thánh nhân : “Người ta gọi là linh thao mọi cách lối chuẩn bị và đặt linh hồn trong tư

thế xưa đuổi khỏi mình mọi mối luyến ái bất chính, và sau khi đã xua đuổi được chúng, đi tìm kiếm Thánh Ý Thiên Chúa trong cách sắp xếp đời mình cách nào để hữu ích cho linh hồn mình” (§ 3).

Trong phần “Mở đầu để tiến hành lựa chọn” (§ 169), thánh nhân tóm tắt lại các giai đoạn của việc siêu thoát mà tâm hồn đã trải qua hai tuần trước. Nếu cuộc tĩnh tâm mang lại hoa trái, thì người đi tĩnh tâm lúc đó đã phải đạt tới những tâm tình được xác nhận trong ghi chú sau đây : “Trong mọi lựa chọn tốt, con mắt chủ ý của chúng ta phải đơn sơ, chỉ nhìn lý do tại sao tôi được dựng nên : để ngợi khen Thiên Chúa và cứu độ linh hồn ta. Cho nên bất cứ điều gì mình lựa chọn, nó phải giúp mình đạt được cứu cánh đó, không để mục đích biện minh cho phương tiện mà là phương tiện biện minh cho mục đích.” Chủ ý ngay lành đó mà chúng ta gọi là sự cởi mở thật với Thiên Chúa là điều dễ nói khó làm.

Cho nên, đối với I-nha-xiô, vấn đề là không lẫn lộn mục đích với phương tiện : “Ví dụ, có nhiều người chọn trước hết lập gia đình, là một phương tiện, và kế đến, là phục vụ Thiên Chúa trong hôn nhân, vậy mà phục vụ Thiên Chúa mới là mục đích.” Khi trích đoạn này trong những cuộc nói chuyện dành cho những người sống đời hôn nhân, đến mức nào tôi nhận thấy rằng lời lẽ của I-nha-xiô ngày nay cũng chí lý không kém khi ông viết lên cách nay bốn trăm năm. Những tâm hồn hướng thượng luôn chọn Thiên Chúa làm cùng đích, họ thành tâm mong muốn phục vụ và yêu mến Ngài. Nhưng thật khó hơn nhiều khi chọn Ngài làm cùng đích *mà thôi*

(duy nhất). Trong thực tế, đối với phần lớn những người trong chúng ta, chúng ta lập gia đình hoặc chịu chức linh mục khá lâu trước khi nhận ra là mình đã lấy phương tiện làm mục đích, rằng chúng ta đã chọn “Thiên Chúa và” hơn là “Thiên Chúa mà thôi”. May mà Thiên Chúa thì kiên nhẫn và thông cảm, Ngài biết viết thẳng với những đường cong. Nhưng không phải vì vậy mà khả năng phân định nơi chúng ta không trực tiếp tương xứng với sự cởi mở cùng Thiên Chúa và chủ ý ngay lành đâu.

3. *Sự hiểu biết về Thiên Chúa* : Còn một điều kiện thứ ba nữa để tiến hành phân định tốt. Người ta có thể mong muốn, đúng vậy, làm Thánh Ý Thiên Chúa nhưng không biết phải làm sao nắm bắt được Thánh Ý đó. Một người có thể đầy ước muốn tốt nhưng không có được một hiểu biết vững vàng nào về Thiên Chúa và những đường lối của Ngài. Trong trường hợp này cũng không tài nào phân định được cả. Một đức tin sống động đồng thời cũng phải là một đức tin sáng suốt, một đức tin dựa trên một sự hiểu biết thực nghiệm vững chắc về Đấng mà mình cam kết đời mình. Nếu tôi không biết bạn, tôi cũng chẳng có thể biết được điều gì bạn thích.

Tôi đã kể trong một cuốn sách khác (17) một giai thoại minh họa tốt cho lời khẳng định trên đây. Một ngày nọ tôi trở về Hoa Kỳ thăm gia đình và đi phố với mẹ tôi. Bà muốn mua một chiếc cà-vạt để mừng bố tôi. Sau khi đưa mắt lướt qua gian hàng đầy ắp những chiếc

cà-vạt, mẹ tôi chọn nhanh bốn năm chiếc có thể vừa ý chồng mình, nhìn kỹ hơn nữa rồi chọn một hoặc hai chiếc có thể bố tôi thích hơn. Thật mẹ tôi đã không lầm ! Các chiếc cà-vạt mẹ tôi chọn rất vừa ý bố. Rõ ràng mẹ tôi *biết* cái bố tôi thích. Làm sao bà lại biết được ? Đơn giản là trong bốn chục năm chung sống với nhau, bà đã có được “sự hiểu biết do mức độ tương hợp” mà chúng ta đã nói ở chương 2, thứ hiểu biết nảy sinh từ tình yêu. Mặc dù tôi hết sức yêu thương bố tôi, tôi sẽ hoàn toàn không có khả năng lựa được đúng điều làm vừa lòng ông như vậy. Tôi đã xa nhà, lên đường từ nhiều năm để nhập chủng viện, rồi đi Philippines ; kinh nghiệm tôi có về bố tôi, sự hiểu biết thực nghiệm thì thấp kém hơn sự hiểu biết của mẹ tôi nhiều.

Cũng thế, việc phân định Thánh Ý Thiên Chúa liên kết với kinh nghiệm sống, sự hiểu biết thực nghiệm, mà chúng ta có về Ngài. Câu chuyện nhỏ bé của những chiếc cà-vạt cho phép chúng ta nắm bắt thêm một khía cạnh quan trọng khác của sự phân định : tôi càng ít kinh nghiệm riêng về Thiên Chúa, tôi lại càng cần nhờ đến một người đã có kinh nghiệm sống đó, để dạy tôi biết điều gì đẹp lòng Ngài. Đó chính là ý nghĩa của việc “linh hướng” trong truyền thống Kytô giáo. Vị linh hướng, trên nguyên tắc, là một người có kinh nghiệm về Thiên Chúa lâu dài hơn và sâu sắc hơn tôi. Do đó người ấy có thể giúp tôi xác định điều gì đẹp lòng Thiên Chúa. Nếu tôi muốn mua cho bố tôi một chiếc cà-vạt, thì tốt hơn nên cùng đi với mẹ và xin ý kiến để lựa chọn, ít là nếu tôi muốn chọn cái bố tôi ưa thích, chứ không nhất

(17) “*Sự cởi mở với Thiên Chúa*” (*Opening to God*), chương 3.

tự mình kinh nghiệm về Thiên Chúa, điều sẽ giúp người ấy tự mình phê phán và phân định đâu là Thánh Ý Chúa trong chính cuộc đời của họ. Tuy nhiên tôi vẫn không bỏ đi ý tưởng rằng sự linh hướng là điều đáng mong ước suốt đời, ít là đối với ai muốn nhận thức về điều đẹp lòng Thiên Chúa thêm nhạy bén. Như chúng ta sẽ nói đến trong chi tiết, xa hơn, lý do là như sau : khác với việc lựa chọn một chiếc cà-vạt cho cha tôi, sự lựa chọn của tôi để thực thi Thánh Ý Thiên Chúa giả thiết là tôi hoàn toàn trao thân gửi phận cho Ngài. Vậy mà thế gian, xác thịt và Ma Quỷ sẽ rảo tìm cách ngăn chặn tôi, quấy nhiễu những lựa chọn của tôi, cho đến hơi thở cuối cùng. Dù gì chẳng nữa và mặc dầu việc linh hướng vẫn là một sự trợ giúp quý hoá suốt đời, thì cũng đúng rằng công việc trước tiên của vị linh hướng là giúp đạt tới sự trưởng thành thiêng liêng, nghĩa là đưa tâm hồn đến một sự hiểu biết ngày càng sâu hơn và một sự nhận thức về Thần Khí Thiên Chúa ngày càng nhạy bén hơn.

### *Khó hơn việc lựa chọn một chiếc cà-vạt*

Do đó chúng ta đã xem xét ba điều kiện tiên quyết cho sự phân định đích thực trong đời sống kytô hữu. Trước khi đi xa hơn, nhắc lại ba điều kiện ấy cũng là điều tốt.

**I.** Người tiến hành phân định phải thành tâm mong ước chu toàn công việc của Thiên Chúa trong

thiết cái mà theo tôi ông phải thích. Cũng vậy đối với Thiên Chúa, vị linh hướng không lựa chọn thay tôi. Đây là món quà tôi muốn tặng Thiên Chúa, do đó chính tôi là người phải lựa chọn. Nhưng vị linh hướng, cũng như mẹ tôi - có thể là một người truyền đạt ý kiến rất tốt - một cộng sự viên quý hoá - có khả năng hướng dẫn tôi trong việc lựa chọn cái mà rồi đây sẽ thật sự làm vừa ý Đấng Duy Nhất tôi muốn được lòng. Đó là lý do tại sao Joe, Letty, Ed và Maria đi tìm một người có khả năng hướng dẫn họ tìm ra được giải pháp cho những vấn đề của mình. Họ muốn làm Thánh Ý Chúa. Họ tìm làm đẹp lòng Ngài, nhưng chẳng biết rõ Ngài chờ đợi gì nơi mình. Do đó họ đến tìm một người mà họ nghĩ có kinh nghiệm hơn họ để biết đường đi nước bước của Thiên Chúa, có khả năng giúp họ phân định chính xác đâu là Thánh Ý của Chúa trong những hoàn cảnh cụ thể và tối mù này. Cho nên tôi sẽ nói rằng *không khổ* bình thường (nhưng không thiết yếu) của sự phân định là việc linh hướng, nhất là đối với ai mới chập chững trong đời sống thiêng liêng. Vả lại, tôi bắt đầu và kết thúc bài giảng về sự phân định bằng việc đề cập đến sự linh hướng.

Nhưng những gì vừa nói đến, đưa đẩy nghĩ rằng sự linh hướng, cũng như việc cùng-phân-định, sẽ trở nên ít cần thiết hơn khi bản thân đương sự có thêm kinh nghiệm về Thiên Chúa. Đúng vậy, do đó tôi thích coi vị linh hướng như một hoa tiêu phụ (phi công phụ). Người phân định số một là người đến xin giúp đỡ. Vai trò của người linh hướng không phải là làm cho người kia suốt đời lệ thuộc vào sự giúp đỡ của mình, nhưng đưa dẫn họ

những hoàn cảnh cụ thể và mù tối của cuộc sống. Nói cách khác, người ấy phải lưu ý đến Thánh Ý Thiên Chúa.

2. Người đó phải sẵn sàng để Thiên Chúa dạy dỗ hướng dẫn. Điều kiện thứ hai này được bao gồm trong điều kiện thứ nhất, mà tôi thiết nghĩ nhắc lại một cách rõ ràng là điều quan trọng, vì nhiều người trong chúng ta làm “việc cho Thiên Chúa” (chọn những chiếc cà-vạt mà họ thích, mà họ nghĩ rằng phải làm đẹp lòng Thiên Chúa) nhưng không thật sự cởi mở với “việc của Thiên Chúa” (chọn cho Ngài những chiếc cà-vạt mà Ngài thích). Chúng ta thật tình muốn làm việc cho Ngài – Thiên Chúa thật sự đáng kể đối với chúng ta – nhưng chúng ta chưa học để cho Ngài hướng dẫn công việc bao giờ.

3. Cuối cùng, sau khi đã hội đủ hai điều kiện trên, người phân định còn phải “biết” Thiên Chúa theo nghĩa Kinh Thánh, nghĩa là sự hiểu biết nảy sinh từ kinh nghiệm và tình yêu (18). Người nào không có kinh

(18) Xem John L. Mc Kenzie, *Tự điển Kinh Thánh* (Milwaukee, Bruce, 1965) : ở mục “hiểu biết” = “những người Do thái biết với trái tim”, và trong tiếng Hi-pri không có từ thật sự phù hợp với các từ “tư tưởng” hoặc “trí tuệ”. Do đó mà sự phân biệt giữa trí tuệ và trực giác không rõ ràng. Nói chung, đối với người Hi-pri, “biết”, là kinh nghiệm về... kinh nghiệm dẫn đến việc chấp nhận hoặc chiếm hữu. Mc Kenzie sau đó kê ra nhiều ví dụ từ ý nghĩa trong Kinh Thánh của từ “biết”, tương đương với cái mà chúng ta gọi trên đây “mức độ tương hợp của tình yêu.”

nhệm ấy về Thiên Chúa nhất thiết sẽ phải tìm đến sự giúp đỡ của một người khác để phân định, của một vị linh hướng hiểu biết về Thiên Chúa. Nếu phải tiến hành lựa chọn, tức khắc vị linh hướng có thể là người “phiên dịch” cho tôi điều Thiên Chúa mong muốn, nhưng nhiệm vụ đầu tiên của người ấy là giúp tôi tự thân hiểu biết về Thiên Chúa, từ đó sẽ cho phép tôi tự mình có khả năng phân định.

Joe và Letty còn trẻ, do đó chắc chắn họ có ít kinh nghiệm về Thiên Chúa và cần được sự giúp đỡ của các vị linh hướng nhiều hơn để phân định. Nhưng khi nào Joe đã trở thành linh mục Joe, thì nhờ ơn Chúa, sẽ thông suốt hơn nhiều về đường đi nước bước của Thiên Chúa, sẽ có khả năng tự mình phân định hơn nhiều. Nhưng dù tôi rất cần đến sự giúp đỡ của một vị linh hướng lão luyện, hoặc dù tình yêu dần dà đã làm cho tôi trở nên sáng suốt hơn, bản chất của sự phân định không vì vậy mà thay đổi. Đó là điểm nối giữa cầu nguyện và hoạt động, nơi mà sự cầu nguyện được quan niệm như một tương quan yêu thương giữa linh hồn và Thiên Chúa. Thánh I-nhà-xiô gọi là *discreta caritas* (đức ái kín đáo), một đức ái biết phân định, công thức biểu lộ một cách tuyệt vời chân lý quan trọng ấy tức là sự phân định tùy thuộc vào một tương quan cá nhân và yêu thương với Thiên Chúa. Bình thường sự phân định ấy không thể có những chiều kích nào khác hơn là độ sâu và sự vững bền của chính tương quan đó. Để thật sự có khả năng phân định, phải là một người biết yêu thương và cầu nguyện.

Được hiểu như vậy, tình yêu sáng suốt đó thật giống với khả năng chọn lựa những chiếc cà-vạt ! Sự phân định là việc làm của cả một cuộc sống lâu dài với Thiên Chúa, và nếu mẹ tôi đã đoán biết được những chiếc cà-vạt nào sẽ làm vui lòng bố tôi, là vì đã có một sự kết hợp sâu xa giữa họ với nhau trong bốn mươi hai năm sống chung. Trong cả hai trường hợp, đây chỉ là sự tiếp xúc yêu thương và thương trực với người mình yêu mới có thể đem lại sự nhạy bén ấy trong nhận thức. Những người nào đã sống với nhau lâu năm được liên kết với nhau trong tình yêu, mới đoán được ý của nhau ; họ nhạy bén trước mọi dấu chỉ dù nhỏ nhất về cái thích hoặc không thích của người họ yêu. Họ biết đọc trong mắt nhau những gì không được diễn tả bằng lời.

Đạt tới điểm này, nếu đem áp dụng cho Thiên Chúa sự so sánh với câu chuyện các chiếc cà-vạt, thì không còn được tiến hành thêm nữa. Chúng ta không nhìn thấy Thiên Chúa như một người vợ nhìn thấy chồng mình. Chúng ta không tận tai nghe được tiếng nói của Ngài, hoặc nếu có nghe chẳng nữa, thì cũng không thể cầm chắc được như bà vợ đối với chồng mình rằng đó thật sự là tiếng nói của Ngài.

Vấn đề không chỉ vì Thiên Chúa là Thần Khí mà thôi, và không có mắt miệng như chúng ta. Chúng ta cũng có thể vượt lên trên khó khăn ấy bằng cách tin rằng Ngài nói với chúng ta qua các bí tích, và vay mượn tiếng nói của các vị ngôn sứ, linh mục, giáo hoàng, các thánh sử. Nhưng khó khăn thật để nghe tiếng Thiên Chúa nằm ở chỗ, như chính Kinh Thánh đã khẳng định và như

chúng ta đã giải thích trong các chương trước, là có nhiều tiếng nói khác không phải tiếng Thiên Chúa, đồng bộ xuất hiện với tiếng nói của Ngài. Chính Đức Giêsu cũng đã nói rằng sẽ có những ngôn sứ giả (Mt 7,15), và Gioan đã trưng dẫn : thế gian, xác thịt, ma quỷ, như người đối thủ tinh vi mà chúng ta luôn phải đề phòng (1 Ga 2,15-17 và 5,18-19). Vì những tiếng nói cạnh tranh đó đều tự xưng là tiếng nói của Thiên Chúa, mà thậm chí cả những người được chọn cũng phải lầm tưởng nữa, trừ ra nếu họ biết :

*“mang toàn bộ binh giáp vũ khí của Thiên Chúa để có thể đứng vững trước những mưu chước của ma quỷ. Vì chúng ta chiến đấu không phải với phàm nhân nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần linh quái ác chốn trời cao. Bởi đó anh em hãy nhận lấy toàn bộ binh giáp vũ khí của Thiên Chúa, như thế anh em có thể vận dụng toàn lực để đối phó và đứng vững trong ngày đen tối”* (Ep 6,11-13).

Khi Phaolô phải tự vệ chống lại những đối thủ của mình ở Cô-rin-tô, ông tuyên bố :

*“Vì những kẻ đó là tông đồ giả, là thợ gian xảo, đội lốt tông đồ của Đức Kitô. Lại gì đâu ! Vì chính Xa-tan cũng đội lốt thiên thần sáng láng ! Vậy có gì là khác thường khi kẻ phục vụ nó đội lốt người phục vụ công chính”* (2 Cr 11,13-15).

Sau đây là lý do thứ hai (ngoài sự cần thiết về một sự hiểu biết trưởng thành và đầy yêu thương đối với



### *Những tâm tính thiết yếu cho người cần tiến hành phân định*

Vì sự phân định được tiến hành trong một tình thế lưỡng diện và một mặt nó thay đổi luôn, mặt kia nó lệ thuộc vào sự hiểu biết có được nhờ kinh nghiệm sống với một tình nhân vô hình, kết quả là người phân định phải hội được một vài đức tính cần thiết. Người này, nam hoặc nữ, phải khiêm tốn, bác ái và can đảm. *Khiêm tốn* - vì những hoàn cảnh trong đó đức tin là kim chỉ nam, lại mù tối, và vì sự phân định của chúng ta phần nào bị trở ngại do chúng ta là những người tội lỗi. Thánh Gioan Thánh Giá nói rằng, một trong những dấu chỉ chắc chắn nhất về sự trưởng thành nội tâm là một ý thức ngày càng lớn về tội lỗi của mình. Nếu chúng ta chuyển lời khẳng định này qua lĩnh vực tông đồ khi cần quyết định điều gì, tâm hồn nào thật sự có ý thức về sự phân định, phải trở vượt bởi một sự thiếu tự tin thật hữu ích và một xu hướng để cho Thiên Chúa hành động qua người khác. Cho nên, thời Trung Cổ, đức vâng lời đóng một vai trò lớn trong môn học về sự phân định. Thậm chí cả ngày nay nữa, lúc mà chúng ta coi trọng hơn sự trưởng thành cá nhân và trách nhiệm của người thụ huấn, sự mềm mỏng xuất phát từ lòng khiêm nhường vẫn là dấu chỉ quan trọng cho một sự phân định đích thực.

*thật sự cho Thiên Chúa, đặc biệt nếu linh hồn ấy có thể ảnh hưởng trên cuộc sống của người khác, hơn là gây thiệt thòi cho một đám đông những người nguội lạnh (Ngọn lửa cháy sáng của tình yêu, đoạn III, § 64)*

Thiên Chúa) khiến cho sự phân định trở nên khó khăn : Xa-tan cũng đội lốt “thiên thần sáng láng”. Nó sẵn sàng gia nhập ca đoàn của giáo xứ và ca ngợi Thiên Chúa nếu chung cuộc nó có thể lôi theo trong nước của nó những ca viên. Nó sẵn sàng mưu cầu công bình xã hội, bảo vệ quyền bính của Thiên Chúa nơi hàng giáo phẩm, đỡ đầu cho các nhóm cầu nguyện trong phong trào Thánh Linh, miễn là hậu quả cuối cùng không phải để xây dựng mà là phá đổ Nước Thiên Chúa. Và thậm chí điều đó vẫn đúng cho cả những người hết mình phục vụ Thiên Chúa nữa. Cho nên dù sự hiểu biết đầy yêu thương của chúng ta đối với Thiên Chúa có sâu sắc đến đâu chăng nữa, ở cuộc đời này, chúng ta vẫn phải sống trong sự mù tối của đức tin chứ không phải sự sáng chói của thị kiến.

Về điểm này, thật lạ lùng khi nhận thấy thánh I-nhà-xiô, một trong những bậc thầy lỗi lạc nhất của Giáo Hội về sự phân định, đưa vào những quy tắc Ngài đặt ra cho sự phân định đoạn sau đây : “Các quy tắc là để nhận ra *cách nào đó* những thúc đẩy khác nhau trong tâm hồn, những điều tốt để tiếp nhận, những điều xấu để loại bỏ” (19).

(19) *Linh thao 313* : chính tôi nhấn mạnh điều này. Đây là nhan đề của các điều lệ “riêng cho tuần thứ nhất”. Những quy tắc của tuần thứ hai cũng nhắm đến cùng một kết quả đó với một sự phân định thiêng liêng cao hơn (328) vì chúng giả định trước một sự hiểu biết về Thiên Chúa dựa trên kinh nghiệm sâu hơn. Nhưng, như chính các điều lệ cho thấy rõ, rằng chiến lược của “ma quỷ” tăng thêm về tính tinh vi khi chúng ta càng trở nên trưởng thành. Gioan Thánh Giá, thật vậy, nói rằng ma quỷ sẽ tung ra nhiều nỗ lực để lừa phỉnh chỉ một linh hồn tận hiến

Thêm nữa, người phân định phải có *bác ái*, vì người nào chuyên cầu nguyện và chín chắn, người đó biết rõ những yếu đuối, tội lỗi của bản thân, đồng thời khả năng tự đối mình. Do đó sẽ rất ngần ngại phê phán người khác một cách gay gắt, đơn giản chỉ vì họ không có cùng một cách nhìn như mình. Dù sự phân định của tôi có chính xác chẳng nữa, điều tôi phân định là Thánh Ý Thiên Chúa *cho tôi*, trong hiện trạng của tôi (hoặc *cho chúng ta*, trong trường hợp phức tạp hơn của một sự phân định cộng đoàn đòi phải có sự nhất trí về phía nhóm đang tiến hành phân định). Bình thường tôi không phân định cho một người khác, trừ trường hợp Thiên Chúa đã ban cho tôi một vai trò ngôn sứ để đồng hành với người ấy. Bản thân Phêrô, người mà Thiên Chúa đã dựa cậy để thành lập Giáo Hội, cũng đã không thể biết được đâu là dự án của Thiên Chúa trên Gioan. Khi ông mon men đề cập đến, thì đã bị Đức Giêsu khiển trách: “Giả như Thầy muốn anh ấy còn ở lại cho tới khi Thầy đến, thì việc gì đến anh? Phần anh hãy theo Thầy” (Ga 21,22). Nếu vị Giáo Hoàng đầu tiên cũng không thể hỏi Thiên Chúa những dự án của Ngài trên những người khác, làm sao tôi lại có thể đứng lên làm thẩm phán của họ được?

Người nào phân định một cách khôn ngoan, và đồng thời cũng chứng tỏ được lòng khiêm tốn và bác ái, thì còn cần phải *can đảm* nữa. Vì sự ngờ vực chính mình đang chi phối người đó, tuy hữu ích, nhưng không được làm cho người đó trở nên nhút nhát hoặc tê liệt, mà đúng hơn là can đảm dám mạo hiểm. Đúng vậy, người ấy cảm nhận được một thứ “xác tín” nào đó đối với Thánh Ý

Thiên Chúa trên mình. Đó là một xác tín được đức tin chứ chẳng phải lý trí ban cho, và xác tín ấy mang tính thực tiễn hơn là lý thuyết; qua đó tôi muốn nói là tôi cảm chắc sau khi đã cầu nguyện và cởi mở với vị linh hướng, rằng tôi phải hành động như thế này thế khác, trong hoàn cảnh hiện nay của tôi, và tôi xác tín rằng đối với tôi đó là cách hành động đứng đắn và bác ái nhất. Tôi có thể không biết tại sao. Xét theo mặt khách quan, tôi có thể sai lầm. Nhưng Thiên Chúa đâu yêu cầu chúng ta luôn có lý, cũng rất may! Điều Ngài yêu cầu, là luôn thẳng thắn và trung thành với Thánh Ý của Ngài cách nào để chúng ta có thể thấu hiểu Thánh Ý đó tốt nhất theo khả năng của mình. Kierkegaard đã nắm bắt được sự khác biệt giữa tính ngay ngắn lương thiện, và đã có lý khi ông định nghĩa chân lý tôn giáo như “điều không chắc về mặt khách quan, được duy trì trong sự chiêm hữu của tính nội tâm đầy say mê nhất”. Cho nên, có xác tín về mặt chủ quan (thậm chí cả đầy say mê nữa) sau khi tôi đã phân định một cách ngay ngắn rằng đường lối hành động nào đó thật sự đại biểu cho tôi Thánh Ý Thiên Chúa. Nhưng chung chung cũng còn “mặt khách quan không chắc”, nghĩa là tôi không hiểu một cách rõ ràng tại sao việc làm ấy (20) mới là Thánh ý Thiên

(20) Có lẽ người ta ngạc nhiên nhận thấy rằng “mặt khách quan không chắc” ấy sẽ tăng thêm chứ không giảm bớt khi đời sống cầu nguyện của chúng ta càng được đào sâu. Chúng ta được đưa đẩy sống trong đêm tối của đức tin ngày càng hoàn toàn hơn (hoặc trong kinh nghiệm về ngọn suối cạn, hoặc về đám mây mù của điều không biết được), thì chúng ta lại càng ít hiểu hơn Thiên

chúng ta hãy trở lại bây giờ với những người bạn của chúng ta - và đặc biệt với Letty - để xem chúng ta sẽ đề cập như thế nào đến vấn đề của chị ấy trong ưu tư phân định.

Các bạn chưa quên hoàn cảnh của Letty : chị ấy mới khẩn lãn đầu trong một dòng tu làm việc Tông đồ. Dòng tu của chị, cũng như biết bao dòng khác ngày nay (ở điểm này tỏ ra trung thành với tinh thần của Công Đồng Vatican II và với giáo huấn của vị Giáo Hoàng sau cùng) cảm thấy cần làm chứng về đức tin của mình và mưu cầu công bình xã hội. Thời mà các dòng hoạt động có thể tiện nghi an nghỉ nơi việc vạch biên giới giữa vai trò của những người tận hiến và giáo dân, nay tuyệt đối đã qua rồi. Cách vạch biên giới ấy dựa trên một cái nhìn về đời tu, nơi mà tu sĩ chỉ làm chứng về đức tin, trong khi việc mưu cầu công bình xã hội lại thuộc về giáo dân. Dù là trong khuôn khổ của các nước phát triển, với những vấn đề như quyền lợi dành cho những người thiểu số và chiến tranh hạt nhân, hoặc của thế giới thứ ba với những vấn đề giải phóng và phát triển, đức tin và sự công bình rõ ràng càng ngày càng được nhận thức như không thể tách rời nhau. Cái huyền và cái tục, chiều kích thế mạt và chiều kích nhập thể của đức tin Kytô Giáo là thành phần của một việc loan báo Tin Mừng duy nhất.

Trên lý thuyết, tính toàn bộ của ơn gọi đó thì đã rõ. Nhưng trong thực tế, có nhiều nố căng thẳng từ đó, đối với những vị tông đồ của chúng ta ngày nay. Làm sao một dòng tu có thể sáp nhập cả hai chiều kích trên trong cùng một thừa tác vụ ? Làm sao một cá nhân cụ

Chúa. Có những lúc, thậm chí chúng ta có thể đi ngược lại với điều mà chúng ta nghĩ là lối hành xử hay nhất nữa, khi phân định trong đức tin. Một ví dụ cổ điển mà Kierkegaard ưa thích là việc mời gọi Áp-ra-ham hy sinh I-xa-ác, đứa con trai duy nhất, mặc dù Thiên Chúa đã hứa làm cho ông trở nên cha của một dân tộc lớn lao hùng cường (St 18,18). Đáp lại với việc mời gọi đó, sau khi đã phân định được, chắc chắn đòi hỏi nhiều can đảm.

### *Nố lương tâm của Letty*

Những hoàn cảnh cụ thể trong đó Joe, Letty, Ed và Maria đang phải đối diện với một sự lựa chọn khó khăn đã cho phép chúng ta nghiên cứu về bản chất và bối cảnh của sự phân định. Mỗi người trong họ đều bị đặt ở trong một hoàn cảnh khó xử mà họ không chỉ coi như một vấn đề cần giải quyết bằng những phương tiện loài người, nhưng còn như một mớ mìn đi tìm và chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong cuộc đời của mình ; và cả ba đều đến tìm sự giúp đỡ của một vị linh hướng để tìm ra giải pháp phù hợp với ước muốn của Thiên Chúa.

Để cho điều chúng ta đã khảo sát và trình bày thêm minh bạch, và có thể áp dụng trong thực tiễn,

---

*Chúa hành động như thế nào (xem Thánh Gioan Thánh Giá, Con đường lên núi Camêlô, II, 6, § 2). Chủ định của cuốn Bóng tối trên quảng trường (Darkness in the Marketplace) là cho thấy rằng sự mù tối ấy xuất hiện trong cuộc đời của những ơn gọi hoạt động cũng như của những ơn gọi cầu nguyện, ngang nhau.*

thể hóa được, trong những giới hạn ngắn ngủi của cuộc đời, hai tiếng gọi làm chứng cho đức tin và mưu cầu công bình xã hội được? Mỗi ngày chỉ có hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Và rõ ràng là không ai trong chúng ta, cũng không một nhóm nào có thể làm hết mọi sự một mình cả. Do đó mà nảy sinh nhiều nổ căng thẳng khi chúng ta cố gắng phân định đâu là phần của sứ mệnh Kytô Giáo thật sự được giao phó riêng cho chúng ta.

Về vấn đề đó, như chúng ta đã thấy, cộng đoàn của Letty không thống nhất. Một nhóm chủ trương rằng, theo định nghĩa, một tu sĩ trước tiên là một nhân chứng của đức tin, còn nhiệm vụ mưu cầu công bình xã hội là bốn phần của giáo dân, thêm nữa lại đưa tới “sự hiếu động” và việc dẫn thân về mặt chính trị. Nhóm kia cho rằng sự phân biệt giữa những chức năng của tu sĩ và giáo dân như vậy là không thực tế trong hoàn cảnh hiện nay. Nhóm này cho rằng bất cứ việc công bố Tin Mừng nào không đặt trung tâm điểm nơi vấn đề bất công xã hội, đồng thời sự cần thiết giải phóng khỏi vòng nô lệ mọi con người bị người khác bóc lột, trong trường hợp tốt nhất là một điều vô nghĩa, còn trong trường hợp xấu nhất lại là một sự hèn nhát. Để làm cho vấn đề thêm phức tạp, mỗi bên có thể trích Kinh Thánh và lập trường mới nhất của Giáo Hội hầu yểm trợ cho quan điểm của mình, điều mà họ đã không hề bỏ qua.

Chúng ta có thể khuyên gì với Letty nào? Điều thứ nhất cần nói, theo tôi, là loại bất đồng và khác quan điểm kiểu này không tránh được trong một đời sống đức tin. Trong những ngày đầu của Giáo Hội đã là vậy với

cuộc xung đột giữa Phêrô, Phaolô và Giacôbê về câu hỏi có nên chăng bắt dân ngoại mới trở lại đạo giữ luật lệ của người Do Thái. Nếu mọi vấn đề đều có thể có một câu trả lời hợp lý và rõ ràng thì đâu cần đến đức tin và cả sự phân định nữa. Thay vì cảm thấy chán nản trước sự bất định của bản thân, Letty phải nhìn thấy ở đó một sự mời mọc bình thường để đào sâu đức tin của mình và tín nhiệm nơi Thiên Chúa, đồng thời một sự động viên tiếp nhận Thiên Chúa theo cách Ngài lên tiếng.

Để trở nên người dễ dàng tiếp thu tiếng nói của Thiên Chúa hơn, Letty phải hiểu rằng Ngài luôn lên tiếng *trong sự bình an*. Sự náo động, bồn chồn lo lắng, bực bội không bao giờ là những dấu chỉ báo hiệu tiếng nói của Ngài cả vì là những hình thức phiền muộn. Đây là quy luật cơ bản của sự phân định theo nghĩa sít sao nhất mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong các chương tới, và đã được nói tới một cách mặc nhiên khi chúng ta đề cập tới sự khiêm tốn và bác ái như là những đức tính quan yếu cho một sự phân định tốt. Một tâm hồn được xác định là thật sự cởi mở với Thiên Chúa, không bao giờ được biểu hiện bằng một sự tự mãn đầy khiêu khích hoặc một sự cố chấp đầy lo lắng.

Nếu hai nhóm trong cộng đoàn của Letty dùng hết năng lượng để loại trừ lẫn nhau, nếu sự bất đồng của họ không được đượm nhuần bởi sự trung thực, tình yêu và việc cởi mở đối với cái nhìn của bên kia, lúc đó thật sự Letty bị đặt trong một tình thế rất tế nhị. Thần Khí Thiên Chúa khó lòng hành động trong một cộng đoàn đang giao chiến. Nhưng trái lại, chúng ta hãy giả định là

bầu khí của cộng đoàn là một bầu khí yêu thương, khiêm tốn và can đảm, dù các thành viên vẫn không nhất trí về điều Thiên Chúa đang thật sự chờ đợi ở nơi họ ngày nay trong tư cách là những nữ tu (21).

Trong trường hợp này chúng ta có thể trở về với Letty và với vấn đề riêng của chị ấy. Chúng ta có thể tìm hiểu về ước muốn làm Thánh Ý Thiên Chúa và sự hiểu biết của chị ấy về đường lối của Thiên Chúa. Sự hiểu biết này có thể kém cỏi vì Letty còn trẻ và mới bắt đầu trong kinh nghiệm cầu nguyện. Nhưng sự khiêm tốn bác ái và quyết tâm của chị ấy có phù hợp với những gì chúng ta mô tả trên đây không? Nữ tu này có thật sự mong muốn học hỏi và lớn lên không? Việc chị ấy đến xin giúp đỡ, nói lên rõ sự mềm mỏng của chị. Letty có thẳng thắn thành thật với Dòng tu của mình không, có lấy làm buồn phiền về sự chia rẽ chị nhận thấy không, có mong là một yếu tố chữa trị và thống nhất không, trong chừng mực có thể được? Đòi hỏi bấy nhiêu sự cũng là đã khá nhiều rồi đó nơi một người vừa mới kết thúc nhà tập. Nhưng một sự thẳng thắn kiểu ấy, ngày nay, cũng không hiếm đâu nơi một nữ tu trẻ. Cám ơn Chúa! Và cá tính rõ nét của chị ấy có thể làm cho nhà

(21) Dĩ nhiên, chúng ta cũng có thể giúp đỡ Letty khám phá ra tiếng gọi của mình, thậm chí cả trong hoàn cảnh tồi tệ của cộng đoàn. Những nguyên tắc để tiến hành phân định cho chính mình thì cũng giống như cho cộng đoàn. Nhưng vấn đề khó hơn và đau đớn hơn, đặc biệt đối với một nữ tu mới khẩn như Letty. Nữ tu này chưa có được một tương quan trưởng thành với Thiên Chúa, do đó càng phải lệ thuộc vào những giá trị cụ thể của Dòng tu.

Dòng hy vọng rằng đây là một ơn gọi vững vàng và bền bỉ, đồng thời có khả năng phân định tốt trong trường hợp này. Nếu Letty là một loại người như vậy, lòng bác ái, sự khiêm nhường và can đảm của chị ấy là bền vững.

Như được mô tả trên đây, Letty đã hội đủ hai điều kiện đầu tiên, để tiến hành phân định như đầu chương này đã trình bày: ao ước biết được Thánh Ý Thiên Chúa và thành tâm làm “việc của Chúa” chứ không chỉ “những công việc cho Chúa” mà thôi. Nhưng cũng là điều tốt nếu giải thích thêm cho chị ấy hiểu điểm sau cùng này.

Rất thường xuyên, sự phân biệt giữa làm “công việc của Chúa” (điều Ngài muốn) và “những việc cho Chúa” (điều tôi muốn cho Ngài (22)) thì không rõ ràng, thậm chí cả đối với những nam tu sĩ lão luyện nữa. Dựa vào chính kinh nghiệm linh hướng của mình, thậm chí tôi có thể nói là nắm bắt được đầy đủ sự phân biệt này giả định một sự tiến triển thiêng liêng khá cao và đúng ra thì hiếm có.

Nếu Letty chưa khám phá được “làm công việc của Chúa” mang ý nghĩa gì - hoặc thiếu một hoặc thiếu nhiều điều kiện sơ bộ đã được nói đến một cách chi tiết trên đây - một vị linh hướng tốt sẽ phải sẵn sàng giúp chị ấy tự luyện cho mình một trái tim có khả năng phân định. Phải có thời giờ và sự kiên nhẫn. Dễ hơn nhiều nếu đơn giản đem lại cho vấn đề của Letty hiện nay một câu

(22) Để nghiên cứu về sự phân biệt này, tham khảo chương hai và ba của “Bóng tối trên quảng trường” (Darkness in the Marketplace).

trả lời. Và nhanh hơn nếu tôi cứ đưa ra ý kiến của tôi về vấn đề hiếu động cũng như Phúc Âm hóa, và nói lên tại sao tôi cảm thấy chị ấy phải theo ý kiến của tôi. Đó là phương pháp nhanh nhất do đó là phương pháp thường được dùng nhất, nhưng người ta không phân định kiểu đó. Sau khi đã được “linh hướng” như vậy, Letty sẽ không tiến xa hơn trên con đường *discreta caritas* mà chúng ta đã nói tới. Và khi đã về già, nữ tu Letty cao niên và nhiều kinh nghiệm vẫn sẽ không biết phân định, và muôn đời sẽ không bao giờ biết loại cà-vạt nào sẽ làm vừa lòng Đấng mình yêu mến.

Cho nên chắc chắn Letty cần đến một vị linh hướng tốt để khám phá ra điều Thiên Chúa chờ đợi nơi mình. Cũng vậy đối với Joe, Ed và Maria, vì cả họ nữa cũng còn trẻ và thiếu kinh nghiệm trong đường lối của Thiên Chúa. Điều kiện sơ đẳng thứ ba để phân định : một sự hiểu biết sâu xa về Thiên Chúa và về những gì làm đẹp lòng Ngài mà kinh nghiệm đem lại, nói chung chỉ được thể hiện một cách chậm chạp sau nhiều năm sống thân mật với Ngài. Nhưng thậm chí cả vào giai đoạn đến sớm này trong cuộc đời của Letty, người linh hướng không nên đóng một vai trò hướng dẫn nhưng chỉ đồng hành thôi. Vị đó cần giúp chị nữ tu trẻ này khám phá ra *trong chính kinh nghiệm của mình* những dấu chỉ về điều làm Thiên Chúa hài lòng, phân định tiếng nói của Thiên Chúa giữa vô vàn tiếng nói cạnh tranh khác, bằng cách động viên chị ấy khám phá cái chị phải tìm thấy ở bên trong chính mình. Nếu vị linh hướng làm tốt phần việc của mình, nếu Letty thật sự để cho người khác giúp

mình và mong được lớn lên, thì nổ lương tâm đặc biệt đưa đẩy chị ấy đến yêu cầu một vị linh hướng giúp đỡ, sẽ là cơ hội để chị bước vào một thời kỳ chín chắn lớn hơn và mới mẻ trong Thiên Chúa. Chị ấy sẽ thực sự tìm ra Thánh Ý Thiên Chúa cho chính bản thân mình trong hoàn cảnh cụ thể này. Nhưng chị ấy sẽ còn khám phá nhiều hơn nữa : chị sẽ học đọc được “những dấu chỉ thời đại” trong chính cuộc đời của cá nhân chị và trong cả cuộc sống của cộng đoàn. Chị sẽ học khám phá ra Thánh Ý của Thiên Chúa trong mọi tình thế khủng hoảng mà chị sẽ chạm trán những năm tới. Với ơn Chúa, chị sẽ trở nên một người thật sự có khả năng phân định.

### *Những dấu chỉ thời đại*

Đâu là những “dấu chỉ” thời đại của Thiên Chúa mà một vị linh hướng tốt có thể dạy cho Letty phân định ? Đó là những quy tắc phân định như đã được trình bày một cách cổ điển trong tập *linh thao* của Thánh I-nha-xiô đệ Loyola (23). Chương này được dành để nói

(23) Về sự linh hướng được coi như là nơi quen thuộc cho việc phân định đối với những người mới bắt đầu *Sự linh hướng ngày nay : địa bàn hoạt động và những nguyên tắc* (“*Contemporary Spiritual Direction : Scope and Principles*”), một tác phẩm rất tốt của William J. Connolly, Dòng Tên, trong bộ *Nghiên cứu về Dòng Tên*, 7 tập, số 3 (1975). Xem thêm “*Thực hành linh hướng*” của William A. Barry và William J. Connolly - Bộ “*Christus*” NXB Desclée de Brouwer, 1989.

đến bối cảnh hoặc “bầu khí” của sự phân định trong việc linh hướng chứ không nói đến chính diễn biến của sự phân định : thật vậy, chúng tôi tự giới hạn ở việc nghiên cứu những điều kiện trước tiên cần thiết cho một sự phân định đích thực. Chính việc tiến hành phân định sẽ là đối tượng của phần hai và ba trong cuốn sách này. Tuy vậy chúng ta cũng đã ghi nhận rằng những tiêu chuẩn cơ bản để tiến hành phân định đều nằm trong Kinh Thánh ở những đoạn như :

- Gl 5,22-23 : “ *Còn hoa quả của Thần Khí là : bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa, tiết độ.*”
- 1 Ga 4,2 : “ *Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra Thần Khí của Thiên Chúa : Thần Khí nào tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Đấng đã đến và trở nên người phàm.*”
- Ga 13,35 : “ *Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy : là anh em có lòng yêu thương nhau.*”
- Ga 14,27 : “ *Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban cho anh em bình an của Thầy.*”

Đó là một vài hoa quả của Thần Khí Thiên Chúa, nhờ đó chúng ta xác định được sự hiện diện và hoạt động của Ngài trong chúng ta .

Còn những hậu quả của tinh thần xấu là gì, tinh thần này cũng làm việc luôn trong cuộc đời của chúng ta ? Chúng sẽ ngược lại với những kết quả của tinh thần tốt (thay vì sự bình an là sự bồn chồn náo động) hoặc hậu quả là sự nhại lại tinh thần tốt nhiều cách (tinh yêu

đối với gia đình hoặc đối với quê hương bề ngoài có vẻ tốt nhưng thực chất là bất chính hỗn độn, mà rốt cuộc cũng chẳng còn là tình yêu nữa). Vì Xa-tan thường đội lốt thiên thần sáng láng, không luôn luôn dễ dàng xác định đâu là những hoa quả báo hiệu tinh thần tốt. Những cộng đoàn quy tụ để cầu nguyện nhân danh Đức Kitô, hoặc để làm việc cho vinh quang Ngài, trong thực tế có thể sống cuộn tròn trên chính mình và tỏ ra cố chấp, sự cố chấp này dễ dàng mang mặt nạ của lòng quảng đại và sự sốt sắng. Nhưng nếu Letty kiên trì và tiến bộ trong nghệ thuật phân định, dần dần chị ấy sẽ học nhận ra và đánh giá được những hoa trái ấy, tốt hoặc xấu trong cuộc đời và trong sự cầu nguyện của mình.

Thế nên đâu là câu trả lời cho vấn đề cụ thể được đặt ra khi bắt đầu bài giảng này ? Letty phải chọn “sự hiểu động” hay “không dẫn thân” ? Chúng tôi đã không nói lên được trong chương này vì không thể nói được. Một mình Thiên Chúa mới có được câu trả lời vì chính Thánh Ý Ngài mà chúng ta kiếm tìm. Đôi khi đức vâng lời, đặc sủng của nhà Dòng, hoặc nữa, một vài hoàn cảnh sẽ giúp cho Thánh Ý đó tỏ tường. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, sự nhập nhằng vẫn còn mãi, kể cả sau khi những yếu tố trên đây đã được lưu ý đến. Lúc bấy giờ nữ tu Letty, hay chủng sinh Joe (24) hoặc Ed và Maria, sẽ phải quay mặt về với nội tâm, trong cầu nguyện và đọc cho được những dấu hiệu của các tính

(24) mà trường hợp đã được nghiên cứu trong “ *Sự cởi mở với Thiên Chúa*” (Opening to God).

thần khác nhau đang làm việc trong chính cuộc đời của họ. Nói chung, họ sẽ phải cần đến một người dẫn đường, một vị đồng hành để giúp họ trong công việc phân định này : một người kinh nghiệm hơn họ trong đường lối của Thiên Chúa, người sẵn sàng đi bên cạnh họ trên con đường sẽ đưa họ đến giao điểm, nơi mà sự cầu nguyện và hoạt động gặp nhau. Điều chúng ta đã cho thấy, tôi mong vậy, là Letty và vị đồng hành phải là loại người như thế nào để đoạn đường họ cùng đi đó, đem lại hoa trái. Nhưng nếu Letty được đặt trên đúng con đường tiến về sự phân định, rất có thể là nữ tu này không đặt nặng vấn đề công việc phải làm cho lắm, miễn là việc đó là công trình của Thiên Chúa .

### *Bài thực tập*

– Hãy mô tả một thời điểm quan trọng trong cuộc sống của bạn, lúc mà sự phân định được đặt ra (xem những hoàn cảnh được mô tả trong chương này). Chính xác đâu là điểm cần phân định trong trường hợp của bạn ? – Khi xem xét ba điều kiện ở bước đầu cần hội được và ba đức tính của con tim thiết yếu đi kèm, trong chừng mực nào bạn đã có những chuẩn bị được yêu cầu để tiến hành phân định một cách đích thực và có kết quả ?

## II

# Gieo giống tốt



## 4

## Ba hồi

## để lựa chọn một cách đúng đắn

Trong những chương đầu của cuốn sách này, chúng ta đã đề cập đến vấn đề “Chuẩn bị đất” (là tựa đề của phần đầu) để có được một mùa gặt tốt. Trong công việc chuẩn bị đó, chúng ta đã đặc biệt lưu ý đến hai khía cạnh chính yếu : đào sâu ý nghĩa của từ “phân định” dựa vào Cựu Ước và Tân Ước một mặt, và mặt kia nói rõ đâu là những tâm tính cần thiết cho người muốn có được một sự phân định thật sự (điều mà chúng ta gọi là “những điều kiện tiên quyết” và “những đức tính chủ yếu của con tim”). Khía cạnh thứ nhất, có được một ý niệm rõ ràng về bản chất của sự phân định, là tối cần thiết nếu chúng ta muốn rằng việc thực hành phân định đâm rễ trong sự hiểu biết ngay ngắn và chắc chắn về cách lối mà Thiên Chúa xử sự với dân Ngài và với chúng ta. Thiên Chúa của Đức Giêsu Kitô, như chúng ta đã thấy, muốn có với chúng ta tương quan của một người Cha đầy yêu thương đối với những đứa con trưởng thành của mình. Ngài muốn có thể liên kết chúng ta trong việc đeo đuổi công trình tạo dựng và cứu rỗi, với tư cách là những

thành viên chín chắn và có trách nhiệm. Đồng thời, “tiếng nói” của Ngài không phải là tiếng nói duy nhất mà chúng ta bắt được ; nhiều tiếng nói cạnh tranh tìm chi phối sự chú ý của chúng ta. Xa hơn trong tác phẩm này, rồi đây chúng ta sẽ phải nhận ra bản chất và xuất xứ của những tiếng nói đó, và chúng ta sẽ thấy là chúng thay đổi hoặc chúng mang những âm sắc khác nhau, tùy theo những giai đoạn tiến triển của chúng ta .

Khía cạnh thứ hai của việc chuẩn bị đất là sự nghiên cứu các điều kiện cần thiết để tiến hành phân định một cách lành mạnh, và những đức tính của con tim không thể thiếu được cho một tình yêu sáng suốt. Điều kiện tiên quyết thứ ba chúng ta đã phân biệt là một sự hiểu biết về những đường lối của Thiên Chúa được ghi nhận, nhưng không phải là một đức tính phổ biến nơi những người mới bắt đầu. Cho nên, một người linh hướng tốt hoặc một người đồng hành, thường là cần thiết. Nhưng vấn đề ở chỗ, sự linh hướng tốt là chuyện hiếm có. Nếu có tìm được chẳng nữa, người đóng vai vị linh hướng (nam hoặc nữ) phải hiểu rằng nhiệm vụ của họ không phải biến người ta thành những người lệ thuộc vào sự giúp đỡ của mình, mà khuyến khích chính họ trở nên những người cầu nguyện và có khả năng phân định. Vì hai lý do đó, thật quan trọng nếu đặt được ở tầm tay của tối đa những tín hữu ước mong sống đức tin mình, những dụng cụ cho phép chính họ có được một tình yêu sáng suốt.

Những năm qua, bài giảng về sự phân định của tôi, đã là đối tượng “cầu” lớn hơn nhiều điều tôi có thể

“cung” được, và những người tham dự là những linh mục, nữ tu và giáo dân với sĩ số gần ngang nhau. Sự hiện diện của những giáo dân này và lợi ích họ đã rút ra được từ bài giảng ấy đã đem lại cho tôi nhiều niềm vui. Bất chấp sự lúng túng lúc đầu để chia sẻ với những nữ tu, chủng sinh và linh mục, rất nhanh họ nhận ra là họ có nhiều cái để cho đi, - và trên thực tế, họ đem tới một kinh nghiệm phong phú duy nhất, bổ túc cho kinh nghiệm của những sinh viên khác, một cách rất đáng kể. Họ có nhiều lý do để theo học : một số là thành viên của các phong trào Thánh Linh, một số khác đang dẫn thân trong hoạt động tông đồ ở các giáo xứ, và một vài người trong họ đang tìm áp dụng sự phân định vào một thời điểm then chốt nơi đời sống Kytô giáo của mình. Dù lý do nào chẳng nữa, ích lợi mà họ rút ra được từ giáo huấn này, cho tôi xác tín rằng, nghệ thuật phân định phải được truyền đạt cho một số người đông hơn nữa trong cộng đồng Kytô giáo.

Trong sách Xuất Hành (Xh 18,13-27) có một đoạn thật hay, mô tả một cách cụ thể những nhận xét của tôi. Nó được trích dẫn trong Phụng vụ giờ kinh Sách tuần thứ hai mùa Chay, thứ năm, và đề cập đến công việc xử kiện của Môsê trong cộng đồng Do thái. Nhạc phụ thấy ông xử kiện “từ sáng đến chiều” mới hỏi ông điều ông làm cho dân đó là gì vậy, và tại sao lại phải làm như thế. Môsê trả lời : “Ấy là vì dân đến với tôi để thỉnh vấn Thiên Chúa - khi họ có điều gì, họ đến với tôi và tôi phân xử họ với nhau đồng thời tôi tỏ cho họ biết các thánh chỉ của Thiên Chúa cùng các luật điều của

Người”. Nhạc phụ của ông chú thích : “Điều nặng quá sức ông, ông không thể làm nổi một mình. Rồi ông sẽ bị quy, cả ông và dân kia ở với ông”. Ông đề nghị Môsê phân chia công việc xét xử ấy ra :

*“Về phía ông, ông hãy thay cho dân đối với Thiên Chúa, và trình việc lên Thiên Chúa. Ông sẽ biểu thị cho họ các thánh chỉ và luật điều và tỏ cho họ biết đường lối họ phải đi, và cách họ phải xử sự. Phần ông, ông hãy chọn trong toàn dân những người tài cán, kính sợ Thiên Chúa, những người trung thực, ghét hối lộ mà đặt trên họ... Họ sẽ phân xử dân mọi thời ; khi có đại sự, thì họ trình lại cho ông, còn tất cả những việc nhỏ thì chính họ phân xử lấy. Hãy làm như vậy mà nhẹ gánh đi ; họ hãy vác đỡ ông !” (Xh 18,13-27).*

Nhạc phụ của Môsê thật là một người khôn ngoan ! Ông biết rằng Môsê không thể một mình gánh vác toàn dân. Môsê phải có những phụ trách đại biểu cho ông và chia sẻ đặc sủng với ông, nếu ông muốn sống còn và sử dụng đầy đủ những ân huệ của mình cho ích lợi của dân Chúa.

Khi đề cập tới việc cầu nguyện và sự phân định, tôi muốn khuyên tất cả những ai coi công việc tăng trưởng nội tâm, nên có một vị linh hướng. Vậy mà người ta luôn đáp lại tôi, dù ở Ai-len, Philippines hoặc ở Hoa Kỳ, rằng tìm được một vị linh hướng tốt là chuyện “mò kim đáy biển”. Nếu đúng như vậy, thì có lẽ là vì chúng tôi, những vị linh hướng đã bỏ qua lời khuyên của nhạc phụ Môsê. Dù sao, xác tín đó đã hướng dẫn thừa tác vụ

cùng việc giảng dạy của tôi, và đã đưa đẩy tôi viết cuốn sách này. Môsê cần làm hai công việc : thứ nhất, ban bố cho dân những thánh chỉ và luật điều, “tỏ cho họ biết đường lối họ phải đi và cách họ phải xử sự” trong những hoàn cảnh cụ thể. Thứ hai là chọn và đào tạo những người, nam cũng như nữ, có khả năng chia sẻ gánh nặng và “xét xử” vấn đề của dân Chúa. Nhạc phụ của Môsê kết thúc bằng một lời đầy khích lệ, cũng có giá trị cho chính chúng ta : “Nếu ông làm điều này, Thiên Chúa sẽ chỉ bảo cho ông và ông sẽ có thể đứng nổi. Và cả toàn dân đây sẽ đi đến nơi đến chốn bằng yên.”

### *Khi nào phân định và điều gì*

Rất may, Giáo Hội đã ban cho chúng ta một Môsê nơi con người của I-nha-xiô đệ Lôiôla, mà đặc sủng là đã thảo ra cho cộng đồng Kytô giáo những nguyên tắc cơ bản về tình yêu sáng suốt này. Ở chương 3, chúng ta đã giải thích trong bối cảnh nào nơi *Tập Linh thao*, mục đích của sự phân định được đặt ra ; và chúng ta đã thấy rằng, đối với I-nha-xiô, điểm xuất phát là một tư thế cơ bản của tâm hồn : “chủ ý ngay lành” mà chúng ta đã gọi là “sự cởi mở với Thiên Chúa”. Kế đến là “những điều mà mình phải tiến hành lựa chọn” (§ 170-174), bằng cách nói rõ rằng không được đặt lại những chọn lựa “không thể hủy bỏ được” (chẳng hạn như hôn nhân, chức linh mục), khi chúng được tiến hành thành sự. Người ta cũng không xem xét lại những quyết

định có thể hủy bỏ nếu sự lựa chọn đó được tiến hành “phải phép và trong trật tự”, có thể là những ghi chú ấy có vẻ quá hiển nhiên để cần được đề cập đến, nhưng tôi nhận thấy rằng ma quỷ phá phách những người có ý tốt bằng cách gây lo lắng về những chọn lựa đã được tiến hành và không ngừng đặt lại vấn đề về chúng. Thường những người như vậy, dễ bị tổn thương, vì hình ảnh của họ về Thiên Chúa là hình ảnh của một tên múa rối, hoặc hơn nữa, của người cha những đứa con nhỏ, ngự trị trên trời, cứng nhắc giữ ý muốn của mình, và sát phạt cả những người vì vô tình đã không bao giờ đọc được tư tưởng của Ngài một cách ngay ngắn. Vậy mà, nếu loài người chúng ta xử sự như vậy, thì Thiên Chúa, như chúng ta đã thấy ở chương đầu, Ngài lại hành động cách khác.

Lời khuyên của I-nha-xiô, trong những trường hợp tương tự, thật vô cùng lành mạnh và mang tính giải thoát. Khi sự lựa chọn đã được tiến hành một cách thành tâm và tốt đẹp (như chúng ta sẽ thấy, điều này không nhất thiết có nghĩa là một cách “chính xác”, và xét về mặt khách quan là tốt nhất đâu, vì chúng ta rất hiếm khi có được sự chắc chắn như vậy, đối với những quyết định được tiến hành trong đức tin - xem chương 3) “Lúc bấy giờ, I-nha-xiô nói, không cần lựa chọn trở lại, nhưng cải tiến sự lựa chọn ấy trong chừng mực có thể được. Thậm chí cả trong trường hợp của một quyết định không tốt nhưng không thể hủy bỏ (I-nha-xiô lấy ví dụ của hôn nhân hoặc của chức linh mục). Ngài tuyên bố: “Không còn lựa chọn được nữa vì mình không thể tháo gỡ được.”

Điều này có vẻ mâu thuẫn với sự thực hành của chúng ta hiện nay, vì phép chuẩn đối với tình trạng độc thân của linh mục và những cuộc hôn nhân bị hủy bỏ (và thậm chí cả những cuộc ly thân nữa) cũng dễ xin hơn. Tôi không nghĩ là có sự mâu thuẫn đâu. Điều có thể “hủy bỏ” cũng có khả năng thay đổi tùy theo các giai đoạn khác nhau của lịch sử Giáo Hội, vì lịch sử này đậm rề trong cái cụ thể của một môi trường xã hội và tâm lý, lại có xu hướng thay đổi. Nhưng các cuộc lựa chọn sai lầm đều là những thảm kịch, dù cách quản lý thảm kịch ấy có thể thay đổi (25). Chủ định của I-nha-xiô không phải là xác định những lựa chọn nào là không hủy bỏ được, mà là chỉ cho chúng ta thấy phải làm gì khi một quyết định loại đó được tiến hành. Trong trường hợp này, thánh nhân nói: “Điều duy nhất cần hiểu, nếu sự lựa chọn đã được tiến

(25) *Người ta ngạc nhiên ghi nhận đến mức nào tư tưởng của I-nha-xiô đặc biệt hiện đại, cho dù ông không nói đến những thực hành tư pháp hoặc mục vụ hiện nay của chúng ta và cả không nghĩ đến nữa. Nhưng hình như một cách không chối cãi được, ông đặt nền tảng cho thái độ khoan hồng của Giáo Hội ngày nay khi ông tuyên bố: “Một sự lựa chọn thế đó hình như không phải là một ơn gọi từ phía Thiên Chúa, vì đó là một sự lựa chọn hỗn độn không ngay ngắn và xấu, nhiều người lầm lẫn điều đó, coi một sự chọn lựa hỗn độn hoặc xấu là một ơn gọi của Thiên Chúa. Thật vậy mọi ơn gọi của Thiên Chúa đều luôn thanh thoát và rõ ràng mà không chút gì là xác thịt hoặc mối duyên ái bất chính lẫn vào” (§ 172) - Thiên Chúa của I-nha-xiô hình như không chỉ là một Thiên Chúa “Thánh, thánh, ngàn trùng chí thánh” mà thôi, nhưng còn là một Thiên Chúa hết sức trưởng thành do sự tự do lầm lẫn mà Ngài ban cho các con của Ngài.*

hành đúng như phải làm và một cách có trật tự, không bị những mối luyến ái bất chính xen vào, sau khi đã sám hối, và tìm cách sống tốt trong điều mình đã lựa chọn”, và điều hiển nhiên lầy lừng nhất được lòng tốt của Thiên Chúa ban cho chúng ta, là Ngài đã vui lòng viết thẳng với những đường cong.

Đĩ nhiên, vấn đề ở đây không phải là tán thành tội lỗi hoặc gợi ý cho việc cố tình tiến hành những lựa chọn thiếu chín chắn và không ngay ngắn, để lôi hút từ phía Thiên Chúa nhiều lòng xót thương hơn. Và như Phaolô đã viết trong chương 6 thư gửi Rôma, những ai yêu thương thật tình, và thật sự đã kinh nghiệm về sự tha thứ và lòng từ bi của Đức Giêsu Kitô thì chỉ có thể ao ước sống phù hợp hơn mãi với mối tình ấy qua những lựa chọn mà chính họ đã tiến hành một cách tự do. Đối với I-nhà-xiô, đó cũng là một điều quan trọng, cho nên ông sẽ vạch ranh giới của cuộc tranh luận cho những vấn đề cần tiến hành lựa chọn đối với những ai đã đâm rễ sâu trong tình yêu của Thiên Chúa. Cho tới nay (nghĩa là cuối tuần thứ hai), tất cả cố gắng của *việc linh thao* chung quy ở điểm : đưa tâm hồn tới sự cởi mở hoàn toàn với điều Thiên Chúa đang chờ đợi nơi mình. Nếu những sự lựa chọn có thể hủy bỏ được tiến hành một cách không thích hợp, nghĩa là sự lựa chọn đó không được tiến hành một cách thành tâm và trong trật tự, thì trong trường hợp này nên lựa chọn trở lại theo lẽ thường, đối với bất cứ ai mong muốn từ mình nảy sinh những hoa quả đáng kể và rất đẹp lòng Thiên Chúa, Chúa chúng ta” (§ 174). Còn nếu sự lựa chọn ấy chưa bao giờ được tiến hành - chẳng

hạn tâm hồn đó vẫn còn tự do, vào lúc đạt được sự cởi mở thật với Thánh Ý Thiên Chúa, để lựa chọn hoặc hôn nhân, sự độc thân hay đời tu - thì lúc bấy giờ tâm hồn ấy được chúc phúc gấp đôi. Tâm hồn ấy chưa phải hối tiếc về những lựa chọn bất chính cần thay đổi ; đó chính là bầu khí lý tưởng để tiến hành một sự chọn lựa tốt.

Trong một hoàn cảnh như hoàn cảnh đó, thánh I-nhà-xiô nhấn mạnh về một điểm quan trọng : nội dung của sự lựa chọn. Ông tuyên bố : “Điều cần thiết là tất cả những việc chúng ta muốn tiến hành lựa chọn phải tốt hoặc vô thưởng vô phạt tự chúng, và chúng phải nhất trí với Mẹ Giáo Hội Thánh, qua hàng giáo phẩm, và không xấu cũng không nghịch lại” (§ 170). Chúng ta cũng đã thấy rằng, việc phân định bao hàm một sự lựa chọn giữa những hành vi khác nhau, và giả định rằng mình chưa thấy rõ đâu là lựa chọn thật sự phù hợp với Thánh Ý Thiên Chúa. Nhưng vì Thiên Chúa không thể muốn sự dữ được, hành vi nhắm đến phải, hoặc ít là theo lời I-nhà-xiô, “vô thưởng vô phạt”. Thần học luân lý hiện nay, nói chung, sẽ lưỡng lự để nói rằng có thể có những lựa chọn thật sự “vô thưởng vô phạt” khi phải tiến hành lựa chọn trong một hoàn cảnh cụ thể. Chẳng hạn, ăn một cây kem có thể là một hành vi “vô thưởng vô phạt” trên bình diện trừu tượng về mặt luân lý. Nhưng có bao giờ chúng ta ăn kem trong trừu tượng đâu ! Chúng ta ăn kem với một người bạn trong lúc chúng ta không được ăn đồ ngọt, hay khi biết là kem đó bị đánh cắp, hoặc trái lại chúng ta ăn theo chỉ dẫn điều trị, hay để mừng một biến cố nào đó. Tất một lời, là chúng ta thường ăn trong

những hoàn cảnh nhất định thì luôn đem lại cho hành động đó một màu sắc luân lý. Vậy mà người ta khi thức dậy đọc kinh dâng mình và thành tâm nghĩ đến những lời mình thốt lên, thì đã biến *mỗi khoảnh khắc* trong ngày, thậm chí cả khi ăn một cây kem, thành một hành vi yêu mến Thiên Chúa.

Cách suy nghĩ mới này không đặt thành vấn đề với I-nha-xiô. Thậm chí ông còn sẽ hoàn toàn nhất trí nữa. Điều ông muốn nhấn mạnh là sự cân nhắc khi chúng ta phân định, không thể được tiến hành cho những việc về thực chất là xấu, vì điều chúng ta tìm kiếm là Thánh Ý Thiên Chúa, và Thiên Chúa không thể nào muốn điều xấu được. Cho nên không bao giờ có vấn đề phân định xem có nên phá thai, tham gia vào việc gièm pha nói xấu, thông dâm hoặc nói dối hay không. Nếu đặt vấn đề như vậy sẽ xúc phạm đến Thiên Chúa, vì giả định rằng Ngài có thể mong muốn một điều xấu tự thực chất. Điều đó không có nghĩa là vì vậy mà mình luôn luôn nhận thức rõ ràng điều gì tốt hoặc xấu. Mặc dù họ nghĩ sai, nhưng nhiều người ngày nay thành thật cho rằng, trong một vài trường hợp, phá thai là điều tốt về mặt luân lý. Và thậm chí cả khi chúng ta biết rằng việc phá thai hay thông dâm là xấu về mặt luân lý, chúng ta vẫn có thể rất khó lòng xác định xem hành vi này nọ có thật sự là phá thai hay thông dâm không. Ví dụ, một phụ nữ, sắp bị hiếp dâm, có thể chịu đựng một cách thụ động để bảo vệ tính mạng hay phải cưỡng lại cho đến chết? Trong trường hợp quy hàng thì có phải là một hành vi thông dâm hay không? Những chuyên viên về thần học

luân lý đã tranh luận trong nhiều thế kỷ về nghĩa vụ và quyền lợi của người phụ nữ này. Hoặc, để đan cử một ví dụ ít thấm thương hơn, làm sao vạch biên giới giữa tội nói xấu, không phải một hành vi Kytô giáo và việc sử dụng rất chính đáng tinh thần phê bình. Có thể là tôi bình luận về một người bạn hoặc một người tôi biết với một đê tam nhân, để rồi những lời bình luận ấy giúp bản thân tôi cũng như đê tam nhân ấy, làm một cái gì cho người bạn kia. Nhưng cũng có thể những lời bình phẩm đó chỉ nhằm xói mòn hoặc phá đổ danh thơm tiếng tốt của người kia thôi. Sự khác biệt giữa hai thái độ đôi khi rõ ràng, nhưng cũng có trường hợp rất khó thiết lập.

Do đó, đánh giá được tính luân lý của một vài hành vi cử chỉ có thể vô cùng khó khăn. Nhưng nhận xét đó không hề đặt lại nguyên tắc của I-nha-xiô về tính chính đáng cần thiết đối với đối tượng cần phân định: không thể có sự phân định trong việc lựa chọn khi một trong hai điều lựa chọn (*huống chi* cả hai) xét về mặt luân lý là xấu. Điều chúng tôi chỉ cho thấy là có thể không luôn luôn dễ dàng xác định rằng những cái cần lựa chọn, thật vậy, là tốt về mặt luân lý, và từ đó là đối tượng chính đáng cho sự phân định. Trong trường hợp này, chúng ta cần phân định xem có vấn đề cần phân định không! Nói cách khác, có lẽ cần đặt sự hoài nghi trong lựa chọn này trước mặt Thiên Chúa, theo như chúng ta nhìn thấy và nói với Ngài rằng thậm chí chúng ta cũng chẳng biết mình có đang đứng trước một sự lựa chọn khả thi hay không, nhưng mình cứ tin nhiệm phó

mặc cho Ngài, để Ngài biểu lộ cho chúng ta Thánh Ý của Ngài một cách rõ ràng.

Có lẽ cũng cần đồng bộ đi tìm thêm thông tin về sự lựa chọn đang nghi ngờ đó. Chẳng hạn, tham chiếu ý kiến của những chuyên viên về thần học luân lý hoặc của những linh mục thông thạo, đâu là giáo huấn của Giáo Hội về những vấn đề như hiệp dâm hoặc việc phá thai gián tiếp. Việc đi tìm yếu tố này chưa hẳn là sự phân định hiểu theo nghĩa đen, nhưng thường là bước sơ bộ cần thiết, đặc biệt đối với những ai Thiên Chúa đã ban cho một trí thông minh, có khả năng cân nhắc các sự kiện và đến mức ở những nguồn thông tin đáng kể liên quan đến những nguyên tắc đang được đề cập tới. Thánh Ý Thiên Chúa đối với chúng ta không thể mâu thuẫn được với mạc khải hoặc với những nguyên tắc cơ bản của luân lý được.

Để hiểu rõ sự khác biệt giữa giai đoạn đi tìm thông tin và giai đoạn phân định theo sát nghĩa, bây giờ chúng ta sẽ nghiên cứu một đoạn được nhiều người biết trong *Linh thao*, nơi mà thánh I-nha-xiô rút ra ba cơ hội thuận lợi để tiến hành một sự lựa chọn thích hợp và đúng với Thánh ý Thiên Chúa. Đôi khi, theo tôi, những chỉ dẫn của I-nha-xiô đã bị hiểu sai, từ đó đi tới một cách đánh giá lệch lạc về sự khác biệt giữa lý luận và việc phân định.

### *Làm sao phân định*

Sau khi đã trình bày trong tâm tình nào một sự phân định thật phải được tiến hành và về những vấn đề gì, I-nha-xiô chỉ cho người đang tĩnh tâm “ba hồi để tiến hành lựa chọn một cách lành mạnh và tốt, ở mỗi hồi”. Mặc dù một cuộc tĩnh tâm là khuôn khổ lý tưởng, đặc biệt khi phải quyết định một điều quan trọng như chọn lựa cho mình một bậc sống, “ba hồi đó” cũng có thể xuất hiện trong cuộc sống thường nhật nữa. Hồi thứ nhất mà chúng ta có thể gọi là “hồi mạc khải”, là một hoàn cảnh lý tưởng nhưng khá hiếm, trong khi mà hồi thứ ba, như chúng ta sẽ thấy, không hẳn là một hồi phân định, nhưng đúng hơn gần với cái mà chúng ta vừa gọi là đi tìm thông tin hoặc lý luận. Chúng ta sẽ gọi nó là “hồi lý luận”.

Cho nên hồi thứ nhất để tiến hành lựa chọn tốt, “hồi mạc khải”, là “khi Thiên Chúa, Chúa chúng ta, run rẩy và lôi hút ý chí cách nào mà, không nghi ngờ và không thể nghi ngờ, linh hồn trung thành với Ngài theo điều Ngài chỉ dẫn” (§ 175). Trong trường hợp này, Thánh Ý Thiên Chúa rõ ràng đến độ tâm hồn không thể hoài nghi được. Thánh I-nha-xiô nói “đó chính là điều mà hai thánh Phaolô và Mát-thêu đã làm khi bước theo Đức Kitô, Chúa chúng ta”. Lý do khiến thánh nhân trích dẫn Phaolô có vẻ khá rõ khi mình nghĩ tới kinh nghiệm của Phaolô trên đường đi Damas : ông bị hất ngã xuống khỏi ngựa, bị mù và trực tiếp nghe tiếng nói : “Ta là Giêsu mà người đang bắt bớ. Nhưng người hãy đứng dậy, vào

thành, và người ta sẽ nói cho người biết người phải làm gì”(Cv 9,5). Quyền năng của Thiên Chúa quá hiển nhiên trong đời ông và lời Đức Giêsu quá rõ ràng để Phaolô có thể nghi hoặc về điều Thiên Chúa đang chờ đợi nơi ông.

Trái lại, điều gây ngạc nhiên hơn là khi I-nha-xiô đề cập đến Mát-thêu : đó ít là ý tưởng của tôi trong nhiều năm. Nhưng chắc chắn rằng lý do là trong ba Tin Mừng Nhất Lãm, Mát-thêu được gọi một cách đơn sơ và trực tiếp, và ông đã đi theo Đức Giêsu không chút nghi ngờ hoặc do dự nào. “*Bỏ nơi ấy, Đức Giêsu đi ngang qua trạm thu thuế, thì thấy một người tên là Mát-thêu đang ngồi ở đó. Người bảo ông : “Anh hãy theo tôi !” Ông đứng dậy đi theo Người*” (Mt 9,9). Ở đây cũng vậy, I-nha-xiô gợi ý rằng, kinh nghiệm Mát-thêu có về Thiên Chúa rõ ràng và tức khắc đến độ ông không thể nghi ngờ về căn tính hoặc về Thánh Ý của Đấng ngỏ lời với ông. Trong những trường hợp mạc khải đó, không có sự nhập nhằng, thiếu xác tín về Thánh Ý Chúa, do đó mà chẳng có gì để phân định cả. Trái lại với trường hợp của Gioan và An-rê là nhìn, đặt câu hỏi, đến xem, và chỉ sau đó mới phân định rồi quyết định ở lại với Ngài (Gal,35-39), hình như Mát-thêu đã nhận ra tức khắc Đấng gọi mình và để làm công việc gì nữa.

Thời gian được mạc khải để tiến hành lựa chọn tốt, không hẳn là thời gian phân định theo đúng nghĩa vì không chút nghi ngờ về Thánh Ý Chúa, do đó chẳng có gì để phân định. Đó là hoàn cảnh lý tưởng, theo nghĩa là Thánh Ý Thiên Chúa hoàn toàn rõ ràng. Nhưng đây chẳng phải là cách thường tình để khám phá ra Thánh Ý

của Ngài đâu. Mặc dù vẫn tin rằng những người thành tâm cầu nguyện cũng có thể có, nếu gặp dịp, những lúc sáng suốt và xác tín như vậy xét về Thánh Ý Thiên Chúa trên họ (một cách ngoạn mục như Phaolô, hoặc tầm thường hơn như Mát-thêu). Tôi thiết nghĩ rằng hoàn cảnh thường tình, thậm chí cho cả các thánh nữa, là sự mù tối trong đức tin thì đúng hơn.

Đối lại với cường độ của hồi thứ nhất, thời của mạc khải rõ ràng như I-nha-xiô mô tả, thì hồi thứ ba để chọn lựa tốt, là thời gian “lý luận”, một tình thế trong đó sự thiếu xác tín về Thánh Ý Thiên Chúa quả là lớn. Hai hồi này có một điểm chung : trong cả hai trường hợp, chẳng có gì để phân định, nhưng trong hồi thứ ba, cái “không có gì” thật ngao ngán vì ngược lại với ánh sáng và xác tín của hồi mạc khải, lần này hình như Thiên Chúa không có gì để thổ lộ với tâm hồn đang thành tâm đi tìm Thánh Ý Ngài. Sau đây là cách I-nha-xiô mô tả thời điểm này : “Tôi có một thời gian yên ắng : khi tâm hồn không bị các tinh thần khác nhau khuấy động, và sử dụng đến những khả năng tự nhiên một cách tự do và bình yên” (§ 177). Ở đây, từ vựng dễ đánh lạc, vì từ “bình yên” có vẻ báo hiệu điều lành. Thật vậy, như chúng ta sẽ thấy, sự yên ổn hoặc bình an là một trong những dấu chỉ chủ chốt về sự hiện diện của Thần Khí Thiên Chúa. Tuy vậy từ này mang một âm sắc hoàn toàn khác lạ ở đây.

Trong nhiều năm, cái hồi thứ ba, hồi của lý luận này, đã gây tò mò và lúng túng nơi tôi, và càng thế hơn nữa là vì các vị linh hướng cùng những nhà bình luận



*tuệ, chứ không phải giác quan, nghiêng về nhiều nhất thì tôi phải tiến hành lựa chọn liên quan đến việc được nêu lên” (§ 182).*

Đó là một cách rất lô-gích để xóa đi mối hoài nghi hầu lựa chọn một cách xử sự, mà chúng ta cũng có thể dễ dàng dùng đến trong những lĩnh vực hoàn toàn thế tục (không thuộc về tôn giáo) hoặc không cần đưa sự can thiệp của Thiên Chúa vào. Một cách thứ hai để tiến hành lựa chọn tốt trong “hồi lý luận” là lúc mà chúng ta sử dụng những khả năng tự nhiên, không nghiêng về lý trí lắm nhưng cũng rất phù hợp với bản tính của chúng ta. Nó dựa vào trí tưởng tượng, và như tôi đang thấy bây giờ đây, tương phản với phương pháp thứ nhất (con đường của lý luận) cũng như sự chiêm niệm khác với việc suy gẫm vậy (26). I-nha-xiô đề nghị ba bài thực tập sử dụng trí tưởng tượng : *thứ nhất*, tôi sẽ khuyên bảo người khác điều gì nếu người ấy ở trong một hoàn cảnh tương tự như hoàn cảnh của tôi ; *thứ hai*, tự hình dung mình đang trên giường chết và tự hỏi lúc bấy giờ tôi sẽ lựa chọn điều gì ; *cuối cùng*, “nhìn và xem ngày phán xét tôi sẽ ra sao và lúc bấy giờ sự lựa chọn của tôi đối với vấn đề được đặt ra là sự lựa chọn nào” (§ 187). Trong mỗi trường hợp, một ánh sáng nào đó sẽ loé lên, vì nhờ trí tưởng tượng, tôi lấy được khoảng cách đối với

(26) *Sự cởi mở với Thiên Chúa (Opening to God)*, chương 6. Sự chiêm niệm và suy gẫm theo quan niệm của I-nha-xiô đều là những phương tiện cho những người mới bắt đầu “học biết Chúa”, nhưng sự suy gẫm thì dựa trên trí tuệ còn sự chiêm niệm, theo nghĩa của I-nha-xiô, thì dựa trên trí tưởng tượng.

thường có vẻ giới thiệu hồi này như hoàn cảnh lý tưởng để phân định. I-nha-xiô làm cho người đọc hiểu rằng, trong tình trạng “bình yên” ấy, người ta sử dụng đến những khả năng tự nhiên về lý luận và tưởng tượng để cân nhắc điều phải trái lợi hại nhằm cố gắng xác định đâu là Thánh Ý Thiên Chúa. Thậm chí ông còn chỉ cho hai phương pháp trong chi tiết để đạt tới nữa. Điều gây lúng túng cho tôi là ở chỗ, hai phương pháp này có vẻ không khớp với các luật lệ về sự phân định, như I-nha-xiô đã dạy trong *Tập Linh thao*. Những luật lệ đó nói đến những tình cảm, an ủi, buồn phiền, những tinh thần tốt xấu đang ra tay làm việc, trong lúc mà ở hồi lý luận này, hình như chúng ta không ở trong lĩnh vực của cảm giác mà là của một sự phân tích thanh thản dựa vào trí tuệ. Một trong hai phương pháp này còn khuyên trước hết nên hình dung đối tượng của việc quyết định rồi cuối cùng là cứu cánh mục đích mình được tạo dựng, nên kế đó, trong một tư thế lãnh đạm hoặc siêu thoát, sau khi đã cầu nguyện để xin ánh sáng và lòng can đảm, suy nghĩ “thật tốt và trung thành với trí thông minh của mình và bằng cách lựa chọn cho thật phù hợp với Thánh Ý đầy khoan dung của Thiên Chúa (§ 180). Với tư cách là một con người thực tiễn, I-nha-xiô đề nghị tiến hành công việc trên bằng cách xem xét những lợi hại của mỗi một điều lựa chọn (chẳng hạn chọn đi tu, sống đời độc thân hay lập gia đình). Tiếp theo đó :

*“Sau khi đã xem qua đề tài và suy nghĩ đến mọi khía cạnh của vấn đề đang nhắm đến, tôi sẽ nhìn xem lý trí tôi nghiêng về bên nào. Cho nên chính nơi nào mà trí*

tình trạng mù mờ của tôi lúc ấy. Thật vậy, đôi khi chúng ta biết rất rõ điều gì phải khuyên người khác khi họ ở trong hoàn cảnh của chúng ta. Vậy mà chúng ta lại không tài nào áp dụng cho chính mình. Rất nhiều lần, những người đến hỏi ý kiến tôi, và sau khi nhận được, thốt lên : “Lạ thật ! tôi đã thường khuyên điều ấy đối với những người khác. Làm sao tôi lại chẳng thấy là nó cũng được áp dụng cho tôi nữa”. Dĩ nhiên câu trả lời là chúng ta cảm thấy khó lấy khoảng lùi đối với những vấn đề của chúng ta để nhìn chúng một cách khách quan.

Dù là phương pháp dựa trên trí tuệ nhiều hơn để cân nhắc lợi hại, hay việc vận dụng trí tưởng tượng như chúng ta vừa trình bày, cả hai phương pháp mà I-nha-xiô khuyên dùng trong “hồi của lý luận” đều cho phép đi tới một quyết định trong những thời gian “bình lặng”, lúc mà hình như Thiên Chúa bỏ mặc chúng ta cho những khả năng tự nhiên của mình. Tuy nhiên tôi đã ghi chú rằng đây chưa hẳn là sự phân định theo đúng nghĩa. Lúc đó chúng ta đặt mình trong tư thế lắng nghe trái tim, trí phán đoán của chúng ta hơn là lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa. Nhưng, bạn có thể đưa ra vấn nạn rằng Thiên Chúa chẳng nói qua trí phán đoán của tôi được sao ? Chúng ta đã chẳng nhấn mạnh rằng Thiên Chúa cũng bắt tay làm việc qua những thụ tạo của mình và với sự hợp tác của chúng - rằng ân sủng, để xây dựng, cần dựa trên bản tính của con người đó sao ? Trừ trường hợp dựa dẫm vào những tiếng nói và những thị kiến lạ lùng, chúng ta chẳng phải nghĩ rằng những cách thức lý luận

và hình dung bằng trí tưởng tượng là cách lối bình thường để khám phá ra Thánh Ý Thiên Chúa đó sao ?

*Sự phân định theo đúng nghĩa :*

*“Hồi thứ hai” của I-nha-xiô*

Cũng đúng rằng, hầu hết các Kytô hữu sốt sắng đi tới những quyết định nhắm cam kết cuộc sống đức tin của họ, đều dựa vào những khả năng tự nhiên như vừa được mô tả trong “hồi lý luận”. Và họ cho rằng mình đã phân định. Vả lại, họ có lý khi nghĩ rằng bình thường không nên chờ đợi những thị kiến hoặc những tiếng nói lạ lùng nào để giúp họ đi tới những quyết định loại ấy. Những dấu lạ, trong trường hợp được giả định là có thật, chính là những can thiệp của Thiên Chúa trong cuộc đời của chúng ta, rõ ràng đến độ chúng ta không còn chút nghi ngờ nào về Thánh Ý của Ngài nữa. Nói cách khác, những lần can thiệp thể ấy, lại đặc trưng cho “hồi thứ nhất”, hồi để tiến hành “lựa chọn tốt”, hồi của mạc khải, thì khá hiếm đấy, lúc mà chẳng cần đến sự phân định nào cả.

Nhưng vấn đề là giữa tính rõ ràng tỏ tường của thời mạc khải và việc sử dụng cách tự do và bình lặng các khả năng tự nhiên của chúng ta, thì có một tình trạng trung gian mà chúng ta đã gạt qua một bên. Đó là “hồi thứ hai”, được I-nha-xiô mô tả như sau : “Hồi thứ hai là lúc chúng ta nhận đủ ánh sáng và sự hiểu biết qua kinh nghiệm về những niềm ủi an cùng những nỗi phiền

muộn, và qua kinh nghiệm của ơn phân định các tinh thần khác nhau” (§ 176). Đó là hồi duy nhất trong ba hồi hoặc ba dịp để tiến hành lựa chọn tốt mà I-nha-xiô gọi là “sự phân định”. Và sau khi đã mách cho chúng ta hai phương pháp của một thời bình lặng, một nặng về lý trí dựa vào khả năng lý luận tự nhiên của chúng ta, phương pháp kia dựa vào trí tưởng tượng, ông căn dặn thêm : “Sự lựa chọn hoặc tuyển lựa một khi đã được tiến hành, người đã làm vậy phải hấp tấp đến với Thiên Chúa trong lời nguyện mà dâng cho Ngài việc tuyển lựa đó, để Ngài đoái thương đón nhận và xác nhận, nếu đó là điều có thể phục vụ Ngài tốt nhất và đem lại lợi ngợi khen lớn nhất cho Ngài” (27). Nói cách khác, tâm hồn nào đã tiến hành lựa chọn bằng những phương pháp tự nhiên dựa trên lý luận hay trí tưởng tượng được I-nha-xiô mô tả, còn phải đem sự tuyển lựa đó trình lên Thiên Chúa để Ngài xác nhận. Vậy mà Ngài xác nhận bằng cách nào ? Bằng “những niềm an ủi và những nỗi phiền muộn” của hồi thứ hai, qua chính sự phân định, ngoại trừ trường hợp, dĩ nhiên, Ngài chúc phúc cho chúng ta bằng cách gửi đến kinh nghiệm như Phaolô hoặc Mát-thêu, một hồi không thông thường của sự “mạc khải”.

Bấy nhiêu điều để nói rằng thái độ của hầu hết các tín hữu - cố gắng “nhận thức” được điều Thiên Chúa

(27) § 183. Đó là kết luận của phương pháp suy gẫm (theo lý trí) để cân nhắc lợi hại. Khi I-nha-xiô đã trình bày xong phương pháp mang tính chiêm niệm hoặc dựa trên trí tưởng tượng (§ 188) Người lại đưa chúng ta tới § 183.

chờ đợi nơi mình - khi có một quyết định quan trọng cần tiến hành, thì thường không sai nhưng thiếu sót. Đôi lần chúng ta cảm thấy được trực tiếp thúc đẩy, như được Thiên Chúa linh ứng vậy, quyết định như thế này hoặc hành động như thế kia, nhưng thường tình, trước hết, chúng ta phải suy nghĩ để xác định điều gì trọng hơn và kế đó trình Thiên Chúa phần kết luận để Ngài xác nhận. Hoặc nữa, chúng ta sẽ phải gỡ rối nhiều cảm hứng mâu thuẫn và phân định giữa chúng. Nhưng dù cách chúng được biểu lộ thế nào chăng nữa, sự “cảm hứng” hoặc “sự xác nhận” thường hoàn toàn khác với lý luận hoặc trí tưởng tượng của chúng ta. Để trình bày một cách đơn giản hơn, sự khác biệt cũng giống như giữa đoán điều bạn tôi nghĩ và nghe chính anh ấy nói lên !

Nhưng làm sao Thiên Chúa nói lên được điều Ngài nghĩ ? Chúng ta đâu có nghe giọng nói của Ngài, và không thể đọc trong mắt Ngài như trong mắt bạn mình. Chính đây là vấn đề lớn của sự phân định như chúng ta đã nói ở chương 3. Vượt tới điểm đó trong *Tập Linh thao*, I-nha-xiô hé cho thấy một giải pháp có thể gây tò mò : thật vậy, thánh nhân tuyên bố rằng, người ta “nhận đủ ánh sáng và sự hiểu biết qua kinh nghiệm của các niềm an ủi cùng những nỗi sầu muộn”. Những an ủi cùng phiền muộn ấy, bất luận bản chất của chúng, đều là nguyên liệu cho sự phân định. I-nha-xiô không nói thêm nữa về chúng khi trình bày “ba hồi để tiến hành chọn lựa một cách lành mạnh và tốt trong mỗi hồi.” Rất may là ông trở lại vấn đề này trong các quy tắc nổi tiếng cho một sự phân định các tinh thần ở cuối *Tập Linh thao*. Bấy

giờ chúng ta hãy tiến hành nghiên cứu những quy luật ấy, tức là luật của chính sự phân định vậy.

### *Bài thực tập*

Chúng ta hãy trở lại với nữ tu Letty (chương 3) và vấn đề của chị liên quan đến việc phúc âm hóa và công bằng xã hội trong Dòng của chị ấy. Dưới ánh sáng của những gì chúng ta đã thấy trong chương 4, bạn sẽ làm gì để *khởi động* sự đồng hành với chị ấy và giúp đỡ chị ấy trong sự phân định ?

Bạn sẽ khuyến khích chị ấy rời bỏ Dòng ư ? Hay là thôi đặt vấn đề và cứ việc vâng lời các Đấng bề trên ? Trong trường hợp một câu trả lời phủ định, theo bạn có nên bắt đầu gợi ý áp dụng một trong hai phương pháp mà I-nha-xiô khuyên dùng trong “hồi thứ ba” : cân nhắc lợi hại hoặc hình dung điều mà chính Letty sẽ khuyên một người bạn trong Dòng ?

## 5

### Chiến lược của Thiên Chúa và của kẻ thù

Chúng ta đã nói rằng, trong ba hồi được thánh I-nha-xiô phác qua để tiến hành lựa chọn tốt, thì chỉ có ở hồi thứ hai mới có thể thật sự nói đến việc phân định. Ở hồi thứ nhất, Thánh Ý Thiên Chúa rõ ràng trong vát đến độ chẳng cần tới sự phân định. Và trong hồi thứ ba, chẳng có những “niềm an ủi, những nỗi sầu muộn” nào, mà cũng chẳng có “những tinh thần khác nhau” để phân định nữa. Trong trường hợp sau cùng này, chúng ta bị buông mặc cho những khả năng tự nhiên của trí tuệ và trí tưởng tượng của chúng ta. Chúng ta cầu nguyện để xin ánh sáng và sự trợ giúp của Thần Khí, nhưng bề ngoài chúng ta như thể bị bỏ mặc cho sức riêng mình để đi đến một quyết định. Chúng ta hy vọng rằng Thần Khí vẫn hiện diện ở sau hậu trường, đại loại như vậy, để hướng dẫn chúng ta trong quyết định, mặc dù sự hiện diện đó không được cảm nhận. Vậy mà I-nha-xiô bảo với chúng ta rằng sự trợ giúp gián tiếp ấy, để tiến hành lựa chọn, không thể đủ. Mặc dù việc dựa vào sức riêng có thể tỏ ra cần thiết chẳng nữa, đặc biệt khi Thiên

Chúa có vẻ giữ im lặng và lãnh đạm trước những vấn đề mình đặt ra, I-nha-xiô không muốn chúng ta dừng lại ở đó. Sau khi chuẩn bị “một cách tự nhiên” để đi đến một quyết định, chúng ta còn phải trình bày dự án đó (“sự tuyển lựa”) với Thiên Chúa, đồng thời xin Ngài “đoái nhận và xác nhận nếu đó là cách phục vụ tốt nhất và đem lại lời ngợi khen lớn nhất cho Ngài” (§ 183). Điều này không có ý nghĩa nào khác hơn là trở về với “hồi thứ hai”, nghĩa là với chính sự phân định vậy.

Cho nên, có những lúc có thể phân định một cách trực tiếp, nhưng có những lúc khác, một công việc tiếp cận - tham khảo tài liệu, suy nghĩ, cân nhắc hơn thiệt - có thể tỏ ra cần thiết trước khi phân định thật sự. Dù sao, sự phân định theo đúng nghĩa, như đã nói trong “hồi thứ hai” (§ 176) thường diễn ra qua kinh nghiệm “những niềm an ủi cùng những nỗi phiền muộn, và qua kinh nghiệm của việc phân định các tinh thần khác nhau”. Do đó, để nắm bắt được sự phân định là gì, trước hết phải có một ý niệm rõ ràng về “những niềm an ủi, những nỗi phiền muộn” cùng “những tinh thần khác nhau” là gì đã. Rất may, thánh I-nha-xiô với tính vắn gọn và việc tiến hành có phương pháp là những nét đặc trưng của Người, lại bỏ công để giải thích những thành ngữ ấy cho chúng ta trong những điều lệ được nhiều người biết đến, để “phân định các loại tinh thần” (§ 313-336). Chắc chắn đây là những chỉ thị quan trọng nhất trong một loạt những chỉ thị thực tiễn mà thánh nhân kê ra ở phần phụ

lục của *Tập Linh thao*, những chỉ thị khác thì nói đến việc bố thí (§ 337-344), những bố rỗi (§ 345-351) và “ý nghĩa thật của chúng ta trong Giáo Hội tại thế” (§ 352-370).

Trước khi đề cập đến những quy tắc của chính sự phân định, cũng có thể là điều hữu ích nếu biết được làm sao thánh I-nha-xiô đã đi tới trình bày những nguyên tắc ấy, từ nay đã trở nên cổ điển, liên quan đến đời sống Kitô giáo và việc tiến hành quyết định. Thánh I-nha-xiô không phải là một nhà tư tưởng, cũng không phải một nhà lý luận, nhưng là một người hoạt động, hết sức thực tiễn. Tôi không có ý muốn nói rằng Người không tư duy; cũng như những ai làm nên lịch sử, những nhà canh tân lớn, Người suy nghĩ nhiều, nhưng tư tưởng của Người không nhắm đến những vấn đề trừu tượng hoặc những lý do sau cùng cho bằng ý nghĩa của kinh nghiệm cụ thể nơi chính bản thân và nơi tha nhân. Người lưu tâm đến những thành phần cấu thành của kinh nghiệm ấy, đặc biệt đến hoạt động của Thiên Chúa trong cuộc sống của chúng ta, với ước muốn cải tiến sự đáp trả và hợp tác riêng nơi chúng ta. Người ta nói rằng các nhà tư tưởng lớn của các truyền thống trừu tượng (tư biện) ở Châu Âu lục địa “sống để tư duy”, trong khi mà những gương mặt lớn của truyền thống Ăng-lô Xắc-xông thì lại “tư duy để sống”. Đối với những người này, tư tưởng luôn mang tính thực dụng, nó phục vụ một cuộc sống hướng thiện. Nếu đúng là như thế thì thánh I-nha-xiô đệ Lô-yô-la hoàn toàn nằm trong đường lối của truyền thống Ăng-lô Xắc-xông !

Vì Người mang đậm nét tính thực dụng và gắn bó với kinh nghiệm, nên điều gì Người viết đều dựa trên kinh nghiệm sống của riêng mình, và điều ấy đặc biệt đúng cho trường hợp các quy tắc của sự phân định. Năm 1555, về cuối đời, thánh I-nha-xiô kể cho Lm. Gonzales đệ Camara, một trong những Lm. Dòng Tên đầu tiên, những kinh nghiệm đầu tiên của mình về sự phân định. Sự trở lại của Người với một cuộc sống thánh thiện, đã bắt đầu trên giường bệnh sau cuộc chiến ở Pampelune năm 1521. I-nha-xiô nhìn thấy bước đường công danh trong binh nghiệp đã bị phá đổ tan tành cùng với chiếc chân gãy của mình, và đang khó lòng chấp nhận những thiếu thốn của một thời dưỡng bệnh lâu dài, khi người em dâu đem đến cho Người mấy cuốn sách đạo đức. Một trong những cuốn đó là tiểu sử các thánh lớn thời Trung Cổ, và cuộc đời của thánh Đa-minh và Phan-xi-cô đặc biệt gây ấn tượng mạnh nơi I-nha-xiô. Ông bắt đầu ước mơ đến lượt mình thể hiện cũng những kỳ công ấy không phải cho một ông vua trần thế nào nhưng cho Đức Vua trên trời. Tuy nhiên, tất cả đâu chỉ toàn là những giấc mơ đầy danh vọng vinh quang ; có những lúc ông cảm thấy mình đầy sức mạnh, có những lúc khác lại đầy chán nản, một kinh nghiệm cũng khá bình thường nơi một con người. Nhưng trong trường hợp của I-nha-xiô, những niềm an ủi xen kẽ với những nỗi phiền muộn đó sẽ đưa tới những hệ quả quan trọng trong Giáo Hội.

Lm. Joseph Pegon, Dòng Tên, tóm tắt như sau những kỷ niệm của I-nha-xiô, được Gonzales đệ Camara (28) kể lại :

*“Ngay năm 1555, thánh nhân thuật cho Gonzales de Camara nghe làm sao việc trở lại của ông đã bắt đầu với những thời kỳ phấn chấn được xen kẽ với những lúc suy sụp, một hiện tượng thật mới mẻ đối với một người lính tội lỗi, như ông, nhờ vào việc đọc những cuốn sách đạo đức. Ông không lưu ý mấy đến những tâm trạng hay thay đổi đó cho đến một ngày nọ mắt ông mở ra... Kinh nghiệm ấy đã đưa ông tới kết luận rằng có những tư tưởng làm cho ông vui đồng thời có những tư tưởng khác khiến ông buồn, và từ từ ông nhận thấy mình bị những tình thần khác nhau khuấy động : ma quỷ và Thiên Chúa... Đó là bấy nhiêu suy nghĩ của ông về những sự việc của Thiên Chúa.”*

Việc ý thức về chính kinh nghiệm bản thân và về các “tình thần” khác nhau đang làm việc trong tình cảm của mình, đã trở nên cái nhân của *Tập Linh thao* - mà trước hết là một thực tập về sự “phân định trong tình yêu”. I-nha-xiô tin chắc rằng chính Thiên Chúa đã dạy cho mình như dạy cho một cậu học sinh làm sao áp dụng những chuẩn tắc phân định trước hết cho chính kinh nghiệm tôn giáo của mình, kể đến là của tha nhân. Linh

(28) *Sự phân định các loại tình thần của J.Guillet trong Tự điển về sự linh đạo*, trg.1267. Pegon có viết ở chương 4 “giai đoạn hiện đại” về mục cổ điển này của sự phân định. Trong chương 1 và 2 của tác phẩm này, chúng ta đã trích dẫn khá nhiều chương mang tựa đề “Kinh Thánh”, cũng của mục đó do Lm. Jacques Guillet viết. Tài liệu gốc được sử dụng là *Fontes narrativi của thánh I-nha-xiô đệ Lôyôla*, được Pegon viện dẫn. Xem thêm *sự linh đạo của Thánh I-nha-xiô đệ Lôyôla của Hugo Rahner*, Dòng Tên.

mục Jules Toner, Dòng Tên, trong một bài bình luận mới rất lỗi lạc về những quy tắc của sự phân định, đã kê ra tiểu sử của I-nha-xiô (§ 7) được kể lại ở ngôi thứ ba với Gonzales de Camara :

*“Lúc bấy giờ Thiên Chúa hành động với I-nha-xiô như một thầy giáo với một học sinh trẻ của Ngài. Có lẽ do trí hiểu thô thiển và giới hạn của mình, hay vì ông không có ai để hướng dẫn hoặc vì ý chí cương quyết muốn phục vụ Thiên Chúa mà Ngài đã ban cho ông. Nhưng ông thấy rõ và luôn nhận ra đó là cách lối Thiên Chúa xử sự với ông. Và ông nghĩ rằng mỗi hoài nghi dù nhỏ nhất về điểm này sẽ là việc xúc phạm đến sự uy nghiêm của Thiên Chúa” (29).*

Bề ngoài, thánh I-nha-xiô cảm thấy đối với lời giảng dạy của Thiên Chúa, cũng một thứ xác tín như Phaolô hoặc Mát-thêu trong “hồi thứ nhất” để tiến hành lựa chọn tốt”.

Tuy vậy, ân huệ ấy của Thiên Chúa, I-nha-xiô đã phải trả giá cao. Y như Pegon đã ghi nhận khi bình luận

(29) Jules J. Toner, *Dòng Tên. Bình luận của Thánh I-nha-xiô về những quy tắc để phân định các tinh thần*, trg.8 (Thánh Louis, Mo. : Viện nghiên cứu về nguồn gốc của Dòng Tên, 1982) . Tác phẩm của Toner mang tính kỹ thuật và uyên bác cao hơn tác phẩm của chúng tôi. Khó có thể đọc từ đầu đến cuối một lúc, nhưng đây là một tác phẩm tham khảo rất tốt, đặc biệt cho những vị linh hướng nào muốn nhanh chóng đến với những kết quả nghiên cứu có chất lượng, cổ điển hoặc đương thời về những chủ đề riêng được nói đến trong các quy tắc ấy. Xem giải thích của chính Toner, trg.17, trong tác phẩm trên.

về kinh nghiệm mà thánh nhân đã trải qua. “Sau đó tại Manrèse, những cảm nhận luân phiên xen kẽ sẽ tăng cao đến độ dẫn đến một cuộc khủng hoảng bối rối với cảm dỗ tự tử, cung cấp cho ông cơ hội ghi nhận làm sao tinh thần đó đã đi vào trong thâm tâm ông”. Những thời kỳ ánh sáng tiếp tục xen kẽ với những giai đoạn tối tăm.

*“... Kế đó là một thị kiến nổi tiếng trên bờ Cardoner, đem lại một ánh sáng quyết liệt : ông “bắt đầu nhìn mọi sự với một cặp mắt khác cùng **phân biệt và cảm nhận được những tinh thần tốt xấu**” ; đồng thời bắt đầu truyền đạt những bài suy gẫm và linh thao, nơi đó ông đã tỏ ra có ơn riêng, tính hữu hiệu và ơn phân định các loại tinh thần...” (30).*

Câu chuyện trở lại của I-nha-xiô đã được kể rất nhiều lần qua các thế kỷ kể đó, và chắc chắn nó cũng được biết đến ngang với những câu chuyện của thánh Phan-xi-cô thành Assise cũng như của chính thánh Phaolô nữa. Nếu chúng tôi nhắc lại ở đây là để nhấn mạnh rằng những quy tắc về sự phân định đó là hoa trái của một kinh nghiệm sống. Nó là kết quả của những cố gắng về phía I-nha-xiô để thảo ra, nhằm được dùng làm kim chỉ nam cho những người khác, điều mà chính ông đã học được ở Manrèse, trên bờ sông Cardoner và cuối cùng ở Salamanque và Paris, trong “chừng mực” Thiên

(30) Pegon, *Sđđ*, trang 1267. Thị kiến ở Cardoner là một trong những thị kiến nổi tiếng nhất trong lịch sử của linh đạo và đã được chứng thực bởi nhiều người bạn của I-nha-xiô kể cả Jacques Lainez mà Pegon đã kê ra ở đây.

Chúa dạy dỗ ông, người “học sinh” lưu động của Ngài. Trong những quy tắc đó, tuy không nhiều (mười bốn cho tuần thứ nhất và tám cho tuần thứ hai) và rất ngắn gọn, chính da thịt mình mà ông lấy chia sẻ cho chúng ta. Chúng ta hãy xem coi có thể “mở gói” mà tìm lại tất cả sự phong phú của kinh nghiệm khi nó được tháo ra không?

### *Tựa đề bao gồm những gì ?*

I-nha-xiô đưa ra hai loạt quy tắc để phân định : loạt thứ nhất “thích hợp cho tuần thứ nhất hơn” của *Tập Linh thao*, khi tâm hồn phải lấy quyết tâm cởi mở hoàn toàn và đến trình diện “trần trụi” trước mặt Thiên Chúa, và loạt quy tắc kia “thích hợp cho tuần thứ hai”, lúc mà không còn đặt nặng việc biết mình cho bằng biết Thiên Chúa nơi Đức Giêsu Kitô. Đầu đề ông đặt cho những quy tắc của tuần đầu hơi dài : “*Những quy tắc để cảm nhận một cách nào đó, những thúc đẩy khác nhau trong linh hồn, những thúc đẩy tốt để đón nhận và những thúc đẩy xấu để loại bỏ. Những quy tắc này thích hợp cho tuần thứ nhất hơn*” (§ 313).

Như chúng ta đã nói, tuần *linh thao* thứ nhất tương ứng với những người mới bắt đầu trong đời sống thiêng liêng. Nói chung, người đến tĩnh tâm (nam hoặc nữ) là một người đã có chuẩn bị, nghĩa là coi trọng Thiên Chúa đủ để có thể muốn tĩnh tâm ba mươi ngày. Nhưng mặc dù muốn lớn lên, họ vẫn còn thiếu chiều sâu. Như

Phanxicô Xavier trong lần tĩnh tâm trước khi trở lại, người này chưa bao giờ nhìn xa hơn bề mặt của mọi sự, và cũng chưa bao giờ thật sự tìm hiểu mình là ai và Thiên Chúa là ai. Đối với người đó, tuần đầu là một thời gian cởi mở với Thiên Chúa, hoàn toàn mới mẻ, là một sự thay đổi bình diện, từ một tương quan người tôi tớ sang tương quan của người bạn và hoa quả đầu tiên, một cách rất ngược đời là một ý thức đau đớn rằng từ trước tới nay mình đã dành cho Chúa rất ít chỗ. Sự gặp gỡ giữa Đức Giêsu và ông Nicôđêmo đạo đức (Ga 3) cung cấp một phép loại suy tốt về kinh nghiệm của người đi tĩnh tâm trong tuần đầu : một cách thành tâm, Nicôđêmo đến tìm chân lý, nhưng ông đã nhìn thấy thế giới của mình bị đảo lộn hoàn toàn. Cái nhìn của Đức Giêsu xuyên sâu tận đáy lòng ông và vạch trần sự tự mãn về chính mình và về những công đức giả tạo nơi ông.

Cho nên tuần thứ nhất là một thời gian đầy thử thách, mặc dầu sự cực lòng đó không chua chát đối với người thật sự đi tìm chân lý. Do đó chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi biết rằng những quy tắc ấy “thích hợp cho tuần thứ nhất” lại gần như chỉ liên quan đến sự phiền muộn. Chiến lược của ma quỷ với những người mới bắt đầu, khi thấy nền móng đầy tiện nghi của đời mình bị lung lay, sẽ là toan làm cho họ chán nản. Nó sẽ vận dụng mọi luận cứ trong khả năng để thuyết phục người tân tòng rằng những đòi hỏi của việc biết mình là phi lý, không lành mạnh về mặt tâm lý, quá nặng cho đôi vai của một cá nhân bình thường. Như chúng ta sẽ thấy, ma quỷ buộc phải thay đổi phương pháp với những



tâm hồn đã đáp lại tiếng gọi của Thiên Chúa và bước vào trong tuần thứ hai lúc mà các quy tắc bấy giờ sẽ nhắm phân định những niềm an ủi giả và thật. Nhưng tức khắc, chúng ta chỉ ghi nhận rằng trước mặt I-nha-xiô, cách tốt nhất để giúp những người mới bắt đầu, là hướng dẫn họ một cách sáng suốt trong nỗi phiền muộn của họ.

Trước khi đề cập đến những chỉ thị ông ban cho họ, chúng ta cũng hãy lưu ý đến thành ngữ ông dùng trước khi trình bày những quy tắc của tuần thứ nhất : “Những quy tắc để cảm nhận một cách nào đó những thúc đẩy khác nhau...”. Nhưng cụm từ “một cách nào đó” là quan trọng, vậy mà tôi đã sống nhiều năm với *Tập Linh thao* và thực hành các quy tắc phân định mà không hề lưu ý tới. Tại sao “một cách nào đó” ? Vì rằng, sự phân định luôn tiềm tự và cần được xét lại. Thiên Chúa mặc khải Thánh Ý Ngài cho chúng ta một cách tuần tự. Ngài không cung cấp lược đồ chi tiết cho hiện tại và tương lai đâu, mà bình thường cũng chẳng cho biết trước sự chắc chắn không thể sai lầm được. Cuối cùng, như đã ghi nhận ở chương 3, khi đề cập đến sự can đảm mà việc phân định đòi hỏi, đá thử vàng vẫn là kinh nghiệm của chúng ta. Thậm chí cả trong tuần thứ hai, lúc mà tâm hồn đã chín muồi và tiến bộ trong sự hiểu biết về Thiên Chúa và đường lối của Ngài, các quy tắc nhắm đến việc đưa tới một sự phân định chính xác hơn” (§ 328), không có nghĩa là không sai lầm, nếu tôi đọc đúng điều I-nha-xiô viết, nhưng có phần chính xác hơn người mới bắt đầu. Điều đó cũng khớp với kinh nghiệm của bản thân tôi về việc cầu nguyện và sự linh hướng.

Hình như Thiên Chúa muốn chúng ta tiến bước trong đức tin, bước cái bước được đề nghị mà không cần biết rồi cuối cùng nó đưa mình về đâu. Một thanh niên đi tìm ơn gọi, thường sẽ muốn biết trước tất cả : “Nếu tôi xin gia nhập Dòng Phan-xi-cô, tôi có được chấp nhận không ? Và nếu được chấp nhận tôi có bền lòng không ? Tôi có trở nên một tu sĩ và một linh mục tốt không ? Làm như thế chẳng khác gì muốn nắm chắc rằng đã hạ dù trước khi nhảy dù xuống. Đó là phản ứng rất tự nhiên của con người trước sự mạo hiểm. Tuy vậy, Thiên Chúa không có vẻ muốn hành động kiểu đó. Ngài cho thấy Thánh Ý Ngài từ từ, và yêu cầu chúng ta tín nhiệm cho tương lai. Tôi phân định xem tôi có phải gia nhập Dòng Phan-xi-cô không. Nếu tôi không được thu nhận, điều đó không có nghĩa là quyết định mà tôi đã phân định như là nghiêm túc, lại là một sai lầm. Có lẽ sự sai lầm duy nhất là đã lấn sang bước tiếp theo và rút kết luận về Thánh Ý Thiên Chúa cho một thời gian lâu dài. Thiên Chúa không hề nói rằng tôi sẽ chết trong Dòng Phan-xi-cô (là một thành viên của Dòng cho đến chết), điều Ngài nói với tôi là cứ việc dự tuyển ! Nếu tôi đã phán đoán cách tốt nhất theo khả năng của tôi, trong tinh thần cầu nguyện và phân định, thì Thiên Chúa đã bằng lòng với việc tôi đáp lại tiếng gọi của Ngài. Sống trong đức tin, tôi chỉ đọc được Thánh Ý Ngài “một cách nào đó” thôi. Điều còn lại là tùy ở Ngài.

### *Nỗi phiền muộn và niềm an ủi*

Chúng ta đã thấy phải hiểu như thế nào hai cụm từ ngữ chủ yếu này : “một cách nào đó”, “thích hợp với tuần thứ nhất hơn”, trong đầu đề của các quy tắc phân định (tuần thứ nhất). Bây giờ còn phải giải thích một thành ngữ cuối cùng sẽ đưa chúng ta đi vào chính trung tâm của sự phân định : “Những thúc đẩy khác nhau bên trong tâm hồn”. Chính những “thúc đẩy” này mà chúng ta phân định ; việc chúng ta lưu ý đến chúng thiết lập sự khác biệt giữa sự phân định và quyết định hoặc thậm chí cả những phương pháp thông thường được I-nha-xiô căn dặn cho “thời gian bình lặng” khi không có sự thúc đẩy nào trong tâm hồn để phân định cả.

Nhưng “những thúc đẩy khác nhau ấy trong tâm hồn” là những thúc đẩy nào ? I-nha-xiô giải thích cho chúng ta trong quy tắc thứ ba và thứ bốn của tuần thứ nhất (§ 316-317). Ông gọi chúng là “niềm an ủi thiêng liêng”. Trong quy tắc thứ ba, ông định nghĩa niềm an ủi như sau :

*“Tôi gọi là niềm an ủi khi tâm hồn được thúc đẩy bên trong và bốc cháy lòng yêu mến đối với Đấng Tạo Hóa và Thiên Chúa của chúng ta ; và khi sau đó tâm hồn ấy không còn thương mến bất cứ điều gì được tạo dựng trên mặt đất này cho chính nó nữa, nhưng chỉ vì Đấng đã tạo dựng nên chúng. Cũng vậy khi tâm hồn đó sa lầy, vì yêu mến Thiên Chúa, hoặc do đau đớn khi cảm nhận tội lỗi mình phạm hay nỗi thương khó của Đức Kitô,*

*hoặc vì những việc khác liên quan đến sự phục vụ và ngợi khen Ngài. Rồi cuộc tôi gọi là niềm an ủi mọi sự tăng trưởng trong đức cậy, đức tin, đức mến và mọi sự hoàn hảo nội tâm, mời gọi thu hút đến với những việc trên trời và với ơn cứu độ của linh hồn, bằng cách làm cho linh hồn lắng dịu, bình an trong Đấng Tạo Hóa và là Thiên Chúa của mình.”*

Thế nên niềm an ủi có thể mặc nhiều hình thức : nó có thể kéo theo một sự xúc động mạnh : bốc cháy tình yêu, nhỏ lệ yêu mến và ca ngợi - hoặc là một tâm tình yên ổn và sâu lắng. Tôi có thể nói rằng yếu tố chung cho tất cả các hình thức ấy là *sự bình an* trong Thiên Chúa ; là việc tâm hồn xúc động mạnh và sâu xa như hai người tình gặp lại nhau sau một thời gian xa cách lâu dài, hoặc được an ủi một cách an bình, như một người mẹ, trong đêm khuya nghiêng mình trên đứa con sơ sinh của mình đang ngủ mà thán phục chiêm ngắm phép lạ của sự sống sinh ra từ thân xác mình - Trong cả hai trường hợp, yếu tố quyết định khiến nó là một niềm an ủi, chính là sự bình an. Trong trường hợp một niềm an ủi thiêng liêng, thì một sự bình an được cảm nghiệm trong Thiên Chúa, một sự tăng trưởng xác thực trong đức tin, đức cậy, đức mến ; trong niềm vui nội tâm thu hút đến với Ngài (31).

Chúng ta hãy ghi nhận rằng tất cả những từ mà I-nha-xiô dùng để mô tả những niềm an ủi là những từ

(31) Về sự bình an như là “trái tim” của mọi niềm an ủi thiêng liêng, Toner, Sdd.

quan trọng của chúng rất lớn. Tìm cách loại trừ, kiểm chế chúng hoặc không biết đến chúng là “vứt cả cái lẩn nước”. Thuốc chữa càng tệ hại hơn cả bệnh phải chữa trị, cũng như không ít người trong chúng ta, được lớn lên trong một truyền thống tôn giáo cứng nhắc, đã biết qua do kinh nghiệm xương máu của mình.

Thế thì giải pháp nằm ở đâu ? Trước hết chúng ta cần nhìn nhận tính chính yếu của những tình cảm cho đời sống thiêng liêng và việc đi tìm Thánh Ý Thiên Chúa của chúng ta. Nhưng sau đó cũng cần hiểu rằng đúng vậy tình cảm đánh lừa chúng ta và mình không tin nhiệm vào chúng hoặc theo chúng một cách tối mật được. Trong mười lăm, hai mươi năm qua, chúng ta đã quay 180°, đi từ “chỗ làm nhiệm vụ một cách ử ử rầu rĩ đến chỗ “tôi làm những gì tôi thích”. Vậy mà đối với ai suy nghĩ, thì từ nay đã rõ, rằng việc tôn thờ tình cảm, nét đặc trưng của thời kỳ mới đây trong đời sống thiêng liêng hay trong cuộc sống đời thường, cũng phương hại không kém sự dồn nén tình cảm trước đây. Sự trung dung như thánh I-nhà-xi-ô đã nhận thấy được, bốn trăm năm nay, chính là việc *phân định* những tình cảm tôn giáo của chúng ta. Tình cảm có một tầm quan trọng lớn : những gì chúng ta cảm thấy chính là nguyên liệu cho kinh nghiệm của chúng ta về Thiên Chúa. Nhưng những tình cảm đó cần phải được xem xét lại, được lý trí đánh giá để phân biệt cổ lũng với lúa tốt.

Điều chứng minh tính phức tạp trong những tình cảm của chúng ta là ở chỗ thánh I-nhà-xi-ô nói không những đến những niềm an ủi mà còn cả đến những nỗi

thuộc phạm vi có thể cảm nghiệm được. Đó là những tình cảm mà chúng ta phân định chứ không phải những tư tưởng mà có lẽ cũng là khía cạnh của sự phân định khó nhận thức và ít được hiểu nhất, đặc biệt trong các nền văn hóa và truyền thống tôn giáo nơi mà các tình cảm bị đánh giá thấp và bị coi như đáng ngờ vực. Đó là những tình cảm, là việc cảm nhận được những hoạt động của Thiên Chúa, mà hoàn toàn vắng bóng trong “thời gian bình lặng”, theo cách đặt tên của I-nhà-xi-ô. Trong hồi thứ ba này để tiến hành lựa chọn tốt, và vì lúc bấy giờ không có tâm tình nào để phân định cả, chúng ta phải dựa cậy vào lý trí của chúng ta và cố gắng quyết định sau khi đã cân nhắc lợi hại, hoặc bằng cách tưởng tượng những hệ quả của các sự lựa chọn khả thi. Nhưng như chúng ta đã thấy ở chương 4, đó chẳng phải là sự phân định, và sau khi đã nhận định cách thức tiến hành lựa chọn, chúng ta phải đệ trình lên Thiên Chúa và xin Ngài xác nhận. Ngài sẽ xác nhận bằng cách nào ? Bằng kinh nghiệm khả giác về niềm ủi an qua đó Ngài thúc đẩy tâm hồn.

Đạt tới điểm này, thật lô-gích và tự nhiên khi đặt câu hỏi : chúng ta có thể nào tin tưởng nơi tình cảm của chúng ta không ? Đã chẳng quá rõ là chúng dễ đánh lừa và không đáng tin đó ư ? Đó chẳng phải lý do khiến người ta thường dạy chúng ta kiểm chế “những tình cảm” của mình dựa trên lý trí và một cách lạnh lùng tiến hành những lựa chọn của chúng ta đó ư ? Đúng thế, những tình cảm của chúng ta không đáng tin nhưng tâm

phiền muộn nữa. Trong qui tắc thứ bốn, Người định nghĩa như sau sự phiền muộn :

*“Tôi gọi là nỗi phiền muộn tất cả những gì nghịch ngược với qui tắc thứ ba, chẳng hạn như, sự tối tăm trong tâm hồn, sự bối rối nội tâm, sự thúc đẩy đi tìm những điều thấp kém, việc vắng bóng sự bình an do đủ thứ khuấy động và cảm dỗ đưa đẩy tới sự mất lòng tin nhiệm ; không có niềm cậy trông, thiếu tình yêu, linh hồn cảm thấy lười biếng, nguội lạnh, buồn tẻ và như thể xa cách với Đấng Tạo hoá và Thiên Chúa của mình. Vì cũng như niềm an ủi đối nghịch với nỗi phiền muộn, thì những tư tưởng phát xuất từ niềm an ủi sẽ hoàn toàn đối nghịch với những tư tưởng xuất phát từ nỗi phiền muộn.”*

Cho nên nỗi phiền muộn hoàn toàn nghịch ngược với niềm an ủi. Cũng như niềm an ủi, nó có thể mặc những hình thức khác nhau, từ sự bồn chồn nội tâm cho đến sự chán nản do nguội lạnh và buồn tẻ. Cái nét chung cho tất cả các hình thức phiền muộn theo tôi là *sự mất bình an*. Dù kinh nghiệm nội tâm đầy sóng gió hoặc được nói lên bằng “sự lãnh đạm”, việc vắng bóng sự bình an là nét đặc trưng của nỗi phiền muộn cũng như sự bình an là nét đặc trưng của niềm an ủi vậy.

Cho nên, niềm an ủi cũng như nỗi phiền muộn là những tâm trạng mang màu sắc tình cảm, và là nguồn mạch phát sinh những tư tưởng hoặc cảm hứng đưa đẩy hành động ; cũng như chúng ta đã nhấn mạnh trước đây, sự phân định là nơi gặp gỡ của chiêm niệm và hoạt

động. Kinh nghiệm về Thiên Chúa, nếu đích thực, sẽ luôn dẫn chúng ta đến hành động, đáp lại tình yêu đã đón nhận. “Hoạt động” đó cũng có thể là cầu nguyện lâu giờ hơn hoặc tình nguyện lên đường đi truyền giáo ; nó có thể là một cái gì rất tầm thường hoặc đánh dấu một khúc ngoặt trong cuộc sống của chúng ta. Nhưng như thư của Gia-cô-bê nói rõ (Gc 2,14-26), có đức tin (đức cậy, đức ái) mà không hành động theo đức tin thì nào có ích lợi gì ? Thánh Têrêxa thành Avila nói, với tư cách là một người chiêm niệm bên trong một nội cấm ngặt ràng, khi cầu nguyện, “điều quan trọng không phải là tư duy nhiều mà là yêu mến nhiều” (31) và rằng tình yêu không hề tại ở những tình cảm hay đẹp cho bằng ở một quyết tâm cao làm Thánh Ý Thiên Chúa. Cho nên chúng ta có thể nói rằng sự phân định liên quan đến toàn thể con người : tình cảm, trí tuệ và ý chí. Tình cảm là vật liệu thô của sự phân định ; còn trí tuệ sẽ khảo sát ngọn nguồn của chúng ; và ý chí dựa trên sự khảo sát đó sẽ tiến tới hành động. Nếu vắng bóng tình cảm thì chính tiến trình phân định sẽ bị tháo cạn hết nội dung của nó.

### *Một sự lựa chọn cơ bản*

Thế nên người tín hữu khi cầu nguyện, phải tiếp xúc với những tình cảm của mình. Thêm vào đó, người ấy cũng cần có một vài nguyên tắc cơ bản để xác định

(31) *Lâu đài nội tâm - Ngôi nhà thứ bốn. Chương 1.*

những tình cảm đó từ đâu đến và chúng có được một nền tảng vững chắc không để Thần Khí có thể linh ứng hoạt động được. Các quy tắc để phân định đơn giản là những chuẩn tắc được thánh I-nha-xi-ô đề ra để quyết định (cũng như thánh Phaolô và Gioan trước Ngài). Hầu hết các qui tắc ấy rõ ràng, chính xác và đặc thù, nhưng trước khi đi vào chi tiết, I-nha-xi-ô mô tả hai tâm trạng khác nhau và trái ngược - hai phương hướng cơ bản mà ngày nay người ta gọi là những “lựa chọn cơ bản”. Phương hướng thứ nhất là phương hướng của tâm hồn “phạm hết tội trọng này đến tội trọng khác” (§ 314), nghĩa là đối với tâm hồn đó, sự lựa chọn cơ bản trong cuộc sống là chống lại Thiên Chúa và sống “cho chính mình”. Đối với những con người loại này, “nói chung kẻ thù có thói quen đề nghị những thú vui bên ngoài : làm cho họ tưởng tượng những thú vui của giác quan” (nghĩa là những niềm an ủi bề ngoài), “để duy trì họ chắc chắn hơn trong tính hư tật xấu và tội lỗi của họ”. Tinh thần tốt, Thiên Chúa, mà hoạt động luôn ngược lại với hoạt động của “kẻ thù”, sẽ làm điều trái nghịch : Ngài khích lệ họ và làm cho lương tâm họ áy náy nhờ sự phê phán luân lý của trí tuệ. Nghĩa là làm cho họ đầy sự phiền muộn bề ngoài. Cho nên, người nào mà sự lựa chọn cơ bản chống lại Thiên Chúa sẽ được ma quỷ an ủi nhưng bị Thiên Chúa khuấy động. Tại sao ? Tại vì ma quỷ ao ước duy trì tâm hồn trong hướng đi hiện tại, trong khi mà Thiên Chúa tốt lành muốn trục xuất ra khỏi tâm hồn ấy sự thoả mãn với những gì ác xấu.

Điều ngược lại cũng đúng đối với những tâm hồn “đang dồn hết sức lực để tự thanh luyện khỏi tội lỗi của mình cũng như trong việc phục vụ Thiên Chúa, và đang muốn tiến bộ” (§ 315). Những tâm hồn đó đã chọn Thiên Chúa và việc phục vụ Ngài làm nền tảng đời mình. Họ còn có thể sa ngã nhiều nữa - người công chính phạm tội bảy lần một ngày - nhưng sự lựa chọn cơ bản của họ vẫn là Thiên Chúa. Ở đây thì sự bối rối và phiền muộn là do ma quỷ mà đến, còn sự bình an là từ Thiên Chúa :

*“Vì, lúc bấy giờ ngón nghề của tinh thần xấu là gặm nhấm, gây buồn tẻ, đặt trở ngại, bằng cách đưa ra những lý do gây lo âu rằng mình không thể đi xa hơn. Còn tài nghệ của tinh thần tốt là đem lại sức mạnh và cam đảm, những niềm an ủi, những giọt lệ, những cảm hứng an vui, bằng cách làm cho mọi sự trở nên dễ dàng và loại bỏ những trở ngại để tâm hồn có thể tiến xa hơn trong việc thực hành điều thiện hảo.”*

Những nhận xét sáng suốt của I-nha-xi-ô về những lối hành xử khác nhau của tinh thần tốt và tinh thần xấu theo sự lựa chọn cơ bản của tâm hồn trong cuộc sống là hết sức quan trọng trong thực tiễn. Chúng cho phép giải thích tại sao những người dẫn mình trong một đời sống xấu xa lại có thể làm điều xấu một cách thanh thản. Nếu họ cứ ngoan cố trong việc từ chối ân sủng, thì tinh thần tốt rốt cục cũng sẽ từ bỏ ý định làm một cái gì cho họ ; một cách nào đó, họ có khả năng “giết chết” lương tâm của mình. Tinh thần xấu sẽ làm tất cả trong khả năng của mình để tránh lắc dọc con đò, sẽ ru ngủ họ trong một cảm giác an toàn giả tạo ; sẽ thuyết phục họ về sức

thầm đi vào cửa mở như trong nhà mình”, hoặc như giọt nước nhỏ trên một miếng bọt biển. Do đó chúng ta thấy rằng sự phân biệt chính yếu giữa hai loại tâm hồn, những tâm hồn phạm hết tội trọng này đến tội trọng kia và những tâm hồn thành tâm tìm yêu mến Thiên Chúa và phục vụ Ngài, sẽ qui định phương thức hành động của các linh thần khác nhau nơi chúng. Chỉ còn việc nói rõ làm sao có thể áp dụng việc phân biệt đó cho những kinh nghiệm cụ thể về sự an ủi và phiền muộn.

Tuy vậy cần ghi nhận rằng thánh I-nha-xiô, sau khi đã phân biệt hai loại lựa chọn cơ bản, thì đưa ra những quy tắc chỉ áp dụng được cho loại người thứ hai mà thôi, loại tâm hồn đã chọn yêu mến và phục vụ Thiên Chúa. Người không bao giờ đưa ra một chỉ thị nào, ngoại trừ những nguyên tắc chung mà chúng ta vừa mới trình bày cho những tâm hồn “phạm hết tội trọng này đến tội trọng khác”. Lý do của sự bỏ sót đó, theo tôi thì đã rõ : một tâm hồn loại đó sẽ chẳng đến tìm Thánh Ý Thiên Chúa đâu. Giả dụ như có đến chẳng nữa thì người ấy cũng chẳng cầm cự nổi đâu trong tiến trình đối đầu với chính mình mà việc linh hướng nhất thiết đòi hỏi. Còn tâm hồn chọn Thiên Chúa thì rất có thể còn nhiều khuyết điểm, mà một vài khuyết điểm còn gây chán nản nữa là khác, vì chúng đâm rễ sâu và sống rất dai dẳng (32), nhưng sự chọn lựa cơ bản là đích thực và

(32) Chúng tôi đã nghiên cứu vấn đề này trong chương thứ hai của cuốn *Khi giếng đã khô cạn* (*When the Well Runs Dry*).

manh và giá trị của những thú vui xác thịt. Thậm chí cả như C.S.Lewis ghi nhận trong tác phẩm của ông về sự phân định “*Chiến lược của ma quỷ*” rằng, quỷ chẳng có đâu ! Tất một lời, nó sẽ dùng mọi phương tiện để duy trì sự thoả thích, niềm an ủi giả tạo nơi tâm hồn “phạm hết tội trọng này đến tội trọng khác”.

Ngược lại, tâm hồn nào đã thật sự chọn Thiên Chúa, sẽ nhận thấy là ma quỷ làm việc không ngừng để làm lung lay sự lựa chọn của mình. Còn Thiên Chúa cũng sẽ làm tất cả để khuyến khích tâm hồn trong hướng cơ bản mình đã chọn. Cho nên, chẳng hạn, một người thành tâm tìm phục vụ Thiên Chúa trong một cộng đoàn có thể có nhiều khuyết điểm và yếu đuối : Thiên Chúa sẽ tìm cách sửa chữa và thanh luyện sự lựa chọn của người ấy, nhưng Ngài không bao giờ hành động một cách mà có thể làm cho người ấy đặt lại vấn đề về sự lựa chọn cơ bản người ấy đã tiến hành đối với Ngài cả. Ngược lại, đó là điều mà ma quỷ sẽ làm : nó tìm gây nản chí, thuyết phục người ấy rằng mình chẳng đáng giá gì cả, rằng Thiên Chúa chẳng hài lòng về mình và công việc của mình chẳng có thể đứng vững được.

Trong qui tắc thứ bảy của tuần thứ hai (§ 335) thánh I-nha-xiô lại nói đến vấn đề của sự lựa chọn cơ bản. Người so sánh hoạt động của các tinh thần khác nhau với giọt nước nhỏ trên một miếng bọt biển hoặc trên một tảng đá. Khi tâm tình của linh hồn nghịch ngược với các tinh thần ấy thì “chúng đi vào ồn ào, đánh động các giác quan thấy rõ”, như nước lách tách trên mặt đá vậy. “Nhưng khi tâm tình hoà hợp với chúng thì chúng âm

thành tâm. Chứng nào tình hình còn như thế và bất chấp những thất bại gặp phải để thể hiện sự lựa chọn thành tâm đó nghiêng về bên Thiên Chúa, thì hoạt động của tinh thần tốt sẽ luôn dịu dàng, ngọt ngào và nhẹ nhàng, còn của tinh thần xấu luôn khuấy động và ồn ào.

### *Tinh thần tốt và tinh thần xấu*

Những biểu hiện cụ thể cho thấy đâu là công trình của Thiên Chúa và đâu là của ma quỷ sẽ là đối tượng nghiên cứu của chương 6 trở đi. Trước khi chăm chú vào đó, chúng ta còn một điểm trong thuật ngữ cần nói rõ : thánh I-nhà-xiô nói đến sự phân định “các tinh thần” và gọi chúng là “tinh thần tốt” và “tinh thần xấu”.

Hai tinh thần ấy là gì hoặc là ai ?

Đối với tinh thần tốt, thì không có vấn đề gì. Cũng đúng là có một nơi mà I-nhà-xiô phân biệt giữa chính Thiên Chúa và thiên thần tốt. Như chúng ta sẽ thấy ở chương 7, Người nói rằng chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể ban cho tâm hồn “một niềm an ủi mà không có nguyên do trước đó”, còn một sự an ủi với nguyên nhân đi trước có thể từ thiên thần tốt hoặc tinh thần xấu mà đến. Sự phân biệt giữa công trình của Thiên Chúa và hoạt động của thiên thần tốt hình như là chuyện thường tình trong thần học thời Trung cổ, vì thánh Gioan Thánh giá cũng đã sử dụng. Khi kinh nghiệm là khả giác, xuất phát từ các giác quan thì nó là công trình của Thiên Chúa qua trung gian của các thiên

thần ; còn khi tâm hồn trực tiếp được Thiên Chúa tác động không qua các giác quan, thì chính Thiên Chúa trực tiếp tra tay không qua các thiên thần. Sự phân biệt ấy ngày nay không phổ biến lắm, vả lại nó cũng chẳng quan trọng bao nhiêu trong thực tiễn. Đối với các nhà thần học thì việc phân biệt những tác động khác nhau của Thiên Chúa trên thân xác và linh hồn là điều lý thú. Nhưng còn đối với người chuyên tâm cầu nguyện và vị linh hướng thì hình như chỉ cần đồng hoá tinh thần tốt với Thiên Chúa là đủ, mà không cần lo lắng xem các thiên thần có vai trò nào trong việc phân phối các ân huệ của Thiên Chúa. Thậm chí cả trong thừa tác vụ của tôi, vấn đề cơ bản là biết có phải Thiên Chúa đang hoạt động trong linh hồn hay không. Tôi chưa bao giờ thấy rằng việc xác định có do trung gian hay không của các thiên thần là quan trọng cả.

Cho nên chúng ta có thể công nhận rằng “tinh thần tốt” chỉ định chính Thiên Chúa, Thần Khí. Trái lại, việc nhận diện tinh thần xấu, tỏ ra mơ hồ hơn, vào một thời kỳ mới đây. I-nhà-xiô đồng hoá nó với “ma quỷ đội lốt thiên thần sáng láng” (§ 332), hoặc thường xuyên hơn với “kẻ thù” hoặc “kẻ thù của nhân tính” (§ 314, 320, 325-327, 329, 334). Trong đoạn 333 Người nói đến “tinh thần xấu, kẻ thù ngăn cản sự tiến bộ và sự cứu độ vĩnh cửu”. Không còn nghi ngờ gì nữa, I-nhà-xiô muốn nói đến ma quỷ mà sự hiện hữu và hoạt động tai hại không hề bị nghi ngờ thời I-nhà-xiô cũng như thời chính Đức Giêsu. Nhưng thời nay nhiều người có suy nghĩ đặt lại

vấn đề về sự hiện hữu của ma quỷ hoặc ít là nghi ngờ rằng bao nhiêu xáo trộn lâu nay được gán cho quỷ lại thật sự là công trình của nó. Vào thời của khoa tâm lý chiều sâu và của y học tâm thần cơ thể, người ta có xu hướng nghĩ rằng nhiều hiện tượng lâu nay bị gán cho quỷ thì đúng hơn nên gán cho chính tiềm thức và cho những tác động qua lại tinh vi giữa tinh thần và thể xác nơi mỗi người chúng ta.

Nếu cuộc sống và thừa tác vụ của tôi đã làm cho tôi phải nhận là quỷ có thật (tôi không tài nào tưởng tượng nổi là con người tự sức mình lại có thể làm hỏng thế giới của mình đến cỡ đó!), thì theo tôi nhìn nhận rằng chúng ta có những phương kế thật tinh vi để tự dối mình và tự gây nhiễu thì cũng đúng thôi. Nhưng lẽ nào sự nhượng bộ đó lại phải vô hiệu hoá những nhận xét của I-nhà-xiô về tác hại của tinh thần xấu? Tôi không nghĩ như vậy. Theo tôi, luôn luôn do những nhu cầu thực tiễn của người cầu nguyện và của vị linh hướng là điều không mấy quan trọng, khi muốn biết xem sự phiền muộn được cảm nhận là do chính tiềm thức, môi trường hay nền văn hoá trong đó chúng ta đang ngụp lặn hoặc do chính ma quỷ theo nghĩa đen. Trong những gì liên quan đến sự phân định, chúng ta có thể hiểu “tinh thần xấu” hoặc “ma quỷ” là tất cả những thế lực chống lại Thiên Chúa dù chúng là tự nhiên hay ma quái. Là điều chính đáng khi các nhà thần học lo toan tìm ra những nguyên nhân tự nhiên của một sự thúc đẩy hoặc thiết lập tính chất siêu nhiên của nó. Nhưng khi người chuyên tâm cầu nguyện nhận ra cái đuôi của con rắn, thì tốt hơn

nên bỏ chạy, rút lui lặng lẽ, cứ để cho các nhà chuyên môn xác định đó là loại động vật nào.

### *Bài thực tập*

Trong chương này chúng ta đã nhấn mạnh về tầm quan trọng của “sự lựa chọn cơ bản” cho chúng ta, và về sự tiếp xúc với những tình cảm của mình để tiến hành phân định thật sự. Bạn có nghĩ rằng bằng suy nghĩ về đời mình, bạn có thể cầm chắc về sự lựa chọn cơ bản của bạn không?

Bạn có cho rằng nhận ra và đặt tên cho những tình cảm của mình là điều dễ dàng không?

Bạn hãy hồi tưởng lại một lúc quan trọng trong đời mình, trong đó bạn rất khó lòng biết được điều mình đã thật sự cảm nhận.



## 6

## Những người mới bắt đầu và nỗi phiền muộn

Khi nghiên cứu các qui tắc của sự phân định, thật vô cùng ngạc nhiên mà nhận ra rằng nỗi phiền muộn không bao giờ báo hiệu tiếng nói của Thiên Chúa, đối với những ai tìm yêu mến và phục vụ Ngài, nhưng cũng không vì vậy mà là một dấu hiệu xấu. Tôi muốn nói rằng nó không nhất thiết có nghĩa là Thiên Chúa không bằng lòng về chúng ta hoặc là chúng ta đã tỏ ra chệnh mảng trong việc phục vụ Ngài. Trong thực tế, như chương này muốn cho thấy, nỗi phiền muộn thường là một phương tiện rất hữu hiệu để thanh luyện và giúp tình yêu Thiên Chúa nơi chúng ta có thêm chiều sâu. Có một mâu thuẫn : sự phiền muộn không bao giờ là do Thiên Chúa *gửi đến* cả, tuy vậy nó là một phương tiện rất hữu hiệu để tăng trưởng. Làm sao cả hai ý kiến này có thể đúng được ? Đây là vấn đề chính yếu được sách Gióp nêu lên mà cũng chính yếu đối với cuộc đời của bất cứ ai chuyên cần cầu nguyện và của mọi người tông đồ. Đếm tâm tối (hoặc ngọn suối cạn hay đám mây mù tối, những ẩn dụ nói lên cũng một tiến trình thanh luyện mà những

ai trung thành cầu nguyện đều phải trải qua) (33) đúng ra là một kinh nghiệm phiền muộn ít là ở giai đoạn đầu. Trong khi mà tiếng nói của thánh Gioan Thánh giá rất có thẩm quyền về hình thức phiền muộn ở một mức sâu hơn này, thì thánh I-nhà-xiô đề cập đến sự phiền muộn mà những người mới bắt đầu gặp phải. Đối với người này lẫn người kia, sự phiền muộn đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng trưởng thiêng liêng.

Chúng ta hãy nhớ rằng thánh I-nhà-xiô kê ra hai loại qui tắc cho sự phân định, một cho “tuần thứ nhất” của thời gian *linh thao* và một cho “tuần thứ hai”. Như chúng ta đã nói, tuần thứ nhất là thời kỳ của những bước đầu : thời kỳ từ bỏ cuộc sống ăn chơi hoặc ương dở, thời kỳ của một cái nhìn trên chính con người mình, một cách chân thật trước mặt Chúa. Tuần thứ hai là thời kỳ gia nhập, lúc mà chúng ta mặc lấy Đức Kitô và để cho sự sung mãn của Ngài lấp đầy sự trống rỗng của bản thân mình. Nhờ ân sủng được ban trong tuần thứ hai, những giá trị và thái độ của Ngài trở thành của chúng ta. Do sự tương phản giữa những bước đầu và một sự cam kết chín chắn hơn, điều lạ lùng là những qui tắc của I-nhà-xiô cho tuần thứ nhất gần như chỉ đề cập đến nỗi phiền muộn, trong khi mà những quy tắc của tuần thứ hai lại liên quan trước hết đến niềm an ủi. Xét về bề ngoài, thánh I-nhà-xiô cảm thấy rằng sự phiền muộn là kinh nghiệm bình

(33) Như chúng tôi đã giải thích trong *Khi giếng đã khô cạn* (When the Well Runs Dry), *Bóng tối trên quảng trường* (Darkness in the Marketplace).

thường hoặc quyết đoán của những người mới bắt đầu còn sự an ủi là kinh nghiệm của những linh hồn đã bước xa hơn.

Tôi nghĩ rằng điều đó đúng, cũng như một ví dụ rút ra từ kinh nghiệm bản thân có lẽ sẽ giúp hiểu một cách dễ dàng hơn. Khi tôi bước vào Nhà Tập của Dòng Tên ở tuổi mười bảy, trong bốn tháng đầu tôi hết sức nhớ nhà. Tôi cảm thấy mình đang ở trên đất khách quê người, tôi chưa hề biết đến các cha Dòng Tên trước đó, và trên tổng số năm mươi chín tập sinh, chỉ có một anh nữa và tôi là từ Rochester đến mà thôi. Sự im lặng, lễ thói cứng nhắc, công việc học hành đòi hỏi hơn nhiều so với trước đây, một tiếng rưỡi hàng ngày dành để cầu nguyện riêng, tất cả đều toa rập để làm cho tôi thấy rằng cuộc đời này là bất khả thi. Tâm trạng của tôi đầy phiền muộn và ma quỷ đã lợi dụng tối đa. Sự bực bội, buồn bã, chán nản và nói cho cùng, tất cả những triệu chứng của sự phiền muộn được I-nha-xiô mô tả đều biểu hiện nơi tôi. Khi nhìn lại đằng sau hình như lúc bấy giờ tôi đã lần lượt phấn đấu để ở lại và đã quyết định ra về. Và không một sự lựa chọn nào đã thật sự làm tôi thoả mãn. Sau đó, vào khoảng Giáng Sinh năm đầu ấy, một buổi sáng khi thức dậy tôi nhận thức được rằng thật sự tôi muốn ở lại. Đành là sau đó cũng còn nhiều khó khăn phải vượt lên và nhiều thích nghi cần phải tiến hành. Nhưng tôi đã không còn cảm nhận cùng một cách như trước đây nữa từ ngày tôi biết rằng ước muốn của tôi là thật sự đạt tới đích. Các khó khăn nay đã trở thành những chướng ngại

cần vượt qua, những thách đố cần đương đầu ; chúng không còn là những lý do để buông bỏ đời tu nữa.

Đần đần cùng với năm tháng, càng ngày tôi càng đâm rễ sâu trong cuộc đời tôi đã chọn. Lời cầu nguyện và việc phục vụ trong đời tu của một linh mục Dòng Tên trở thành những giá trị trung tâm của cuộc sống tôi. Ở mức độ ấy, sự phiền muộn không còn là một vấn đề hoặc một phần quan trọng trong kinh nghiệm của tôi về cầu nguyện nữa. Dĩ nhiên là tôi còn trải qua những lúc gầy gầy, những ngày chẳng lành, nhưng chúng không thể tác động sâu xa đến tôi nữa, vì tôi cũng đã học được rằng những ngày không lành đó sẽ không kéo dài lâu đâu và rồi mặt trời sẽ trở lại luôn luôn. Tôi khám phá được một sự khôn ngoan lớn trong giải pháp của ông già Ai-len cho mọi vấn đề : đi ngủ ! Chín mươi phần trăm các vấn đề của chúng ta có vẻ dễ giải quyết hơn nhiều sau một đêm dài ngủ say. Nhờ vào cách nhìn đời kiểu này mà tôi ít bị sự phiền muộn làm tổn thương hơn. Vô phước thay ! Ma quỷ thì lắm kế. Khi chúng ta lớn lên thì nó đổi chiến lược. Như chúng ta sẽ thấy trong phần ba, nơi các tâm hồn đã tiến xa, nó không còn dùng sự phiền muộn nữa mà là những niềm an ủi “dỏm”.

Nhưng chúng ta chẳng cần đề cập đến quá sớm. Điều quan trọng cần ghi nhận ở đây là tinh thần xấu, để thử thách và cám dỗ những người mới bắt đầu, thường dùng đến sự phiền muộn : sự chán nản, lo âu, bực bội, sợ sệt, nguội lạnh, tất một lời, sự mất bình an. Có lẽ cũng cần nhấn mạnh rằng “những bước đầu” ở đây không nhất thiết là chỉ nói đến những giai đoạn đầu của một

đời sống cầu nguyện và kết hợp với Chúa mà thôi. Sau này chúng ta còn trải qua những bước đầu khác quyết liệt nữa, chẳng hạn, lên đường đi truyền giáo (đối với tôi), thay đổi bậc sống (lập gia đình chẳng hạn), cảm thấy cái chết đang đến đối với chúng ta, là những hoàn cảnh mới. Vậy mà theo kinh nghiệm bản thân đó cũng là những thời điểm mà sự phiền muộn là một yếu tố quan trọng để phân định (34).

### *Những quy tắc cần theo khi gặp sự phiền muộn*

Những gì chúng ta vừa trình bày giả định rằng sự phiền muộn là công trình của tinh thần xấu, và rằng nó không bao giờ báo hiệu tiếng nói của Thiên Chúa cả. Thật vậy, mặc dù điều này gây ngạc nhiên cho số đông. Khi gặp chán nản hoặc thất vọng hầu hết những người có đạo tốt, tức khắc suy ra đó là Thiên Chúa cảnh giác mình và rằng họ phải bỏ việc làm hoặc không đeo đuổi ơn gọi nữa. Khi lời cầu nguyện trở thành khó khăn hay khô khan, cảm tưởng rằng Thiên Chúa ruồng bỏ mình và kiên trì là điều vô ích, thật tự nhiên. Khi hai vợ chồng trẻ đứng trước những khó khăn đầu tiên và gây gổ nhau, thì dễ dàng kết luận rằng họ đã lầm lẫn lúc quyết định lấy

(34) “*Những đêm tâm tối*” mà thánh Gioan thánh giá nói tới hình như là một trong những hoàn cảnh mới ấy trong đời sống nội tâm. Vào những thời điểm đó, đời sống cầu nguyện của chúng ta thay đổi tận căn. Chúng ta đang ở trong một thế giới mới và một lần nữa ma quỷ lại dùng sự phiền muộn để hoạt động trở lại.

nhau. “Vui buồn vẫn có nhau” là một công thức tuyệt vời ngày hôn phối, nhưng khi chuyện buồn xảy đến thì chúng ta mới thấy là nó không có chỗ đứng trong những giấc mơ cũng như trong những mong đợi của chúng ta. Các người đạo đức tự nhiên coi sự phiền muộn như dấu chỉ là Thiên Chúa không bằng lòng về họ hoặc phản đối sự lựa chọn của họ.

Cho nên qui tắc đầu tiên của thánh I-nhà-xiô để biết phải xử lý như thế nào khi gặp sự phiền muộn thì vừa lạ lùng lại vừa cơ bản. Người nói với chúng ta : “Trong thời phiền muộn, đừng tiến hành thay đổi điều gì, nhưng phải kiên định và vững vàng trong những quyết tâm và ý định mà mình đã có trong thời an ủi trước đó” (§ 318). Nếu quyết định của tôi gia nhập Dòng Tên đã được tiến hành trong sự cầu nguyện và bình an, dứt khoát tôi không nên thay đổi bao giờ khi tôi đang ở trong một trạng thái bồn chồn nội tâm, suy sụp hoặc chán nản. Chú thích này cũng có thể áp dụng cho chủng sinh Joe khi thầy đang lo lắng cho hoàn cảnh gia đình và bắt đầu đặt lại vấn đề về cuộc sống ở chủng viện ; cho Letty khi nữ tu này bắt đầu chịu đựng những nỗ căng thẳng của một cộng đoàn không thống nhất ý kiến ; hoặc nữa cho Ed và Maria mà đời sống vợ chồng bước đầu được đảm nhận trong cầu nguyện đột ngột bị sóng gió lay động. Tôi không muốn nói rằng điều đó có nghĩa là không bao giờ được thay đổi một điều đã quyết định, nhưng không nên thay đổi trong thời phiền muộn, cũng thế không nên quyết định một điều mới trong thời đó.

Vì I-nha-xiô nói với chúng ta “cũng như trong thời an ủi thì tinh thần tốt hướng dẫn và cố vấn chúng ta nhiều hơn và cũng vậy trong thời phiền muộn thì tinh thần xấu, nhiều hơn : với những lời khuyên của tinh thần xấu lúc bấy giờ, chúng ta không thể chọn đúng con đường để thành công được”. Sự phiền muộn là dấu chỉ rằng tinh thần xấu đang tra tay làm việc, do đó *không bao giờ nên lấy hoặc thay đổi quyết định vào những thời điểm thiêng liêng đó cả* (35). Qui tắc này quan trọng đến độ tôi thường khuyên là chỉ cần nhớ đến qui tắc này dù có quên hết các điều khác đã học được về sự phân định - Nếu chúng ta chỉ nhớ qui tắc cơ bản này cho đời sống thiêng liêng của mình và nắm giữ, chúng ta sẽ tránh được chín mươi phần trăm những tai họa. Những người Kitô hữu ngoan đạo thường có những quyết định không đúng chuyện vì họ hiểu sai về sự phiền muộn và họ coi sự chán nản, khô khan, lo lắng như là những dấu chỉ về Thánh Ý Thiên Chúa đối với họ. Ma quỷ lợi dụng lòng đạo đức là tính quy ngã tinh vi của họ để thuyết phục

(35) *Để cho đơn giản hơn, tôi luôn nói đến tinh thần xấu như nói về ma quỷ theo kiểu nhân cách hoá. Nhưng chúng ta đừng quên như đã nói ở chương 5 rằng “tinh thần xấu” chỉ tất cả các thế lực đang làm việc chống lại Thiên Chúa và chống lại sự tăng trưởng của chúng ta trên những nẻo đường tình yêu của Ngài. Cho nên, thứ “quỷ” đang làm việc trong thời phiền muộn cũng có thể là “cái tôi” của chúng ta chưa được cứu rỗi (và cũng có thể là tiềm thức) hoặc “thế gian” mà chúng ta cùng “nút” lấy những giá một trật với dòng sữa mẹ, hoặc nữa, “ma quỷ” hiểu theo nghĩa đen. Chúng ta sẽ nghiên cứu tất cả những loại cỏ lùng ấy chi tiết hơn ở chương 8.*

họ rằng những nỗi buồn phiền họ gặp nói lên việc Thiên Chúa không bằng lòng về họ hoặc Ngài đã bỏ rơi họ. Vô phúc thay, tinh thần xấu lanh lợi hơn chúng ta nhiều !

Đâu là thái độ phải có, vào những thời phiền muộn ? Nếu không được quyết định cũng không nên lên kế hoạch, thì phải làm gì lúc bấy giờ ? Trong ba qui tắc sau đây được kê ra cho tuần thứ nhất (§ 319-321), thánh I-nha-xiô đề nghị nhiều giải pháp, có thể rút lại còn hai điểm chính : chống lại sự phiền muộn bằng cách làm ngược lại với điều mà tinh thần xấu gợi ý ; và đối với Thiên Chúa đang có vẻ từ bỏ chúng ta, nói lên một lần nữa đức tin và lòng tín nhiệm của chúng ta.

Trong đoạn 319, thánh I-nha-xiô tuyên bố : “mặc dầu trong thời phiền muộn chúng ta không nên thay đổi những quyết tâm trước đó, thì cũng là tốt nếu có những đổi thay để chống lại sự phiền muộn đó ; chẳng hạn như tăng cường việc nguyện ngắm hoặc suy gẫm ; xét mình thật kỹ, hãm mình nhiều hơn, một cách thích hợp. Bình thường thì ma quỷ sẽ tìm cách làm cho chúng ta xao nhãng với tất cả những cách thức cơ bản mà I-nha-xiô đã dạy cho chúng ta để biết mình và tự chủ. Nó sẽ gây mối lòng và âu lo về tình cảnh của bản thân chúng ta. Trong những lúc như vậy, các tâm hồn đã có một đời sống cầu nguyện đều đặn sẽ thấy ba mươi phút cầu nguyện và suy gẫm hằng ngày là dài bất tận và chán không chịu được. Việc xét mình bị coi như chuyện mất thì giờ. Đôi khi nỗi phiền muộn sẽ mặc hình thức của sự chán nản : cảm tưởng là Thiên Chúa đã ruồng bỏ linh hồn và rằng mọi cố gắng để với tới Ngài hoặc để được lòng Ngài, đều vô

ích. Vào những thời điểm khác (có lẽ ngày nay lại thường xảy ra hơn với quan niệm hiếu động của chúng ta về sự dẫn thân đối với người tu sĩ), nỗi phiền muộn có thể xuất hiện dưới dạng “một lo âu thánh thiện” với ý tưởng là tất cả những việc đạo đức thường quá duy ngã, quy ngã trong một thế giới đang lớn tiếng cầu cứu đến sự giúp đỡ của chúng ta. Cảm tưởng mất kiên nhẫn ấy, trong đó bất cứ ai trung thành cầu nguyện đều bị coi như bạo chúa Néron cứ thản nhiên chơi đàn trong khi mà thành phố Rôma đang bốc cháy, cũng là một hình thức phiền muộn. Nỗi phiền muộn dù là dưới hình thức một sự tuyệt vọng bình thản hoặc một nỗi âu lo nóng lòng, thì nguyên nhân vẫn là một thái độ cần phải có để đối phó cũng vẫn là thái độ trên đây. Tinh thần xấu, với tư cách là một nhà tâm lý “cáo già” sẽ hành động trên mỗi tâm hồn tùy theo tính tình riêng : nó sẽ làm nản lòng người sốt sắng và đẩy người hiếu động đến chỗ nhốn nháo. Trong cả hai trường hợp, sự phiền muộn chỉ có thể từ nó mà đến.

Do tinh thần xấu nằm ở nguồn ngọn của hai loại phiền muộn đó, vì thế không bao giờ nên theo sự xúi giục của nó. Vả lại, như I-nha-xiô đã nói trong đoạn 309, giải pháp tốt nhất là làm ngược lại với điều nó cố vấn. Không có nghĩa là chúng ta không bao giờ được rút ngắn những giờ kinh kệ hoặc giảm bớt việc hãm mình : có những lúc (và chúng ta sẽ trải qua những lúc như vậy) Thiên Chúa sẽ yêu cầu hoặc những nhu cầu của việc tông đồ sẽ đòi hỏi việc rút giảm ấy, nhưng đừng bao giờ tự tiện mà làm trong thời phiền muộn cả. Vào những lúc

ấy chúng ta phải làm ngược lại với cảm hứng của mình vì cảm hứng đó là do tinh thần xấu xúi giục.

Một ví dụ sẽ giúp chúng ta hiểu : tôi thường nói với những người đã có thói quen cầu nguyện và đã đạt tới một mức trưởng thành nào đó trong đời sống nội tâm rằng, lúc duy nhất thật sự cần nhìn đồng hồ khi cầu nguyện là lúc trải qua một thời phiền muộn. Ở bước đầu, thật vậy, chúng ta cần làm một số việc vào những giờ giấc và nơi chốn nhất định như con cáo đã nói một cách khôn ngoan với “hoàng tử nhỏ”, vì chính bằng cách đó mà trái tim chúng ta sẽ được thuần hoá. Nhưng khi đã được thuần hoá rồi và Thiên Chúa đã có chỗ đứng hơn trong lòng chúng ta, bình thường thì chúng ta có thể tuân theo cái “đồng hồ nội tâm” ; vậy mà, vào thời phiền muộn, khi giờ cầu nguyện có vẻ dài và chán ngán, thì cần phải kiên định. Nếu bạn có thói quen cầu nguyện ba mươi phút mỗi ngày, ngày nào mà nửa tiếng đó có vẻ vô tận và chán ngắt, thì bạn hãy cầu nguyện ba mươi mốt phút ! Bạn hãy lắc chiếc đồng hồ cốt của bạn nếu muốn để cho thời giờ qua mau hơn (như thánh Têrêxa thành Avila) nhưng hãy nán lại hết thời gian đã ấn định và lâu hơn một chút nữa. Hãy làm ngược lại với điều ma quỷ gợi ý. Bạn sẽ làm gì nào nếu bạn ở chỗ của nó ? Nếu chiến lược của bạn đưa đẩy bất được thời gian cầu nguyện hôm nay từ ba mươi phút xuống còn hai mươi lăm, thì ngày hôm sau bạn sẽ tấn công tiếp bằng cách ấn định mục tiêu là hai mươi, rồi mười lăm, mười hai, mười... Nhưng nếu, với tư cách là ma quỷ, bạn chỉ đẩy nạn nhân mà mình thêm muốn, đến cầu nguyện lâu giờ

hơn bình thường, thì nhanh chóng bạn sẽ bỏ chiến lược tấn công đó. Có ai cáo giác ma quỷ là ngu ngốc bao giờ đâu !

Thánh I-nha-xiô nhắc lại trong quy tắc thứ tám dành cho tuần thứ nhất, ý tưởng rằng cần phải đi ngược lại với những gì tinh thần xấu xíu giục. “Người nào đang ở trong sự phiền muộn, sẽ tìm cách lưu lại trong sự kiên nhẫn, là điều ngược lại với những phiền nhiễu đang xảy tới cho mình” (§ 321). Cũng trong quy tắc đó, I-nha-xiô đề nghị với “người đang phiền muộn” một đề tài tư duy tốt rằng “người ấy sẽ được an ủi nhanh thôi”, cũng như ông đã đề nghị trong quy tắc trước (§ 320), ông đề nghị cần cần nhắc “làm sao để thử thách mình, Thiên Chúa đã buông thông để mặc cho những khả năng tự nhiên, hầu chống lại với những nhốn nháo và cám dỗ của kẻ thù”. Chúng ta sẽ xem xét kỹ hơn chốc nữa các từ “để thử thách mình”, vì I-nha-xiô nghiên cứu trong quy tắc thứ chín, quy tắc quan trọng, những lý do khác nhau, tại sao Thiên Chúa cho phép tinh thần xấu hoạt động trên chúng ta trong thời phiền muộn. Nhưng, ở đây, Người chỉ muốn nhấn mạnh rằng ân sủng và sự trợ giúp của Thiên Chúa luôn được ban phát cho mỗi linh hồn dù chúng ta không cảm nhận được sự hiện diện của Ngài.

Trọn đời chúng ta, Thiên Chúa luôn ban “ân sủng đầy đủ để chúng ta được cứu rỗi muôn đời” (§ 320) : đó là một tín điều. Nhưng trong thời phiền muộn chúng ta dễ dàng hoài nghi về điều đó, cũng như cũng dễ dàng quên rằng sự phiền muộn không kéo dài mãi mãi bao giờ. Khi tình cảm của chúng ta bị rối loạn, rất nhanh

chúng ta không còn thấy những chân lý cơ bản của mạc khải biện minh cho niềm cậy trông của chúng ta nơi Thiên Chúa nữa. Tinh thần xấu tìm cách nhận chìm và làm tê liệt trí thông minh của chúng ta bằng những tâm tình phiền muộn đó. Ở đây nữa, chúng ta phải chống cự lại nó, cũng như chúng ta phải hành động ngược lại với những xúi xiểm của nó, thì đồng thời cũng phải nắm chặt những tư tưởng về đức tin và đức cậy đang đối nghịch lại với những tư tưởng hoài nghi và tuyệt vọng rất ma quái (36).

(36) Thánh I-nha-xiô đề cập trở lại về điểm này ở quy tắc 10 và 11 (§ 324-325) trong đó Người ban hành những chỉ thị duy nhất liên quan đến niềm an ủi trong số những quy tắc đưa ra cho tuần thứ nhất. Người chỉ muốn cho thấy rằng niềm an ủi và nỗi phiền muộn, vì rất nghịch ngược nhau, đòi hỏi từ phía tâm hồn những đối đáp ngược hẳn. Vì sự an ủi và phiền muộn nhất thiết thay thế nhau, xen kẽ với nhau như ngày và đêm. “Người nào đang ở trong niềm an ủi sẽ nghĩ đến cách mình sẽ hành xử khi đối đầu với sự phiền muộn sắp tới, bằng cách tích trữ những năng lượng mới” (§ 323). Còn trong phiền muộn, chúng ta phải động viên niềm hy vọng và khẳng định lại đức tin của mình, trong niềm an ủi thì phải tìm hạ mình... càng nhiều càng tốt bằng cách nghĩ đến điều ít ỏi (người được an ủi) mình đã có khả năng làm được trong thời phiền muộn nếu không có ân sủng đó hoặc niềm an ủi đó” (§ 324). Trong nỗi phiền muộn cũng như niềm an ủi, chúng ta phải tránh để cho tình cảm của mình đưa đẩy. Lý trí có thể cho phép chúng ta thiết lập được một thế quân bình lành mạnh khi đối diện với những thái quá có thể diễn ra.

### Tại sao Thiên Chúa cho phép có sự phiền muộn ?

Những lời khuyên của I-nhà-xiô để hành động và suy nghĩ trong thời phiền muộn cho thấy rõ là nó không bao giờ từ Thiên Chúa mà đến ; nó không bao giờ là “tiếng nói” của Ngài, phiền muộn không bao giờ do Thiên Chúa gây nên. Vậy mà phản ứng bình thường đối với một tâm hồn sốt sắng bị ngụp lặn trong bối rối, buồn tẻ, thất vọng, là tự hỏi : “Thiên Chúa đang muốn nói với tôi một điều gì đó, nhưng điều gì nào ? Ngài không bằng lòng về cuộc sống của tôi ư ? Tôi đã xúc phạm đến Ngài cách này hay cách khác chăng ?” Nếu tâm hồn đó tuân phục, thì sẽ cố gắng chấp nhận đau khổ của mình như là “Thánh Ý của Chúa”. Tuy nhiên tất cả những gì chúng ta đã nói trên đây hình như đặt lại vấn đề về việc chấp nhận một cách đạo đức sự phiền muộn này. Nếu sự phiền muộn không bao giờ từ Thiên Chúa mà đến, không do Ngài gây nên bao giờ, linh hồn có thể lầm lạc chẳng khi chấp nhận nó như Thánh Ý của Thiên Chúa đối với mình ?

Câu trả lời sẽ vừa có và không. Thường một phản ứng như vậy để lột một lối hiểu sai về cách Thiên Chúa hành động trong cuộc sống của chúng ta, một vết tích còn lại của quan niệm về Thiên Chúa như là một tên múa rối hoặc một người cha của những đứa con non dại mà chúng ta đã ghi nhận sự hiện diện trong Cựu Ước. Lời than vãn của Têrêxa thành Avila khi bà tuyên bố rằng không lạ gì khi Thiên Chúa có ít bạn như vậy do

kiểu Ngài đối xử với họ, vẫn ít nhiều gì còn bị đánh dấu bởi quan niệm ấy.

Tuy vậy vẫn có một phần nhỏ chân lý nào đó trong phản ứng của tâm hồn sốt sắng. Hiểu theo một ý nghĩa nào thì sự phiền muộn phải từ Thiên Chúa mà đến vì không một điều gì có thể xảy đến mà không qua sự quan phòng hoặc kiểm soát của Ngài. Để sử dụng một sự phân biệt mà theo tôi là cơ bản khi linh hướng các người thiện chí, chúng ta có thể nói rằng giả dụ Thiên Chúa không gây ra sự phiền muộn, thì sự phiền muộn cũng chẳng xảy ra được nếu không có *phép* của Ngài. Dĩ nhiên lập luận này cũng được áp dụng cho tội lỗi : Không thể nào Thiên Chúa vô cùng thánh thiện lại có thể là nguyên nhân của tội lỗi hoặc của sự căm dỗ được, vì rằng nguyên việc gợi ý sự ác xấu đã là mâu thuẫn với sự thiện tuyệt đối nơi Ngài rồi. Nhưng cả tội lỗi lẫn sự căm dỗ đều không thể nào xảy ra được mà không có phép của Ngài. Nếu chúng ta chủ trương rằng chúng hoàn toàn tuột khỏi sự kiểm soát của Ngài, thì Ngài đâu còn là chúa tể cần khôn nữa. Lúc bấy giờ chúng ta sẽ rơi vào thế giới nhị nguyên của Ma-ni-kê (hai sức mạnh thần thiêng độc lập, một ác, một thiện), một cạm bẫy mà thánh Âu-tinh đã rơi vào lúc mới trở lại. Để đến với Đức Kitô, Người đã phải loại bỏ quan niệm về một thần ác xấu, chúa tể quyền năng và độc lập. Ma quỷ, như thánh nhân đã khám phá, đúng là ác xấu, nhưng nó cũng chỉ là một thụ tạo và cuối cùng vẫn ở dưới quyền của Thiên Chúa.

Làm sao một Thiên Chúa tốt lành lại có thể cho sự ác dữ xảy ra (và sự phiền muộn là một ác xấu) ? Nếu chúng ta chấp nhận rằng Thiên Chúa không gây ra ác xấu, tại sao Ngài lại không ngăn cản ? Vì quyền uy của Ngài trải rộng trên những người làm sự dữ và các tình thần xấu, lòng tốt chẳng đòi Ngài phải can thiệp để chấm dứt những lạm dụng của chúng sao ? Đó chính là câu hỏi mà I-nha-xiô nêu lên trong qui tắc thứ chín của tuần thứ nhất, bằng cách đặc biệt dựa vào sự dữ, là sự phiền muộn. Trong qui tắc quan trọng này, Người phân biệt ba lý do tại sao Thiên Chúa có thể cho phép sự phiền muộn xảy đến nơi tâm hồn của các tín hữu.

Trước khi đề cập đến ba lý do của I-nha-xiô, chúng ta hãy nhớ rằng tác giả vĩ đại của sách Gióp khoảng bốn trăm năm trước thời của Đức Kitô, đã đưa ra một lối trình bày cổ điển về vấn đề của sự phiền muộn - cùng cách giải đáp.

Ở đầu chương hai, chúng ta đã xem xét các hình ảnh khác nhau của Thiên Chúa, vén màn cho cuộc tranh luận giữa Gióp và “bạn bè” của ông : Thiên Chúa, tên múa rối đối lại với người cha của những đứa con trai con gái trưởng thành. Tác giả vô danh của cuốn sách Gióp và ở đầu cuốn sách cho thấy quan điểm của chính ông - quan điểm của mạc khải về những nguyên nhân đã đẩy Gióp rơi vào hoàn cảnh buồn bã này.

*“Một ngày kia, con cái của Thiên Chúa đến ra mắt Giavê, và Xa-tan cũng có mặt giữa họ. Giavê phán hỏi Xa-tan : “Người từ đâu đến ?” Xa-tan thưa với Giavê rằng : “Đi lữ vận và lang thang trên đất.” Giavê lại*

*phán hỏi Xa-tan : “Người có lưu ý đến Gióp, tôi tớ của Ta chăng ? Trên đất chẳng có ai như nó : một người liêm khiết và chính trực, kính sợ Thiên Chúa và xa điều gian ác.” Xa-tan thưa với Giavê : “Khi không mà Gióp kính sợ Thiên Chúa sao ? Không phải chính Người đã che chở nó, nhà cửa và sản nghiệp xung quanh thuộc về nó bằng một hàng rào sao ? Người đã chúc lành cho công việc tay nó làm và các đàn súc vật của nó đã tràn ngập cả xứ. Nhưng Người hãy giơ tay và giáng đòn trên tất cả những gì thuộc về nó. Chắc chắn nó sẽ nguyện rửa vào mặt Người”.* Giavê phán với Xa-tan : *“Được, tất cả những gì nó có thuộc quyền người, nhưng chớ đụng đến mình nó” (G 1,6-12).*

Được phép của Chúa, do đó Xa-tan sẽ tiến hành tấn công vào đàn súc vật, các tôi tớ và thậm chí cả con cái của Gióp nữa. Do những thảm kịch đó vẫn không làm lung lay lòng tín nhiệm của Gióp, nó quay lại xin Chúa động đến thân mình Gióp :

*“Da thay da. Tất cả những gì người ta có, người ta cũng bỏ để cứu lấy mạng mình ! Nhưng xin Người ra tay đụng đến xương thịt nó ; chắc chắn nó sẽ nguyện rửa Người ngay mặt.” (G 2,4-5)*

Xa-tan làm hết mức, nhưng tất cả chúng ta đều biết lòng tín nhiệm của Gióp vẫn không lay chuyển. Điểm quan trọng, cho vấn đề đang nói đến, là chính Xa-tan là nguyên nhân gây ra sự phiền muộn mà Gióp đang phải chịu đựng mặc dù hẳn không thể hành động nếu không được phép của Chúa. Vậy mà tại sao Thiên Chúa lại cho phép Xa-tan thử thách Gióp nặng nề như vậy ?



Một cách rất nhiệm màu, đó là để kiểm tra hoặc thử thách tình yêu và lòng trung thành của Gióp : về điều này tác giả sách Gióp đã tỏ ra chắc chắn. Đúng rằng ông đã không giải quyết được hoàn toàn cho chúng ta mâu thuẫn của sự dữ được Chúa cho phép xảy ra. Cuốn sách kết thúc bằng một lời mời gọi tín nhiệm đơn thuần và giản dị : Thiên Chúa tốt lành đã tạo dựng đất trời và tất cả những gì chúng chứa đựng, đã “*sai khiến buổi sáng, đặt rặng đông vào nơi cửa nó*” (G 38,12), không thể nào có thể là nguyên nhân của sự ác xấu, của sự phiền muộn được. Nhưng, cũng vì lý do đó, những biến cố, kinh nghiệm kia đang được nói tới, cũng không thể tuột ra khỏi sự kiểm soát của Ngài.

Cho nên, Thiên Chúa tốt lành, trong cuộc đời của Gióp cũng như của chúng ta, cho phép nhưng không là nguyên nhân của sự phiền muộn. Tại sao Ngài cho phép ? Tác giả của sách Gióp chỉ có thể cho chúng ta biết một cách lơ mơ rằng sự phiền muộn “*chứng tỏ*” tình yêu và lòng trung thành của Gióp. Khi thánh I-nhà-xiô đứng trước cũng một câu hỏi ấy trong qui tắc thứ chín của tuần thứ nhất, Người đã có thể, với ơn trợ giúp của Thần Khí, vén mở nhiều hơn nữa mâu thuẫn đang bao trùm vấn đề sự dữ trong cuộc đời của những tâm hồn trung thành. Người nói có ba lý do chính để Thiên Chúa cho phép tinh thần xấu cho họ nếm sự phiền muộn :

*“Có ba nguyên nhân chính khiến chúng ta bị phiền muộn.*

*“Nguyên nhân thứ nhất, là chúng ta đang nguội lạnh, lười biếng hoặc chệnh mảng trong những bốn phận*

*thiên liêng ; cho nên do lỗi chúng ta mà niềm an ủi thiên liêng đã rời xa chúng ta.*

*“Nguyên nhân thứ hai, là để cho chúng ta cảm nghiệm chúng ta đáng là bao và chúng ta đi được tới đâu trong việc phục vụ và ca ngợi Thiên Chúa nếu không được bù đắp bằng những niềm an ủi và những ân huệ lớn lao.*

*“Nguyên nhân thứ ba, là để ban cho chúng ta sự hiểu biết và kiến thức thật - cách nào mà mình nghiệm thấy được bên trong - về những điều mà mình không tự làm nảy sinh được hoặc gìn giữ được một lòng sốt sắng thật sự, một tình yêu bao la, những giọt nước mắt, cũng như bất cứ niềm an ủi thiên liêng nào, nhưng rằng tất cả đều là ân huệ và quà tặng của Thiên Chúa” (§ 322).*

Do đó mà những lý do có thể gây phiền muộn là chính sự chệnh mảng của chúng ta, việc Chúa muốn “*trắc nghiệm*” tình yêu của chúng ta và dạy cho chúng ta rằng niềm an ủi thật là một ân huệ nhưng không mà chúng ta không thể kiểm soát cũng không thể xin được. Điều quan trọng là cần ghi nhận rằng chỉ có lý do thứ nhất mới nêu lên việc lơ là của chúng ta mà thôi. Hầu hết các tâm hồn sốt sắng khi kinh qua nỗi phiền muộn, thì kết luận ngay rằng mình đã xúc phạm đến Thiên Chúa cách này hay cách khác và do lỗi của họ mà Thiên Chúa có vẻ xa vời như vậy. Đó cũng là một khả năng nhưng không chỉ có khả năng đó.

Khi người ta đang ở trong sự phiền muộn mà đến gặp tôi, tôi thường lưu ý họ điều ấy. Họ càng coi trọng tương quan của họ với Thiên Chúa, họ càng có nguy cơ tin rằng sự phiền muộn mà họ cảm nhận là một dấu chỉ

về sự chệnh mảng của chính mình, và rằng một cách nào Thiên Chúa không bằng lòng về họ. Dù đó là chân lý chẳng nữa, sự phiền muộn không chỉ có mục đích “sát phạt” mà thôi, nhưng còn lưu ý họ về sự buông thả trong lòng sốt sắng. Các bạn hãy nhớ chúng ta đã giả định rằng những người được bàn đến là những người nam nữ quảng đại và có quyết tâm, đối với họ Thiên Chúa là quan trọng. Cũng có thể xảy ra là họ đang buông trôi, một cách vô ý thức. Sự thôi thúc của công việc có thể đưa dẫn đến lơ là với việc cầu nguyện hoặc những tình bạn nào đó đang len lỏi vào trong cuộc đời mình, gây nguy hại cho quyết tâm theo Chúa, hoặc nữa, một cách khó nhận thấy, mình đã để cho những giá trị của thế giới tục hoá nơi môi trường mình đang sống và làm việc, chi phối.

Trong tất cả những trường hợp trên và trong nhiều trường hợp tương tự, Thiên Chúa có thể cho phép ma quỷ tiến hành gây phiền muộn ; nhưng trong khi mà mục tiêu của nó là tiêu diệt những con người thì mục tiêu của Thiên Chúa trái lại là đưa họ, qua cú sốc giải thoát ấy, nhận ra sự chệnh mảng của mình mà tìm lại lòng sốt sắng trước đây.

Nhưng đôi khi cũng có trường hợp là những Kitô hữu ngoan đạo nói rằng : “Tôi không thấy mình đã lơ là ở điểm nào cả. Khi nhìn lại cuộc sống, chắc hẳn là tôi có sa sút nhiều, nhưng trong quá khứ cũng vậy, thế mà lúc ấy Chúa có vẻ rất gần gũi”. Nếu quả là vậy hoặc nếu chúng ta đã không khám phá được một sự chệnh mảng cố tình nào có thể biện minh cho sự phiền muộn nơi

chúng ta, lúc bấy giờ chúng ta có thể cầm chắc rằng sự chệnh mảng, lười biếng hoặc nguội lạnh đã không phải là nguyên nhân. “Nhưng tôi có thể làm mất lòng Thiên Chúa mà không hay không biết, những người này nói”. Khi người ta quả quyết với tôi điều ấy, tôi luôn khẳng định rằng không nên lưu ý đến những hoài nghi lo lắng như vậy. Thiên Chúa muốn sự thánh hoá của chúng ta hơn cả chính chúng ta. Ngài không tìm đặt ra cho chúng ta những câu đố hoặc gây rối rắm cho chúng ta : một Thiên Chúa mà cứ tìm cách quấy nhiễu chúng ta như thế không có thể là Thiên Chúa được. Trong hoàn cảnh đó, điều chúng ta có thể nói với Ngài là : “Lạy Chúa, Chúa biết điều con muốn trên hết là đẹp lòng Chúa. Chúa hoàn toàn tự do sửa dạy con nhưng con không thấy được con đã lơ là chệnh mảng hoặc nguội lạnh ở điểm nào, mặc dù con đã cố gắng thành tâm để xét mình. Cho nên con xin Chúa chỉ cho con thấy con đã làm mất lòng Chúa ở điểm nào, và chừng nào Chúa chưa chỉ cho con thấy, con sẽ không coi trọng những cảm tưởng mơ hồ hoài nghi và lo âu ấy.”

Cách cầu nguyện như thế rất đẹp lòng Thiên Chúa, thay vì tỏ ra tự phụ, nó nói lên sự tín nhiệm của chúng ta nơi sự hảo tâm của Thiên Chúa. Vả lại, theo lời I-nhà-xiô, còn có hai lý do khác, ngoài sự chệnh mảng của chúng ta, khiến Thiên Chúa có thể cho phép chúng ta ném qua sự phiền muộn nếu chúng ta không thể điếm được một sự chệnh mảng đặc biệt để giải thích sự phiền muộn ấy, lúc đó phải xem xét đến hai lý do kia : chúng

cho phép mình hiểu tại sao cả những tâm hồn sốt sắng và yêu mến Thiên Chúa cũng phải gánh chịu nữa.

Trước hết I-nha-xiô nói rằng chúng ta có thể kinh qua sự phiền muộn vì Thiên Chúa muốn qua đó dạy cho chúng ta rằng “một sự sốt sắng cao, một tình yêu nồng nàn không ở tầm tay mà chúng ta có thể làm nảy sinh hoặc duy trì được... cũng như bất cứ niềm an ủi thiêng liêng nào, nhưng rằng tất cả đều là ân huệ và là quà tặng của Thiên Chúa” (37). Nghĩa là Ngài muốn dạy cho chúng ta rằng tất cả đều là quà tặng và đặc biệt cuộc gặp gỡ với Ngài trong niềm an ủi. Không có một kỹ thuật nào có thể cho phép chúng ta tiến hành kinh nghiệm về Thiên Chúa cả (38).

Trong cuộc gặp gỡ này, Ngài là Thiên Chúa, Ngài đến hay đi tùy Ngài. Nếu trên lý thuyết là điều chúng ta đã biết thì trong thực hành tất cả chúng ta đều tìm cách vận dụng những sự gặp gỡ đó với Ngài : nào chúng ta thử nghiệm những kỹ thuật để cầu nguyện, nào chúng ta đi theo các pháp sư đang thịnh hành trong hy vọng tìm ra chiếc chìa khoá vạn năng cho phép chúng ta mở được trái tim của Ngài. Khi khám phá được một nơi chốn, một tư thế hoặc một câu thần chú nào đem lại sự an ủi cho mình là chúng ta cứ mãi trở về đó để sống lại kinh nghiệm ấy về Thiên Chúa. Vậy mà đâu là câu trả

(37) Đó là lý do thứ ba được I-nha-xiô trưng dẫn ở đoạn § 322. Vì những lý do sắp xuất hiện đây, tôi đã thay đổi thứ tự trong cách trình bày.

(38) Chúng ta đã nhấn mạnh về điều này trong *Sự cởi mở với Thiên Chúa (Opening to God)*, chương 1 và 4.

lời của Ngài ? Sự phiền muộn ! Nếu chúng ta được vận may, thì những toan tính để kiểm soát được cuộc gặp gỡ ấy với Thiên Chúa, sẽ không có kết quả, vì Thiên Chúa của chúng ta như con cáo trong *Hoàng tử nhỏ*, thì “nhút nhát” và sẽ tháo chạy nếu ai đó muốn nắm bắt hoặc tiếp cận Ngài quá nhanh và quá cận kề. Sự khám phá ấy thật đau đớn đối với tâm hồn nồng nhiệt, nhưng phải vậy thôi vì nếu khác đi thì Thiên Chúa sẽ chẳng còn là Thiên Chúa nữa. Nếu chúng ta có thể làm cho Ngài xuất hiện tùy thích, nếu những kỹ thuật và phương tiện của chúng ta có thể đem lại niềm an ủi, Thiên Chúa sẽ không còn là Thiên Chúa nhưng là sản phẩm của trí tưởng tượng và những xúc cảm của chúng ta. I-nha-xiô còn thêm rằng sự phiền muộn được ban cho chúng ta “để chúng ta đừng xây tổ của mình nơi người khác, vượt ve tinh thần, đưa tới một sự kiêu căng hoặc háo danh, đưa đẩy gán cho mình lòng đạo đức hoặc những hình thức khác của niềm an ủi thiêng liêng”.

I-nha-xiô đưa một lý do khác, lạ lùng hơn, để giải thích tại sao thậm chí cả những tâm hồn sốt sắng cũng có thể nếm trải sự phiền muộn. Người nói rằng “để cho chúng ta cảm nghiệm được chúng ta đáng là bao và chúng ta đi được đến đâu trong việc phục vụ và ca ngợi Thiên Chúa nếu không được bù đắp bằng những niềm an ủi và những ân huệ lớn lao”. Trong nhiều năm, lý do này gây tò mò và lưỡng lự nơi tôi : hiểu theo cốt chữ, nó có vẻ vô nghĩa. Tại sao Thiên Chúa lại muốn “thử thách” chúng ta, bắt chúng ta trải qua một cuộc “trắc nghiệm” vì Ngài biết hết mọi sự cơ mà ? Ngài biết rõ chúng ta

được dựng nên bằng gì và điều gì chúng ta làm được, tự sức mình. Không có điều gì lọt ra khỏi sự khôn ngoan thượng trí của Ngài.

Mãi miết suy nghĩ về vấn đề này, kinh nghiệm của tôi với tư cách là giáo sư đã gợi ý cho tôi về một câu trả lời. Đúng thế, có trường hợp là trong số những học viên của tôi lại có một sinh viên tỏ ra yếu kém và “bơi” trong môn tôi dạy. Tôi thấy rõ là anh ấy không có khả năng, ngoại trừ một phép lạ nào đó, thì anh không thể có một điểm “được được”. Và cũng như nhiều sinh viên khác đang dự lớp, môn này là nhiệm ý nên họ có thể bỏ và chọn một môn khác mà không hề hấn gì cho cuộc thi cử ra trường, kết thúc những năm học : cho nên tôi cố gắng thuyết phục anh sinh viên này bỏ môn học trong lúc còn kịp, hơn là chuốc lấy một điểm bị loại, khi phải tổng kết điểm vào lúc kết thúc. Tôi chia sẻ quan điểm của tôi cho anh ấy và xảy ra là anh ấy đã nghe theo tôi với lòng biết ơn. Nhưng một vài học viên yếu kém khác lại thiếu tính thực tế đối với những giới hạn của mình và cứ khăng khăng là họ có khả năng thành công và họ chỉ cần thì giờ để thích nghi với cách dạy và những yêu cầu của tôi. Trong trường hợp này, tôi thích cứ để họ đến trình diện thi, không phải do tôi nghĩ là họ có khả năng thi đậu nhưng do *chính họ* nghĩ vậy. Nhờ đó tôi mong có thể giúp họ khám phá và chấp nhận điều mà tôi đã biết rồi : rằng bài giảng quá đầu họ và họ nên bỏ đi thì hơn, khi họ bị đánh trượt trong môn này, thì tôi không lấy làm ngạc nhiên cũng không được soi sáng gì thêm, nhưng có lẽ, về phía họ, thì có.

Sự phiền muộn có thể là một sự thử thách, theo ý nghĩa rằng nó không nhằm thông tin cho Thiên Chúa biết cho bằng để cho chính chúng ta thấy rõ những giới hạn của mình “nếu chúng ta không được bù đắp bằng những niềm an ủi và những ân huệ lớn lao”? Trong một thời gian, tôi đã nghĩ có lẽ đó là điều I-nha-xiô muốn nói, vì là điều hoàn toàn đúng rằng sự phiền muộn đóng hai chức năng ấy trong cuộc đời của chúng ta. Nhưng, vấn đề mà rốt cuộc tôi đã hiểu là như vậy thì chúng ta lại rơi vào lý do đã được nêu trước đây : Thiên Chúa, qua sự phiền muộn, đưa đẩy chúng ta hiểu rằng, tất cả đều là ân huệ, và rằng chúng ta không thể tự mình tỏ ra xứng đáng hoặc sản sinh ra tình yêu hay niềm an ủi của Ngài. Lẽ nào I-nha-xiô lại đưa ra cùng một lối giải thích hai lần, hai lý do được nêu lên thật ra chỉ là một ? Điều ấy theo tôi ít có thể thực được. Thánh I-nha-xiô là một con người ngắn gọn và lời lẽ của Người là hoa trái của nhiều năm cầu nguyện và suy nghĩ. Khó lòng tưởng tượng được rằng Người có thể tự lập lại như vậy.

Nhưng vậy thì phải gán cho từ “thử thách” ý nghĩa nào ? Đây là sự phân biệt giữa lý do “thứ hai” và “thứ ba”, lý do khiến cho Thiên Chúa cho phép tinh thần xấu thử thách chúng ta bằng sự phiền muộn ? “dùng lửa để “tôi” thép”, từ ngữ này có thể giúp ta hiểu : thép là một hợp kim giữa các-bon và sắt. Để cho loại hợp kim có được những tính chất thích hợp, người ta phải tôi nó qua một khâu gọi là “sự tinh luyện”, tựu trung là nung nó trong sức nóng rất cao hầu tẩy khỏi những tạp chất để nó có trở kháng cao hơn. Nhờ phép loại suy, chúng ta có thể

nắm bắt được tại sao Thiên Chúa, xét theo lý do thứ hai do I-nha-xiô đan cử, cho phép các linh hồn sốt sắng kinh qua sự phiền muộn : sự phiền muộn này là ngọn lửa tinh luyện đem lại cho tình yêu của chúng ta sức mạnh và sự hoàn thiện của nó. Nó tinh luyện tình yêu của chúng ta bằng cách thải trừ những chất cặn xỉ là tính ích kỷ và sự nhút nhát, tiến hành sự hiệp nhất giữa tâm hồn với Thần Khí của Đức Giêsu. Nếu đời chúng ta bao gồm toàn là những niềm an ủi thì chúng ta sẽ mềm nhũn và yếu kém trong tình yêu của mình.

Như trên đây chúng ta đã ghi nhận, người ta cười nhau là để “vui buồn có nhau”. Khi hai vợ chồng trẻ lấy nhau, công thức này đối với họ, có nghĩa là : “tôi hy vọng rồi đây toàn là “chuyện vui”, nhưng nếu có “chuyện buồn” thì tôi sẽ ráng cầm cự”. Nhưng thật ra ý nghĩa của thành ngữ này có khác đó, như những ai sống lâu trong đời sống vợ chồng đã từng khám phá được : “cái buồn” cũng cần thiết không kém “cái vui”, dù khẳng định này xem ra lạ lùng vào thời lãng mạn đa cảm. Trong cái vui chúng ta học niềm vui yêu nhau ; trong cái buồn chúng ta học yêu một cách vô vị lợi ; cái buồn là ngọn lửa tinh luyện tình yêu chúng ta khỏi tính ích kỷ nơi mỗi người chúng ta. Chính vào lúc mà những hiểu lầm xuất hiện trong một cặp vợ chồng, khi một trong hai người tỏ ra thất vọng và cảm thấy bị phản bội, thì lúc bấy giờ sức mạnh của tình yêu được bộc lộ. Nếu một phụ nữ vẫn thẳng thắn với chồng mình, thậm chí cả khi mọi sự đều trở nên khó khăn giữa họ, thì lúc đó chị ấy mới chắc rằng chị yêu chồng “vui buồn có nhau”, chứ không yêu

vì những gì chị đón nhận từ chồng chị. Cũng vậy, sự phiền muộn chính là “cái buồn” trong tương quan yêu thương của chúng ta với Thiên Chúa. Nó bộc lộ, lại vừa củng cố cho tình yêu của chúng ta. Nó tôi luyện tình yêu ấy bằng một ngọn lửa làm cho nó nên tinh tuyền và biến đổi nó (39).

*Như một phụ nữ xảo trá, một người tình  
lông bông, một người chỉ huy chiến trường*

Tâm hồn nào hiểu được lý do đưa tới nỗi phiền muộn nơi mình thì được trang bị tốt hơn để đương đầu. Nếu người ấy đã tỏ ra chệnh mảng, thì có khả năng khám phá ra liều thuốc để chữa lành sự phiền muộn bằng cách thay đổi cung cách sống và tìm lại sự trung thành ban đầu. Nhưng nếu, mặt khác người ấy không tìm thấy một sự lơ là nghiêm trọng nào trong cuộc sống của mình có thể giải thích cho sự đen tối và hỗn loạn mình cảm nhận, thì lúc bấy giờ tâm hồn ấy có thể cảm thấy được an ủi khi biết rằng sự phiền muộn cũng có thể xảy

(39) Trong phần *Bình luận các quy tắc của I-nha-xiô để phân định*, Jules Toner nghiên cứu rất tinh tế về ba lý do I-nha-xiô đan cử cho sự phiền muộn (trg. 182-191). Trong lúc tôi lại đảo ngược thứ tự của lý do thứ hai và thứ ba để soi sáng ý nghĩa của lý do thứ hai, thì Toner nghiên cứu chúng trong thứ tự của I-nha-xiô đặt để. Ông cũng đã gợi ý về những nguyên nhân khác khiến Thiên Chúa cho phép sự phiền muộn xảy ra (trg. 191).

đến cho những tâm hồn sốt sắng. Người đó có thể vui lòng tuân theo, nếu không nói là với lòng biết ơn, ngọn lửa thanh luyện đến thử thách “tôi luyện” tình yêu của mình và có thể học rằng tất cả đều là ân huệ để đào sâu sự lệ thuộc khiêm tốn và tín nhiệm đối với Đấng ban phát mọi ân huệ. Theo thường lệ, ít là như kinh nghiệm đã dạy tôi, hai lý do “tích cực” ấy - “tôi luyện” và “gợi sự phó thác” - vẫn luôn hiện diện khi mà sự phiền muộn xảy đến trong cuộc đời của một người bạn trung thành của Thiên Chúa. Vấn đề không phải là xác định xem đâu là cứu cánh trong hai cứu cánh mà Thiên Chúa nhắm đến, nhưng là nhìn thấy trong sự phiền muộn dụng cụ cho phép đạt tới cả hai cùng một lúc.

Dĩ nhiên chúng ta vừa trình bày ở đây điều mà Thiên Chúa tự đặt ra làm mục đích khi Ngài cho phép có sự phiền muộn ; còn ma quỷ khi nó gây phiền muộn thì nhắm những mục tiêu hoàn toàn khác. Nó mong làm nản chí, gây hỗn loạn, khiến tâm hồn quay lưng lại với lòng quảng đại ban đầu. Vậy mà vô phước thay cho chúng ta, đây là một địch thủ tinh vi và gian xảo, và rất thường tình thì hữu hiệu hơn nó đã từng tỏ ra với Gióp nhiều. Cho nên thánh I-nha-xiô, mà bản thân, thậm chí cũng đã bị đẩy tới bờ vực thẳm của việc tự sát do những mưu mẹo của Xa-tan, đã kết thúc những quy tắc cho tuần thứ nhất bằng ba hình ảnh loại suy nổi tiếng qua đó Người toan vạch mặt tính nết và chiến lược của ma quỷ : “kẻ thù hành xử như một người đàn bà... như một người tình lỏng bông, và như một tên chỉ huy chiến trường” (§ 325-327). Mỗi hình ảnh so sánh nhấn mạnh đến một

nét đặc trưng quan trọng trong cách lối mà tinh thần xấu hành động đối với loài người, nam và nữ.

Như một phụ nữ : đây là một sự so sánh nguy hiểm vào thời đề cao tính nữ quyền như thời của chúng ta. Nhưng rõ ràng là thánh I-nha-xiô đã không muốn nói đến phụ nữ cách chung, thậm chí theo tôi cũng không muốn nói đến phụ nữ mà thôi. Người nói rằng ma quỷ như một người đàn bà “*yếu khi người ta dùng sức mạnh nhưng mạnh khi để cho muốn làm gì thì làm*”. Luận cứ mà I-nha-xiô khai triển, theo ý kiến của tôi, là một phụ nữ bình thường không thể dựa vào sức lực thể lý, vũ lực của mình, để đòi điều mình muốn, trong khi nói chung một người nam có thể làm được, dù là về phía người ấy là xấu. Nhưng các bà, và cả các ông yếu kém về mặt thể xác, thường buộc phải sử dụng mưu mẹo xảo trá để hà hiếp hoặc để dành phần thắng, họ quấy rầy bằng những kiểu la hét, khóc lóc, đe dọa, và mọi thủ đoạn của chiến tranh tâm lý. Nếu nhận ra được sự khác biệt trong lối hành xử đó và tôi nghĩ là ngày nay nó cũng thiết thực không kém thời mà *Tập linh thao* được viết ra, thì chúng ta nhận ra lúc đó rằng I-nha-xiô chỉ đơn giản ghi nhận là Xa-tan không tài nào thắng được bằng vũ lực những người thuộc quyền của Đức Giêsu Kitô. Lúc đó nó buộc phải sử dụng sự đe dọa và gây áp lực bằng những phương tiện quanh co ; nó hành động theo kiểu những người không thể dùng sức mạnh, thì ra sức quấy rầy chúng ta và nó rất tàn nhẫn nếu mình tỏ ra nhút nhát, nhưng hết sức hèn nhát nếu mình tỏ ra cứng rắn.

Chân dung ấy có phù hợp với tất cả các phụ nữ không ? Cám ơn Chúa, không. Nhưng kinh nghiệm cho thấy rằng loại đàn bà (hay đàn ông) ấy rõ ràng là có. Cũng vậy khi kể đó I-nha-xiô so sánh ma quỷ với một người tình lỏng bông, Người không muốn nói rằng mọi người đều hành xử như những người tình lỏng bông đâu, nhưng có người vẫn làm vậy và những người đó thì luôn muốn “lén lút và không bị bắt gặp”. Khi những người này muốn quyến rũ (và điều này cũng có thể áp dụng cho phụ nữ) thì họ muốn rằng “lời lẽ cùng những cách làm luồn lọt của họ được giữ kín” (§ 326). Người tình lỏng bông (chơi qua đường) thuyết phục thiếu nữ đừng hé môi với bố hoặc với các anh của cô vì họ thuộc loại lạc hậu và đầu óc hẹp hòi. Cũng vậy, ma quỷ muốn thuyết phục tâm hồn đừng bao giờ tâm sự với linh mục ngồi toà, một vị linh hướng hoặc một bề trên, viện cớ là họ quá bận rộn, quá nghiêm khắc, khoan hoà, quá tân hoặc quá cổ, quá lạc hậu ; vì nó biết rằng nếu họ làm thì “nó sẽ không thể thành công trong việc đòi bại nó đã bắt đầu và những chuyện lừa đảo của nó sẽ bị lộ tẩy”.

Cuối cùng kẻ thù như một vị chỉ huy chiến trường : một tướng giỏi luôn giữ quân trình sát và lên kế hoạch ; ông nghiên cứu tình hình chung và tìm khám phá ra những yếu điểm thể lý cũng như tâm lý của đối thủ. Không một tướng lão luyện nào mà lại tấn công khi kẻ thù đang ở thế mạnh cả ; thì kẻ thù của chúng ta cũng vậy : nó nghiên cứu tính tình và tìm chỗ yếu nhất của chúng ta. Nếu theo tự nhiên chúng ta nhút nhát, nó tìm biến chúng ta thành những tên hèn ; nếu chúng ta có xu

hướng khoe khoang, nó buông lời ve vãn nịnh bợ cái tôi của chúng ta ; nếu chúng ta tình cảm ướt át, nó khuyến khích một thứ đạo đức đầy xúc động mà chỉ là một thứ bọt sùi không có thực chất. Do đó là điều vô cùng quan trọng khi chúng ta có được một sự hiểu biết sâu xa về chính mình cũng về những yếu kém riêng của mình vì lúc bấy giờ chúng ta có thể trình bày chúng với Thiên Chúa để Ngài chữa lành : như vậy quỷ mất hết thế lực.

Kẻ thù của bản tính loài người nơi chúng ta là thế đó : một tên bạo chúa, dối láo, thích chuyện thâm lén trong bóng tối, một nhà chiến thuật khôn khéo và thông minh hơn chúng ta nhiều. Nhưng may phước thay chúng ta không phải là những người duy nhất mà nó khai chiến. Đối thủ thật của nó chính là Đức Giêsu Kitô mà chúng ta là sở hữu. Đành là chúng ta có quyền buông bỏ Thiên Chúa nhưng chừng nào chúng ta còn bám vào Ngài, thì thậm chí cả những mưu mô xảo kế của tinh thần xấu, đều có thể trở thành những dụng cụ nên thánh cho chúng ta. “Mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Người” (Rm 8,28) : thậm chí cả sự phiền muộn !

*Bài thực tập*

1. Chúng ta đã thông qua ba lý do khiến Thiên Chúa có thể cho chúng ta nếm qua sự phiền muộn. Theo bạn lý do nào trong ba lý do có thể được áp dụng cho kinh nghiệm của Gióp.

2. Bạn có còn nhớ đến một giai đoạn phiền muộn quan trọng trong đời bạn không : dưới ánh sáng của những gì đã được trình bày về những quy tắc và về những mưu mô của ma quỷ trong chương này, bạn đã gán cho kinh nghiệm đó ý nghĩa nào và bạn đã đảm nhiệm nó ra sao ?

III  
 Một mùa gặt  
*trong đó*  
 lúa tốt  
*san sát với cỏ lùng*



## 7

## Sự trung thành và niềm an ủi

Khi tinh thần xấu, kẻ thù của bản tính loài người chúng ta, đã ghim trong đầu hấn chủ định vật ngã chúng ta, không dễ gì mà can ngăn hấn được. Do đó mà người nào đã bắt đầu tiến bước dưới sự chỉ dẫn của ân sủng thì vẫn chưa đạt tới đích đâu, sau khi đã học đối đầu với thử thách là sự phiền muộn. Đúng rằng một chiến thắng quan trọng đã đạt được, và rằng từ nay cũng chiến lược ấy sẽ không dễ dàng gì làm cho tâm hồn rơi vào cam bẫy được, nhưng ma quỷ nếu phải nhìn nhận cho nó một ưu điểm thì chính là nó lắm kế. Những nỗi phiền muộn sẽ xuất hiện vì chúng là một yếu tố bình thường trong cuộc sống của con người, cũng thường xuyên như những ngày mưa, và tên quỷ quyết sẽ sử dụng như một bảng trắc nghiệm thường trực bằng cách không ngừng tìm phát hiện ra các dấu hiệu về những yếu điểm nơi bộ áo giáp của tâm hồn, đặc biệt mỗi lần một trở ngại mới cần vượt qua, sẽ xuất đầu lộ diện. Như chúng ta đã báo ở chương 6, rằng tiếng “xin vâng” của chúng ta với Thiên Chúa đâu chỉ được nói lên dứt khoát một lần. Cứ mỗi lúc, chúng ta xin vâng trước tiếng gọi của lúc ấy, nhưng Thiên Chúa chỉ vén mở Thánh Ý Ngài một cách tuần tự

và rồi những lần “bắt đầu lại” mới, vẫn lại phải được tiến hành mãi, chúng là những lời mời đi vào ngày một sâu hơn trong sự trung thành. Một lần nữa tâm hồn được mời ra khơi.

Cũng như thánh Gioan thánh giá nói về những đêm tối của tâm trí (có lẽ là “việc bắt đầu lại” mới là tiên quyết nhất của đời sống nội tâm), nhiều tâm hồn bước vào trong đêm tối, hoặc các đêm tối, vì có nhiều loại, nhưng rất ít người bền chí cho đến cùng. Tại sao? Không phải là vì họ xấu đâu, vì những tâm hồn như thế thường là những tâm hồn chuyên cần cầu nguyện, tốt và thành tâm, nếu không thì họ đã chẳng bao giờ phải bước vào trong đêm tối cả. Nhưng những lần bắt đầu mới đưa tới những trở ngại mới và tinh thần xấu lại tức khắc tấn công. Nỗi lo sợ để đương đầu, tính vị kỷ, việc e sợ phải trả giá bằng “sự lột xác” để đeo đuổi cuộc hành trình - bao nhiêu tâm tình là bấy nhiêu hình thức phiền muộn - đưa đẩy các tâm hồn cầu nguyện và trung thành an cư nơi một thứ ương dở đầy tiện nghi trong tương quan với Thiên Chúa. Nếu họ không can đảm và mềm mỏng trước tiếng mời gọi của một vị linh hướng tốt mà tỏ ra táo bạo, thì họ sẽ tìm mua sự bình an với ma quỷ bằng cách buông bỏ ước mơ yêu thương cũng như được yêu thương. Chúng ta cũng nhận thấy cùng một hiện tượng ấy trong hầu hết các tương quan loài người của chúng ta : càng lúc giá phải trả để yêu thương càng cao thì nhiều người trong chúng ta càng tỏ ra mệt mỏi và lấy làm thoải mái trong sự tầm thường thay vì đi cho đến cùng trong ước mơ của mình - Chúng ta đã chứng kiến

được bao nhiêu cặp vợ chồng hoặc bao nhiêu ơn gọi tu trì, trong tuổi chín muồi, giữ vững đầy đủ những cam kết của thời hứa hôn ? (40)

Không nên vì vậy mà kết luận rằng loài người là xấu : phần lớn thì tốt, nhưng lòng tốt và sự quảng đại của họ có hạn, và bề khác, như chúng ta đã nói, mà quý thì mưu mẹo : nó sử dụng sự phiền muộn để thăm dò và trắc nghiệm chúng ta cho tới khi nào khám phá được những yếu điểm và khai thác cho đến cùng. Tuy vậy, mưu mô của nó không chỉ đều đặn tìm những yếu điểm của chúng ta bằng sự phiền muộn mà thôi : nó còn có khả năng trá hình đội lốt thiên thần sáng láng và sử dụng niềm an ủi để gây trở ngại cho sự tăng trưởng của linh

(40) *Lm. Jules Toner (sdd - phần phụ lục II, trang 271-282) đã có một sự so sánh lý thú giữa sự phiền muộn theo I-nhà-xiô và những đêm tối tâm của thánh Gioan thánh giá. Người kết luận rằng giữa hai hiện tượng, có những sự khác biệt chính yếu, trước hết là vì sự phiền muộn theo I-nhà-xiô là do tinh thần xấu gây nên, còn trong đêm tối tâm là do sự hiện diện của Thiên Chúa chỉ thánh nơi tâm hồn còn tội lỗi - Còn phía tôi, ở đây tôi đã có một quan điểm khác (cũng như trong các chương 4 và 5 của **Khi giếng đã khô cạn - When the Well runs Dry**) vì tôi nghĩ rằng đêm tâm tối của Gioan là “phiền muộn không phải vì sự hiện diện đau đớn của ngọn lửa sống động của tình yêu trong tâm hồn chưa được biến đổi mà là vì ma quỷ và lòng vị kỷ len lỏi vào và lợi dụng tính dễ bị tổn thương của tâm hồn”. Do đó, theo tôi, sự khôn ngoan của đêm tâm tối thì điển hình là sự phiền muộn theo I-nhà-xiô. Điều này cũng giải thích tại sao tôi có nói trong **Mạch suối (La Source)** rằng tâm hồn vẫn có thể cảm thấy dễ chịu trong tâm tối, và bình an trong đau khổ ; và trong trường hợp này, đêm tâm tối không còn “đây phiền muộn” nữa.*

hồn. Đối với các tâm hồn trung thành, nó chỉ đeo đuổi có một mục tiêu, dù phương pháp sử dụng là phương pháp nào (sự phiền muộn hay an ủi dỏm), đưa họ về với vương quốc của nó và tập họp họ dưới lá cờ của nó. Nhưng trong tức khắc nó tìm cản ngăn sự tăng trưởng của họ và thuyết phục họ sống trong sự tầm thường tiện nghi như chúng ta đã nói. “Cái tốt” của phật hiện tại trở thành kẻ thù của “cái tốt hơn” được Thiên Chúa đề nghị.

### *Tính nhập nhằng của niềm an ủi*

Khi đề cập đến sự phiền muộn ở chương 6, chúng ta đã nói rằng đối với những tâm hồn mà Thiên Chúa là sự lựa chọn cơ bản, sự phiền muộn *không bao giờ* là tiếng nói của Ngài cả. Đã hẳn là Ngài cho phép sự phiền muộn vì những lý do được nêu nhưng Ngài không bao giờ gây ra sự phiền muộn. Cho nên người nào (nam hoặc nữ) cầu nguyện trong thời phiền muộn, chớ nên quyết định hoặc thay đổi bất cứ quyết định nào liên quan đến đời sống thiêng liêng của mình, vì lúc bấy giờ người ấy sẽ chọn ma quỷ làm vị linh hướng.

Cho nên, thật tự nhiên khi giả định rằng niềm an ủi luôn đại biểu cho tiếng nói của Thiên Chúa vì nó là điều ngược lại với sự phiền muộn, và rằng tâm hồn có thể cậy dựa vào những linh ứng đến với mình trong thời an ủi chớ gì. Vô phước thay, sự thật không hẳn như vậy. Nếu là như vậy thật, thì công việc linh hướng (và phân định) sẽ thật dễ dàng. Cũng đúng rằng, như thánh I-nhà-

xiô đã tuyên bố trong các quy tắc của tuần thứ nhất (§ 315), đối với các tâm hồn trung thành, “đặc điểm của tinh thần xấu là cần xé, làm cho buồn tẻ và đặt chương ngại vật, đưa ra những nguyên nhân giả tạo, gây âu lo... Còn đặc điểm của tinh thần tốt là đem lại can đảm, sức lực, những an ủi, những giọt nước mắt, những cảm hứng và sự yên tĩnh”. Đó là những cách hành xử *đặc trưng* của mỗi loại tinh thần đang ra tay để đưa tâm hồn về với mình. Thêm vào đó, vì Thiên Chúa là chân lý và lòng tốt không bao giờ hành động ngược lại với bản tính của mình, sự phiền muộn, khi nó gây đau đớn, thì tương đối dễ phân định - Chúng ta có thể cầm chắc, nhân vì lòng trung tín và tính chân thật của Thiên Chúa, rằng nó không bao giờ do Ngài mà đến.

Điều khó khăn, tuy vậy, ở chỗ tinh thần xấu là cha của sự dối trá. Nó không có bất cứ nguyên tắc nào, lại mưu mô quỷ quyệt, do đó không chút ngần ngại để nhại lại tiếng nói của Thiên Chúa khi thích hợp với nó. Khi nó bất lực để phỉnh gạt hoặc gây trở ngại bằng nỗi phiền muộn, nó tìm bất cứ cách ăn nói, hành động của Thiên Chúa. Và chính vì vậy mà niềm an ủi, đúng ra, nằm trong kho của tinh thần tốt, lại trở thành một vũ khí chính yếu cho đối thủ là tinh thần xấu. Cho nên, thánh I-nhà-xiô khi nhắc lại những tiêu chuẩn chính của niềm an ủi cùng của nỗi phiền muộn trong quy tắc thứ nhất tuần thứ hai, đã thêm một từ trong các mô tả của mình :

*“Đặc điểm của Thiên Chúa và của các thiên thần Ngài là, khi run rẩy, đem lại niềm hân hoan đích thực và*

*niềm vui thiêng liêng, bằng cách dẹp bỏ mọi buồn phiền, bồn chồn mà kẻ thù luôn dấy lên. Đặc điểm của tên này là chiến đấu chống lại niềm hân hoan, an ủi thiêng liêng bằng cách đưa ra những lý do bề ngoài, những điều tinh vi (chẻ tóc làm tư) và những nguy hiểm không ngừng” (§ 329).*

Chúng ta đã quen với tiêu chuẩn tổng quát này, được rút ra từ những quy tắc dành cho tuần thứ nhất (xem chương 5) ; nhưng việc thêm từ “*đích thực*” là quan trọng. Niềm vui *thật* chỉ có thể từ Thiên Chúa mà đến.

Không một tính từ nào loại đó được áp dụng cho sự phiền muộn. I-nha-xiô không bao giờ nói đến sự phiền muộn “*đích thực*” như từ ma quỷ mà đến. Và lại, thật vô ích : một cách tồi tệ, mọi sự phiền muộn đều là sự phiền muộn thật, vì Thiên Chúa tốt lành, luôn trung thành với bản thể và bản tính của mình không bao giờ có thể nhại tiếng nói của đối thủ mình là Xa-tan cả. Nhưng trái lại, khi đối diện với niềm an ủi, sự phỉnh gạt là khả thi nên chúng ta cần phân biệt những niềm an ủi thật giả, những gì thật sự từ Thiên Chúa mà đến và có vẻ từ Ngài mà thôi. Và lại sự phân biệt này là phần trung tâm của các quy tắc cho tuần thứ hai, vì sự an ủi có thể xuất phát từ tinh thần tốt hoặc xấu, làm sao tiến hành xác định trong một trường hợp cụ thể sự an ủi đó do tinh thần nào gợi lên ?

Những quy tắc của thánh I-nha-xiô cho hoàn cảnh nhập nhằng đó giả thiết và khẳng định một chân lý cơ bản và đầy an ủi, là dù quý quyết và đối láo đến đâu tinh thần xấu không bao giờ có khả năng bắt chước hoàn

toàn những niềm an ủi của Thiên Chúa. Hẳn có thể sản xuất nào thị kiến nào xuất thân và có thể khuyến khích cho những mục đích của chính hắn, những dự án nhân đạo cao thượng nhất và nhiệt tình tông đồ cao độ nhất, nhưng cái đuôi rắn luôn lò ra khi ma quỷ xuất hiện (41).

Đối với những ai có mắt để thấy và có kinh nghiệm về những lối hành xử của nó, những vết tích của tinh thần xấu sẽ luôn làm hỏng những lối bắt chước khéo léo nhất. Các quy tắc cho tuần thứ hai chỉ cho chúng ta phương pháp tốt nhất để phát hiện những lối bắt chước ấy.

### *Niềm an ủi không có nguyên nhân đi trước*

Có một loại an ủi mà kẻ thù không tài nào man tráo được : thánh I-nha-xiô gọi là “*niềm an ủi không có nguyên nhân đi trước*”, được người nghiên cứu trong tuần thứ hai (§ 330) tức khắc sau khi đã trình bày các nguyên tắc tổng quát đã được nói tới trước đó. Ngoại trừ một ghi chú giải thích rất quan trọng được đặt sau các

(41) Các bạn hãy nhớ những gì đã nói ở chương 5 về cách hiểu từ “*ma quỷ*” hoặc tinh thần xấu. Từ đầu đến cuối thật đơn giản và rõ ràng hơn khi nhân cách hoá ma quỷ như vậy, nhưng những gì chúng ta nói cũng có thể áp dụng cho tất cả mọi thể lực, bất luận là bản chất nào đang ảnh hưởng trên cuộc đời của chúng ta để chống lại Thiên Chúa ; tính quy ngã thâm căn cố đế của chúng ta (tính xác thịt) và những giá trị tục hoá và duy vật của nền văn hoá của chúng ta (“*thế gian*”) ngang với chính ma quỷ vậy.

quy tắc (§ 336, quy tắc 8) - Đây là lần duy nhất mà người nói đến loại an ủi này. Bất chấp, hoặc có lẽ nhân vì thành ngữ ngắn gọn được I-nha-xiô sử dụng ở chỗ này mà Karl Rahner đã coi như trái tim của *Tập linh thao* loại an ủi duy nhất và không thể sai lầm này, và cũng chính vì vậy mà quy tắc này cùng lối giải thích của nó đã được lưu ý nhiều như vậy trong văn học mới đây về sự phân định (42). Nếu cuộc tranh luận này, vả lại cũng như tất cả các cuộc tranh luận được Rahner khai mở, đều rất lý thú đứng về quan điểm tư duy thần học thì tôi không nghĩ rằng nó quan trọng lắm về phía *thực hành* cho việc linh hướng và phân định. Nhưng trước hết chúng ta hãy lắng nghe chính I-nha-xiô nói đã :

Quy tắc 2 (§ 330) được thảo ra như sau :

*“Chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể ban cho tâm hồn một niềm an ủi không có nguyên nhân trước đó ; vì đặc điểm của Đấng Tạo hoá là ra vào, thúc đẩy, dẫn đưa*

(42) Toner (*sdd*, phần phụ lục IV, trang 291-313) theo tôi đã có một bài nghiên cứu rất hay về cuộc tranh luận nổi tiếng này. Nếu tôi dựa trên kinh nghiệm bản thân về cầu nguyện và kinh nghiệm linh hướng, tôi sẽ dễ dàng coi các kết luận của Toner như là của tôi (a) rằng niềm an ủi “không có nguyên nhân” này thì tương đối hiếm có (nhưng có lẽ không quá hiếm như Toner nói đâu) trong một đời sống cầu nguyện, và do đó (b) I-nha-xiô không có chủ ý, xin mạn phép Rahner, coi đó như là “vấn đề cơ bản” của lý luận và thực tập cho sự phân định. Kết luận cuối cùng này được xác định bởi sự kiện là I-nha-xiô đã dành bốn quy tắc cho sự an ủi “với nguyên nhân” và chỉ một cho sự an ủi “không nguyên nhân”.

*tâm hồn toàn diện đi vào trong tình yêu của Đức Vua. Tôi nói rõ : không có nguyên nhân, nghĩa là trước đó, tâm hồn không cảm thấy cũng không biết một đối tượng nào, nhờ đó có thể đưa tới niềm an ủi ấy dựa vào hoạt động của trí thông minh và của ý chí”.*

Điều phân biệt loại an ủi này là nó “không có nguyên nhân đi trước”. Trái lại, như thánh I-nha-xiô nói trong quy tắc thứ ba, còn “có nguyên nhân”, niềm an ủi cũng có thể từ “thiên thần tốt” cũng như tinh thần xấu mà ra. Cho nên chính là do nó “không có nguyên nhân” mà chắc chắn chứng tỏ rằng nó từ Thiên Chúa mà đến.

Người ta muốn nói gì khi nói về một sự an ủi rằng nó “không có nguyên nhân đi trước” ? I-nha-xiô giải thích ở cuối quy tắc thứ hai, rằng qua đó Người muốn nói là “trước đó tâm hồn không cảm thấy cũng không biết một đối tượng nào” có thể đưa nó đến kinh nghiệm về sự an ủi ấy “dựa vào hoạt động của trí thông minh và của ý chí”. Do đó mà “nguyên nhân” an ủi sẽ là “cảm thấy hoặc biết đến trước đó một cái gì”. Chẳng hạn, một cảnh mặt trời lặn đẹp có thể làm cho tôi thần phục lòng tốt của Đấng Tạo hoá. Hoặc nữa, kỷ niệm hoặc sự hiện diện của một người tôi quý mến, khiến tôi đầy lòng biết ơn đối với Thiên Chúa vì ân huệ của tình bạn. Lòng thần phục, sự biết ơn là những niềm an ủi - những an ủi thiêng liêng - vì đối tượng của chúng là Thiên Chúa. “Nguyên nhân” của chúng là sự thưởng thức khả giác một cảnh mặt trời lặn hoặc kỷ niệm về một người bạn. Cũng vậy, một đoạn Kinh Thánh hoặc một bài hát mà tôi đặc biệt yêu thích, hoặc một lời khen

về phía một vị bề trên, đều có thể là những nguyên nhân đi trước cả. Những gì tôi cảm nhận được, đưa đẩy tôi qua trung gian của chính hoạt động trí tuệ và ý chí (nghĩa là qua sự chú ý, tư duy, và phản ứng mà kinh nghiệm khả giác làm nảy sinh nơi tôi) tiến hành một kinh nghiệm đầy an ủi về Thiên Chúa và tình yêu của Ngài, tất cả những điều ấy sẽ là một “nguyên nhân đi trước” theo I-nha-xiô.

Nếu tôi đã hiểu rõ thế nào là “một nguyên nhân đi trước”, thì hình như hầu hết các kinh nghiệm tôn giáo đều có một nguyên nhân đi trước trong các nhận thức khả giác của mình. Khi chúng ta suy gẫm một đoạn Kinh Thánh hoặc chiêm ngắm bằng trí tưởng tượng một cảnh tượng trong Kinh Thánh, niềm an ủi được rút ra từ đó là do những tư tưởng và hình ảnh lành thánh được gợi lên trong chúng ta. Rồi đây chúng ta sẽ thấy rằng những niềm an ủi ấy chẳng xấu chẳng tốt, nhưng do chúng đòi sự can thiệp của các giác quan nên cần được phân định một cách kỹ càng. Thánh Gioan thánh giá nói rõ với chúng ta rằng cả Thiên Chúa cả tinh thần xấu đều có thể hành động qua các giác quan của chúng ta; nhưng không vì vậy mà, đứng về bản chất và cũng như các nhà kinh điển luôn dạy cho chúng ta, tất cả những hiểu biết của chúng ta đều do các giác quan mà đến đâu. Đơn giản loại bỏ các kinh nghiệm khả giác thậm chí cả trong lĩnh vực tôn giáo là tự đẩy mình vào sự hư ảo về cảm xúc và trí tuệ.

I-nha-xiô muốn nói gì khi đề cập đến sự “an ủi không có nguyên nhân đi trước”? Vì là một niềm an ủi,

nó đem lại niềm vui, sự bình an, làm tăng thêm đức tin, đức cậy và đức mến. Vậy mà nó xuất hiện không có nguyên nhân khả giác, không có những tư tưởng và hình ảnh thường đưa tới loại kinh nghiệm bình an đầy an ủi đó; đúng ra điều này có vẻ khó tưởng tượng nổi vì chúng ta là những thụ tạo có thể xác chứ không phải là những thiên thần. Cho nên, theo tôi rõ ràng là một kinh nghiệm về Thiên Chúa được tiến hành bên ngoài các giác quan khó lòng có thể là chuẩn tắc hoặc thậm chí cả lý tưởng cho những con người là đẳng khác. Tôi không nghĩ rằng nó có thể là cái tâm của *Tập linh thao* mà thánh I-nha-xiô đã thảo ra, nhất là cho những người mới bắt đầu sống đời nội tâm và đã đặc biệt nhấn mạnh về những nguyên nhân đi trước tư duy trong suy gẫm và sự chiêm niệm dựa vào trí tưởng tượng.

Nhưng sau khi cân nhắc kỹ, một cách rõ ràng, I-nha-xiô nghĩ rằng những niềm an ủi “không có nguyên nhân khả giác đi trước”, thì vẫn có. Thật vậy, chúng thật đặc biệt và quý hoá vì chỉ có chúng mới từ Thiên Chúa mà đến một cách không sai lầm: “chỉ một mình Thiên Chúa mới ban cho tâm hồn một niềm an ủi không có nguyên nhân đi trước như vậy được”. Vào những lúc đó, những cảm hứng để hành động chỉ có thể từ Thiên Chúa mà đến. Có thể đưa ra những ví dụ về những niềm an ủi chắc chắn như thế không? I-nha-xiô đã không đưa ra nhưng tôi thiết nghĩ tuy vậy có thể mô tả hai tình thế, xếp được vào loại những niềm an ủi không có nguyên nhân đi trước.

Trước hết hãy tưởng tượng tình thế của một người sốt sắng, quảng đại, bị hiểu lầm và bị chỉ trích. Bất chấp những chủ ý ngay lành của người ấy, bề trên đồng và những anh em cùng trang lứa cũng hiểu một cách méo mó và chỉ trích công việc của anh ấy. Đây là một hoàn cảnh rất đau khổ đối với bất cứ con người bình thường nào và tâm hồn người đó cảm thấy bị bầm giập và thất vọng. Thêm vào đó, vì người ấy thành tâm và sốt sắng, người ấy tự hỏi mình có lầm lẫn không và có đánh lạc người khác không. Cho nên người ấy đến dưới chân Nhà Tạm, hết sức bối rối và khổ sở, tắt một lời, ở trong tâm trạng phiền muộn. Những tình cảm của anh đều có những nguyên nhân khả giác, nhưng tất cả những nguyên nhân đó có khả năng sản sinh không phải niềm an ủi mà là sự phiền muộn (vả lại đó là điều đang xảy ra). Vậy mà trong khi người này đang quỳ trước mặt Thiên Chúa như thế đó, bất lực và gần như không hy vọng, bỗng dưng, hình như, đã nghe một tiếng nói nội tâm: “Con đã chọn cuộc đời này vì Ta chứ không vì những người đó, điều Ta nghĩ về con mới là quan trọng”. Tức thì người ấy cảm thấy vô cùng bình an giữa nỗi buồn của mình. Tâm hồn này chẳng phải đang suy gẫm về những lý do mình đang hiện diện trước Nhà Tạm cũng chẳng đang tự lên lớp mình (để có thể trở thành những yếu tố tạo nên những nguyên nhân đi trước), vậy mà tư tưởng cùng sự lắng dịu đã xuất hiện đồng bộ “một cách rất kỳ diệu”. Sự bình an mà người ấy cảm nhận được tận đáy lòng mình mặt khác rất có thể cùng tồn tại với những cảm tưởng đau đớn ở bề mặt.

Hầu như tất cả các tâm hồn sốt sắng đều phải trải qua kinh nghiệm đó. Vì “bóng tối trên quang trường” là thành phần gắn liền với sự hoán đổi nội tâm của chúng ta, cho nên mặt khác chúng ta có thể coi như những kinh nghiệm kiểu ấy là không tránh được. Thêm vào đó niềm an ủi được mô tả có vẻ thiếu vắng nguyên nhân khả giác. Nhiều “nguyên nhân” đang gây ảnh hưởng trên các giác quan và các khả năng của tâm hồn đang được chúng ta nói tới, nhưng tất cả đều nhắm gây sự phiền muộn hơn là sự an ủi. Hình như đã không có nguyên nhân đi trước cho niềm an ủi xuất hiện “một cách rất kỳ diệu này”.

Một ví dụ thứ hai về sự an ủi không có nguyên nhân đi trước có thể là ví dụ sau đây: chúng ta hãy giả định một tín hữu trong cuộc sống cầu nguyện của mình đang trải qua kinh nghiệm của cái được gọi là “Khi giếng đã khô cạn”. Nơi người này không hề có sự bồn chồn lo lắng vì sự khô khan đã là cách thức cầu nguyện thường tình rồi. Thiên Chúa có vẻ im hơi lặng tiếng, việc suy gẫm, chiêm niệm dựa trên trí tưởng tượng đều vô ích hoặc bất khả thi và người đi cầu nguyện này, đầu óc hoàn toàn trống rỗng ngoại trừ hàng hà sa số những chia trí bay lượn tứ phía và có vẻ không đưa tới đâu mà người ấy cũng chẳng lưu ý tới bao nhiêu. Vậy mà, trong thâm tâm, người ấy thật bình an, bề ngoài chẳng có nguyên nhân khả giác nào - chẳng có gì sờ chạm được có thể ghi nhận - và tuy vậy người ấy cảm thấy một sự bình an thật trong sự tối tăm đó. Theo tôi, đây cũng là một ví dụ về sự an ủi không có nguyên nhân khả giác. Vả lại, càng

ngày mình càng chín muồi trong đời sống cầu nguyện thì tình trạng này càng có thể trở nên rất bình thường, hơn cả niềm an ủi “được bao bọc trong sự phiền muộn khả giác” mà chúng ta vừa mô tả trên đây.

Độc giả còn có thể tự mình tìm ra những ví dụ khác về sự an ủi không có nguyên nhân đi trước. Dù sao, điều quan trọng là những niềm an ủi loại đó đều có thể xuất hiện và *điều chắc chắn* là chúng từ Thiên Chúa mà đến. Một mình Ngài, theo lời của thánh Gioan thánh giá mới có thể trực tiếp hành động trên tâm hồn mà không qua trung gian của các giác quan. Tuy nhiên, thậm chí cả trong những trường hợp này, thánh I-nhà-xiô thêm vào quy tắc của mình một lời cảnh cáo quan trọng. Nếu những cảm hứng ấy đưa tới hành động thì chỉ có thể từ Thiên Chúa mà đến, lúc bấy giờ, người nói, chúng ta phải (§ 336 : quy tắc thứ 8) “nhìn và phân biệt với cảnh giác cao và chú ý chính thời điểm lúc mà niềm an ủi diễn ra và thời gian tiếp theo sau, lúc mà tâm hồn còn nóng bỏng và được thuận lợi nhờ ân ích mới đón nhận và do những hệ quả của niềm an ủi mới diễn ra”. Có thể nói là thời gian tiếp theo sau được đánh dấu bởi “những tia nắng cuối cùng của mặt trời lặn”, bởi một tâm tình bình an và vui tươi đang còn tràn ngập trong tâm hồn, thậm chí cả sau khi tinh thần của Thiên Chúa đã rũ áo ra đi. Tôi thiết tưởng đây là một kinh nghiệm chẳng có gì là lạ lùng trong một đời sống cầu nguyện sốt sắng. Vậy mà kinh nghiệm này, dù đẹp thật đấy, tuy vậy, theo như I-nhà-xiô đã nói với chúng ta, nó có phần nguy hiểm :

*“Thật vậy, thường trong thời kỳ thứ hai này, hoặc do lý luận của chúng ta toan liên kết hay suy diễn từ những ý tưởng và phán đoán của mình hoặc do tinh thần tốt hay xấu, chúng ta lại xây dựng những dự án hoặc đưa ra ý kiến này nọ không do Thiên Chúa trực tiếp ban hành. Cho nên cần phải kỹ lưỡng khảo sát chúng trước khi tin vào chúng hoàn toàn và đưa ra thực hiện.”*

Cho nên hình như khi chúng ta nói tới sự an ủi không có nguyên nhân, cần phân biệt hai thời kỳ : thời kỳ của chính sự an ủi và thời kỳ của tác dụng nó để lại : sự an ủi chỉ có thể từ Thiên Chúa mà đến và chắc chắn là chính tiếng nói của Ngài mà mình bắt gặp nếu một cảm hứng nảy sinh lúc bấy giờ, nhưng đừng phân ranh giữa kinh nghiệm và tác dụng nó để lại thường khó vạch được. Hình ảnh loại suy sau đây theo tôi là hữu ích để làm cho chú thích của I-nhà-xiô trở nên minh bạch hơn : hãy hình dung một chiếc máy lượn do một phi cơ phản lực kéo : chừng nào cả hai chiếc được nối lại với nhau, chiếc máy lượn có thể bay cao và đạt được một tốc độ rất lớn mặc dù nó không hề có chút năng lượng riêng nào ; nhưng một khi dây thừng hoặc dây xích nối chiếc máy lượn với phi cơ lại với nhau bị cắt đứt, thì chiếc máy lượn sẽ rơi xuống đất là điều không tránh được. Nhưng dù vậy, việc nó hạ xuống có thể diễn ra một cách từ từ và nếu người điều khiển khéo léo thì nó còn có thể lượn trên không rất lâu nhờ tốc độ đã đạt, khi được chiếc phi cơ lôi kéo. Trong thời gian dài nó hạ xuống đất như vậy, một người quan sát hoặc một người qua đường thiếu kinh nghiệm có thể nghĩ rằng chiếc máy lượn bay nhờ vào



Cho nên, dù chính xác rằng niềm an ủi không có nguyên nhân là một kinh nghiệm Chúa ban, chắc chắn và quý hoá, và rằng nó có thể hướng dẫn chúng ta một cách thuận lợi để phân định Thánh Ý Ngài, nó không phải kinh nghiệm bình thường của loài người, nó cũng không phải là một người dẫn đường mình có thể theo mà không cần cảnh giác và cũng không cần đến một sự linh hướng tốt đâu. Hơn nữa, theo tôi, hình như một người linh hướng tốt không bao giờ có thể tin một cách máy móc những gì người tín hữu trải qua đến nói với mình. Tại sao ? Vì niềm an ủi đang được bàn tới tự bản chất là nội tâm một cách sâu xa chứ không khả giác. Vị linh hướng không thể đi vào trong tâm hồn của người cầu nguyện ; người chỉ có thể phê phán, dựa trên những kết quả thấy được và xác thực của kinh nghiệm mà thôi. Dựa trên kết quả, một vị linh hướng (và bản thân tôi đã tiến hành nhiều lần) có thể đánh giá rằng kinh nghiệm này hoặc kinh nghiệm kia đã là một “niềm an ủi không có nguyên nhân”. Vì chỉ có thông tin đem lại nhờ kết quả mới có thể cung cấp nền tảng cho một sự đánh giá vững chắc.

### *Niềm an ủi có nguyên nhân đi trước*

“Thời kỳ thứ hai” của một sự an ủi không có nguyên nhân đi trước, làm cho sự an ủi khó phân định, là một thời kỳ trong đó các khả năng lý luận và tưởng tượng trở thành rất tích cực vì chúng ta cố gắng bám vào

những động cơ riêng của mình hoặc đang được chiếc phi cơ phản lực lôi kéo, mặc dù dây xích đã bị cắt đứt.

Trong các niềm an ủi không có nguyên nhân, tình thế cũng tương tự. Thiên Chúa là chiếc phi cơ phản lực còn chúng ta là chiếc máy lượn : khi chúng ta kết hiệp với Ngài trong sự ghì chặt của niềm an ủi, chúng ta có thể bay rất cao và đạt được những tốc độ to lớn, không do tự sức mình, nhưng nhờ sự giúp đỡ của Ngài. Nhưng một khi sợi dây thừng của sự an ủi bị xén đứt, chúng ta bị tách khỏi nguồn năng lượng. Niềm an ủi như chúng ta đã thấy ở chương 6 chỉ là một ân huệ và không thuộc khả năng của chúng ta sản sinh ra hoặc kéo dài. Nhưng bình thường, cũng như chiếc máy lượn, chúng ta không rời khỏi ngay xuống đất đâu. Tốc độ có được hoặc tác dụng mà sự an ủi để lại vẫn nâng đỡ chúng ta thêm một lúc nữa. Thời điểm này, thánh I-nhà-xiô nói là một thời điểm nguy hiểm. Tâm hồn không còn kết hợp một cách khăng khít với Thiên Chúa nữa, vậy mà nó có vẻ còn bay cao. Theo đúng nghĩa, nó đã trở lại với những giác quan của mình, bắt đầu vận hành lại với các khả năng tự nhiên của mình là trí tuệ cùng óc tưởng tượng, và do đó, như chúng ta sắp nói tới, trở thành dễ bị tổn thương lại với những thủ đoạn của tinh thần xấu. Mối nguy hiểm lúc bấy giờ là chiếc máy lượn, bay bổng trên không trung xa mặt đất, có thể không nhận thấy là mình không còn được nối với nguồn năng lượng nữa và cứ nghĩ rằng những cảm hứng và trực giác của chính mình, là từ chiếc phi cơ của Thiên Chúa mà đến.

Thiên Chúa để kéo dài kinh nghiệm : chúng ta bắt đầu tự hỏi xem mình có thể làm gì để cảm ơn Ngài về mối tình bao la cao cả ấy và làm sao chia sẻ kinh nghiệm đó cho anh em mình.

Có lẽ những suy nghĩ và ước muốn đó kéo dài lòng sốt sắng của chúng ta, nhưng phải ghi nhận rằng sự sốt sắng đó bây giờ lại thuộc về một bản chất khác. Nó có một nguyên nhân khả giác là chính những tư duy và tưởng tượng của chúng ta, và theo nghĩa ấy, giống với hầu hết các niềm an ủi mà chúng ta đã có kinh nghiệm, đặc biệt đối với những người mới bắt đầu. Như chúng ta đã thấy, việc gặp gỡ Thiên Chúa thường diễn ra qua trung gian của lý luận và khả năng hình dung các sự vật, nghĩa là qua việc sử dụng những khả năng tự nhiên của chúng ta.

Như thế có xấu không ? Không xấu chút nào cả. Như chúng ta đã nói, đó là con đường bình thường để tiến lại gần Thiên Chúa, và lại chính *Tập linh thao* là một dụng cụ dành để giúp chúng ta sử dụng những khả năng tự nhiên đó để tìm Thiên Chúa và Thánh Ý của Ngài. Suy gẫm hoặc chiêm niệm theo nghĩa mà I-nha-xiô gán cho những từ ấy chính là tìm Chúa cách đó. Cho nên tôi thấy rằng những ai hỏi tôi : “thế thì niềm an ủi đó là từ Thiên Chúa mà đến hay đơn giản là do trí tưởng tượng của tôi ?” Thật sai lầm và đang đi lạc hướng khi đặt ra một thế đối ngả như vậy. Nếu tin lời của I-nha-xiô (hay của thánh Têrêxa thành Avila cũng vậy), Thiên Chúa luôn tiến hành một cách bình thường, và gần như suốt hết cuộc đời của chúng ta, nghĩa là qua chính trí tưởng

tượng, trí thông minh và các giác quan của chúng ta. Câu hỏi đúng đắn sẽ là : “Dù một cách siêu nhiên hay qua các khả năng riêng của tôi, có đúng là Thiên Chúa hành động nói năng hay không ? Những tư tưởng của tôi, các hình ảnh đến với tôi và những an ủi chúng đem lại có phải từ Ngài mà đến hay do một tinh thần khác đang muốn phỉnh gạt tôi ? Trong trường hợp các niềm an ủi “với nguyên nhân đi trước”, cả hai giả thuyết đều có thể đúng (hoặc Thiên Chúa hoặc ma quỷ). Như thánh I-nha-xiô đã nói, “trong sự an ủi với nguyên nhân, thiên thần tốt cũng như xấu đều có thể an ủi tâm hồn, nhưng cho những mục đích trái ngược nhau” (quy tắc thứ ba, § 331).

Rằng Thiên Chúa tìm làm cho tâm hồn lớn lên trong tình yêu và lòng quảng đại qua niềm an ủi, hình như là điều hoàn toàn hiển nhiên. Nhưng còn tại sao tinh thần xấu lại có thể đem lại cho tâm hồn sự an bình, niềm vui và lòng bác ái, hay ít là nó tìm nhại lại những ân huệ đó ? Trong quy tắc sau đây, thánh I-nha-xiô nói với chúng ta :

*“Đặc điểm của thiên thần xấu, đội lối “thiên thần sáng láng”, là đi vào trong những quan điểm của tâm hồn trung thành với Chúa rồi đi ra với những quan điểm của nó, nghĩa là bằng cách trình bày những tư tưởng tốt lành thánh thiện, khớp với tâm hồn công chính đó nhưng để rồi từ từ toan làm cho những tư tưởng của hần thành đạt bằng cách lôi kéo tâm hồn đó đi vào trong những trò phỉnh gạt và những chủ ý xấu xa của hần” (§ 332).*

Chúng ta đừng quên là đang nói đến một tâm hồn sốt sắng mà chắc chắn sẽ không bị lôi hút nếu ma quỷ đưa ra những điều xấu xa để mồi chài. Hơn nữa, tâm hồn đang được nói tới tương đối chín chắn và ổn định trong sự trung thành với Thiên Chúa. Người này không còn là người “mới chập chững” của tuần thứ nhất trong *Tập linh thao* mà tinh thần xấu có thể mong can ngăn sự dẫn thân được bằng cách gợi cảm những tâm tình chán nản, sợ sệt hay âu lo hoặc bằng mọi hình thức phiền muộn khác. Bây giờ muốn lừa phỉnh, nó cần xuất hiện dưới bề ngoài của sự thiện, lợi dụng lòng ước muốn Thiên Chúa và sự ao ước nên thánh nơi người đó mới hồng làm cho tâm hồn ấy sai đường lạc lối. Nếu tâm hồn ham thích cầu nguyện, nó sẽ khuyến khích đi theo lối ấy (và thậm chí còn tưởng thưởng bằng những thị kiến, những mạc khải và nhiều kinh nghiệm khác thường nữa) để sản sinh ra lòng kiêu ngạo hoặc đưa đẩy tâm hồn lơ là với những nhiệm vụ tông đồ. Nếu người ấy đã tìm được một nếp sống mới thuộc một cộng đoàn cầu nguyện trong phong trào Canh tân đoàn sủng, nó sẽ khuyến khích một sự lệ thuộc vào Cộng đoàn đó và có xu hướng nuôi dưỡng những tâm tình tách riêng cũng như coi thường mang tính pha-ri-sêu đối với những người ở bên ngoài. Nếu người ấy đã quảng đại dẫn thân đấu tranh cho công bình và bác ái, nó sẽ ủng hộ sự dẫn thân ấy đến độ đưa đẩy người đó khinh bạc hàng giáo phẩm bị đánh giá là “tâm thường, ương đở” và coi việc cầu nguyện như là một xa xỉ phẩm vô ích.

Sau đây là một vài ví dụ thường gặp nhưng chắc chắn không phải là duy nhất về những cách thức mà kẻ thù của bản tính loài người có thể gieo cỏ lùng giữa lúa tốt của Thiên Chúa. Chẳng nào chúng ta còn sống ở trên đời này, nó sẽ tìm cách phá phách mùa màng thánh thiện trong tâm hồn các người công chính. Vả lại, tôi đã để ý rằng một trong những dấu chỉ chắc chắn nhất về sự chín muồi nội tâm là một sự ngờ vực rất có lợi, về các động cơ của chúng ta, thậm chí cả tốt nhất nữa. Thánh Gioan thánh giá nói rằng, chúng ta càng lớn lên trong Chúa và khả năng làm lợi để phục vụ Giáo hội càng lớn, thì ma quỷ càng nỗ lực để phá phách mùa gặt. Cũng dễ hiểu thôi : nói cho cùng, nếu bạn ở chỗ của hắn, bạn sẽ dồn những cố gắng về đâu ? Há chẳng phải bạn sẽ hết sức cố ảnh hưởng trên những người có tiềm năng lớn nhất để làm ích cho thế giới và cho Giáo Hội đó sao ? Bạn đâu có mất năng lượng cho những tâm hồn nguội lạnh hoặc tâm thường, lại càng không mất sức cho những linh hồn đã thuộc về quyền hạn của bạn rồi ! Cho nên, các đức Giáo hoàng, các Giám mục và những vị lãnh đạo quốc gia cần đặc biệt được nhắc tới trong những lời nguyện Thánh Thể của chúng ta.

Nếu kẻ thù của chúng ta nham hiểm đến thế, và nếu không một tư tưởng hoặc hành động tốt nào của chúng ta có thể tránh không để nó làm biến chất - vì thậm chí cả “niềm an ủi không có nguyên nhân đi trước” cũng dễ bị tổn thương trong những tác dụng nó để lại - thì làm sao chúng ta có thể phân định được hành động của Thiên Chúa với hành động của tinh thần xấu ? Dĩ

nhiên, đây là phần quan trọng và tế nhị nhất trong nghệ thuật của sự phân định. Thánh I-nha-xiô đã nói tới trong các quy tắc thứ năm và thứ sáu của tuần thứ hai. Người tuyên bố trong quy tắc thứ năm :

*“Chúng ta phải hết sức lưu ý tới diễn biến của những tư tưởng nơi chúng ta. Nếu phần đầu, phần giữa và phần cuối đều hoàn toàn tốt và hoàn toàn hướng về sự thiện, thì đó là dấu chỉ nó thuộc thiên thần tốt. Nhưng còn nếu tiến trình của những tư tưởng được giới thiệu đưa đến một cái gì xấu hoặc làm xa lánh điều thiện hoặc ít tốt đẹp hơn điều mà trước đây linh hồn đã tự đề nghị tiến hành, hoặc nữa, làm cho tâm hồn yếu đi, trở nên lo âu hay gây xáo trộn làm cho mất đi sự bình an, sự thanh thản hoặc bình tâm mà nó đã có trước đây, đó là dấu rõ ràng rằng tư tưởng đó là của ma quỷ...”* (§ 333).

Cách chung, có thể nói là ma quỷ luôn bộc lộ sự hiện diện của nó bằng sự phiền muộn (ở đây là sự lo lắng, buông bỏ sự thiện, đi chệch sang điều ít tốt hơn). Nó không thể hoàn toàn dấu sự hiện diện của nó cũng như không thể sản sinh ra một niềm an ủi thứ thiệt từ đầu chí cuối được. Bất luận nó nhại sự bình an và niềm vui Thiên Chúa ban trong niềm an ủi khéo léo đến như thế nào, cái đuôi của con rắn, “kẻ thù của sự tiến bộ và ơn cứu độ vĩnh cửu của chúng ta”, theo lời của I-nha-xiô, không thoát khỏi cái nhìn của những người có mắt để thấy và sự kiên nhẫn để theo dõi kỹ kinh nghiệm của mình.

Nhưng vẫn đúng rằng, phải có một cái nhìn sâu sắc, một sự phân định thật sự, để nhận ra cái đuôi rắn trong những kinh nghiệm an ủi của chúng ta. I-nha-xiô khuyên chúng ta nên xem xét “phần đầu, phần giữa và phần cuối”, nếu cả ba phần đều tốt, “đó là dấu của thiên thần tốt”. Nếu đuôi rắn chỉ xuất hiện trong một phần thì lúc ấy nên dè chừng cả toàn bộ kinh nghiệm và hãy từ chối đừng tuân theo những cảm hứng đến với chúng ta trong thời gian ấy. Do đó tiêu chuẩn của I-nha-xiô thật đơn giản trong cách phát biểu, nhưng như tôi đã từng khám phá (với nhiều người khác, các vị linh hướng hoặc tín hữu) việc áp dụng thực tiễn đòi hỏi nhiều năm suy nghĩ và kinh nghiệm. Một vài kinh nghiệm cụ thể tuy vậy có thể giúp giải thích điều I-nha-xiô muốn nói.

**Phần đầu** - Xem xét “phần đầu” của niềm an ủi để xem nó có “hoàn toàn tốt” không, có ý nghĩa gì ? Theo tôi, bước đầu đang được nói tới đây liên quan đến bối cảnh cụ thể của cảm hứng thúc đẩy chúng ta đi cầu nguyện. Có đúng lúc, đúng nơi, và với những lý do chính đáng không ? Giả dụ chẳng hạn tôi cảm thấy được đưa đẩy mãnh liệt đi cầu nguyện trong khi mà toàn thể cộng đoàn đang tập trung lại để họp hành hoặc để tiến hành một nhiệm vụ chung ; hoặc, nếu tôi là người đã có gia đình, mà bỏ bê gia đình nhiều lần trong tuần để dấn thân trong công việc giáo xứ hoặc tông đồ ; hoặc nữa, nếu tôi là sinh viên hay chủng sinh và rằng tầm quan trọng của Thiên Chúa và của việc cầu nguyện tôi chỉ mới hội ra không lâu, nếu cảm hứng cầu nguyện đến với tôi vào lúc tôi đang học bài thi cho ngày hôm sau hoặc khi thời khoá

nguyện) trong kinh nghiệm của niềm an ủi bị nghi ngờ ? Tôi thấy rằng phương thế tốt nhất là nói với Chúa một cách đơn sơ (chẳng hạn trong trường hợp của chúng sinh bị đưa đẩy mãnh liệt đi cầu nguyện trong lúc đã phải ngồi vào bàn học) : “Lạy Chúa, nếu chính Chúa lôi kéo con, thì xin Ngài hãy trở lại vào thời gian dành cho việc cầu nguyện. Bây giờ là lúc con phải học hành nên con coi đây là Thánh Ý Chúa. Còn nếu Chúa muốn điều gì khác, thì Chúa phải chỉ cho con thấy rõ”. Nói năng như thế với Thiên Chúa có vẻ hơi lạ kỳ, nhưng tôi xác tín đó là điều Ngài mong muốn. Trong lĩnh vực này, thì tà phạm sai lầm vì quá thận trọng và nhẹ nhàng nhưng cần mạnh mẽ cương lại với mọi cảm hứng khả nghi. Nếu nó từ ma quỷ mà đến, thì nó sẽ buông bỏ cảm dỗ đó ; nếu ngược lại nó từ Thiên Chúa mà đến, Ngài sẽ biết cách tự vạch ra một lối đi, cả khi chúng ta toan cự lại.

**Phần giữa** - Khi I-nhà-xiô đề cập đến “phần giữa” trong tiến trình của những tư tưởng nơi chúng ta, theo tôi, Ngài muốn nói đến điều diễn ra trong chính niềm an ủi. Giả dụ như tôi đang ở đúng nơi, đúng lúc và vì những lý do chính đáng : đó là lúc dành để cầu nguyện, tôi đi đến với một trái tim quảng đại và rộng mở và sự cầu nguyện của tôi được nhuần niềm an ủi. Nếu trong hoàn cảnh đó, sự sốt sắng mà tôi cảm thấy lại bị quấy rầy bởi những tư tưởng hư ảo hoặc những phê phán về người khác thì lúc ấy chính là đuôi rắn đang lộ ra trong “phần giữa” của kinh nghiệm. Nếu tôi bắt gặp mình đang viết đề tựa để phong thánh chính mình và trách cứ người khác ít sốt sắng đạo đức hơn tôi hoặc

biểu của Chúng viện dành đúng lúc ấy để học hành. Có một điều gì không ổn đó nơi ba trường hợp trên đây : cầu nguyện là một lợi ích lớn và tìm Thánh Ý Thiên Chúa là ưu tư chính yếu đối với mọi tâm hồn thật sự trung thành, nhưng cũng lạ đời khi Thiên Chúa rút tôi ra khỏi mọi đòi hỏi của đức vâng lời hoặc mọi bó buộc của bậc sống, hoặc thậm chí Ngài còn thúc đẩy tôi đi cầu nguyện khi người khác phải gánh phần việc của tôi nữa. Đuôi rắn đã lộ ra rồi đó (hoặc ít là có thể đoán được) trong phần đầu của các kinh nghiệm cầu nguyện trên ; do đó mà mọi niềm an ủi nó kéo theo hoặc mọi cảm hứng để hành động một kiểu nào đó, là đáng ngờ lắm ! Quả đúng là Đức Giêsu đã nói với Mác-ta rằng Maria đã chọn phần tốt nhất, nhưng chúng ta cần biết chắc trong một hoàn cảnh tương tự như vậy, rằng thật sự chính Đức Giêsu lên tiếng và mời gọi ! Ngài cũng đã mạnh mẽ khiển trách người pha-ri-sêu về sự ngay ngắn tôn giáo và lòng đạo đức đầy nhiệt tình của họ đưa đẩy họ coi thường những nhu cầu của con người và chất trên vai tha nhân những gánh nặng không vác nổi.

Tiếng gọi đi cầu nguyện (và quyết định kéo theo để hành động hoặc để yểm trợ cho một lối hành động đặc biệt) trong những trường hợp đó, lẽ nào lại từ Thiên Chúa mà đến ? Vâng, cũng như một vài vụ việc trong các sách Tin Mừng đã cho thấy. Nhưng cảm hứng ấy cũng có thể từ ma quỷ đội lối thiên thần sáng láng mà đến, toan tìm cách nhại lại tiếng nói của Thiên Chúa. Do đó làm thế nào để xác định ai lên tiếng trong những hoàn cảnh mà bước đầu (cảm hứng đầu tiên để cầu

khinh bỉ họ, hoặc nữa, vẫy vùng để bám vào Chúa và để đạt được sự hoàn thiện tức khắc nếu tôi đang nuôi dưỡng một trong những tâm tình hoặc tư tưởng trên, lúc đó rõ ràng là niềm an ủi không từ Thiên Chúa mà đến, dù đẹp đẽ (và thậm chí cả mê hồn) đến đâu.

Một dấu chỉ khác rất tầm thường về sự hiện diện của ma quỷ là như sau : giả thiết như tôi đang cầu nguyện và Thiên Chúa rất gần gũi, khi có người đến đập vào vai tôi bảo rằng có người chờ tôi ở phòng khách, hoặc điện thoại reo, hay đứa bé bỗng khóc thét lên. Nếu tôi nổi khùng hoặc thương thân trách phận (“không thể nào để cho tôi yên được hai mươi phút sao !”) rõ ràng đó là dấu chỉ rằng niềm an ủi được đón nhận trong lời cầu nguyện không hoàn toàn từ Thiên Chúa mà đến. Nếu nó từ Ngài mà đến thì tôi sẽ lấy làm ngạc nhiên về sự thanh thản và kiên nhẫn của tôi bằng cách chấp nhận bị quấy rầy.

Có lẽ cần nhắc lại rằng những niềm “an ủi giả” ấy không có nghĩa là chúng ta xấu hoặc thiếu thành thật đâu. Tôi đã gặp những an ủi dỏm nhiều lần đến độ không còn nhớ nổi nữa và cũng đã rất thường nhận thấy nơi những người cầu nguyện chuyên cần nhất. Như đã nói, ma quỷ luôn làm việc, bằng đủ mọi cách có thể tưởng tượng được để chuyển hướng và đánh lạc hướng người công chính. Khi những niềm an ủi giả ấy đến với chúng ta, chúng ta phải tự chế nhạo mình và những phản ứng tự nhiên của chúng ta. Cảm thấy bối rối chỉ là dấu hiệu của một lòng kiêu ngạo bị tổn thương, rằng chúng ta chưa có khả năng chấp nhận là mình chưa hoàn thiện và rằng nhược điểm của chúng ta đã bị ma quỷ phát

hiện. Đồng thời chúng ta phải vạch mặt được sự gian trá và đề phòng mọi sự an ủi (cả hành động hoặc phán đoán mà nó gợi ý) “ngay giữa” (nghĩa là trong khi nó diễn ra) lúc mà đuôi rắn đã để lộ ra.

**Phần cuối** - Có lẽ những đoạn trên đã cho phép chúng ta hiểu điều mà I-nha-xiô gọi là “phần cuối” trong tiến trình của những tư tưởng nơi chúng ta ? Niềm an ủi đưa tới đâu ? Chính “phần cuối” này mà I-nha-xiô quan sát kỹ trong quy tắc thứ năm (§ 333). Niềm an ủi đó có đưa tới “một cái gì xấu, hoặc khiến mình quay lưng lại với điều tốt hoặc chọn một điều ít tốt hơn... hoặc làm cho tâm hồn yếu đi, trở nên bối rối lo lắng” không ? Như Ronald Knox đã cho thấy trong tác phẩm rất hay của ông, “*Sự phấn khởi*”, rằng trong Giáo Hội, những phong trào được sự phấn khởi (nghĩa là một sự sốt sắng cao độ) cho ra đời thường dẫn tới kết luận rằng có một “cấp bậc hoàn thiện” mà tội lỗi không còn với tới được nữa và bởi xác tín rằng những người được Thần Khí chiếm đoạt không thể phạm tội nữa, bất luận điều gì họ làm. Theo họ, thậm chí cả những lạm dụng tình dục thô thiển nhất cũng không thể là những tội lỗi đối với những người được Thiên Chúa chiếm hữu. Ở đây, “phần cuối” của niềm an ủi rõ ràng là xấu, và toàn bộ kinh nghiệm mang nhãn hiệu của “địch thù chống lại bản tính con người”.

Nhưng thường thì phần cuối không xấu xa một cách rõ rệt như thế : như I-nha-xiô chỉ cho thấy, nó có thể đơn giản làm cho tôi quay lưng lại với điều tôi đề ra nhằm thực hiện cho Thiên Chúa hoặc đưa ra một dự án ít tốt đẹp hơn.

Nhưng vì một sự thiện thấp hơn không vì thế mà không là một sự thiện, công việc của ma quỷ ở đây trở nên tinh vi hơn, khó phát hiện hơn. Một linh mục tận tụy với công việc của mình, và công việc ấy đang mang hoa trái, mặt khác ông gặp một phụ nữ mà ông yêu, có thể xác tín rằng tình bạn ấy tốt vì từ đó ông cầu nguyện dễ dàng hơn trước đây nhiều. Thiên Chúa đã trở thành thiết thực với ông hơn, nhờ người phụ nữ này. Cuối cùng ông quyết định rời bỏ công việc mục vụ của mình để cưới người phụ nữ ấy vì ông xác tín rằng ơn gọi của ông không phải để phục vụ nhiều người mà để tận tụy cho một người mà thôi ; nếu ông đạo đức ông sẽ nghĩ rằng : ông đâu có rời việc mục vụ đâu, ông chỉ tập trung nơi một người đang thật sự cần đến ông. Sự cam kết này là tốt, ông lý luận, do đó nó cũng được tiến hành cho Chúa.

Trong trường hợp trên đây, sự phân định tế nhị hơn nhiều so với những phong trào đề cao sự phấn khởi, “phần cuối” không rõ ràng là xấu, thậm chí là rất tốt nữa là khác. Nhưng nó có tốt cho linh mục ấy không, người đã cam kết trung thành với Đấng duy nhất và đã sinh hoa trái trong công việc mục vụ là hoa trái của sự cam kết ấy ? Sự thay đổi đó là đuôi rắn đang lộ ra, chính vì làm giảm ích lợi cho Giáo Hội và cho chính bản thân linh mục ấy ? Cho nên, bạn hãy đặt câu hỏi : nếu bạn là ma quỷ, bạn sẽ làm cách nào để hủy bỏ sự cam kết của một linh mục sốt sắng đang thành công trong thừa tác vụ của mình ? (43).

(43) Tưởng tượng điều bạn sẽ làm nếu bạn là ma quỷ là một cách làm rất hữu hiệu để vạch mặt nó. Tham khảo tác phẩm của bậc thầy

Đĩ nhiên là những trò ma giáo của quỷ không phải lúc nào cũng đưa tới những hậu quả ngoạn mục và năng nề như thế. Đôi khi như thánh nhân đã nói, những niềm an ủi giả chỉ “làm cho tâm hồn yếu đi, trở nên bối rối lo lắng”. Chẳng hạn nó có thể làm nảy sinh lòng sốt sắng đạo đức dẫn tới những chờ mong không thực tế và hứa với Thiên Chúa những điều quá sức chúng ta. Nếu trong một thoáng sốt sắng, hứng lên, tôi hứa những điều mà khi nguội lại, dưới ánh sáng ban ngày, tôi thấy mình không giữ được, kết quả sẽ là sự chán nản và cả việc từ bỏ làm điều thiện ở trong tâm tay mình nữa. Nếu tôi hạ quyết tâm không bao giờ có những tư tưởng dâm dục nữa, là điều không thể được ngoài một ơn lạ, rất có thể là cuối cùng tôi đi đến kết luận rằng việc phấn đấu để sống thanh khiết và trung thành trong tình yêu của tôi là một việc làm vô vọng. Cũng vậy, tinh thần xấu có thể làm cho những tâm hồn dâng mình làm việc tông đồ, hết sức ao ước đời sống chiêm niệm, chỉ trong mục đích gây âu lo, kinh hoàng và bất bình với hiện trạng cùng công việc hiện nay của mình.

May phước là tinh thần tốt cũng ra tay làm việc trong cuộc sống của chúng ta không kém. Nhiều niềm an ủi và cảm hứng hành động thật sự từ tinh thần ấy mà đến. Chúng ta có thể nhận ra chúng ở chỗ chúng tốt lành

là C.S.Lewis “Chiến thuật của ma quỷ” (Delachaux và Niestlé, 1943 do B.V.Barbey dịch ra từ tiếng Anh) là sự trao đổi thư từ giữa một con quỷ bậc cao, đang ở hoả ngục, với đứa cháu trai của nó đang tập iễnh vào nghề trên trái đất mà nó đang “linh hướng”.

## 8

## Giá trị của cỏ lùng

Trong số bốn thánh sử, chỉ một mình Mát-thêu kể lại dụ ngôn của cỏ lùng. Nó thuộc thể loại ngụ ngôn, chính thể loại này lại nằm trong phần thứ tư của bảy phần mà Mát-thêu chia Tin mừng ông viết, phần mà Kinh Thánh Giêrusalem gọi là “màu nhiệm Nước Trời” (44). Sau việc công bố Nước Trời qua bài giảng trên núi của Đức Giêsu, và việc rao giảng đầu tiên của mười hai môn đệ được chính Đức Giêsu sai đi, phần trung tâm này lại nói đến những trở ngại mà Nước Chúa “phải gặp từ phía con người, theo nhiệm vụ khiêm tốn và thầm kín do Chúa muốn, được bài diễn văn về các dụ ngôn minh họa” (45).

(44) Xem *Kinh Thánh Giêrusalem*, trong “*Dẫn nhập Tin mừng Nhất lãm*”, phần liên quan đến Tin mừng theo thánh Mát-thêu : “*Có thể coi Tin mừng của ông như một vở diễn bảy hồi về sự xuất hiện của “Nước Trời”. Con số bảy đối với người Do thái là biểu tượng cho sự toàn thiện hoặc hoàn tất . Mỗi “hồi”, trừ hồi thứ nhất (những bài tường thuật về thời thơ ấu tạo thành lời mở đầu hoặc việc chuẩn bị cho Nước Trời đến) và hồi cuối (Nước Trời đã đến qua màu nhiệm Phục sinh) được cấu thành bởi việc tường thuật những biến cố theo sau là một bài diễn văn của Đức Giêsu giải thích qua ý nghĩa.*

(45) *Sdd.*

liên tục từ đầu cho đến cuối. Y như lời của thánh nhân nói “nếu phần đầu, phần giữa và phần cuối hoàn toàn tốt và được quy hướng về điều thiện, đó là dấu của thiên thần tốt”. Dù vậy, những trang trước đây, thoát đầu, có thể gây chán nản : người ta có thể dễ dàng tin rằng do ma quỷ có trăm phương nghìn cách để gieo cỏ lùng trong ruộng lúa của Thiên Chúa, một linh hồn trung bình có rất ít hy vọng để đi đến bến bờ sau khi phải băng qua một thứ bãi mìn. Nhưng chẳng phải thế đâu : nếu các sự việc thường phức tạp và tế nhị hơn chúng ta tưởng một cách ngây ngô, thì sự phân định lại là một nghệ thuật, và điều gì mới nhìn qua, có vẻ phức tạp, thì với kinh nghiệm, có thể trở nên dễ dàng hơn. Điều quan trọng, theo lời của I-nhà-xiô, trong quy tắc duy nhất mà chúng ta chưa đề cập đến là kinh nghiệm luôn dạy cho chúng ta một điều gì. Ma quỷ là một đối thủ gian xảo quỷ quyệt đấy, nhưng nói cho cùng, tên khốn kiếp ấy tỏ ra, hoàn toàn trái với ước muốn của hắn, là một trong những bậc thầy uyên bác nhất của chúng ta và thật sự là một dụng cụ nên thánh !

*Bài thực tập*

Theo bạn, niềm an ủi của người mù và của Gia-kêu (Lc 18,35-19,10) là có hay không có nguyên nhân ? Bạn có thấy lộ ra đuôi rắn trong hai vụ việc ấy không ? Phải nghĩ thế nào về quần chúng đông đảo trong Ga 6,1-15 (xem 25-27) và Phêrô trong Ga 6,67-71 ?



## Một Nước Chúa màu nhiệm

Do đó Nước Chúa thật màu nhiệm, không giống các nước trên thế gian và xuất hiện một cách trái ngược với sự chờ mong của con người và cuối cùng đưa đẩy những người nhận thức được việc xuất hiện của Nước ấy cũng có một sự đáp trả nhiệm màu. Đức Giêsu trong bài tường thuật của thánh Mát-thêu, sử dụng bảy dụ ngôn : người gieo giống, cỏ lùng, hạt cải, men trong bột, kho báu được giấu trong ruộng, ngọc quý, chiếc lưới thả xuống biển. Trong số bảy dụ ngôn nói về những khía cạnh khác nhau của Nước Trời, có lẽ không có dụ ngôn nào bí nhiệm hơn câu chuyện cỏ lùng và lúa tốt. Sau đây là cách Mát-thêu kể lại dụ ngôn :

*“Đức Giêsu trình bày cho dân chúng nghe một dụ ngôn khác : “Nước Trời thì ví như chuyện người kia gieo giống tốt trong ruộng mình. Khi mọi người đang ngủ, thì kẻ thù của ông đến gieo thêm cỏ lùng vào giữa lúa, rồi đi mất. Khi lúa mọc lên và trở bông, thì cỏ lùng cũng xuất hiện. Đầy tớ mới đến thưa chủ nhà rằng : “Thưa ông, không phải ông đã gieo giống tốt trong ruộng ông sao ? Thế thì cỏ lùng ở đâu mà ra vậy ?” Ông đáp : “Kẻ thù đã làm đó !” Đầy tớ nói : “Vậy ông có muốn chúng tôi ra nhặt đi không ?” Ông đáp : “Đừng, sợ rằng khi nhặt cỏ lùng, các anh làm bật luôn rễ lúa. Cứ để cả hai cùng lớn lên cho tới mùa gặt. Đến ngày mùa, tôi sẽ bảo thợ gặt : hãy nhặt cỏ lùng trước đã, bó thành bó mà đốt đi, còn lúa, thì hãy thu vào kho lẫm cho tôi” (Mt 13,24-30).*

Trong bản tường thuật của Mát-thêu, chỉ có hai dụ ngôn được Đức Giêsu giải thích thôi : dụ ngôn của người gieo giống với dụ ngôn lúa tốt và cỏ lùng, Ngài nói :

*“Kẻ gieo hạt giống tốt là Con Người (Đấng Mê-si-a). Ruộng là thế gian. Hạt giống tốt, đó là con cái Nước Trời. Cỏ lùng là con cái Ác Thần. Kẻ thù đã gieo cỏ lùng là ma quỷ. Mùa gặt là ngày tận thế. Thợ gặt là các thiên thần” (Mt 13,37-39).*

Do đó trong ý nghĩa đầu tiên, dụ ngôn xuất hiện như là một ám chỉ về sự cùng chung sống trên đời này của những người tốt và kẻ xấu, của những người (nam và nữ) được Đức Giêsu đích thân “đặt để” giữa đời và của những người (nam và nữ) do chính ma quỷ đặt để. Tại sao Thiên Chúa lại cho phép sự hiện hữu của những con người xấu làm hư hỏng thửa ruộng của chúng ta là thế giới ? Xét theo nhãn quan con người, đội quân thứ năm này của ma quỷ (lực lượng gián tiếp làm nội ứng) phải được bứng nhổ đi, nếu muốn cho Nước Trời phát triển tốt và sinh hoa kết trái. Tuy vậy dụ ngôn nói với chúng ta rằng trong Nước Trời sự việc chẳng được diễn ra như thế đó. Cứ để cả hai cùng lớn lên cho tới mùa gặt, sợ rằng khi gom cỏ lùng, “các anh làm bật luôn rễ lúa”. Xét theo bề ngoài, lúa tốt và cỏ lùng san sát nhau trong thửa ruộng của thế giới đến độ không thể nhổ cây này mà không hại đến cây kia.

Ý nghĩa thứ nhất này của dụ ngôn cho thấy là cuộc sống của người tốt kẻ xấu chẳng chịt quấn vào nhau trong ruộng của thế gian, chúng hút nhựa sống từ

cùng một mảnh đất, một cách nào chúng sống cộng sinh với nhau (chúng trợ lực cho nhau). Điều ấy đúng (dù có mâu thuẫn) (46), nhưng tôi thiết tưởng thậm chí chúng ta còn có thể đẩy dụ ngôn xa hơn mà không xuyên tạc chính giáo huấn của Đức Giêsu. Theo chân thánh Phaolô, người đã nhận ra nơi chính bản thân mình hai uy lực đang chi phối bản thân ông (Rm 7,15), chúng ta có thể coi thửa ruộng ở đây là linh hồn của mỗi tín hữu : ở đó cũng vậy, lúa tốt và cỏ lùng đều được gieo, loại thứ nhất là do Con Người, loại thứ hai do ma quỷ. Cỏ lùng cũng như lúa tốt vẫn mọc lên trong thửa ruộng của cá nhân mỗi người chúng ta. Một cách mâu nhiệm, chúng ta cứ phải để cho cỏ lùng mọc ở đó cho đến mùa gặt, sợ rằng khi gom cỏ lùng, “các anh làm bật luôn rễ lúa”.

Nếu dụ ngôn được hiểu như vậy (như một ám chỉ đến thửa ruộng là tâm hồn của người kitô hữu), thì lúc đó phải chịu rằng ít là một vài yếu đuối trong bản năng hoặc vô tình sẽ tồn tại mãi nơi chúng ta cho tới mùa gặt sau cùng, vào giờ chết. Thiên Chúa để chúng lại nơi chúng ta để gìn giữ chúng ta trong sự khiêm tốn, để cho chúng ta hiểu đến mức nào chúng ta lệ thuộc Ngài và chúng ta không tài nào làm được điều thiện, nếu không có ân sủng và quyền năng của Ngài. Lúa tốt của những đức tính nơi chúng ta : lòng tín nhiệm, sự khiêm tốn, lòng biết ơn, sự nhiệt tình - (hình như) không thể đạt tới mức chín muồi hoàn toàn mà không có sự biểu lộ của

(46) Xem “*Bóng tối trên quảng trường*”, chương 5.

các nhược điểm nơi bản năng (47). Rõ ràng đó là điều mà thánh Phaolô đã học nơi Đức Giêsu khi van xin Chúa cho ông thoát khỏi “cái dằm” đâm vào thân xác ông, nhưng để nghe Ngài quả quyết : “Ôn của Thầy đã đủ cho con, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối”. Điều đó đâu có nghĩa là Ngài sẽ tức khắc rút cái dằm, vì Phaolô đã kết luận :

*“Thế nên tôi rất vui mừng và tự hào vì những yếu đuối của tôi, để sức mạnh của Đức Kitô ở mãi trong tôi. Vì vậy tôi cảm thấy vui sướng khi mình yếu đuối, khi bị sỉ nhục, hoạn nạn, bắt bớ, ngặt nghèo vì Đức Kitô. Vì khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh” (2 Cr 12,9-10).*

Phaolô đã sống với sự yếu đuối của mình - và với những đau khổ (phiền muộn) mà nó kéo theo - cho tới mùa gặt, lúc mà cỏ lùng nơi Người sau khi đã chu toàn nhiệm vụ của mình, cuối cùng đã có thể bị nhổ bỏ.

Có bao nhiêu người trong chúng ta đã biết áp dụng thật sự cho chính bản thân lời giáo huấn được Phaolô rút ra từ kinh nghiệm của mình ? Tôi thiết nghĩ rằng chỉ có một tâm hồn với linh chất thật đặc biệt mới thật sự có khả năng tự hào về sự yếu đuối của mình và tỏ ra kiên nhẫn như Thiên Chúa đối với những yếu đuối dù là của bản thân dù là của tha nhân. Cho dù chúng ta hiểu “bằng cái đầu” của mình rằng những sự yếu đuối ấy đối với chúng ta thật sự là một phương tiện để lớn lên trong đức khiêm nhường và lòng tín nhiệm, chúng ta vẫn

(47) Xem chương 2 của “*Khi giếng đã khô cạn*”.

hy vọng “trong lòng” rằng chúng sẽ biến mất ngày hôm sau lúc ngủ dậy ! Đó ít là theo kinh nghiệm của riêng tôi, và tôi sẽ không ngạc nhiên nếu biết được rằng thánh Phaolô cũng thường nuôi bấy nhiêu tâm tình ấy, bất chấp những lời lẽ từng phục hay đẹp mà ông đã từng thốt lên.

### *Giá trị giáo dục của cỏ lùng*

Cho nên, thường tình, tôi cần trở lại với dụ ngôn của Đức Giêsu về cỏ lùng và lúa tốt (và tất cả những ai cảm thấy gần tôi về điểm này cũng sẽ thấy sự cần thiết đó). Thật vậy, chúng ta không bao giờ được quên tính san sát chằng chịt của cỏ dại và lúa tốt trên thửa đất của riêng mình, và chúng ta cần đào sâu để khám phá ra ý nghĩa và lý do hiện hữu của màu nhiệm này. Vì nếu chúng ta coi thường công việc đó, nếu chúng ta không chấp nhận trong tinh thần đức tin như thánh Phaolô và không biết rút ra bài học về tình thế éo le đó của mình, thì cỏ lùng có thể “chụp” luôn lúa tốt và phá huỷ mùa màng. Không chỉ cần để cỏ dại sống sót mà còn phải để nó yên chỗ trong một mục đích nhất định, để phục vụ điều thiện hảo. Nói cách khác, phải biết phân định nó với một cái nhìn yêu thương, nhìn nó mà lượng định. Nếu chúng ta vẫn tiến hành công việc ấy, nó sẽ là một phương tiện đào sâu lòng tín nhiệm và sự khiêm nhường của chúng ta, nó thanh luyện chúng ta, cho phép chúng ta thoải mái bồng bềnh trên đại dương của tình yêu Thiên Chúa.

Giá trị thanh luyện và gián tiếp vun bón màu mỡ của cỏ lùng trong cuộc đời chúng ta, tuy vậy chẳng phải là ích lợi duy nhất của nó đâu. Nó còn cái gọi là giá trị giáo dục trong cuộc đời nội tâm của chúng ta nữa. Thánh I-nhà-xiô gán cho nó giá trị giáo dục, trong quy tắc thứ sáu về sự phân định cho tuần thứ hai, quy tắc duy nhất còn lại mà chúng ta chưa nghiên cứu. Trong đó, thánh nhân tuyên bố :

*“Khi kẻ thù của bản tính loài người đã được cảm nghiệm và nhận ra ở cái đuôi rắn của nó và ở mục đích xấu xa mà nó muốn đưa tới, là điều có lợi cho ai bị nó cảm dỗ, khi biết nhìn lại sau đó, tiến trình của những tư tưởng tốt mà nó tung ra, cùng phần đầu của chúng, và từ từ sau đó, làm sao nó đã toan đưa người ấy đi xuống từ sự êm dịu ngọt ngào, và niềm vui thiêng liêng, và lúi vào trong chủ ý đời bại. Cho nên, qua kinh nghiệm được biết đến và được ghi nhận, chúng ta sẽ giữ mình trong tương lai khỏi những nổ phình gạt quen thuộc của nó” (§ 334).*

Nguyên tắc được thánh I-nhà-xiô trình bày là một nguyên tắc được áp dụng cả ở bên ngoài phạm vi thiêng liêng. Chúng ta hãy nhớ câu ngạn ngữ rất phổ biến của Xô-crate : “Một cuộc đời, không đáng sống khi người ta không suy nghĩ về nó”. Và nếu tôi không lầm, Santayana nói rằng, những ai không biết đến quá khứ, thì buộc lòng phải lặp lại những sai lầm của mình. Tất cả chúng ta đều phạm sai lầm, nhưng là dấu hiệu của người khôn khi học được một cái gì đó qua những sai lầm ấy. Nếu những sai lầm của chúng ta dạy cho chúng ta được

một điều gì, thì chúng chẳng còn là những thảm họa nữa mà đúng hơn là một yếu tố chính cho sự tăng trưởng của chúng ta. Như tôi thường nói với các chủng sinh khi gần đến ngày phong chức : “Anh em chắc chắn sẽ phạm những sai lầm trong thừa tác vụ của mình, nhưng hãy làm cách nào để chúng luôn *mới* ! Đừng tái phạm cũng bấy nhiêu sai lầm một cách vô tận”. Nếu chúng ta cứ phạm bấy nhiêu sai lầm, điều đó có nghĩa là kinh nghiệm đã không dạy cho chúng ta điều gì cả.

Trong phạm vi phân định, điều đó có nghĩa là chúng ta phải sẵn sàng xem xét và đánh giá những kinh nghiệm tôn giáo, vẽ lại tiến trình của chúng để xác định những tinh thần nào đang chi phối và chiến lược nào chúng đã sử dụng. Nhiều phương pháp chúng sử dụng đã được thánh I-nhà-xiô trình bày trong những quý tấc mà chúng ta đã nghiên cứu. Nhưng tinh thần xấu thường giống một thủ lĩnh quân sự, một nhà chiến thuật tài tình, nghiên cứu kỹ những bia bắn là con người chúng ta và thăm dò những vùng xung yếu, nên chúng ta phải khám phá ra đâu là những phương pháp “nó” xét là hữu hiệu nhất để tấn công chúng ta. Khi làm như vậy, chúng ta học được rất nhiều về chính mình, những điểm mạnh và những điểm yếu của chúng ta.

Nhiều người xét là thứ tự phân tích ấy quá “nội quan” và họ có cảm tưởng là nó phá huỷ tính bộc phát ; cho nên họ thích sống một cách tự nhiên, yêu mến, cầu nguyện và phục vụ, mà không cần bỏ thời giờ để soi mình trong gương như vậy. Vấn nạn ấy được biện minh trong chừng mực phải giữ được một sự thăng bằng giữa

sự bộc phát và việc tự phê. Không ngừng lo tự kiểm, thì cũng *chẳng tốt* đâu : nếu chúng ta cứ phân tích từng bước chúng ta đi, thì không bao giờ chúng ta tiến bước được và có lẽ làm cho chúng ta chúi mũi nữa. Tôi cảm thấy mối nguy hiểm ấy nơi một vài người, trong ước muốn làm tốt, họ đến tìm một vị linh hướng nhưng không tài nào kết thúc được dù chỉ một câu mà không sửa đi soát lại năm sáu lần. Cuối cùng họ rối rắm trong việc tự phân tích (có lẽ dưới một hình thức bối rối) cách nào mà họ cũng như tôi không sao khám phá được thật sự đâu là điều họ đang sống. Bề khác, những người, khá đông, không bao giờ xem xét kinh nghiệm của mình thì trong trường hợp này bị đưa đẩy tái diễn lại không ngừng cũng bấy nhiêu thất bại và bấy nhiêu thất vọng. Cuộc đời của họ gợi nhắc đến hình ảnh của những chiếc bánh xe mà một người vận hành bằng cách bước đi ở bên trong : người ấy đi mãi nhưng vẫn đứng một chỗ.

Làm sao tìm được sự trung dung ? Trước hết, chúng ta phải biết mình : tôi có khuynh hướng tự phân tích quá nhiều không ? hay tôi không có đủ óc phê bình và quá ngây ngô chẳng ? Ở đây cũng vậy, tinh thần xấu là một nhà chiến thuật đại tài. Nếu tôi thuộc loại tính người lo lắng và cầu toàn, nó sẽ khuyến khích xu hướng phân tích thái quá ấy nơi tôi và cho đó là một đức tính. Nếu ngược lại tôi có xu hướng hời hợt, thiếu suy nghĩ, nó sẽ tìm gia tăng sự yếu kém của tôi mà gọi đó là tính bộc phát và sự tự nhiên. Trong cả hai trường hợp này, nó sẽ cố biến một tật xấu thành tính tốt để ngăn cản chúng ta lớn lên và chín muồi. Để chống lại nó một cách hữu

hiệu, có được một sự hiểu biết thực tế về tâm tính của chúng ta là điều chính yếu.

Một phương thế thực tiễn khác để thiết lập một thế quân bình giữa kinh nghiệm và tư duy là nhận thức rằng có một thời điểm và một mùa cho cái này và cái kia. Trong *Tập Linh thao*, thánh I-nha-xiô khuyên người đi tĩnh tâm lấy một chút thì giờ, cuối giờ cầu nguyện, để suy nghĩ xem giờ ấy đã diễn ra như thế nào và điều gì đã xảy ra, điều mà ngày nay người ta gọi là viết “nhật ký” về việc cầu nguyện. Nhưng chúng ta hãy ghi nhận điều này là chúng ta tiến hành công việc ấy sau chứ không phải trong lúc cầu nguyện; tôi vẫn thường nói với các người đến tĩnh tâm rằng một trong những lợi ích lớn của lối thực hành ấy là nó ngăn cản không để cho chúng ta soi gương trong lúc cầu nguyện để chẻ tóc làm tư. Không ngừng quay lưng lại với Thiên Chúa để phân tích điều gì xảy ra là không tốt. Cách thức ấy sẽ phá huỷ bất cứ tương quan loài người nào. Cho dù chúng ta có “đi lạc đường” chẳng nữa, thì trong thời gian một tiếng đồng hồ cũng chẳng đi đâu xa được. Do đó, tốt hơn theo tôi, nên chờ đợi cho giờ cầu nguyện kết thúc đã, để đánh giá điều gì đã thật sự xảy ra (48). Cũng vẫn nguyên tắc ấy được

(48) Như chúng ta sẽ thấy ở chương 9, một sự phân định bộc phát “tự nhiên” được tiến hành khi chúng ta cầu nguyện, nhất là khi chúng ta đã trở nên chín chắn hơn và nhạy bén với hoạt động bình thường của các tinh thần tốt xấu trong cuộc đời của chúng ta. Nhưng sự phân định ấy diễn ra một cách bộc phát không kèm theo sự cuộn tròn trên chính mình: nó không làm đứt đoạn diễn biến tự nhiên của kinh nghiệm..

áp dụng cho lời cầu nguyện thường nhật và đời sống đức tin của chúng ta ngoài tuần tĩnh tâm. Cho nên, việc xét mình, chung quy ở chỗ xem lại trong lời nguyện Thiên Chúa đã nói với tôi làm sao, và tôi đã đáp lại với Ngài như thế nào trong ngày vừa trôi qua, là một yếu tố rất quan trọng trong mọi linh đạo mang tính Kytô giáo thật sự. Lối thực hành đó dẫn tới một sự cảm thụ thường xuyên và tức khắc đối với cách lối mà các tinh thần khác nhau “làm việc” trong mọi biến cố của cuộc sống chúng ta.

### *Sự gặp gỡ Thiên Chúa và những hệ quả*

Ở chương 7 chúng ta đã thấy thánh I-nha-xiô phân biệt như thế nào giữa các niềm an ủi có nguyên nhân và không nguyên nhân trước đó. Như chúng ta đã giải thích, nguyên nhân đang nói tới đây có thể là một kinh nghiệm khả giác hoặc một suy nghĩ (một cảnh mặt trời lặn, việc gẫm một trang Tin mừng, lời khen của một người bạn hoặc của một bề trên...) đã đưa tới một niềm an ủi về mặt tôn giáo. Khi sự an ủi đó diễn ra mà không có bất cứ một nguyên nhân nào trên đây đi trước, thì chúng ta có thể cảm chắc là nó từ Thiên Chúa mà đến, theo lời của thánh I-nha-xiô. Mỗi nguy hiểm lúc bấy giờ, như Người đã giải thích, là lẫn lộn thời điểm của sự an ủi thật với cảm tưởng mà ánh sáng của nó để lại nơi chúng ta (“tác dụng còn sót lại”) khi linh hồn còn hưởng thụ sự an ủi nhưng đã mất liên lạc trực tiếp với Thiên Chúa.

Trong “thời gian tiếp theo đó”, linh hồn còn nóng sốt và được ưu đãi bởi ân huệ nhận được cùng những hệ quả của niềm an ủi trước đây (...) Thường... trong hồi thứ hai này, chúng ta đưa ra những dự án hoặc những ý kiến khác nhau nhưng không do Thiên Chúa tức khắc ban trao (sát nghĩa “không có trung gian”) (§ 336, QT 8).

Trong trường hợp này, chúng ta nên theo lời khuyên của I-nhà-xiô mà sống lại ít lâu sau đó toàn bộ kinh nghiệm để thấy ma quỷ đã len lỏi vào như thế nào. Một ví dụ rút ra từ kinh nghiệm của tôi có lẽ sẽ giúp cho vấn đề trở nên rõ ràng hơn. Cách đây mấy năm, ở Philippines, một sinh viên từ một chủng viện láng giềng đến gặp tôi, sau khi đi nghỉ hè về. Anh này vừa xong năm mà chúng tôi gọi ở San José, là “sự huấn luyện thiêng liêng và mục vụ” (một loại nhà tập cho các chủng sinh trong giáo phận, được tiến hành sau hai năm Thần học) mà anh đã kết thúc bằng một cuộc tĩnh tâm ba mươi ngày. Ít hôm sau đó, anh và bạn bè cùng lớp mỗi người đã trở về giáo phận của mình để nghỉ hè. Khi anh bước vào trong văn phòng của tôi, tôi thấy anh hết sức suy sụp nên để tạo sự thoải mái tôi hỏi anh điều gì đang làm anh lo ngại. Anh bèn trả lời : “Con có cảm tưởng mình là một kẻ thất bại. Cuộc tĩnh tâm ba mươi ngày được tiến hành cách đây chỉ mới ba tháng là một kinh nghiệm tuyệt vời, và con có cảm tưởng đã thật sự gặp gỡ Thiên Chúa và đã được củng cố trong ơn gọi. Vậy mà, mùa hè vừa qua, hình như con đã không giữ được *bất cứ* điều gì con đã hứa với Chúa trong cuộc tĩnh tâm đó”. Anh tỏ vẻ

thất vọng và hổ thẹn, còn tôi thì biết chắc là dưới cặp mắt của anh, cả cuộc tĩnh tâm đó đã thật vô ích.

Tôi thật thương hại anh ấy, nhưng nói gì với anh bây giờ ? Nhờ ơn Chúa, những câu hỏi đúng đắn đã đến trên môi tôi : “Anh có còn nhớ trong tâm trạng nào anh đã hứa bấy nhiêu điều ấy với Thiên Chúa trong cuộc tĩnh tâm đó không ? Cảm hứng là do Ngài mà đến hay do anh ? Tôi muốn nói rằng điều anh hứa có thật là điều Ngài đòi hỏi không ? Tôi giải thích cho anh một cách chi tiết tại sao tôi đặt câu hỏi đó, và khi tôi vừa trình bày xong, anh nói với tôi : “Ngay khi cha hỏi con, con đã biết rằng những lời hứa đó là do *con* mà đến. Con còn nhớ con đang loay hoay xem mình có thể làm gì để đáp lại tình yêu của Chúa, và con có cảm tưởng rất mạnh rằng Ngài hỏi con : “Con có chắc là con làm được tất cả những điều ấy không ?” như thế Ngài nghi ngờ vậy, nhưng trong sự phấn khởi của con, con trả lời rằng con chắc chắn về điều đó !”

Tình thần xấu đã lên lên sân khấu. Nó gần như cầm chắc là người bạn trẻ của tôi đã thật sự gặp gỡ Thiên Chúa (49), nhưng vì còn choáng ngợp bởi niềm an ủi mà anh vừa nếm được, anh cảm thấy được thúc đẩy - chứ *không phải* Thiên Chúa thúc đẩy anh - hứa những điều vượt quá sức mình lúc bấy giờ. Khi cùng suy nghĩ với nhau về kinh nghiệm này, cả hai chúng tôi đã rút ra

(49) *Cuộc gặp gỡ đó có nguyên nhân tự nhiên hay không, thì thật sự không mấy quan trọng trong trường hợp này : cả hai đều có thể xảy ra.*

được một bài học quý báu cho tương lai. Chúng sinh này cần học (và tôi giả thiết là anh đã làm) tỏ ra thận trọng hơn trước khi tự cam kết trong những dự án có vẻ dễ ở trên đỉnh núi, trong sự choáng ngợp do cuộc thăm viếng của Thiên Chúa, nhưng một khi xuống dưới thung lũng đầy sương mù ban mai, thì chúng tỏ ra hết sức thiếu thực tế. Còn tôi, tôi đã học rằng, là điều nguy hiểm khi thúc đẩy những người đi tinh tâm cam kết hoặc lên kế hoạch như người ta thường tiến hành trong các cuộc tinh tâm. Một dự án có thể là một việc làm tốt nhưng chỉ với điều kiện là được trình lên Thiên Chúa để Ngài xác nhận và phê chuẩn. Điều Ngài mong muốn thì chắc chắn chúng ta có thể làm, nhưng trước đó phải biết chắc nó là điều Ngài mong muốn đã ! Ân sủng của Ngài phải nâng đỡ những cố gắng của chúng ta, vì nếu chúng ta không đạt được những mục tiêu của mình, chúng ta có nguy cơ thối chí và buông bỏ hết những gì đã cam kết với Chúa. Vây mà đó là điều tinh thần xấu mong ước, và nó sẵn sàng nhại giọng nói để đạt được mục đích.

### *Một sự bén nhọn ngày càng lớn*

Cho nên, nếu chúng ta trung thành kiểm điểm, xét mình và theo lời khuyên của thánh I-nhà-xiô mà duyệt lại những kinh nghiệm của mình để có thể trong “tương lai” tránh được những “lừa đảo” thông thường của tinh thần xấu, chúng ta sẽ nhanh chóng học phân

biệt kinh nghiệm thật về Thiên Chúa và “tác dụng nguy hại còn dư sót lại”. Thêm vào đó chúng ta trở thành nhạy bén hơn với những cách lối khác nhau mà Thiên Chúa và tinh thần xấu hành động nơi chúng ta. Tất cả nghệ thuật của việc linh hướng dựa vào điểm đó : một mặt, vị linh hướng tốt là người có một sự nhạy bén cao và có cơ sở về kinh nghiệm, về những loại cỏ lùng cùng lúa tốt khác nhau đang mọc lên trong thửa ruộng của linh hồn ; mặt khác, mục tiêu chính của việc linh hướng, là đưa dẫn người mình linh hướng có cùng một sự nhạy bén ấy. Cũng như chúng ta đã lưu ý ở chương 3, một sự linh hướng tốt thì tạo được sự độc lập và chín muồi chứ không phải sự lệ thuộc. Vị linh hướng tốt cũng như giáo sư tốt đào tạo những tâm hồn có khả năng đảm đương trách nhiệm của mình, đọc được những dấu chỉ thời đại và nhận dạng những tinh thần khác nhau đang làm việc trong chính cuộc sống của họ.

Một cách tích cực, điều đó có nghĩa là khám phá ra Thiên Chúa của chúng ta là ai, và Ngài hành động ra sao trong cuộc sống của chúng ta. Đã đành Đức Giêsu là mạc khải cao nhất của Cha, và các sách Tin mừng mạch bảo cho chúng ta, trước hết, rằng Thiên Chúa - Cha của Đức Giêsu Kitô - là loại ngôi vị nào. Nhưng lịch sử của Kytô giáo cho thấy rõ ràng là mạc khải đó có thể là đối tượng của những lối chú giải khác nhau ra sao, và đến mức nào lối giải thích theo một chủ nghĩa chính thống mù quáng, hoặc chủ nghĩa pháp chế có thể tỏ ra hẹp hòi và ngột ngạt như thế nào. Các sách Tin mừng chỉ thật sự

trở nên sống động đối với những ai (nam và nữ), mà chúng đưa đẩy tới, được một kinh nghiệm cá nhân về Thiên Chúa là Cha của Đức Giêsu. Cho nên sự nguyện gẫm của những người mới bắt đầu, là một tác động qua lại không ngừng, và một sự thâm nhập lẫn nhau giữa kinh nghiệm riêng tư và mạc khải của Kinh Thánh (50), cái này soi sáng cho cái kia. Chính trong tác động qua lại và sự trao đổi ấy, mà chúng ta học khám phá Thiên Chúa đang làm việc trong cuộc đời của mình.

Cụ thể mà nói, điều đó có ý nghĩa gì ? Tôi giả thiết là kê ra hết những mặt của màu nhiệm Thiên Chúa mà chúng ta có thể khám phá được trong kinh nghiệm cá nhân là chuyện bất khả thi, nhưng một vài khám phá cơ bản thì hình như là nét đặc trưng của mọi đời sống cầu nguyện đích thực. Chẳng hạn kinh nghiệm cho thấy rằng Thiên Chúa rất chậm để ra tay hành động : Ngài luôn tỏ ra vô cùng kiên nhẫn với chúng ta và chính chúng ta cũng phải kiên nhẫn như vậy đối với Ngài và đối với cả bản thân mình nữa. Về mặt này, dụ ngôn cỏ lùng và lúa tốt hình như mô tả một cách thiết thực cách lối Ngài chăm sóc mảnh ruộng của mình. Ngài cũng có vẻ dễ tiếp nhận lòng biết ơn hơn là những lời tố giác ; dù sao nếu kinh nghiệm của tôi có thể được sử dụng làm kim chỉ nam, thì lòng biết ơn và sự tín nhiệm từ xa sẽ là những phương thế tốt nhất để gây “áp lực” và đánh động trái tim của Ngài. Và tôi có cảm tưởng là Ngài yêu thích lối

(50) Xem chương 6 trong *Sự cởi mở với Thiên Chúa*.

“dọa dẫm mà cả” đó, y như kiểu Ngài thích những ai có thể đến với Ngài, tự nhiên và bộc phát, “trần trụi” và không có mặt nạ trước mặt Ngài. Tất cả những điều ấy và những gì chúng ta có thể khám phá về Ngài, rờng rã suốt một cuộc đời phân định nhờ tình yêu, đúng ra chỉ là chân dung Cha của Đức Giêsu như đã được giới thiệu với chúng ta trong các sách Tin mừng. Vậy mà, biết bao nhiều người, thậm chí cả những người có khả năng trích đọc trích ngang Kinh Thánh, hình như đã có một hình ảnh về Thiên Chúa rất khác !

### *Những loại cỏ lùng khác nhau*

Làm thế nào mà Kinh Thánh lại khó diễn giải đến vậy và có thể đưa đẩy những người khác vẽ lên những hình ảnh về Thiên Chúa quá trái ngược và mâu thuẫn như thế ? Lẽ nào chúng ta chỉ nghe điều mình muốn nghe hoặc điều mình hy vọng được nghe, và sự cởi mở của chúng ta trước tính toàn bộ của mạc khải lại bị giới hạn đến thế, bởi những thành kiến cùng những lo sợ của chúng ta ? Theo tôi hình như là vậy. Điều đó có nghĩa là cùng với lúa đức tin, lại có nhiều loại cỏ lùng cũng đang mọc xen lẫn nữa trong trái tim mình, và vẫn đúng đối với người tông đồ quảng đại nhất, cùng những tâm hồn chuyên cần cầu nguyện. Nơi những người này, cỏ lùng của sự nhút nhát và của tính bối rối ngăn cản họ ném nháp lòng hiền từ và tính kiên nhẫn của vị mục tử



tốt lành. Nơi những người khác, thì lại là tính độc lập và cổ lũng của một năng lượng đã sai lầm bị biến thành sự hiểu động, khiến họ khó lòng chấp nhận và kinh qua sự phó thác cho “Thiên Chúa chí thánh, hùng mạnh và bất diệt” như phụng vụ của ngày thứ Sáu Tuần Thánh đã gợi nhắc. Bất luận loại cổ lũng nơi chúng ta là loại nào, nó đều có khả năng bóp nghẹt hạt lúa đức tin và những việc lành do Thiên Chúa gieo.

Tuy vậy, vẫn còn niềm hy vọng, thậm chí cả khi một phần lớn cổ lũng ấy lại có nguy cơ sống còn cho đến mùa gặt. Đối với những ai trung thành cầu nguyện và tìm cách lớn lên nhờ tình yêu sáng suốt, sự hiểu biết xuất phát từ kinh nghiệm mà chúng ta đã đề cập trên đây không chỉ là một sự hiểu biết về Thiên Chúa mà thôi đâu, chúng ta còn nhận ra được những loại cổ lũng khác nhau nữa mà trong chương 3 chúng ta đã gọi là “thế gian, xác thịt và ma quỷ”. Chúng ta không tài nào triệt thoái khỏi đời mình phần lớn chúng, trước ngày nhắm mắt xuôi tay được, nhưng chúng ta cần nhận ra chúng nhờ kinh nghiệm thì chúng ít có nguy cơ phá hoại mùa màng hơn, ít là khi chúng ta đem những hiểu biết của mình phục vụ tình yêu. Đúng ra, chúng cũng có thể đóng góp một cách tích cực cho việc tăng trưởng và chín mùi của hạt lúa, y như Xa-tan đã làm (hoàn toàn ngoài ý muốn của hắn), khi vô tình hắn đã đưa Gióp đến một sự thánh thiện thật lớn lao, và cũng thế đối với nhiều ký sinh trùng trong thiên nhiên.

Chúng ta cần biết những điều gì về cổ lũng để bắt nó phục vụ tốt những mục đích của chúng ta, chứ

không phải của nó ? Kinh Thánh (51) dạy chúng ta điều gì, và cả kinh nghiệm của chúng ta được phân định dưới ánh sáng của Kinh Thánh nữa, về thế gian, xác thịt và ma quỷ ? Tôi thiết nghĩ trước hết là “thế gian” có thể chỉ định cả một tổ hợp giá trị và thái độ của nền văn hóa - mà chúng ta hấp thụ cùng với dòng sữa mẹ. Môi trường ấy có thể mang tính Kytô giáo ít nhiều gì, nhưng không bao giờ một cách hoàn toàn và đích thực theo nghĩa của Tin mừng. Trong chú thích g về chương thứ nhất của Tin mừng Gioan, cuốn *Kinh Thánh Giêrusalem* ghi nhận rằng từ “thế gian” “khi thì chỉ vũ trụ hoặc trái đất, lúc thì nhân loại, nơi khác chỉ những con người nói chung đang từ chối đến với Thiên Chúa và toan truy nã Đức Kitô và môn đệ Ngài bằng hận thù”, với lời ghi chú kèm theo một vài đoạn, rằng Gioan sử dụng từ này với dụng ý xấu trên đây. Đôi khi Phaolô cũng dùng nó trong ý nghĩa đó (chẳng hạn như Gl 1,4 : “đời xấu xa hiện tại”) và cũng để chỉ thế giới vật chất không nhất thiết là xấu nhưng cần đến ơn cứu rỗi (Rm 8,19-22, Xem cuốn *Kinh Thánh Giêrusalem* ghi chú c). Cho nên người Kytô hữu không thể có một cái nhìn quá lãng mạn và giản đơn về thế giới này : thế giới không chỉ có xấu thôi không hơn không kém, nhưng nó không hoàn toàn tốt - ít là chừng

(51) Để có một bảng tóm lược tốt về học thuyết của Kinh Thánh, xin tra cứu những chú thích của cuốn *Kinh Thánh Giêrusalem* ; “bảng mục lục theo mẫu tự về những ghi chú quan trọng nhất” nằm ở cuối cuốn sách, cho phép tìm một cách nhanh chóng. Đặc biệt tra khảo những thông tin về các từ “thế gian”, “xác thịt” và “ma quỷ”.

nay, khi nói rằng con người Kytô hữu đây xác tín với tính đạo đức cao này, là một nhà chính trị tồi và không hiểu gì cả về việc điều hành chính quyền, thì là điều có vẻ như vô vị. Nhưng đối với chúng ta, thế nào là làm chính trị “giỏi” ? Thế nào là điều hành chính quyền gương mẫu ? Có thể nào vừa theo Đức Giêsu một cách tuyệt đối và hoàn toàn, lại vừa vận dụng quyền bính chính trị một cách thành công chăng ? Thật ra mình muốn trả lời là được thôi. Tuy nhiên nếu nhiều vị tổng thống bên Mỹ (cũng như trong các nước khác) đã từng đưa ra một lý tưởng và những tôn chỉ, thì rất ít vị đã tuyên bố một cách công khai rằng chính việc tìm Thánh Ý Thiên Chúa và theo Đức Kitô đã là ưu tư hướng dẫn những quyết định và hành động của họ.

Vậy mà Jimmy Carter đã từng làm. Người ta đã rất muốn nói rằng nếu ông đã không sáp nhập được sự lưỡng định trong đường lối chính trị của ông là do thất bại cá nhân hoặc những hạn chế của bản thân, và một Kytô hữu đích thực nếu có tài lãnh đạo về mặt chính trị thì sẽ có thể kết hợp được cả hai. Nhưng tôi không chắc như vậy đâu. Có lẽ Abraham Lincoln, trong số các vị tổng thống Mỹ, là người đã biết dung hòa tốt nhất nơi mình con người của Thiên Chúa và nhà chính trị, mặc dù chính thức mà nói, ông không thuộc về bất cứ một giáo hội nào cả. Những người đương thời của ông có coi đường lối chính trị của ông là một thành công không ? Ông đã thật sự được bầu lên nhưng giữa thời chiến, khi mà những lãnh tụ đương quyền ít khi bị loại trừ. Còn về phía ông, hình như Lincoln đã cảm nhận một cách sắc

nào nó chưa được quyền năng cứu rỗi của Đức Giêsu Kitô biến đổi, điều mà nó đang rên siết quặn quại hưởng tới (Rm 8,22).

Những giá trị của thế giới, mà chừng nào nó còn lệ thuộc tội lỗi và chưa được cứu chuộc thì 1Ga 2,16 nêu lên trong chi tiết như sau : “dục vọng của xác thịt, dục vọng của đôi mắt, và thói cậy mình có của”. Thậm chí cả lúc những giá trị của thế gian này không hoàn toàn độc hại chẳng nữa thì chúng cũng vẫn chưa được quy hướng hoàn toàn về Đức Kitô. Vậy mà vấn đề là chúng đang nằm trong không khí chúng ta hít thở, trong nền văn hoá và giáo dục gia đình. Phá thai đâu có gì là xấu ? Hoặc ăn ở với nhau mà chẳng có hôn thú cũng thế, miễn là chúng ta yêu nhau thật sự ? Tôi đã phải chẳng ưu tư đến mình trước hết đó sao : nói cho cùng mình không yêu mình, thì ai sẽ yêu mình ? Đó là những câu hỏi và còn nhiều câu khác nữa mà ngày nay thế giới nơi chúng ta đang sống toan đặt ra. Những ai trong chúng ta đang lớn lên trong một môi trường khác, với một bậc thang giá trị khác thì có lẽ đã thấy được tính cách rõ ràng là méo mó sai lệch của những lời khẳng định như thế đó. Nhưng đối với những ai chưa biết đến một thế giới khác thì thế nào ? Dù sao, chúng ta, “những thế hệ kỳ cựu” đàn anh, cũng đã từng ung dung chấp nhận nạn kỳ thị chủng tộc và những cấu trúc xã hội bất công mà ngày nay người ta kinh tởm. Cái phiền phức là ở chỗ, thường chúng ta không tài nào nhận ra cổ lũng của thế giới này.

Đôi khi tôi tự hỏi nhiệm kỳ tổng thống của Jimmy Carter đã chẳng phải là một sự minh họa đó sao ? Ngày

bén những nỗi thất vọng và thất bại của nhiệm kỳ tổng thống của mình : thời ông, không hơn gì thời của chúng ta, không dễ gì mà dung hòa được một đường lối lãnh đạo giỏi với những tôn chỉ đạo đức cao. Hẳn rằng ngày nay ông được tuyên dương, nhưng điều đó chứng tỏ một lần nữa rằng thường người nào có những xác tín tôn giáo, thì dễ dàng được truy phong sau khi đã khuất bóng hơn là được kính nể đang khi còn sống. Cả Đức Giêsu nữa, ngày nay chúng ta dễ dàng chấp nhận và tôn kính Ngài hơn, là vì thế giới của người biệt phái, nghĩa là thế giới của những giá trị trần thế, mà Ngài vạch mặt trong chính nền văn hóa của Ngài, thì thật sự chẳng phải là thế giới của chúng ta. Có lẽ chúng ta sẽ có những phản ứng rất khác nếu chúng ta đối mặt trực tiếp với Ngài và nếu Ngài bài bác những giá trị đặc biệt là những giá trị của chúng ta ngày nay.

Bây giờ chúng ta lại trở về với điểm mà chúng ta đã bắt đầu khảo sát : “thế gian” đang phá hoại công trình của Thần Khí trong cuộc đời của chúng ta là gì ? Đó chính là không khí văn hóa mà chúng ta đang hít thở, cả một hệ thống giá trị và thái độ không thánh thiện chút nào, nhưng được chúng ta chấp nhận mà không cần xem xét gì cả cho đến lúc tiếng nói của tinh thần tốt xuất hiện trong cuộc đời chúng ta và buộc chúng ta phải đặt lại vấn đề. Những giá trị ấy là thành phần của cỗ lũng sẽ sống dai dẳng cho đến mùa gặt. Một vài giá trị có thể bị bứt nhổ khỏi mảnh vườn riêng của chúng ta, nhưng thậm chí cả trong trường hợp này, mặc dù chúng không còn gây trở ngại cho hoạt động phân định của chúng ta, nhưng

chúng cứ sống mãi trong môi trường chưa từng được hoán cải là nơi chúng ta đang sinh sống. Lúc bấy giờ những giá trị đó hoặc những người đang duy trì chúng là một thôi thúc không ngừng để chúng ta củng cố lòng trung thành của mình với Thiên Chúa, và đồng thời là một phương tiện để thanh luyện lòng trung thành ấy.

Vô phước thay ! sự việc đâu có đơn giản như vậy : môi trường “thế gian” đó đâu chỉ ở ngoài chúng ta, cuộc xung đột giữa thiện và ác đâu phải là một câu chuyện đã kết thúc, một cuộc chiến giữa những người tốt kẻ xấu đang đến hồi thắng bại như trong các cuốn phim cổ điển, giữa những người chân bò và những tên da đỏ. “Thế giới” của những giá trị ngoài Kytô giáo chưa biết đến ơn cứu rỗi một cách nào đó vẫn còn sống sót, thậm chí cả *bên trong* những người tốt nhất giữa chúng ta. Có những loại cỗ lũng có vẻ bám chặt vào sự sống, thậm chí cả trên những mảnh đất tốt nhất đối với những hạt giống của Thiên Chúa. Tại sao ? Theo tôi, lý do là vì loại cỗ lũng thứ hai, theo Kinh Thánh, là “xác thối”, lại đâm rễ thâm căn cố đế ở đây. Thánh Gioan Thánh giá bảo rằng chỉ có đêm tối của tâm hồn, sự tinh luyện cuối cùng của các tâm hồn hoàn toàn hiến mình cho Chúa, sự tinh luyện sâu xa nhất, mới có khả năng bứt nhổ triệt để các gốc rễ của tội lỗi nơi chúng ta. Cả đêm thụ động của các giác quan nữa cũng chỉ cắt cỏ sát mặt đất mà không động tới gốc rễ. Thánh Phaolô, theo thiển ý của tôi cũng đã ám chỉ đến một kinh nghiệm tương tự trong Rm 7, khi thánh nhân nói đến hai thứ luật đang chi phối con người ông, như mỗi người chúng ta đều có thể kinh nghiệm :

luật “của lý trí” và luật của tội, của xác thịt, luật “nằm sẵn trong các chi thể của tôi” (Rm 7,23).

Luật sau cùng này nằm trong “những mối luyến ái... những tình cảm bất chính” mà các *Tập Linh thao* của thánh I-nha-xiô (§ 21) đề nghị giải thoát chúng ta. Đó chính là những “ham muốn” mà *Đêm tối* và *Đường lên núi Camêlô* của Gioan Thánh giá đề cập tới, những “ham muốn” đang giao chiến chống lại sự biến đổi của chúng ta trong Chúa và chỉ một mình Ngài mới có thể tước bỏ hoàn toàn khỏi cuộc đời chúng ta. “Xác thịt” này, theo nghĩa Kinh Thánh, là yếu tố thấp hèn nhất nơi mỗi con người, được phân biệt với “tinh thần” (pneuma), và thường đối nghịch với tinh thần. Xác thịt cũng có thể chỉ định một cách đơn giản yếu tố thân xác trong con người, nhưng thường nó đặc biệt chỉ định cái vùng của con người chúng ta, nơi mà tội lỗi và các đam mê đang hoành hành (52). Theo nghĩa sau cùng thì “xác thịt” được hoạt động của Thiên Chúa nơi chúng ta thanh luyện dần hồi và biến đổi.

Nhưng thêm một lần nữa, ở đời này, không bao giờ chúng ta được hoàn toàn tự do đối với tính kiêu căng và tính dâm dật nội tâm của chúng ta. Thậm chí cả những tâm hồn tốt nhất và quảng đại nhất đều phải làm

(52) Để có một bảng tóm lược về ý nghĩa của từ “xác thịt” trong Phaolô và những đoạn mà từ này được liên kết với ý niệm “tội lỗi”, hãy tra cứu trong cuốn *Kinh Thánh Giêrusalem* các ghi chú 1g và 7d của thư gửi Roma.

quen với những tàn tích của lòng tự ái hỗn độn, là gốc rễ cuối cùng nơi mà mọi thứ cỏ dại khác đến lai tạp vào để mọc lên giữa lúa tốt : chẳng hạn như những lỗi phạm vô tình dai dẳng tái đi tái lại nơi chúng ta, thậm chí cả khi dòng nước cầu nguyện chảy thật dồi dào nữa (53), sự hiện diện của các lỗi ấy cũng không có nghĩa là lời cầu nguyện của chúng ta kém thành tâm hoặc vô bổ. Thật vậy, thường đời sống thiêng liêng của chúng ta dễ bị ngờ vực, nếu mình không ghi nhận được một sự tiến bộ nào trong việc kìm hãm các yếu đuối vô tình và theo bản năng ấy. Thế mà sự tiến bộ đó thật chậm chạp dễ gây nản chí, chính vì Thiên Chúa biết rằng cỗ lòng ấy là *cần thiết* để dạy cho chúng ta sự khiêm nhường thật. Như đã được trình bày trong chương này, nếu chúng ta có thể sửa chữa hết những khuyết điểm ấy, thì chúng ta dễ dàng có nguy cơ quên rằng mình hoàn toàn lệ thuộc vào Thiên Chúa và ân sủng của Ngài. Cho nên cỗ lòng của bản năng , xác thịt nơi chúng ta đóng một vai trò quan trọng cho sự tăng trưởng của lúa tốt nơi chúng ta là sự khiêm nhường và lòng tín nhiệm. Còn xác thịt nơi tha nhân, ví dụ như lòng ganh tị hoặc sự ngờ vực của họ, thì đóng một vai trò quan trọng trong việc nên thánh của chúng ta : nhân vì các trở ngại đó, chúng ta khám phá ra rằng cuối cùng mình chỉ có thể được chính lòng tốt của Thiên Chúa chấp nhận và thông cảm hoàn toàn, không một người nào có thể hiểu biết chúng ta hoàn toàn và làm cho chúng ta vững tin vào chính những chiều sâu

(53) Xem chương 2 của *Khi giếng đã khô cạn*.

của con người chúng ta. Do đó chúng ta thấy rằng cổ lung-xác thịt cũng như cổ lung-thế gian đều có ích cho chúng ta. Còn loại cổ lung thứ ba là “ma quỷ” thì phải nói gì đây ? Trong Kinh Thánh, chính “hắn” gây nên những hỗn độn của xác thịt và của thế gian, là thần ác xấu đã gieo cổ lung và làm cho nó lớn lên trong thửa ruộng của chúng ta. Như thánh Phaolô đã nói ở cuối thư gửi Ê-phê-xô :

*“Hãy mang toàn bộ binh giáp vũ khí của Thiên Chúa, để có thể đứng vững trước những mưu chước của ma quỷ. Vì chúng ta chiến đấu không phải với phàm nhân, nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần linh quái ác chốn trời cao” (Ep 6,11-12).*

Trong thư thứ hai Cô-rin-tô (2 Cr 4,4), Phaolô gọi ma quỷ là “tên ác thần của đời này”, đã làm cho tâm trí của những người không tin ra mù quáng trước ánh sáng của Tin mừng Đức Kitô. Xa hơn một chút (2 Cr 12,7), “cái dằm đâm vào thịt” nổi tiếng được Phaolô đồng hoá với một “thủ hạ của Xa-tan”.

Đối với mạc khải của Tân Ước, những hoạ nạn trên thế giới và những tai ác nơi xác thịt được liên kết chặt chẽ với hoạt động của ma quỷ trong cuộc đời chúng ta. Trong Tin mừng, thêm vào đó, ma quỷ còn được giới thiệu như là nguyên nhân của hiện tượng quỷ ám (Mt 8,29 và tt ; 12,43-45), nó tìm cách tiết lộ trước thời hạn bí mật messia vụ của Đức Giêsu (Mc 1,34). Nó gợi cho Giuđa ý tưởng phản bội Đức Giêsu (Ga 13,2),

và thậm chí nó còn bắt chước Đức Giêsu cũng như Thần Khí Ngài mà làm phép lạ hồng mê hoặc những tín hữu (Kh 13,13-15) (54). Tất một lời, nó là “cha sự gian dối” mà Đức Giêsu đã đề cập đến trong Ga 8,44. Không những nó có thể hành động qua những phương tiện tự nhiên của thế gian và xác thịt, mà còn cả trên tinh thần và trái tim con người một cách trực tiếp nữa, dù cũng chỉ qua trung gian của các giác quan như thánh Gioan Thánh giá đã nói rõ. Cho nên, niềm an ủi có nguyên nhân khả giác, như chúng ta đã thấy ở chương 7, không thể tức khắc được coi như là từ Thiên Chúa mà đến được. Các phép lạ, thị kiến, những bí mật của Thiên Chúa, tất cả đều có thể bị ma quỷ sử dụng để phục vụ cho mục tiêu của hắn.

Ý niệm rằng ma quỷ có thể mê hoặc cả những tâm hồn sôi sảng bằng những phương tiện “đạo đức”, thì thật là đáng sợ. Tuy nhiên, chính những mê hoặc này, cũng mưu cầu ích lợi cho những ai yêu mến Thiên Chúa thật sự. Có lẽ đó là điểm lạ lùng nhất trong cuốn sách hết sức tuyệt vời của Gióp : như đã nói, những mưu toan của Xa-tan để phá đổ Gióp cuối cùng chỉ đưa đến kết quả phản tác dụng là giúp Gióp nên thánh. Đêm tối mà Gióp trải qua đã thanh luyện tình yêu và đào sâu lòng tín nhiệm của ông. Vào cuối cuộc thử thách, khi Giavê trở lại và đổ ánh sáng trên kinh nghiệm nóng bỏng mà Gióp

(54) Để giúp nghiên cứu chi tiết về cách Tân Ước hiểu vai trò của Xa-tan trong đời sống Kitô giáo, xin tra cứu trong cuốn *Kinh Thánh Giêrusalem các ghi chú về Mt 4,1n ; Lc 4,5f ; Ga 13,2f ; 1P 5,8l ; Kh 12,3a.*

vừa trải qua, ông này đã có thể thưa với Chúa : “[Kẻ nào đã làm mờ tối kẻ đờ (Ta) bằng những lời không hiểu biết ?] Vâng, tôi đã nói năng mà không hiểu về những kỳ công vượt sức tôi và tôi chẳng biết... Tôi biết Người, qua nghe nói nhưng bây giờ mắt tôi đã thấy Người” (G 42,3-5).

### *Kết luận*

Cho nên, thậm chí cả cỗ lòng mà chúng ta gọi là ma quỷ cũng có ích lợi trong thừa ruộng của Thiên Chúa. Ngược lại với những chủ ý của hấn, cùng với thế gian và xác thịt được giao quyền thi hành công việc của hấn, ma quỷ có thể trở nên dụng cụ mài bén để đũa những người được Thiên Chúa yêu và dẫn họ nên thánh. Đối với những người này, đã được mời gọi theo những kế hoạch của Thiên Chúa, mọi sự đều góp phần sinh ích cho họ. “Cho dù là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào... Không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa được thể hiện nơi Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta” (Rm 8,28,38-39). Thật vậy, mọi sự đều sinh ích nhưng không phải một cách máy móc tự động đâu : thế gian, xác thịt và ma quỷ đều nhắm một mục tiêu hoàn toàn khác ! Cỗ lòng có thể bóp nghẹt và phá huỷ mùa màng. Nhưng đối với những ai đã sống cuộc đời mình dưới ánh sáng của một tình yêu sáng suốt, đã

biết đề cao cảnh giác và nhạy bén trước những nguy hiểm cũng như trước tính vụ lợi, sự hiện diện cùng thách đố mà cỗ lòng buộc mình phải lưu ý, là sự bảo đảm cho một mùa màng dồi dào hơn.

### *Bài thực tập*

Ở đâu chương, chúng ta đã nói rằng ma quỷ với tư cách là nhà chiến lược đại tài, thử thách biện pháp phòng vệ của chúng ta và tấn công vào những điểm yếu. Trong các loại cỗ lòng mà chúng ta đã đề cập đến, theo bạn xét, đâu là loại cỗ có ảnh hưởng lớn hiện nay trên thế giới ? Và đâu là loại hữu hiệu nhất để yểm trợ cho những mũi tấn công nó chĩa vào cá nhân bạn ?

## 9

## Lúa tốt sinh hoa kết quả

*Tình yêu sáng suốt*

Mới đây tôi đã có cơ hội gặp một người thật duyên dáng, và tôi giữ liên lạc thư từ với người ấy mấy tháng nay. Chị ấy tên là Joan Sherry, thường trú ở đảo Wight (tại đồn tiền tiêu này của nước Anh, chị là người duy nhất mà tôi quen !). Khi chị gửi bức thư đầu tiên cho tôi ở Philippines, chị giải thích sự việc ấy như sau : “Đầu tháng mười, con đã sống qua tại Rôma một tuần lễ kỳ diệu ở nhà Mẹ của các nữ tu Cứu thế, bên cạnh một nữ tu, là con đỡ đầu của con. Ngày lên đường về nhà, con viếng Đền thờ Thánh Phêrô lần cuối, rồi đến hiệu sách bên cạnh mua vài thứ lặt vặt ở gian hàng tranh in và đồ mỹ nghệ. Cửa hàng “Ancora” này khá rộng lớn, và khi đi ngang quầy “sách bằng tiếng Anh”, con lại đi vòng gian hàng, bỏ qua các cuốn sách được trưng bày nơi các kệ bên trên tường, lật hai cuốn sách dày lên ở một chiếc bàn giữa để lấy cuốn *Khi giếng đã khô cạn*, rồi con đến trả tiền ngay, đồng thời tự hỏi tại sao mình lại đi thẳng đến với cuốn sách ấy ? Trở về Anh, sau buổi kinh sáng, con đem sách ra đọc. Khi thấy ghi ngày ở cuối phần dẫn

nhập, “Ngày 19 tháng 3 năm 1979, lễ thánh Giuse”, thì tự nhiên con có ý tưởng rằng, trong hiệu sách, ai đó đã hích tay con ! (đi đến với cuốn sách này)”.

Ngày 19 tháng 3 năm 1979 là ngày tôi viết dẫn nhập cho cuốn *Mạch suối*. Thánh Giuse đã đóng một vai trò quan trọng trong đời tôi, từ ngày tôi sinh ra vào ngày lễ của Ngài, cho đến nền giáo dục tôi nhận được ở trường các nữ tu Thánh Giuse, rồi đến việc bổ nhiệm tôi về Chung viện Thánh Giuse (San José) ở Manille, nơi tôi đã sống qua mười bốn năm sau (tôi chưa được ở đâu lâu như vậy). Hơn thế nữa, tôi đã tìm thấy nơi thánh Giuse một người cha và một người bạn ; thánh nhân là hiện thân của tất cả các đức tính mà tôi muốn có. Tôi nghĩ mình đã hiểu được tại sao Đức Giêsu, trong cuộc đời tại thế, đã nhận Giuse là cha, và đã coi cách xưng hô đó là cách xưng hô lý tưởng có thể dành cho Thiên Chúa mà Ngài đến mạc khải.

Còn Joan Sherry, chị đã giải thích cho tôi như sau trong bức thư đầu tiên tại sao ngày 19 tháng 3 năm 1979 được tôi đề, lại có ý nghĩa đặc biệt đối với chị như thế : “Peter và con đã thành hôn ngày 19 tháng 3 năm 1951, và một cách tự nhiên chúng con đã luôn coi thánh Giuse như là quan thầy và người che chở cuộc hôn phối và gia đình của chúng con. Một việc rất đặc biệt đã diễn ra cho con vào đêm 19 tháng 3 năm 1979, đưa đẩy con viết cuốn sách nhỏ được đính kèm ở đây. Con rất tha thiết mong cha đánh giá nội dung”. Cho nên, tôi đọc cuốn sách bé nhỏ được “gửi kèm” và tôi thấy nó thật thú vị, được viết rất hay và thật sự cảm động. Sách mang tựa đề

*Điều vũ cho Chú Sam*, không ám chỉ đến nước Mỹ (\*) mà đến thời thơ ấu của Peter Sherry, khi bố của Peter tập cho năm đứa con trai và bốn đứa con gái của ông nhảy múa và nhào lộn, tất cả đã nối gót ông để diễn xuất trên sân khấu hoặc đóng kịch vui. Khi Dan, người bố của họ, yêu cầu Peter và Sam biểu diễn trước mắt bố mẹ và bạn bè của chúng, ông đã nói với hai anh em : “Nếu các con nhảy múa cho Chú Sam, thì có lẽ ông ấy sẽ thưởng một ngàn bảng Anh !” (55)

Chú Sam đã chẳng bao giờ bỏ ra một ngàn bảng Anh, nhưng Peter Sherry thì trở thành diễn viên sân khấu ở Anh, năm 1947 đã gặp một diễn viên hài kịch và ca sĩ là Joan và đã cưới cô làm vợ ngày 19 tháng 3 năm 1951. Điều không may cho họ là họ trở thành diễn viên vào lúc mà sân khấu bị truyền hình đánh gục ; cho nên vào năm 1956 cả hai đã lui về sống ở đảo Wight bằng cách mở ra một nhà nghỉ đón khách bao gồm cả một bãi cho xe moóc cắm trại. Họ đã sống qua ở đó những ngày tháng hạnh phúc, tình tứ, cho đến năm 1967 là năm Peter bị xuất huyết não, làm cho anh ấy bị liệt nửa người. Những năm tiếp theo đối với cả hai là những năm khó khăn, một thời gian thanh luyện, “một thời đen tối trên quảng trường” mà với ơn Chúa đã củng cố và đào

(\*) *Chú Sam (uncle Sam)*, một lối nhân cách hoá nước Mỹ (Hoa kỳ) mang giọng điệu mỉa mai, được ráp với những chữ cái của *United States of America = Un S Am* (Chú thích của dịch giả).

(55) *Cuốn sách của Joan Sherry có thể tìm thấy ở Conroy Books, Wilkes Road, Sandown, Isle of Wight, PO36 8EZ, nước Anh.*

sâu tình yêu của họ đối với Thiên Chúa cũng như tình yêu vợ chồng. Năm 1979, trong khi họ đang nghỉ hè ở Canaries thì Peter đã chết một cách đột ngột do nghẽn mạch ở phổi. Hôm đó là mùng 5 tháng 3, ít lâu trước ngày đề tựa cuốn *Mạch suối*, điều đã khiến Joan Sherry viết thư cho tôi.

*Kinh nghiệm, tác dụng kéo dài  
và tính thường trực của tình yêu sáng suốt*

Do phải tiến hành các thủ tục cần thiết để đưa xác từ nước ngoài về nên Peter Sherry đã không được chôn cất trước ngày 15 tháng 3 ở đảo Wight. Ba ngày sau, hôm trước lần kỷ niệm thứ hai mươi tám ngày hôn phối của họ và là ngày lễ thánh Giuse, được chính Joan kể lại với chúng ta ở trang 72 : “Tôi leo lên giường ngủ như thường lệ, và đang rất buồn, cũng là điều tự nhiên, tôi cảm thấy nước mắt trào lên mi, ở vào thời điểm này thì cũng là chuyện bình thường. Tuy vậy, giấc ngủ của tôi không hề bị khuấy động... Tôi không phải là người hay mơ, hiếm hoạ lắm tôi mới mơ, và thường thì chỉ mơ khi ăn tối quá trễ hoặc quá nhiều.” Vậy mà đêm hôm đó chị trải qua một kinh nghiệm hoàn toàn bất thường : “Thậm chí tôi còn không thể nói rằng đây là một giấc mơ mà thôi nữa, vì khi điếm lại từng nét một, tôi thấy nó chẳng giống tí nào với những giấc mơ tôi đã có từ trước tới nay. Tôi nhớ rõ từng chi tiết một.”



Chính kinh nghiệm bất thường này khiến Joan viết cuốn *Điều vũ cho Chú Sam* vào tờ mờ những giờ đầu sáng ngày 19 tháng 3 năm 1979 - và sau đó chấp bút viết thư cho tôi. Cuối cùng chúng tôi đã gặp nhau ở Dublin mà sau đó tôi đã xin phép đề cập đến ở đây điều gì đã xảy ra cho chị ấy, vì rất nhiều nhận xét được chúng ta nêu lên về việc phân định niềm an ủi mà hình như ý kiến của tôi đã được minh họa một cách tuyệt vời trong mẩu chuyện được kể lại. Hơn nữa, nó cũng giúp chúng ta đặt lại những kinh nghiệm ấy trong bối cảnh của cả một cuộc đời đang thường xuyên hướng về một tình yêu sáng suốt.

Trước hết, Joan mô tả kinh nghiệm của mình như sau (trang 73) :

*“Mắt tôi quay nhìn về phía một cụm cây to cao : tôi không thể nói đó là loại cây gì vì không trông thấy ngọn mà cũng chẳng thấy lá, nhưng chỉ nhìn thấy những thân cây to lớn, nhẵn nhụi như thân cây sồi, và bên kia cụm cây, qua các khe, tôi trông thấy một đồng cỏ lớn xanh tươi. Có một đám người đông đúc, tất cả đều đi về cùng một hướng, từ trái sang phải, đằng sau các thân cây, rồi họ đi khuất khỏi tầm nhìn của tôi. Sau một lúc, đám người thưa thớt dần, rồi tụm thành những nhóm nhỏ, hai ba người, và cuối cùng tôi trông thấy Peter, một mình.*

*“Thoạt đầu tôi bị kích động mạnh mà trong tình huống lúc bấy giờ thì cũng chẳng có gì là lạ lùng cả. Gặp lại Peter chỉ có thể làm dấy lên nơi tôi những tình cảm cực mạnh. Nhưng về sự kích thích này, tôi cũng*

*chỉ nói được là tôi không tài nào so sánh nó với bất cứ cảm giác nào đã được nghiệm thấy từ trước đến nay trong đời tôi.*

*“Tôi cảm thấy một lực đẩy bản tôi tới đằng trước, mà cách mô tả đúng nhất có thể là một làn sóng điện khổng lồ giạt nẩy tôi, và rồi tôi gọi tên anh ấy, hỏi : “Anh ở đâu ?” Khi tôi đến gần, anh quay lại, mặt đối mặt, nhìn thẳng vào mắt tôi, hai tay đưa về phía tôi và nắm chặt đôi tay tôi trong hai tay của anh.*

*“Tôi không thể nói đó có phải là Peter của thời trước khi chết, hoặc lúc trẻ hơn, cũng chẳng có thể nhớ anh bận áo quần gì, mặc dù sau đó tôi hết sức cố gắng để hồi tưởng lại. Nói một cách khác, tôi nghĩ rằng tôi đã không nhận ra anh theo kiểu cách đã nhận ra nhau tại thế. Tôi đã nhận ra nhân cách và con người của anh ấy nói chung mà thôi chứ chẳng phải những chi tiết nhỏ nhặt đâu.*

*“Khi tôi hỏi anh ở đâu, anh nhìn tôi một cách nghiêm nghị và chỉ nói năm từ : “Anh ở trong ánh sáng”. Và mọi sự đều biến mất.”*

Đó là kinh nghiệm đã đóng dấu ấn cuối cùng cho tình yêu của Joan Sherry đối với Peter, mà, một cách nào đó, đã thay đổi cuộc đời của chị. Rằng đây là một niềm an ủi, thì đã là rõ ràng khi chị này thêm : “Khi thức dậy sáng hôm sau, tâm trí con còn bị ám ảnh bởi kinh nghiệm vừa trải qua : con cảm thấy một thứ hỗn hợp niềm vui, sự kinh ngạc, và biết ơn, vì con hiểu ngay rằng con đã nhận được một phúc lành rất lớn. Ngày hôm sau, 19 tháng 3, trong thánh lễ cầu cho Peter, chị ấy nhận ra

“mình đang tham dự thật chặt chẽ với lễ hy sinh đang được tiến dâng cho tất cả mọi người chúng ta”. Đức tin, đức cậy, đức mến rõ ràng nơi chị đã có thêm chiều sâu nhờ kinh nghiệm ấy ; đặc biệt, tâm tình sâu sắc nhất nơi chị hình như là một tâm tình biết ơn đối với Thiên Chúa, Đấng đã đoái thương giở tấm màn che cái chết, đủ để bảo đảm với chị rằng Peter “đang ở trong Ánh sáng”.

Niềm an ủi của chị Joan có một nguyên nhân khả giác hay không ? Điều này có thể gây ngạc nhiên, nhưng tôi cảm thấy khó lòng khẳng định một cách chắc chắn được. Có thể nói là giấc mơ đã là một nguyên nhân đi trước, xuất phát từ cảm giác. Tuy vậy những chi tiết chị cho biết khi nhận ra “nhân cách và con người của anh ấy nói chung, chứ chẳng phải những chi tiết nhỏ nhặt”, làm cho chúng ta nghĩ rằng ở đây có một cái gì rất khác với những gì chúng ta thường kinh nghiệm qua các giác quan hoặc trong những giấc mơ của chúng ta. Nhưng bất chấp điều không chắc ấy, tôi có thể khẳng định rằng niềm an ủi ấy thật sự từ Thiên Chúa mà đến. Có nguyên nhân hay không, những hoa trái tức khắc của kinh nghiệm hình như đều cho thấy là chính tinh thần tốt đang hoạt động vậy.

Tuy nhiên, cũng như nhiều kinh nghiệm tôn giáo quan trọng của chúng ta, kinh nghiệm của Joan Sherry không chỉ sinh hoa kết quả tức khắc mà thôi, nhưng còn về lâu về dài nữa. Kinh nghiệm tự nó, hình như, không đặc biệt như thoát đầu tôi đã nghĩ : ít là đã có hai phụ nữ sau khi đã đọc *Điều vĩ của Chú Sam* đã đến tâm sự với tôi rằng họ cũng đã có những giấc mơ tương tự sau cái

chết của người chồng thân yêu. Điều đặc biệt trong trường hợp của Joan là sau đó chị đã muốn chia sẻ kinh nghiệm ấy cho những người khác, và đã có tài viết lên với tất cả sự thuyết phục rất cảm động. Vậy mà cảm hứng viết ra kinh nghiệm ấy đã không đến với chị lúc giấc mơ diễn ra và vào những giờ phút an ủi sau đó cũng không. Đúng hơn, đó là hoa trái của một tư duy dài về ý nghĩa của biến cố ấy và những lý do tại sao Thiên Chúa lại cho chị sống qua kinh nghiệm đó. Như chị đã thổ lộ : “Dĩ nhiên chỉ bằng cách nhìn lại quá khứ mà mình thấy được sự việc trong tổng quát, và tôi đã bắt gặp bản thân tôi đang suy nghĩ sâu xa về ý nghĩa của điều đã xảy đến cho tôi” (trang 75). Khi buông mình trôi theo những suy nghĩ ấy, chị thấy rằng kinh nghiệm về tình yêu của Thiên Chúa, niềm cậy trông đầy tín nhiệm chị cảm thấy trong lúc chịu tang, không thể được ban cho một mình chị mà thôi và do đó rằng Thiên Chúa đã muốn chị ra một cuốn sách để truyền đến những ai cũng đang nếm trải sự phiền muộn ấy, chính niềm hy vọng cùng sức mạnh. Đó chính là sự đáp trả lại câu hỏi của tác giả Thánh vịnh : “Tôi lấy chi đền đáp tình Ngài ?” (Tv 116,12).

Điều tôi muốn nói là cảm hứng cầm bút nơi Joan không thuộc về niềm an ủi thật sự. Có thể nghĩ như thế này : rất có thể là trong “giấc mơ” của mình, chị ấy có cảm tưởng mạnh rằng Thiên Chúa (hoặc Peter) đã nói với chị : “Em hãy tường thuật lại để những người khác cũng được bổ sức trong tang chế của họ”. Nhưng sự việc đã chẳng diễn ra như vậy. Một cách nào đó, cảm hứng

viết ra cuốn sách đã đến với chị trong ánh sáng còn lưu lại sau kinh nghiệm, trong khi mà những khả năng cùng cảm giác của bản thân đang bị đánh thức để khám phá ra ý nghĩa của điều đã xảy đến. Trong những điều kiện ấy, như đã nói ở chương 7, chúng ta không thể, một cách máy móc, phán quyết rằng tiếng gọi viết sách là cũng từ Thiên Chúa mà đến, thậm chí cả bằng cách giả thiết rằng niềm an ủi là đích thực và được tinh thần tốt làm nảy sinh. Phải khảo sát tiếng gọi ấy bằng cách tiến hành như chúng ta đã giải thích, xem xét “phần đầu, phần giữa và phần cuối” của biến cố, để xem coi các phần đều có tốt hết không, và bằng cách phó mặc cho Thiên Chúa trong lời cầu nguyện như Joan Sherry hình như đã làm, ý tưởng chia sẻ kinh nghiệm ấy bằng giấy trắng mực đen. Khi làm như vậy, niềm an ủi và sự bình an đã cảm nhận được, đồng thời việc lệ thuộc dự án cho sự phê phán của một vị linh hướng tốt, sẽ cho phép xác định rằng cuốn sách được dự kiến là phù hợp với Thánh Ý Thiên Chúa.

Nhưng câu chuyện của Joan Sherry lại còn một khía cạnh đáng chú ý nữa. Phụ đề chương này của chúng ta là : “*Kinh nghiệm, tác dụng kéo dài, và tính thường trực của tình yêu sáng suốt*”. Trong trường hợp của Joan, chúng ta đã khảo sát kinh nghiệm, kể đến là tác dụng của niềm an ủi, nhưng chưa đề cập đến tính sáng suốt đã trở nên “thường trực”. Nói như vậy nghĩa là thế nào ? Chúng ta đã thấy ở chương ba, về việc mẹ tôi chọn các chiếc cà-vạt, rằng tình yêu càng lớn lên bên trong một tương quan, thì người đang yêu trở thành thường trực

nhảy bện với điều làm đẹp lòng người họ yêu. Joe và Letty, cũng như Ed và Maria, do họ còn trẻ và thiếu kinh nghiệm, nên cần sự giúp đỡ của một người “phi công đồng sự” để có được sự hiểu biết ấy. Và lại, như chúng ta đã ghi nhận, một sự linh hướng mang hoa kết quả thì phải đưa người được linh hướng trở nên dễ tiếp thu và nhạy bén hơn với những ước muốn của Thiên Chúa ; nó không chỉ nhắm một cách đơn giản tìm ra giải pháp cho vấn đề tức khắc mà thôi, mà còn có được, hiểu được điều gì đẹp lòng Thiên Chúa trong những tình huống rồi sẽ diễn ra sau đó, khi mà một lần nữa họ phải tiến hành phân định. Sự nhạy bén đó, sự phản ứng ấy “gần như một bản năng”, là một yếu tố quan trọng của tình yêu sáng suốt.

Joan Sherry, người đã chỉ gia nhập Giáo Hội Công giáo sau cuộc hôn nhân năm 1951, đã viết lại (mà không ý thức) làm sao thói quen ấy đã phát triển nơi mình. Tính nhạy bén ấy với Thiên Chúa càng phát triển hơn khi bản thân chị càng trở nên dễ cảm thụ hơn với Peter của chị - và tiến trình ấy thường diễn ra giống nhau nơi mọi con người. Câu chuyện của chị ấy cho thấy rõ ràng từ từ và qua mọi vui buồn, tinh thần cùng trái tim của chị, chỉ còn là một với tinh thần và trái tim của Peter. Chị đọc được những tình cảm và những ước muốn của Peter, thậm chí cả trong những năm cuối cùng với nhiều khó khăn, lúc mà do bệnh tật của mình, Peter không luôn luôn “hoàn toàn là mình”. Đành rằng không phải lúc nào cũng dễ dàng và chị không nhờ trực giác mà đoán ra được hết mọi sự, vì có những lúc thật không

để biết và hiểu được điều gì đã diễn ra ; vào những lúc đó chị buộc phải tiến hành một “sự phân định mô thức” với tất cả tính nhập nhằng mà nó giả thiết. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, do bấy nhiêu năm yêu thương giữa họ, sự phân định trở nên thường xuyên mang tính trực giác, và “bản năng” tính.

Vậy mà cùng một lúc, và đây là điểm tuyệt vời trong câu chuyện của Joan, nơi chị cũng đồng bộ phát triển một sự nhạy bén thường trực về những ước muốn của Thiên Chúa, một khả năng phân định nhờ tình yêu của chị đối với *Thiên Chúa*. Những trang cuối cùng trong đó chị suy nghĩ dưới ánh sáng mà giấc mơ đã đổ trên toàn bộ cuộc đời đã qua của mình, cho thấy rõ là chị ấy đã tiến khá xa trong sự hiểu biết về Thiên Chúa. Dĩ nhiên, cuộc hành trình này không bao giờ kết thúc, thậm chí cả trong đời sống vĩnh cửu nữa, tôi thiết nghĩ rằng, không bao giờ chúng ta sẽ ngừng “bắt đầu” học biết về Thiên Chúa cả. Tuy vậy, Joan đã vượt một chặng đường dài từ cuộc đời diễn viên sân khấu năm 1950 và khai tâm giáo lý với một linh mục ở Glasgow : mặt khác rõ ràng là đối với cô Joan Sherry của năm 1981, tình yêu kết hợp cô với Peter chỉ là một phương tiện, có lẽ phương tiện quý hóa nhất, để đạt tới một cuộc sống kết hiệp với Thiên Chúa của mình trong sự sáng suốt của tình yêu.

Khi tôi gặp Joan tại Dublin, cảm tưởng đầu tiên của tôi về chị, đã được xác định : ấn tượng chị để lại cho tôi là chị rất an bình với mọi người, với chính mình và với Thiên Chúa. Chúng tôi chưa gặp nhau bao giờ,

nhưng nhờ vào một bữa cơm tối do các nữ tu Cluny chuẩn bị, rất nhanh chóng tôi nói chuyện với nhau như những người bạn cũ, về cuốn sách chị ấy viết, về Peter, và bằng cách tự hỏi không biết Thiên Chúa còn dành cho chị điều gì nữa trong tương lai. Vào cuối bữa trưa, trước khi đưa chị ra phi trường để đáp máy bay trở về Londres, tôi xin chị hát cho chúng tôi, các nữ tu và tôi, nghe một bài : một trong những bài chị hát là “Nếu một bức vẽ có thể thay thế ngàn lời nói, thế thì tại sao tôi không thể vẽ chân dung của anh ?”, đã đóng một vai trò đặc biệt trong bản tường thuật về những giờ phút sau cùng của Peter. Trong lúc chị trình diễn, rất dễ thấy làm sao quá khứ của chị được sáp nhập một cách hài hoà : đời chị đã có được sự nhất quán, niềm vui nỗi buồn, điều tốt xấu, tất cả đều ở đúng chỗ.

Cảm tưởng về một sự bình an hoàn toàn cũng là một yếu tố quan trọng, theo tôi, trong sự phân định thường xuyên đã được chúng ta nói tới : chúng ta càng học biết Thiên Chúa theo nghĩa của Kinh Thánh bao nhiêu, thì chúng ta càng thấy phát triển bấy nhiêu nơi bản thân mình, không những ý thức mang tính trực giác về điều Thiên Chúa muốn trong một hoàn cảnh nhất định, mà còn cảm thấy một tâm tình chung chung dễ chịu, một sự đồng tình an bình với mọi biến cố nói chung xảy ra trong cuộc đời mình. Những vùng tối, vùng sáng đều là những nét bút quan trọng của cùng một bức tranh hoành tráng duy nhất. Cuộc đời của chúng ta đâu “chỉ là một chuỗi những biến cố hỗn tạp chấp vá, nhưng là một thể thống nhất”.

Tôi nhớ mình cũng đã cảm thấy ngạc nhiên một cách thú vị khi gặp Mẹ Têrêxa thành Calcutta và gặp thấy cũng một sự hài hoà nội tâm ấy, là việc kết tinh của tính đơn sơ, niềm vui và sự bình an - “ngạc nhiên”, vì tôi luôn cảm thấy hết sức nguy hiểm khi phong thánh một người đang còn sống. Rất may cho Mẹ và điều gần như chuyện lạ, là Mẹ Têrêxa có vẻ như không biết gì về sự ồn ào quá đáng mà báo chí đã gây nên chung quanh Mẹ. Tôi đoán chắc là Mẹ đã phải biết quá đi chứ, nhưng có lẽ, cả Mẹ nữa, cũng đã tìm thấy được trung tâm điểm của mình và dư biết rằng đến mức nào sự xu nịnh hay thay đổi của thế gian là một điều không mấy quan trọng. Việc tiến hành phân định thường xuyên đòi phải có sự hài hoà tổng quát mà đến lượt nó cũng cần phải có sự đơn giản hoá của con người. Như thánh I-nhà-xiô đã nói, trước hết con người được dựng nên để tán tụng Thiên Chúa và cứu rỗi linh hồn mình, tất cả còn lại tại thế chỉ là một phương tiện để đạt được cứu cánh ấy. Hoặc để nói theo kiểu Têrêxa thành Avila : “Người đời như bóng phù du”, tất cả rồi sẽ qua đi. Chỉ còn lại một mình Thiên Chúa.

### *Sự bình an và những tình cảm của chúng ta*

Chúng ta đã mô tả hai mặt của sự sáng suốt trong tư thế là một khả năng quen thuộc, hoa trái quý nhất của một đời sống phân định : trước hết là một ý thức mang tính bản năng về điều đẹp lòng Thiên Chúa trong những

hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống ; sau đó là một sự hài hoà toàn bộ, một sự đơn giản hoá của chính con người, một cuộc sống tập trung nơi “điều duy nhất cần thiết”. Tuy vậy cần ghi nhận rằng điều đó không có nghĩa là những vấn đề, những hoài nghi và những lúc đen tối đã biến mất cả đâu. Chừng nào chúng ta còn sống trong chế độ đức tin và chưa được củng cố trong ân sủng, tinh thần xấu (ma quỷ) luôn rình chực, tìm cách thử thách chúng ta và đặt lại vấn đề về trực chính của cuộc đời chúng ta. Thánh Têrêxa và thánh I-nhà-xiô khi khẳng định đã đặt lòng tin tưởng của họ nơi Thiên Chúa, nền tảng của đời mình, thì chỉ đơn giản để vọng lại tiếng nói của Phaolô khi thánh nhân tuyên bố : “Chúng ta biết rằng : Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Người”... rằng “không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta” (Rm 8,28.39). Nhưng phải đặt lời khẳng định đầy hân hoan ấy trong bối cảnh của nó, nghĩa là trong chương 7, cuộc tranh luận đầy âu lo về hai “luật” mà Phaolô thấy đang chạm trán nơi bản thân mình : ông thấy điều thiện mà ông thành tâm ao ước, vậy mà ông nhận thấy rằng có nhiều lúc ông làm điều mình không muốn do xác thịt ông bị một “luật” khác khống chế.

Trong Rm 8, Phaolô đang “huýt sáo trong đêm tối” để tự trấn an chăng ? Rõ ràng là ông không bình an theo ý nghĩa rằng mọi vấn đề, cảm dỗ và hoài nghi đã biến khỏi đời ông. Tuy vậy, bất chấp nổ xung đột ấy nơi ông giữa hai luật đang chi phối mình, tôi nghĩ rằng trực xoay đời ông đã không hề lắc lư, và tất cả nơi thánh

nhân đều đã ổn định, vật nào chỗ ấy, theo như đã nói trên đây về sự hài hoà nội tâm. Thật vậy, ông chưa có sự nhất quán nơi mình, như ông sẽ được một ngày kia, khi mà chỉ còn một luật duy nhất chi phối, nhưng hiện nay, trong “thân xác chết tiệt” này, ý chí của Phaolô tuy vậy chỉ muốn có một điều. Cái “tôi” của những bản năng có thể chưa sáp nhập hết sứ điệp, và chính ở đó mà “luật” kia còn tồn tại nơi ông, mặc dầu thế, ước muốn trong ý chí của ông thật đơn giản : điều duy nhất ông mong muốn thật sự là tình yêu của Thiên Chúa. Xa hơn, dù phải quy phục nhu cầu cố gắng để trở nên nhất quán với chính mình nếu ông thành tâm, cuối cùng thì cũng chỉ có Thiên Chúa mới chữa ông khỏi cái tôi bản năng và huỷ diệt luật kia đang chi phối các chi thể của ông. Theo tôi đó là tất cả ý nghĩa của chương 8 trong thư Roma (và của cái dầm dìm vào thân xác của 2 Cr 12,7-10) : người thắng trận sẽ là Thiên Chúa ; và lòng tin tưởng của Phaolô không được đặt nơi việc hoàn tất viên mãn của sự hiệp nhất nội tâm cho bằng nơi hy vọng, là trực chính của đời ông, rằng Thiên Chúa sẽ không thể không đưa tới sự hoàn thiện, công trình của lòng nhân hậu từ bi mà *chính Ngài* đã bắt đầu. Trong khi chờ đợi, Phaolô đang chiếm hữu một sự bình an thật lạ lùng và đầy mâu thuẫn cho thấy là ông đang sống trong cái “đã rồi” và cái chưa đến.

Sự bình an giữa cuộc chiến nội tâm (và đối với ngoại giới) là một ý niệm khó hiểu đối với hầu hết chúng ta. Làm sao có thể tin rằng tôi không phải là một con người bị chia cắt và thiếu chín muồi, làm sao tôi có

thể thật sự đặt trọng tâm nơi Thiên Chúa, trong lúc mà tôi nhận thấy nơi tôi toàn điều ngược ngạo, tính dâm dục, sự khoe khoang hoặc tính ganh tị ? Cái “luật” kia lại chẳng nói lên rằng tôi chưa thật sự thành tâm trong lựa chọn của mình, lấy Chúa làm trung tâm đó sao ? Cám dỗ hoài nghi càng mạnh hơn khi tôi nhận ra với Phaolô rằng “tôi làm gì tôi cũng chẳng hiểu : vì điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm” (Rm 7,15). Hành vi mâu thuẫn ấy chẳng nói lên rằng ước muốn của tôi về Chúa và về điều thiện không thực đó sao, và rằng không còn nghi ngờ gì nữa, tôi không ở trên con đường đưa tới sự chín chắn, cũng không có khả năng có được thói quen phân định trong tình yêu, mà tuy vậy là mục đích của đời tôi, đó sao ? Trong kinh nghiệm cụ thể của chúng ta, khó lòng mà hiểu được làm sao Phaolô có thể nói nghiêm túc khi khẳng định lòng tin tưởng của mình, trong chương 8 của thư Roma.

Một ví dụ cụ thể mà một người có liên can đến, đã tử tế cho phép tôi sử dụng “để an ủi những người khác”, có lẽ sẽ soi sáng lý luận của Phaolô. Cách đây vài năm, một người bạn gái đến tìm tôi để hỏi ý kiến : chị này đã khẩn giữ mình độc thân để tự thánh hiến và chị tin chắc rằng mình không ước muốn điều gì khác ; vậy mà cái dầm trong xác thịt làm chị day dứt là sự vắng bóng của đức khiết tịnh. Dù chị cầu nguyện sốt sắng và say sưa lăn xả cho người khác, bất chấp tất cả, hình như chị tỏ ra bất lực để triệt thoái khỏi cuộc sống mình những đòn tấn công của những tư tưởng thiếu trong sạch

mà theo định kỳ ập xuống trên chị, và có lẽ thậm chí cả những lần thủ dâm nữa (56).

Điều đó làm cho chị ấy hết sức nản lòng, vì sự yếu đuối đó có vẻ đặt lại toàn bộ vấn đề về cuộc đời và cả tình yêu của chị đối với Thiên Chúa. Chị dễ dàng tìm được những nhà tâm lý và cả những vị linh hướng cho rằng hành vi ấy là hoàn toàn bình thường và “chẳng có gì xấu xa” cả. Nhưng, may thay, trong tận đáy lòng, chị không tin như vậy. Chị biết rằng tình yêu của chị đối với Thiên Chúa đòi chị tận hiến cả bản thân chị, toàn thể con người mình. Vậy mà chị không làm được điều chị ước muốn; thậm chí cũng không làm chủ được tính nhục dục của mình nữa: làm sao cho Chúa cái mà mình không làm chủ được?

Hoàn cảnh của chị bạn, theo tôi, là một ví dụ cổ điển về hai luật đang chi phối trong con người, như thư Rm 7 đã nói đến; nhưng sự thật thì ra sao? Như Phaolô, chị bị dẫn vật bởi nỗi lo sợ rằng toàn thể cuộc đời mình - và tình yêu của chị - có thể là chuyện bịp bợm. Trong khi trao đổi với chị, tôi nảy ra ý kiến dùng đến một sự so sánh. Tôi hỏi chị: “Chị thích món ăn nào nhất?” Với tư cách là một công dân tốt của nước Philippines, chị trả lời: “Gà quay”. - Và chị sẽ làm gì nếu ngày mai khi

(56) Trong *Đêm tối* (cuốn I, chương 14), Gioan Thánh giá nói rằng không ít trường hợp trong đó các linh hồn đã băng qua đêm tối của giác quan lại bị “một thủ hạ của Xa-tan và mặt” (xem kinh nghiệm của Phaolô trong 2Cr 12,7), là “quỷ dâm bôn”.

thức dậy, chị khám phá ra rằng mình chẳng còn thèm ăn gà quay nữa?” Chị trả lời rằng sẽ dốc hết mọi cố gắng để thèm nó trở lại và khám phá cho kỳ được tại sao món ăn chị thèm nhất, nay lại mất hết mọi mùi vị đối với chị. “Và nếu sáng mai, tôi hỏi, chị nhận thấy rằng mọi lo toan dâm dục đã biến mất và rằng những ham muốn nhục dục chẳng còn ảnh hưởng gì nơi chị nữa thì sao?” Chị trả lời không do dự: “Con sẽ hết sức vui mừng! Ngày đó sẽ là ngày đẹp nhất đời con! Đó là điều con cầu xin bao nhiêu năm nay”. Vì tôi biết chị thành tâm và thẳng thắn, câu trả lời của chị đủ cho tôi tin rằng tình yêu của chị đối với Thiên Chúa là đích thực. Dù luật thứ hai đang hoành hành mạnh như thế nào trong bản năng của chị ấy, luật của Thần Khí thật sự vẫn làm việc trong trái tim và ý chí của chị. Sự lôi kéo của nhục dục hoàn toàn khác với chuyện chị cố tình thích ăn gà quay và tỉ mỉ gìn giữ thói quen đó!

Để trở lại với lý do khiến tôi nêu lên ví dụ ấy, là tôi đã nói rằng, một trong những hoa trái của tình yêu đối với Thiên Chúa là một sự tập trung lại của đời sống chúng ta nơi Thiên Chúa và một sự đơn giản hoá những ước muốn. Tuy vậy chúng ta cũng đã ghi nhận rằng trong tâm ấy tận đáy lòng cũng có thể cùng tồn tại với một sự phân tán bề mặt và những xáo trộn trong phần nhục dục của bản tính chúng ta. Tôi có thể nói rằng Phaolô của Rm 7 đã thật sự tập trung nơi Thiên Chúa, bất chấp luật “xác thịt” đang chi phối ngược chiều nơi ông, và cũng vậy đối với chị bạn trên đây, vì tôi cũng đã biết sơ hướng đi tổng quát của cuộc đời chị. Thật vậy, có

lùng đâm đục đang còn mọc đó trong ngôi vườn của chị và sự hiện diện ấy gây khó chịu. Nhưng lúa tốt cũng đang chín dần, không còn nghi ngờ gì nữa, và như đã nói ở chương 8, đôi khi phải để yên cỏ lùng cho đến ngày nào Thiên Chúa xét cần nhổ.

Điều cần ghi nhận ở đây là có một sự bình an nội tâm, thường xuyên và kéo dài là dấu chỉ về một sự phân định đã đạt đến mức chín muồi, và có thể cùng tồn tại với một sự nghịch ngợm nào đó trong giác quan, ở bề mặt của cuộc sống chúng ta. Chính sự bình an nội tâm này là dấu chỉ về sự hiện diện của Chúa trong mạch sống đã cạn hoặc đêm tối, một khi chúng ta đã học nhìn ở dưới lớp vỏ của những tình cảm khả giác. Khi lần đầu tiên bước vào đêm tối của tình yêu mang tính tình luyện của Thiên Chúa, chúng ta chưa nắm được sự bình an nào khác ngoài sự bình an của các giác quan : nói cách khác, chúng ta chưa học phân định giữa những gì đang diễn ra nơi những giác quan và nơi những gì sâu thẳm hơn trong tâm hồn chúng ta. Nhưng những kinh nghiệm như kinh nghiệm được Phaolô mô tả trong Rm 7, thêm vào sự tối tăm nội tâm của sống đã khô cạn, đưa đẩy ta phân biệt hai bình diện khác nhau của con người chúng ta. Nhờ vào sự hiểu biết thực nghiệm đó, chúng ta bắt đầu hiểu rằng sự bình an ấy là ân huệ thứ nhất của Đấng Phục sinh (Lc 24,36 ; Ga 20,21), bình an mà không phải là thiếu vắng sự xáo trộn, nhưng là xác tín vững chắc, thậm chí cả giữa những cơn bão táp và nhất là trong những cơn bão táp, rằng Thiên Chúa đã sống lại thật và “mọi xác phàm sẽ thấy ơn cứu độ”.

### *Sự thống nhất nội tâm và đời sống tông đồ*

Cho nên chúng ta khám phá ra có nhiều mức độ ủi an : nơi các giác quan và một cách sâu xa hơn trong tâm hồn. Mức độ đầu tiên, mức độ duy nhất mà chúng ta có khả năng phân biệt được, ở bước đầu, lại chóng qua và bất định ; loại an ủi này luôn có một “nguyên nhân đi trước”, do đó cần phải phân định kỹ lưỡng để biết chắc là nó từ Thiên Chúa mà đến. Và thậm chí cả trong trường hợp này, chúng ta không thể tin vào sự trường tồn của nó. Ngược lại, hình thức an ủi thứ hai cách nào đó là “một niềm an ủi không có nguyên nhân đi trước”, thì *bền lâu*, ân huệ quý hoá và chắc chắn nhất cho những ai đã chín chắn trong tình yêu của họ. Đôi khi nó trôi lên bề mặt của ý thức, nhất là trong trường hợp có xung đột và xáo trộn ở bình diện ấy của con người chúng ta : chẳng hạn khi “luật xác thịt” phi bác tính có thực của tình yêu chúng ta đối với Thiên Chúa và hữu hiệu tính của tình yêu Thiên Chúa đối với chúng ta. Nhưng thường nó như thể một tấm phông, một chân trời của nhận thức, linh ứng cho mọi hành động cụ thể và được thể hiện ở đó. Theo tôi, phải hiểu theo nghĩa sâu, thành ngữ của I-nhaxiô, “chiêm niệm bằng thực hành” : hẳn là nhìn thấy Chúa trong mọi sự, nhưng có lẽ còn đúng hơn nữa là thấy mọi sự nơi Chúa (57).

(57) *Thánh I-nhaxiô tuyên bố trong In Omnibus quaerant Deum: “Ước gì họ tìm Thiên Chúa trong mọi sự”. Đó là khẩu hiệu cho việc tích cực tìm kiếm Thiên Chúa. Thánh Têrêxa thành*



Ngay ở đầu cuốn sách này, chúng ta đã nhận mạnh rằng sự phân định là điểm gặp gỡ giữa cầu nguyện và hoạt động. Tính chân thật của nhận xét đó thậm chí và hết sức đặc biệt khi đó là một sự phân định đã trở thành lâu bền, đã được minh họa rất rõ nét bởi một tình tiết rút ra từ cuộc đời của Hannah Hurnard. Phần của tác phẩm được biết nhiều nhất có lẽ là phần trình bày dưới dạng những phúng dụ, việc biến đổi nội tâm trong sự kết hiệp với Đức Kitô. Người nào đã đọc và thưởng thức cuộc hành trình mang đề tựa là “Rất sợ sệt”, được đổi thành “Ân sủng và vinh quang”, sẽ không ngạc nhiên khi biết rằng chính Hannah Hurnard cũng tỏ ra (hoặc đã tỏ ra) “rất sợ sệt”. Bà đã giải thích điều ấy cho chúng ta trong một tác phẩm khác (58) là bản tường thuật về đời sống thừa sai của bà ở Palestine vào khoảng những năm 1930. Bà lên đường đi Thánh địa với tư cách là thành viên của phái đoàn Kitô giáo đi truyền giáo giữa những người Do thái, nhưng cuối cùng bà có xác tín rằng ơn gọi thật của mình là đến với dân làng xa xôi và những người Á-rập ở Palestine, được xem như những người bị bỏ rơi

Avila nói (*Lâu đài nội tâm*, Ngôi nhà thứ 6, chương 10) rằng một trong những ân huệ *chiêm niệm* lớn Chúa ban, là nhìn thấy mọi sự, kể cả tội lỗi của chính mình, nơi Ngài. Vì đó là một ân huệ không hơn không kém, ý nghĩa thật là mầu nhiệm, nhưng tôi nghĩ rằng đó là sự thể hiện của lý tưởng được I-nha-xiô đề ra đối với người bơi lội để mình trôi nổi trên đại dương của Thiên Chúa.

(58) *Người hành khách nơi Thánh địa* (Wayfarer in the Land), Tyndale House, 1975.

nhất trên Thánh địa. Như bà đã kể lại, bà đã rất khó nhọc thuyết phục các bề trên của mình cho phép bà đến làm việc giữa những người Á-rập ; vậy mà khi được phép, người duy nhất chia sẻ nguyện vọng của bà và có thể hợp tác với bà trong công việc mới này lại là một phụ nữ mà tính tình hoàn toàn “khác” với tính tình của bà. Bề khác, điểm chung duy nhất nơi họ là ý thức về một sứ mệnh thần thiêng đối với những người Á-rập nghèo khổ. Xét về mặt loài người, sự kết hợp giữa họ không có gì là đầy hứa hẹn cả. Như Hannah Hurnard đã viết :

“Giữa chúng tôi, có những khác biệt nghiêm trọng về quan điểm và về tính tình. Ngoài điều đó, lại còn sự kiện mà chúng tôi đều rất ý thức là cả hai chúng tôi đều thích lãnh đạo và có sáng kiến. Chẳng có gì lạ, nếu bạn bè không tin nổi vào dự án hợp tác của chúng tôi”.

Mặc dù vậy, họ cảm thấy rằng Thánh Ý Thiên Chúa là muốn họ hợp lực với nhau trong sứ vụ này. Cho nên họ bền quyết định :

“... dành trọn một buổi sáng mỗi tuần để cầu nguyện, hầu tìm được sự trợ giúp của Thiên Chúa, đón nhận sức mạnh của Ngài và chúc phúc cho Ngài trước khi tìm thấy một cánh cửa mở và đảm bảo thành công, bất cứ nơi nào chúng tôi có chủ ý đến.

“Chúng tôi đã giữ được hạ quyết tâm đó. Mỗi sáng thứ bảy đều được dành cho việc cầu nguyện và chuẩn bị... Rất nhanh chúng tôi đã nhận thức được tầm quan trọng của việc bắt đầu bằng một thời gian chờ đợi

*Thiên Chúa trong thinh lặng. Trong thời gian đó, chúng tôi đặt mình trước mặt Chúa và dâng mình cho Ngài ; chúng tôi mãi mê chìm mình trong sự hiện diện của Chúa, xin Ngài thanh luyện lòng trí, tư tưởng của mình để giữa chúng tôi có được sự hiệp nhất hầu hiểu được Thánh Ý Ngài. Sự hiệp thông thâm lặng với Thiên Chúa thường kéo dài khoảng nửa tiếng. Chúng tôi cứ mãi mê như vậy trong Ngài đến độ không thốt được một lời nào, và hàng giờ trôi qua như vậy trong thinh lặng. Những lúc hiệp thông như thế hoàn toàn không phải là để tạo sự trống không trong tâm trí và chờ đợi những ý kiến như do “phép màu” đâu : trái lại loại hiệp thông đó đòi hỏi chúng tôi thoái thác cho Chúa tất cả trí tuệ và ý chí, một cách tự nguyện và vui vẻ, để Ngài sử dụng - không có gì là thụ động cả - đó là một sự hợp tác càng tích cực càng tốt - và dù lúc đầu mình cảm thấy hết sức buồn tẻ và nặng nề, hay dù không thể nghĩ rằng sự cầu nguyện và hiệp thông có thể bổ ích được, thì Thần Khí sẽ đến không sai để truyền sự sống và sức mạnh của Ngài. Cách nào mà vào cuối những buổi sáng cầu nguyện đó, không những chúng tôi đã lắng nghe Thiên Chúa ; mà tâm trí và thể xác chúng tôi cũng đã được đổi mới trong sức mạnh, một cách tuyệt vời”. (59)*

Nếu Hannah Hurnard và cô bạn mình chỉ mới ở bước đầu của đời sống nội tâm, thì nhiều khía cạnh trong kinh nghiệm của họ đã có thể làm cho chúng ta nghĩ

(59) *sdd.*

rằng niềm an ủi đó đã có một nguyên nhân khả giác đi trước, và thậm chí nguyên nhân ấy được cố tình gây ra nữa : lời cầu nguyện được đều đặn chuẩn bị trước và tiến hành mỗi sáng thứ bảy ; việc chúc phúc Thiên Chúa đã ban cho họ một cánh cửa mở và chiến thắng (theo thành ngữ cổ điển trong truyền thống Tin mừng của họ) ; sự đều đặn dẫn tới niềm an ủi ; việc nhấn mạnh đến sự hợp tác “càng tích cực càng tốt”. Tuy nhiên, hành động được mô tả là một sự thoái thác hoàn toàn cho Chúa, một thái độ phục vụ để làm Thánh Ý Ngài. Thậm chí cả việc tiến hành làm “chỗ trống” trong tinh thần cũng bị coi như không thích hợp, cách nào mà đến nỗi Hannah Hurnard cảm thấy cần giải thích rằng linh hồn trong những lúc tương tự, không hề “thụ động” chút nào. Thật vậy, loại hoạt động bà mô tả thật sự bí nhiệm đối với ai chưa trải qua kinh nghiệm của bà, nhưng bà cũng nhắc lại rất hay về những gì chúng ta đã nói đối với kinh nghiệm của “suối đã cạn” trong việc cầu nguyện (60), mà ý nghĩa là đưa đẩy chúng ta “thả nổi”. Người “bơi ngựa” đâu có thụ động : người nào thụ động sẽ bị chìm ngay chứ đâu thể trôi nổi. Đồng thời hoạt động của người để mình trôi hồng bênh, rất khác với hoạt động của người bơi. Người bơi kiểm soát hướng đi và tốc độ của mình, trong lúc người bơi ngựa thì phục tùng hoặc hợp tác với gió và dòng nước : hoạt động của người bơi ngựa lúc đó là tiếp nhận sự vận hành mà Thiên Chúa là biển cả đưa tới.

(60) *Khi giếng đã khô cạn, chương 6. Xem thêm Phần kết của Bóng tối trên quảng trường.*

Hoặc để thay đổi ẩn dụ, Thiên Chúa như là người nam cùng nhảy trong một cặp khiêu vũ, và linh hồn là cô gái khuôn mình sát sao theo điệu nhảy và bước đi của người bạn nhảy. Cô ấy không điều khiển bước nhảy, nhưng cũng không để bên kia phải lôi kéo đùn đẩy như đối với một bao gạo !

Nếu chúng ta đọc lại dưới ánh sáng trên, thì sự mô tả của Hannah Hurnard về kinh nghiệm của mình, điều bà muốn nói với chúng ta bỗng trở thành rõ ràng : “loại hiệp thông đó đòi hỏi rằng tất cả trí tuệ và ý chí phải được thoái thác cho Chúa, một cách tự nguyện và vui vẻ, để Ngài có thể sử dụng được. Không có gì là thụ động cả - đó là một sự hợp tác càng tích cực càng tốt”. Như người để mình trôi nổi hoặc người bạn cùng nhảy trong cuộc khiêu vũ thần thiêng, linh hồn vẫn tích cực nhưng không hề điều khiển. Thế thì còn nghi ngờ gì nữa, rằng “Thần Khí sẽ đến *không sai* để truyền sự sống và sức mạnh của Ngài” ư ? Tôi không nghĩ như vậy, ít là theo nghĩa mà Hannah đã hiểu và không ở mức độ chín muồi nội tâm ấy. Đúng rằng thánh Gioan Thánh giá đã nhìn thấy nơi sự xen kẽ bất ngờ của việc hiện diện và khiếm diện của Chúa, dấu chỉ rõ nhất rằng Thiên Chúa chứ không phải trí tưởng tượng của chúng ta đang làm việc. Tuy vậy sự luân phiên đó bất ngờ và không thể kiểm tra được, có mục đích là dạy cho chúng ta thoái thác và để Chúa hành động (61). Một khi đã học được

(61) Xem chương 3 của *Khi giếng đã khô cạn*.

bài học đó, càng ngày chúng ta càng thấy rằng việc trao lại tất cả cho Chúa là điều “tự nhiên”, và sau đó thì chẳng có lý lẽ, trở ngại nào nơi chúng ta nữa có thể ngăn cản Ngài đến dễ dàng và thường xuyên !

Tôi giả thiết là chúng ta không bao giờ đạt tới sự thoái thác hoàn toàn của con người chúng ta ở đời này. Điều Hannah nói cũng làm cho chúng ta nghĩ như vậy, khi bà nói : “Lúc đầu mình cảm thấy hết sức buồn tẻ nặng nề, và không thể nghĩ là sự cầu nguyện cũng như việc hiệp thông lại có thể bổ ích được”. Hai lẽ luật sẽ đối đầu nơi chúng ta suốt đời, nhưng chính linh hồn càng ngày càng mềm mỏng hơn với luật của Thần Khí, và Thần Khí lại sẽ dựa vào sự tự do gần như hoàn toàn ấy để đưa chúng ta đến nơi Ngài muốn, nhất là khi lời cầu nguyện và việc mưu cầu Thiên Chúa lại có một mục đích tông đồ. Đó là trường hợp của Hannah và người bạn gái của mình : họ không chỉ tìm Chúa cho chính mình, mà còn để yêu thương nhau và trở nên những dụng cụ hữu hiệu nhằm loan báo Tin mừng cho người nghèo. Hình như đó là phương tiện tốt nhất để đánh động trái tim của Thiên Chúa và là Cha của Đức Giêsu Kitô, Đấng đã vì vâng lời Cha và vì yêu thương chúng ta mà “từ bỏ”, Đấng mà trái tim rất gần gũi những ai cũng tìm làm như Ngài cho anh em mình và vì yêu mến Ngài. Đối với những người đó, Ngài ban cho khả năng biết phân định : họ càng ít ý riêng và chỉ mong làm Thánh Ý Chúa thì họ lại càng có khả năng khám phá ra gương mặt của Ngài khi biết được Ngài mong thấy họ đáp ứng lại như thế nào những yêu cầu cụ thể trong đời sống tông đồ của họ.

Nhưng ở đây cũng là niềm vui nữa nếu chúng ta biết lưu lại ở đó với Đức Kitô.

### Bài thực tập

Điểm cao của các *Tập Linh thao* là điều mà thánh I-nhã-xiô đã đề tựa “loại khiêm nhường thứ ba”. Về loại thứ ba này, Người nói : “ Khi mà mọi sự đều ngang nhau, lời tán tụng và vinh quang của Thiên Chúa, tôi muốn và tôi chọn, để bắt chước Đức Giêsu và trở nên giống Ngài thật sự hơn nữa, sự nghèo khó với Đức Kitô hơn là sự giàu sang, những ô nhục đê hèn với Đức Kitô, Đấng đã chịu ô nhục đê hèn, hơn là danh dự vinh hoa ; tôi mong được coi như điên khùng dại dột vì Đức Kitô, Ngài là người thứ nhất đã bị coi như thế, hơn là khôn ngoan và thận trọng trên đời này” (§ 167). Chung chung, những người đi tinh tâm hơi kinh hoàng trước những yêu cầu đó : *xin* sự nghèo khó, những lời ô nhục nguyện rửa và sự khinh bỉ, là chuyện gần như bất nhân.

Những gì chúng ta đã nói về sự phân định trong tình yêu khi nó đã trở nên một thiên hướng bền lâu, có thể giúp chúng ta nhìn thấy “loại khiêm nhường thứ ba” này không, dưới một ngày mới và vui tươi hơn ?

### PHẦN KẾT

## Sự phân định của cộng đoàn

Trong lời đề tặng cho cuốn *Sự cởi mở với Thiên Chúa*, gửi Lm. Jim McCann, dòng Tên, tôi đã nói lên vai trò quan trọng mà linh mục này đóng trong chính việc đào tạo linh hướng của tôi. Trong nhiều năm, Người đã là giáo tập cho tỉnh dòng Philippines, và năm 1970, sau khi tôi kết thúc môn học “Những nguyên tắc cơ bản về các khoa học”, chính Người đã đưa tôi về Chung viện San José (Thánh Giuse) để giúp Người trong việc linh hướng các chủng sinh trong địa phận. Chúa Quan Phòng đã muốn chúng tôi chỉ qua một năm với nhau mà thôi trước khi Người được bổ nhiệm trở lại với kinh viện Dòng Tên ở nước bên cạnh. Tuy vậy, đối với tôi, Người luôn là một người dẫn đường quảng đại, luôn sẵn sàng lắng nghe tôi đề cập đến những khó khăn xảy ra và những câu hỏi tôi tự đặt cho mình, trong lúc mà đến lượt tôi, tôi cũng phải tự khai tâm trong nghệ thuật linh hướng. Trên hết mọi sự, tôi đã học nơi Người, tầm quan trọng của sự kín đáo tuyệt đối, vì bất kỳ ai đến tìm một vị linh hướng đều ngầm mời người này bước vào trong phần kín ẩn và sâu lắng nhất nơi cái tôi của họ. Đó là

một cái gì thiêng liêng cần được xử sự với sự tôn trọng lớn nhất, một sự kín đáo và dè dặt, gần như với bí mật của toà cáo giải. Về điểm này Jim rất cương quyết và nghiêm ngặt ; kinh nghiệm cá nhân, từ ngày đó, đã khiến tôi thêm xác định về sự khôn ngoan của lời khuyên này.

Tuy vậy, cũng có những đề tài khác mà chúng tôi không có cùng quan điểm : một trong những chủ đề ấy là sự phân định với ý nghĩa là, trong bài giảng Jim nhấn mạnh về sự phân định của cộng đoàn, còn tôi, với ngày tháng càng đi, tôi càng bắt đầu tự hỏi đó có phải thật sự là điều chính yếu không. Sự phân định mang tính cộng đoàn là một đề tài được nhiều người biết tới và rất thời thượng, trong những năm ngay sau Công đồng Vatican II : việc dân chủ hoá các cơ chế trong đời tu và việc đánh giá lại các đặc sủng cũng như các sứ mệnh của những dòng tu theo chiều hướng của Công đồng, đã làm nảy sinh việc đề cao các kỹ thuật dẫn tới những quyết định của nhóm. Trong một bối cảnh nơi Giáo Hội đang có mặt, điều này có nghĩa : làm sao phân định Thánh Ý Thiên Chúa cho cộng đoàn đang được nói tới, và làm sao tiến hành để cách làm thật sự mang chiều kích cộng đoàn, nghĩa là bằng cách làm cho mọi thành viên tham gia vào. Vì lúc bấy giờ các cộng đoàn mới (phong trào Thánh Linh) và các hội đồng mục vụ trong các giáo xứ cũng chia sẻ những ưu tư ấy, bài giảng của Jim McCann về sự phân định cộng đoàn thu hút rất nhiều người và được đánh giá cao.

Những câu hỏi tôi đã đặt ra thì không hề nhắm đến tính hiệu lực nền tảng của phong trào ấy trong Giáo Hội, vì trước đây tôi đã nghĩ và ngày nay vẫn nghĩ : việc kiên trì nhắc nhở rằng Thần Khí vẫn lên tiếng ở giữa cộng đoàn các tín hữu, và qua cộng đoàn đó, là một trong những dấu chỉ tốt nhất báo hiệu sức khoẻ của thời đại chúng ta. Thậm chí tôi sẽ còn nói rằng, trong Giáo Hội công giáo, chúng ta còn phải tiến xa hơn nữa trong hướng đó. Một trong những tiêu chuẩn theo truyền thống về tính quy điển của đức tin đó chẳng phải là cái *pius sensus fidelium*, tức là bản năng đức tin được phổ biến trong dân Chúa đó sao ? Tuy vậy tầm quan trọng mà cuộc phản cải cách đã gán cho quyền bính hợp pháp trong Giáo Hội, đã thật sự không dành chỗ bao nhiêu cho cái *pius sensus fidelium* này, trong việc triển khai học thuyết về quyền bính để đáp lại những nhu cầu cụ thể của mỗi thời đại. Từ Công đồng Vatican II đến nay, người ta chứng kiến một cố gắng chung để sửa chữa thiếu sót đó, cố gắng đã đem lại nhiều hoa trái, bất chấp những vấn đề muôn thuở không tránh được khi phải giữ thế quân bình giữa quyền bính và sự phân định trong Giáo Hội (62).

Thế thì tại sao tôi lại thắc mắc về bài giảng của Lm. McCann về sự phân định cộng đoàn ? Là vì tôi cảm thấy rằng vấn đề thật của sự phân định không nằm ở

(62) Chúng tôi đã trình bày những nguyên tắc cơ bản để giữ được sự quân bình tế nhị đó trong chương 3 của *Sự cởi mở với Thiên Chúa*. Xem chương I của cuốn này.

bình diện của cộng đoàn, mà ở bình diện của *con người*. Sự phân định như chúng ta đã không ngừng nhắc nhở trong cuốn sách này tùy thuộc vào tương quan cá nhân với Thiên Chúa, nó là địa điểm nơi sự cầu nguyện gặp gỡ việc hoạt động, và tương quan với Thiên Chúa càng sâu thì càng dễ “khám phá ra gương mặt của Ngài” cùng nhận ra điều Ngài đang chờ nơi chúng ta. Do đó mà thật nguy hiểm, khi nói đến sự phân định cộng đoàn nếu các thành viên của cộng đoàn đang được nói tới, xét theo từng cá nhân, lại không phải là những người quen cầu nguyện và phân định.

Đó là cảm nghĩ của tôi vào năm 1975, và tôi có cảm tưởng rằng Jim McCann cũng đồng ý với tôi về nguyên tắc ấy. Bất chấp tính hơn hắn của Jim về kinh nghiệm và sự khôn ngoan, Người khuyến khích tôi tiến xa hơn trong thắc mắc tôi nêu ra, và cùng suy nghĩ với tôi về những hoài nghi của chính tôi, nhưng lúc bấy giờ Người đã lâm bệnh và qua đời vào tháng 2 năm 1977. Cái chết của Người đặt tôi trước một quyết định phải tiến hành : môn phân định lại về tay tôi và tôi phải nghiêm túc suy nghĩ thêm cho những ý tưởng của mình cũng như những hoài nghi mà chúng tôi đã chia sẻ trước đây. Như tất cả luận chứng của cuốn sách này cho thấy, vì chỉ ở lời bạt mà chúng ta mới đề cập đến sự phân định cộng đoàn, những xác tín của tôi về điều chính yếu của sự phân định, giữa lúc đó, đã được củng cố và chứng thực.

Ngày nay, nhiều người tỏ ra nghi ngờ, không phải là không có nền tảng, sự phân định cộng đoàn, và rằng

thậm chí cả từ “phân định” cũng gây khó chịu nữa. Từ này dễ dàng chỉ có thể là một tên gọi lịch sự cái “tính độc tài của đa số”, một cách gán cho danh thánh Chúa và quyền uy của Ngài điều mà đa số trong nhóm muốn hoặc nghĩ phải đòi. Nếu điều đó diễn ra, sự “phân định” lúc bấy giờ sẽ trở thành, như chúng ta đã thấy, một phương pháp để vận dụng Thiên Chúa hầu đạt được sự nhất trí của Ngài khi chúng ta có xác tín (có thể là thành thật) rằng cần phải có hành động nọ quyết định kia. Ngược lại, nếu những điều kiện và những tư cách cần thiết được mô tả trên đây ở chương 3 được hội đủ nơi mỗi thành viên trong cộng đoàn được quy tụ để phân định - nghĩa là nếu mỗi người trong họ đều là người thành tâm và tích cực cầu nguyện, ước muốn khám phá ra Thánh Ý Thiên Chúa, và nhận thức được những giới hạn của mọi sự phân định xét về mặt đức tin như chúng ta đã chỉ - thì nơi trường hợp này, “những bộ phận” trong guồng máy phân định cộng đoàn sẽ dễ nhận ra và dễ cho vận hành.

Mô hình cổ điển của sự phân định cộng đoàn là nghị quyết năm 1539, trong đó những người bạn đường đầu tiên của thánh I-nhà-xiô đê Lôyôla tìm xem đâu là Thánh Ý Thiên Chúa đối với họ, và đã hiểu rằng Ngài muốn thấy họ lập ra cộng đoàn tu mà sau này được biết dưới danh nghĩa là Dòng của Đức Giêsu. Trong rất nhiều bản phân tích mới đây về tiến trình họ đã làm theo, bản mà theo tôi được coi như là đã giúp ích nhiều nhất là bản của John Carroll Futrell, dòng Tên, *Sự phân định cộng đoàn : tư duy về kinh nghiệm* (Communal

Discernment : Reflections on Experience) (63). Futrell kê ra bảy giai đoạn của kinh nghiệm mẫu này về một sự phân định cộng đoàn và mô tả một vài cách thức tiến hành có thể sử dụng được trong những tình huống khác nhau.

Cách tiến hành cơ bản thì giống như những gì chúng ta đã nói ở “hồi thứ ba” của thánh I-nhà-xiô trong chương 4 để có được một lựa chọn tốt. Một khi đã tập hợp được nhiều yếu tố cần thiết và vấn đề phân định được trình bày rõ ràng (64), tiến trình diễn ra bằng cách

(63) *Những nghiên cứu về linh đạo của Dòng Tên (Studies in the Spirituality of Jesuits), cuốn IV, § 5 (tháng 11.1972). Futrell còn trích dẫn những tác phẩm mới hơn, đặc biệt ghi chú 1 và 16 trong thư mục ở tác phẩm của Jules Toner, Bảng bình luận về những điều lệ của thánh I-nhà-xiô về sự phân định các tinh thần (A commentary on saint Ignatius' Rules for the Discernment of Spirits), trang 315-318, Viện tư liệu gốc của Dòng Tên, 1982. Xem thêm J.C.Futrell, Cầu nguyện và quyết định, sự phân định thiêng liêng (Prière et décision, le discernement spirituel), bộ “Đời sống kitô giáo”, số 147, 1975.*

(64) Futrell gợi ý một cách khôn ngoan rằng câu hỏi phải được đặt ra cách nào mà người ta có thể trả lời bằng “có” hay “không”, chẳng hạn như : “Chúng ta có nên đóng cửa trường thánh Vitus không ?” hay “Ed và Maria có nên ly dị không ?” Một câu hỏi nêu rõ một điểm chính xác sẽ dễ dàng là đối tượng của một sự phân định hữu ích hơn là một câu hỏi mù mờ như “Chúng ta phải làm gì cho ngôi trường thánh Vitus ?” hoặc “Thiên Chúa chờ đợi điều gì nơi chúng ta (Ed và Maria) ?”

xen kẽ những thời gian cầu nguyện và những lúc chia sẻ về cái mà mỗi người cho là “lợi” và “hại”. Cuối cùng, mỗi thành viên rút lui để cầu nguyện và để tìm cảm nghiệm Thánh Ý Thiên Chúa về vấn đề được đưa ra dựa trên những quy tắc về niềm an ủi và nỗi phiền muộn (được mô tả ở chương 5 và 7). Khi họ gặp nhau lại để chia sẻ những gì cá nhân họ đã phân định, nếu có sự “nhất trí” liên quan đến Thánh Ý Thiên Chúa, lúc đó sự phân định có giá trị và kết quả.

### *Những điều kiện cần thiết cho sự phân định cộng đoàn*

Futrell phân tích nhiều vấn đề quan trọng có thể nảy sinh. Chẳng hạn, trong mạch văn đó, phải hiểu sự nhất trí khi phân định như thế nào. Nếu một thành viên duy nhất trong cộng đoàn phân định khác những thành viên kia, sự phân định trái ngược có làm cho toàn bộ tiến trình mất hiệu lực không ? Hoặc phải thấy nơi đó, dấu chỉ là người ấy đã hành xử không đúng ? Hoặc nữa, rằng người đó được mời gọi đóng vai ngôn sứ trong cộng đoàn ư ? Futrell nghiên cứu hết mọi khía cạnh ấy. Chẳng hạn, ông nói rằng sự nhất trí được nói tới không nằm trong các “cái đầu” mà trong “những trái tim” : nói cách khác, không phải sự nhất trí, nhất ý, nhất quan điểm, mà là *tâm tình* được chia sẻ rằng chính đó là Lời Chúa cho cộng đoàn ấy, vào thời điểm này, trong lịch sử của nó. Chính những tâm tình cảm nghĩ mà chúng ta

phân định ; và ở đây cũng như trong sự phân định cá nhân, chúng ta có thể *cảm thấy được* rằng cái gì đó là Thánh Ý Thiên Chúa mà *không hiểu* tại sao. Như chúng ta đã ghi nhận, Ghết-sê-ma-ni là ví dụ điển hình cho khả năng tiếp thu của đức tin đối với những ước muốn của Thiên Chúa chúng ta.

Công cuộc nghiên cứu của Futrell về những điều kiện tiên quyết cho sự phân định cộng đoàn đặc biệt hữu ích cho chúng ta. Ở chương 3, chúng ta đã đề cập đến một vài điều kiện cần hội đủ cho *mọi* sự phân định, và Futrell không phủ nhận tầm quan trọng của chúng trong trường hợp một cộng đoàn được tập hợp lại để phân định Thánh Ý Thiên Chúa cho nhóm. Nhưng, Futrell nói, có những điều kiện khác, đặc trưng cho sự phân định cộng đoàn :

*“Vây mà một cộng đoàn chỉ có thể dẫn vào một tiến trình phân định thiêng liêng đích thực nếu một vài điều kiện được hội đủ trên bình diện của cộng đoàn (hay ít là một đa số tuyệt đối trong họ) đã hội đủ điều kiện không thiếu được là những người chuyên cần cầu nguyện và thật sự có khả năng phân định. Do đó cộng đoàn cần điếm lại một cách đúng đắn là điều quan trọng bậc nhất, để biết xem cộng đoàn đã đến đâu rồi đối với những điều kiện này và có thật sự đáp lại chưa”* (trang 167).

Futrell nêu ra ba điều kiện tiên quyết cho một sự phân định đích thực và có hiệu quả. Nếu thiếu những điều kiện này, thì lúc đó, Futrell nói, cộng đoàn không

thể được kết hiệp với nhau bằng điều gì khác ngoài “một cảm tưởng đau khổ và thất bại chung”, và trong trường hợp này chưa thể tiến hành phân định cộng đoàn được. “Tuy vậy, từ điểm xuất phát này, bằng cách nhận ra khía cạnh tích cực và tiêu cực trong các thế lực đang làm việc qua các nguyên nhân gây đau khổ và thất bại, cộng đoàn có thể bắt đầu lên đường một cách có ý thức để một ngày nào có thể hội đủ những điều kiện tiên quyết cho một sự phân định cộng đoàn. Ở đây, các kỹ thuật đương thời về động lực tập thể tỏ ra rất hữu ích.”

Những điều kiện tiên quyết cho một sự phân định cộng đoàn là những điều kiện nào ? Futrell nêu lên ba điều kiện mà điều kiện đầu tiên là “sự hiệp thông”, việc chia sẻ cùng một đặc sủng hoặc “cùng một ơn gọi trong Thần Khí”. Đối với những kitô hữu (không có lời khấn hoặc chức linh mục) thì sẽ là chính niềm tin chung họ đặt nơi Đức Giêsu là Chúa của họ ; còn đối với những tu sĩ Dòng Tên chúng tôi, là tâm tình chung rằng chúng tôi là con cái thánh I-nhà-xiô đê Lô-yô-la, và chính mối liên hệ ấy, với ơn Chúa, định nghĩa một cách đặc biệt sứ mệnh, lối sống và cộng đoàn của chúng tôi. Cũng vậy, đối với các thành viên trong cộng đồng họ đạo, thì đó sẽ là xác tín trong đức tin rằng Thiên Chúa đã gọi họ để cùng nhau trở nên “Giáo Hội” một cách hữu hình ở đây và bây giờ.

Những biểu tượng đóng một vai trò lớn trong việc biểu lộ và đào sâu tâm tình hiệp thông đó. Như Rosemary Haughrtton đã cho thấy trong cuốn sách cổ điển của mình, *Sự biến đổi của Con người* (The



chia sẻ về một sự kết hiệp sâu xa trong một ơn gọi chung”, đã trở nên khó khăn hơn - kinh nghiệm cấu thành và được chia sẻ về một đặc sủng chung - cái mà Futrell coi như là điều kiện thứ nhất của một sự phân định cộng đoàn. Kết quả là điều kiện thứ hai trong những điều kiện tiên quyết, trở thành chính yếu hơn nữa, được Futrell trình bày như sau : “ Một sự nhất trí chung và tức khắc về cách biểu lộ cơ bản và về sự hiệp thông ấy bằng lời lẽ”. Nói cách khác, không những phải có sự chia sẻ cùng một đặc sủng chung mà thôi, là viên đá thử vàng của mọi sự phân định, mà còn có việc nhất trí về “ sự diễn đạt cơ bản bằng lời” của đặc sủng ấy. Chẳng hạn một cộng đoàn Dòng Tên mà chỉ chia sẻ với nhau tâm tình có cùng một căn tính thì vẫn chưa đủ, nếu cộng đoàn ấy không có khả năng biểu lộ bằng lời lẽ, một cách nào mà mọi người đều chấp nhận được, thế nào là một “ tu sĩ Dòng Tên”.

Điều đó không có nghĩa là sẽ có sự nhất trí trên mỗi chi tiết của căn tính đó. Trong thực tế, các tu sĩ Dòng Tên có thể có những ý kiến rất khác nhau về cách áp dụng cụ thể đặc sủng của mình cần phải tiến hành trong một hoàn cảnh lịch sử và xã hội nhất định : người ta gán tư tưởng sau đây cho John Cogley rằng : “ mỗi phong trào, dù nhỏ đến đâu cũng đều có một ông Dòng Tên yểm trợ”, một cách nói chí lý mà theo kinh nghiệm của tôi, thì khá gần với sự thật ! Tuy vậy, dù chúng tôi có khác biệt cách mấy đi nữa, chúng tôi vẫn nhất trí với nhau về một vài yếu tố cơ bản. Yếu tố quan trọng nhất có lẽ là một tu sĩ Dòng Tên là một người được huấn

Transformation of Man – Londres, Geoffrey Chapman, 1967), chiều kích biểu tượng “ mang tính phụng vụ” của đời sống cộng đoàn cung cấp một cái khung “ có khả năng huấn luyện” mà bên trong có thể diễn ra một cuộc gặp gỡ có sức biến đổi. Ngoài chiều kích “ có khả năng huấn luyện” ấy, một sự hiệp thông trong cuộc sống và trong tầm nhìn là bất khả thi. Vậy mà như Futrell đã ghi nhận, chúng ta đang sống vào một thời, mà nhiều “ biểu tượng thông thường không lời” cho sự hiệp thông của chúng ta đã sụp đổ. Những cơ cấu của đời sống chung đối với tu sĩ như tu phục đã từng giúp nhận diện, đến cả việc sống trong cùng một ngôi nhà, không một biểu-tượng-không-lời nào trong các biểu tượng trên đã còn khả năng ở cùng mức độ như trong quá khứ, tạo nên và thể hiện được một sự hiệp thông thật sự cả. Mặt khác, sự thay đổi ngày càng lớn của cuộc sống ngoài đời ở thành thị có xu hướng phá đổ những cơ cấu ổn định của quá khứ : ngày nay, người ta đổi chỗ ở thường xuyên hơn, từ khu phố này qua khu phố kia, hoặc thậm chí cả từ thành phố này sang thành phố khác ; ngay cả khi họ “ ở một chỗ” thì thường nơi làm việc (hoặc nơi giải trí) lại rất xa nơi ở của họ. Nói chung, các cơ cấu quen thuộc thường cung cấp bầu khí đào tạo cần thiết cho sự gặp gỡ có sức biến đổi, những biểu-tượng-không-lời thông thường của cuộc sống trong các thành phố nhỏ hoặc của các cộng đoàn đóng kín, đã không còn là nét nổi cộm trong cuộc sống của chúng ta nữa.

Đó là một điều xấu chăng ? Không nhất thiết là thế, nhưng hiện tượng ấy làm cho “ kinh nghiệm được

luyện theo các *Tập Linh thao* của thánh I-nha-xiô, người bước theo thánh I-nha-xiô luôn muốn làm tốt hơn nữa việc tìm kiếm *vinh quang lớn nhất* của Thiên Chúa là nét nổi cộm trong cuộc đời của thánh nhân - và như thế trong một cộng đoàn bao gồm những con người tội lỗi mà đối với họ I-nha-xiô là tu sĩ Dòng Tên lý tưởng. Ít ra đó là điều mà tôi đã cầm bút viết lên, sau ba mươi bốn năm sống trong Dòng, và là điều đã làm cho tôi trở nên một linh mục Dòng Tên. Vậy mà Futrell bảo rằng tôi không tài nào tiến hành phân định với các anh em Dòng Tên của mình về cách sống cụ thể ơn gọi Dòng Tên ngày nay của chúng tôi, nếu không nhất trí với nhau về cách trình bày đó, hay một cách nào khác, về điều làm chúng tôi trở thành tu sĩ Dòng Tên.

Bất cứ một cộng đoàn nào, giáo dân hoặc tu sĩ cũng sẽ cần trình bày bằng lời lẽ đặc sủng của mình ngày nay để tiến hành phân định, nếu thiếu, cộng đoàn ấy sẽ mất đi nền tảng hoặc điểm quy chiếu. Các cuộc tranh luận sẽ kết thúc trong sự hỗn loạn hoàn toàn nếu không nói là bằng sự chua chát giả như các thành viên không có một sự cam kết cơ bản chung nào có thể làm chuẩn tắc cho mỗi một lựa chọn của họ. Thế nên thật là quan trọng đối với bất cứ cộng đoàn nào ước mong tiến hành phân định trong nhóm, để tìm Thánh Ý Thiên Chúa trên mình, đều phải nhất trí về ý niệm trung tâm đã khai sinh ra cộng đoàn đó và tiếp tục định hình cho nó. Đó là lý do tồn tại của nó với tư cách là cộng đoàn ? Đó là những mục tiêu cùng những giá trị mà các thành viên

đang chia sẻ và tự định nghĩa với tư cách là cộng đoàn ? Như Futrell đã nói :

*“Việc trình bày bằng lời lẽ được sử dụng để biểu lộ sự hiệp thông sẽ thay đổi với thời gian, vì ý nghĩa của mọi cách biểu lộ, chính nó cũng thay đổi. Có thể là một cá nhân trong nhóm cảm thấy mình có thể tìm ra một lối trình bày hay hơn lối trình bày được mọi người chấp nhận. Nhưng điều quan yếu là mọi thành viên trong cộng đoàn nhận ra được trong các từ được chọn một cách biểu lộ cơ bản sự hiệp thông đang liên kết họ dưới cái bề mặt ấy, cách nào, để khi tập hợp lại họ có thể sử dụng cách biểu lộ ấy làm chuẩn tắc cho mọi sự phân định cộng đoàn”* (trang 169).

Điều kiện tiên quyết thứ ba được Futrell xác định cũng không thể thiếu được : “một ý niệm chung để áp dụng những quyết định đã được tiến hành sau một sự phân định cộng đoàn”. Điều đó có thể có vẻ đơn giản, nhưng thực ra đó là điều kiện khó hội được nhất. Thật vậy, điều đó giả thiết là mình để cho Chúa Thánh Thần “toàn quyền sử dụng” trước cả khi biểu quyết, bằng cách tự cam kết trước, làm điều Ngài muốn, với điều kiện duy nhất là có thể biết chắc về ước muốn của Ngài. Như đã ghi nhận khi đề cập đến bầu khí để phân định, nhiều người trong chúng ta đều muốn biết rõ Thánh Ý Thiên Chúa trước khi quyết định theo Thánh Ý ấy. Chúng ta xin Ngài cho biết điều Ngài muốn, và chỉ sau đó mà thôi, chúng ta mới quyết định cách trả lời. Có thể xảy ra, đặc biệt đối với những người chưa chín chắn hoặc

chưa tiến xa trong đời sống cầu nguyện, là Thiên Chúa thích nghi với những yêu cầu của chúng ta về điểm này, nhưng những yêu cầu ấy cho thấy rằng đức tin của chúng ta còn yếu kém và lòng tin nhiệm thì giới hạn. Chúng ta không thật sự chắc chắn có thể tin nhiệm nơi Thiên Chúa hoàn toàn bằng cách phó mặc cuộc sống của chúng ta cho Ngài : nếu Ngài đòi hỏi chúng ta một điều gì quá khó khăn hoặc quá đắt giá thì sao ? Cho dù Ngài thích nghi với sự mỏng giòn của đức tin chúng ta, Ngài không thật sự có thể hành động nơi chúng ta một cách tự do hoàn toàn và đầy quyền năng được, vì chúng ta đã dành quyết định sau cùng và từ đó kiểm soát mọi thao tác.

Theo Futrell, do đó để cho sự phân định của mình sinh hoa kết quả, một cộng đoàn phải :

*“Hạ quyết tâm trước sẽ sống sự lựa chọn, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy các thành viên tiến hành qua sự phân định cộng đoàn, và thi hành, dù giá phải trả đối với cá nhân hoặc nhóm là giá nào. Nếu thiếu sự “lãnh đạo” theo quan niệm của I-nhà-xiô (65) ấy, thì tiến*

(65) *Bình luận của Futrell cho thấy rõ ý nghĩa chính xác của từ “lãnh đạo”, là khía cạnh chính yếu nhưng thường bị hiểu sai, trong mọi sự thánh thiện đích thực. Trong ngôn ngữ bình thường, lãnh đạo có nghĩa là đứng đưng, không quan tâm tới, không màng đến, thiếu lưu ý hoặc nhiệt tình. Vậy mà sự lãnh đạo, trong tôn giáo, được I-nhà-xiô (và nhiều thánh khác) nói đến lại hoàn toàn khác. Như đối với thánh Gioan Thánh giá, đó là sự tự do hoặc siêu thoát đối với những ham muốn (bất chính) của chúng ta. Đường lên núi Camêlô, cuốn I, sự lãnh đạo là do sự cảnh giác đầy say mê. Một người đàn ông tha*

*hành phân định là việc làm vô ích. Cộng đoàn cố gắng phân định đầu là Lời Chúa dành cho mình, trong tức khắc, với tư cách là cộng đoàn, và tất cả mọi người phải hoàn toàn cởi mở với Chúa Thánh Thần để có thể cùng nhau nói lên “Vâng, lạy Cha !”, dù lời ấy có vẻ bất ngờ và gây ngỡ ngàng” (trang 169).*

Do đó bây giờ chúng ta có thể hiểu được tại sao tôi lại nói rằng điều kiện tiên quyết thứ ba này là khó thực hiện nhất. Tìm được một người hoàn toàn cởi mở như vậy cho Chúa đã là điều khó ; tìm được cả toàn thể một cộng đoàn cởi mở và “lãnh đạo” như vậy lại càng khó hơn nữa ! Có lẽ đó là lý do chính làm cho thấy rằng, như chúng tôi đã khám phá những năm sau này, một sự phân định cộng đoàn thật là điều khó khăn và ít phổ biến. Sự phân định này giả thiết rằng mỗi thành viên nơi cộng đoàn, trong tinh thần, với trái tim mình, đã đạt tới hoàn toàn ước muốn làm Thánh Ý Chúa, mặc dù xu hướng ấy hiếm thật đó, nhưng nếu cố gắng để ước muốn Thánh Ý Chúa và kinh nghiệm mình đã thất bại, thì nhận thức ấy cũng có thể tỏ ra bổ ích, vì điều kiện tiên quyết để trở nên tự do là ý thức đến mức nào mình không tự do. Khi kinh nghiệm đã dạy cho chúng ta điều

*thiết yếu thương vợ mình, có thể tỏ ra lãnh đạo với tất cả các phụ nữ khác, không phải vì ông ấy bệnh hoạn hay vô cảm nhưng vì sự chú ý say mê đối với một người phụ nữ duy nhất. Cũng vậy, sự lãnh đạo tôn giáo bao hàm ý tưởng rằng đối với chúng ta Thiên Chúa quan trọng đến độ mọi giá trị khác đều mờ nhạt so với tình yêu của Ngài.*

đó và khi chúng ta có khả năng chấp nhận sự thật đầy nhục nhã ấy, lúc bấy giờ Thiên Chúa có thể bắt đầu tiến hành nơi mỗi cá nhân và nơi cộng đoàn, dẫn chúng ta ra khỏi vòng nô lệ của những mối quyến luyến nơi chúng ta và đưa chúng ta đến với mảnh đất của sự tự do.

*“Người hãy đem dân Ta ra khỏi xứ sở nô lệ”*

Cho nên, ở phần kết cuộc nghiên cứu chúng ta đã tiến hành về sự phân định trong đời sống người kitô hữu, tầm quan trọng dành cho một sự tự do thật theo Thần Khí, sẽ đến như một chủ đề rất thích hợp có giá trị cho cả toàn bộ bảng phân tích này : sự tự do vừa là điều kiện vừa là hoa quả quý hoá nhất của một đời sống yêu thương và sáng suốt. Có lẽ đó là lý do tại sao, theo thánh I-nhà-xiô, chúng ta chỉ luôn phân định “một cách nào đó” mà thôi, càng chính xác hơn khi chúng ta càng chín chắn hơn, nhưng ở đời này, không bao giờ có được sự sáng suốt và chính xác hoàn toàn cả, vì chúng ta không bao giờ hoàn toàn tự do, hoàn toàn cởi mở với Thiên Chúa. Trong thực tế, chúng ta càng đi, chúng ta càng rầu rĩ, ý thức hơn về sự thiếu tự do của mình.

Lúc đầu, những mầm mống nhỏ xíu của lúa tốt và cỏ lùng mới nhú lên, không tài nào phân biệt được, nhưng khi lúa tốt đã chín cùng với cỏ lùng, thì sự khác biệt giữa chúng cũng đã trở nên hiển nhiên hơn. Nhưng như đã được nhận xét trong chương 8, khả năng bứng nhổ một vài loại cỏ lùng không ở tầm tay chúng ta. Và

lúc bấy giờ chúng ta mới nghiệm ra rằng chúng là cỏ dại, và ước muốn lớn nhất của chúng ta là dâng tiến Chúa một mùa gặt thật tốt, nhưng một trật lại khám phá ra là mình không thật sự tự do để bứng nhổ những loại cây không được trồng mà cứ sống dai dẳng. Vả lại, chính Thiên Chúa đã nói với chúng ta rằng, cứ để chúng lớn lên cho đến mùa gặt, lúc đó Ngài sẽ đích thân tiến hành phân loại.

Nếu cho tới cùng chúng ta thiếu sự tự do hoàn toàn để yêu mến và để đáp lại tình yêu, tuy vậy cũng đúng rằng nơi nào sự tự do của tinh thần phát triển, thì đó cũng là dấu tình yêu sáng suốt đang lớn lên. Thánh Gioan Thánh giá trong đoạn thứ ba của bài thơ *Ngọn lửa sáng của tình yêu* (66) nói rất hay đến ba kẻ thù nội tâm lớn. Với tư cách là người linh hướng, mỗi năm tôi cố gắng đọc lại đoạn này, vì kẻ thù thứ ba của việc tăng trưởng, chính là vị linh hướng, ngoài ma quỷ và bản thân chúng ta, theo Gioan Thánh giá ! Thánh nhân dùng một vài đoạn để nói về quỷ và cái “tôi”, sau khi đã dành gần ba chục đoạn để nói đến vị này. Tại sao ? Vì hầu hết các vị linh hướng, thánh Gioan Thánh giá nói, không để cho những người họ hướng dẫn tự do lớn lên. Nói cách khác, chính họ cũng chưa có sự tự do nội tâm cần thiết để buông những người họ dẫn dắt, bước theo Thần Khí bất cứ nơi nào Ngài muốn đưa họ đến. Phần lớn các vị linh

(66) *Cách đánh số các đoạn có thể thay đổi tùy bản dịch của bài Ngọn lửa sáng. Trong bản dịch được duyệt lại, đó là những đoạn từ 29 đến 67.*

hương cố gắng in ra những bản sao của chính họ : chẳng hạn, nếu họ đã tăng thêm lòng sốt sắng do sùng kính khăn liệm của Chúa, thì tất cả những ai họ hướng dẫn cũng đều phải tôn sùng khăn liệm của Chúa như họ. Đó là những linh “hướng” thật sự (với ý nghĩa là họ tích cực hướng dẫn cuộc đời của người khác), hơn là những phi công đích thực cùng cầm lái chung trong nghệ thuật phân định.

Nhiều tâm hồn có thiện chí hình như lại thích được linh hướng kiểu đó. Họ cảm thấy an toàn khi tối mặt buông thác trong tay của một người khác. Nhưng vấn đề ở chỗ là họ không bao giờ lớn lên nổi, họ không tự mình trở nên những vị hôn thê biết phân định và nhảy bén. Chính vì lẽ ấy mà thánh Gioan Thánh giá nói rằng các người “hướng dẫn” là những kẻ thù lớn của sự tăng trưởng. Dù với hết thiện chí của mình, họ không làm nảy sinh được sự tự do nội tâm thật mà sự tăng trưởng trong tình yêu đem lại. Chính họ là những tên nô lệ cho những “công thức” linh đạo, và các môn đệ của họ đến lượt mình, cũng trở thành nô lệ hoặc của cùng những công thức nấu ăn ấy hoặc của chính người hướng dẫn, được họ coi như người phát ngôn duy nhất có giá trị. Không còn một chỗ nào dành cho người đầu bếp là Thiên Chúa cả, để Ngài trở tài pha chế nơi họ, để thiết lập nơi họ một cuộc đời thoải yêu thương duy nhất và hoàn toàn riêng tư.

Tôi cố gắng đọc lại đoạn này của thánh Gioan Thánh giá mỗi năm, để Ngài nhắc nhở và kèm hãm tôi. Viên đá thử vàng của chất lượng trong việc linh hướng

nơi tôi, là làm sao cho những người tôi đồng hành lớn lên, tiến bộ trong sự tự do. Tôi thiết nghĩ, đối với một bề trên dòng tu hay một phụ huynh cũng vậy : trong mọi trường hợp, mục đích là “rút về vườn”. Nói cách khác, phải tìm huấn luyện thành những con người chín chắn, có trách nhiệm, có khả năng trở nên độc lập : những người nam và nữ đã nội tâm hoá được những cấu trúc bên ngoài và có thể sống dựa vào luật nội tâm của tình yêu. Nói cho cùng, đó chính là ý nghĩa của một cuộc đời được sự phân định hướng dẫn. Như đã nói, cứu cánh đó không bao giờ đạt được một cách đầy đủ và hoàn toàn ở đời này, nhưng đó là mục đích của những cố gắng nơi chúng ta và của cuốn sách này.

Thánh Phaolô tuyên bố rằng không có luật đối với ai được tái sinh trong Đức Giêsu Kitô ; thánh Âu-tinh lại nói : “Cứ yêu đi rồi muốn làm gì thì làm”, còn Têrêxa thành Avila đưa ra quy luật duy nhất để cầu nguyện : “Hãy làm những gì đưa đẩy mình yêu thương nhiều nhất”. Nếu bạn và tôi bây giờ đã hiểu rõ hơn những gì Phaolô, Âu-tinh và Têrêxa muốn nói, thì những trang trên đây đã sinh hoa kết trái cho tác giả cũng như cho độc giả.

## PHẦN PHỤ LỤC

## Đáp án các bài thực tập

Ở cuối mỗi chương, có một bài thực tập được đề nghị với các bạn. Như đã nói ở cuối chương đầu, tôi đã nhận thấy rằng những câu hỏi ấy giúp sinh viên tiêu hoá nội dung bài giảng của tôi, đặc biệt vì sự phân định là một nghệ thuật, vậy mà một nghệ thuật có thể học được là do thực hành. Do đó mà mỗi tuần, cuối bài giảng, tôi ra cho sinh viên một đề tài suy nghĩ trong hai ngày cuối tuần của họ. Họ viết ra giấy câu trả lời cá nhân, và giờ đầu của buổi học sau được dành để chia sẻ và thảo luận theo từng nhóm nhỏ, về những câu trả lời. Tôi thường hiện diện nơi một trong các nhóm, nhưng tôi cố gắng đứng ở vị trí phụ và lắng nghe bằng cách ghi lại một vài điểm đòi hỏi một lời giải thích hoặc một vài suy nghĩ có thể hữu ích cho tất cả. Kế đó, trước khi bắt đầu bài mới, tôi đưa ra “đáp án” của mình đối với câu hỏi được đề nghị.

Phương pháp này đã tỏ ra có thể giúp đỡ học viên, tôi cũng làm như vậy trong cuốn sách này, và bây

giờ tôi sẽ đề nghị những câu đáp án của chính mình. Tuy nhiên, cần ghi nhận rằng thường thì không có một đáp án hoặc một lối trả lời duy nhất có thể đúng cho tất cả các trường hợp hoặc tất cả các câu hỏi. Điều tôi chia sẻ với các học viên hoặc độc giả của tôi, là hoa quả của kinh nghiệm và của tư duy riêng tôi. Nhưng cũng còn nhiều cách nhìn vấn đề và giải quyết khác. Do đó tôi gom các câu trả lời viết lại ở mục “Những bài thực tập” trước khi đưa ra đáp án của mình, và sau đó tôi đọc lên từng câu hỏi một bằng cách bình luận chúng. Một vấn đề thực tiễn có thể được tiếp cận nhiều cách, cũng như thí nghiệm trong lĩnh vực khoa học hoặc chẩn đoán trong y khoa vậy. Điều quan trọng đối với người mới bắt đầu trong nghệ thuật phân định là học “cảm nhận” tốt những dữ liệu được nêu lên, nhận ra đâu là những vấn đề cần đặt ra, vừa phải có phương pháp, vừa phải có sự tinh tế để cân nhắc và đánh giá những sự kiện được khám phá. Về điểm này, người vận dụng tốt nghệ thuật phân định rất giống một người cảnh sát điều tra tốt, có khả năng lựa chọn những dấu hiệu, những thông tin và ghi lại điều chính yếu. Đó chẳng phải là một nghệ thuật dễ dàng đâu, như chúng ta đã thấy, vì điều chính yếu thường là cái mà “mắt không trông thấy”. Bây giờ, tuy vậy, hãy xem coi những bình luận của tôi có thể giúp bạn đặt trung tâm nơi điều “chính yếu” vô hình ấy không ?

### *Chương I: đặc tính của một lời ngôn sứ đích thực*

Câu hỏi đầu tiên nói về sáu tiêu chuẩn để xác định một ngôn sứ thật, như đã tìm thấy trong Cựu Ước và đã được bình luận ở chương 1. Trong số sáu tiêu chuẩn ấy, tiêu chuẩn nào theo bạn là tốt nhất để phân định về tính đích thực của một sứ ngôn *thời chúng ta* ? Nếu hai tiêu chuẩn đầu – loan báo những biến cố bất lợi hơn là thuận lợi – thì vẫn hay và hữu ích, nhưng tôi sẽ không liệt chúng vào số những điều chuẩn mực nhất. Thật vậy, hôm nay cũng như hôm qua, người ta sẽ dễ dàng để tai nghe ai báo những điều hay việc lạ hơn là “kẻ toàn nói gở”. Do đó một ngôn sứ giả, toan sử dụng “tài” của mình để có được quyền lực hoặc để được lòng dân, thì sẽ có xu hướng vượt ve tính khoe khoang hoặc tính vị kỷ của những người nghe mình. Nhưng *tự chúng*, những điềm gở không phải là một dấu chứng đáng tin về tính đích thực của vị ngôn sứ đâu. Có những cử tọa lại có một ưa thích quái ác về đau khổ : một ngôn sứ vô liêm sỉ, đi tìm quyền lực và ảnh hưởng, thì sẽ toàn loan báo những hoạn nạn để ve vãn chứng tự hành hạ đúng với sự chờ mong của những người này.

Và lại như đã thấy ở chương 7, ma quỷ cũng có thể làm phép lạ - và những phép lạ nhằm vượt ve lòng sốt sắng - để đạt tới mục đích của nó. Đành rằng Đức Giêsu đã dựa vào những dấu lạ Ngài làm (đặc biệt trong Tin mừng Gioan) để yêu cầu người ta tin nơi Ngài, nhưng các ngôn sứ giả thời Elia cũng như của Giáo Hội sơ khởi trong Công vụ Tông đồ, cũng làm dấu lạ để được

lưu ý và chấp nhận. Thêm nữa, phép lạ không phải là một hiện tượng thường xảy ra ở thời đại chúng ta. Ít là theo như tôi biết, không một nhân vật nào được nêu (Ghandi, Martin Luther King, Jean XXIII) lại được biết đến như người đã dùng phép lạ để xác định sứ mệnh ngôn sứ của mình cả.

Tiêu chuẩn thứ năm và thứ sáu – chủ ý của vị ngôn sứ và chính ý thức của bản thân về một ơn gọi sứ ngôn đón nhận từ Thiên Chúa – chắc chắn là rất quan trọng đối với chính vị ngôn sứ. Vấn đề là những tiêu chuẩn ấy lại ở *bên trong*, không dễ dàng quan sát được, và chỉ có chính vị ngôn sứ mới biết được mà thôi. Do đó có thể nghĩ rằng cả tôi lẫn bạn đều cảm thấy chúng không đủ, để xét về tính đích thực nơi ơn gọi của một người, vì không thể đo lường lòng dạ của vị ngôn sứ giả định : chúng ta chỉ có thể xét đoán được điều mình trông thấy mà thôi. Tuy vậy hãy ghi nhận rằng vấn đề không phải là phê phán về tính trung thực của vị ngôn sứ, vì không phải việc của chúng ta, như Đức Giêsu đã nhấn mạnh. Điều chúng ta tìm xác lập, và phải xác lập về một sự phân định chắc chắn, là chúng ta phải đi theo hoặc phớt bỏ tiếng kêu gọi của vị ngôn sứ đó - xem coi các tham vọng của ngôn sứ là phát ngôn viên của Thiên Chúa cho chúng ta có được biện bạch hay không. Do đó chúng ta sẽ biết nên có những thái độ và hành vi nào để đáp lại trước lời mời gọi của ông.

Cho nên chúng ta chỉ còn tiêu chuẩn thứ ba và thứ bốn : trác nghiệm của sự trung thành với học thuyết cơ bản của Ít-ra-en (nghĩa là đối với chúng ta là sự trung

thành đối với mạc khải được Đức Giêsu xác định và đưa tới sự toàn thiện của nó), và trác nghiệm của cuộc sống vị ngôn sứ, tính đáng tin của ông trong tư cách là người đại diện sống động cho chính niềm say mê Thiên Chúa của Đức Giêsu. Tiêu chuẩn này và tiêu chuẩn kia, theo ý kiến của tôi, đều quý hoá để đánh giá một ngôn sứ của thời đại. Sau khi đã cân nhắc kỹ về kinh nghiệm bản thân, tôi nghĩ là mình sẽ đặt nặng tiêu chuẩn thứ nhất trong hai tiêu chuẩn này, đó là sự trung thành với mạc khải “của Ít-ra-en”. Theo tôi, tiêu chuẩn này có vẻ khách quan hơn tiêu chuẩn kia. Chẳng hạn người ta cũng đã đặt lại vấn đề về đời sống đạo đức của Martin Luther King, vấn đề mà cá nhân tôi không thể trả lời một cách chắc chắn được. Tuy vậy, theo ý kiến của tôi, sự trung thành nền tảng và kiên trì của sứ điệp ông đối với mạc khải Kitô giáo là một luận chứng rất mạnh nói lên tính đích thực của ngôn sứ vụ nơi ông, thời chúng ta đang sống. Nếu một vài nghi ngờ về đời sống đạo đức của ông được đánh tan, thì tôi sẽ cảm thấy xác tín và thoải mái hơn chẳng ? Chắc chắn là thế, nhưng sự phân định đâu phải là bất khả ngộ, nó chỉ được ban phát theo “một cách nào đó” thôi, cho nên tiêu chuẩn thứ ba và thứ tư theo tôi là những tiêu chuẩn thích hợp nhất để tiến hành phê phán theo kiểu đó, Martin Luther King hay bất cứ vị “ngôn sứ” nào đương thời.



## Chương 2 : sự phân định của Đức Giêsu và của Gioan

Đối với chương này, có hai câu hỏi được nêu lên. Câu thứ nhất về sự phân định “bất khả ngộ” của Đức Giêsu liên quan đến thân thể và sứ mệnh của mình : sự phân định gương mẫu ấy của Đức Giêsu xét về mặt thực tiễn có thể hữu ích cho sự phân định của tôi trên chính cuộc đời mình chẳng ? Tôi nghĩ là có. Đừng quên là chúng ta hiểu từ “bất khả ngộ” trong nghĩa “không sai lầm”. Chúng ta muốn nói rằng, khi phân định về Thánh Ý của Cha Ngài, Đức Giêsu được Thần Khí hướng dẫn, không có nguy cơ lầm lẫn, chính vì Ngài hoàn toàn cởi mở với Thánh Ý đó, dù rằng y hết như chúng ta, Ngài phải khám phá ra Cha đưa Ngài đi đến đâu suốt cuộc đời tại thế của Ngài. Trong cuộc đời của Đức Giêsu, những điều kiện cần hội đủ để tiến hành phân định thật sự (đã được duyệt qua ở chương 3) được thực hiện một cách hoàn toàn : Ngài đã để cho Chúa Thánh Thần toàn quyền hướng dẫn Ngài đến nơi nào Chúa Cha muốn.

Số đông trong chúng ta không bao giờ được cởi mở đầy đủ với Thiên Chúa, ở đời này, như Đức Giêsu đã cởi mở đâu. Tuy vậy, mẫu gương của Ngài có một tầm quan trọng lớn lao đối với chúng ta, vừa với tư cách một mô hình, vừa là một sự khích lệ. Ngài bị thử thách trong mọi sự như chúng ta, nhưng tuy vậy đã không phạm tội. Ngài biết thân phận con người từ bên trong. Ngài là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”, Đấng Emmanuel. Không có nguồn sức mạnh và sự khích lệ nào lớn hơn đối với chúng ta, trong cuộc hành hương tại thế, khi biết

rằng Thiên Chúa đã chọn sống như chúng ta hoàn toàn, cuộc chiến đấu của đức tin giữa bóng tối. Thêm vào đó, khả năng phân định nơi Ngài là một mô hình, một lý tưởng cho chúng ta, vì Ngài đã là một người trong chúng ta, đó là một lý tưởng *có thể thực hiện được*. Ma quỷ sẽ dồn hết sức để biến Thiên Chúa trở nên một điều mơ mộng hão huyền, biến Đức Giêsu thành một loại thánh ở ngoài tầm tay chúng ta, không biết đến những thử thách và yếu đuối của con người. Vả lại, tư tưởng quý quái ấy đã từng rất thịnh hành ở đầu thế kỷ này. Thiên Chúa đã thường được nhận thức như một tên bạo chúa thống trị với nhiều yêu sách, mà cần phải loại trừ để cho con người có thể thật sự là mình. Vậy mà, nếu chúng ta ý thức đầy đủ về việc Đức Giêsu đã sống, đã yêu thương và đã học tập như chúng ta, rằng Ngài là “bí tích” tình yêu cứu rỗi của Thiên Chúa cho mọi người, thì Thiên Chúa sẽ không bao giờ bị cảm nhận như xa vời và đầy áp bức. Ngài là Thiên Chúa chí thánh, nhưng qua Đức Giêsu, chúng ta khám phá ra rằng chúng ta được mời gọi trở nên như Ngài, và rằng chúng ta có khả năng làm điều đó, không do sức riêng mình, mà do chính ân sủng đã cho Ngài trở nên “Người Con trong vinh quang vì đức vâng phục của mình”. Để mượn lại lời lẽ tuyệt vời của thánh Âu-tinh : “Thiên Chúa đã làm người để con người có thể trở thành Thiên Chúa”. Có điều gì “thực tiễn” hơn niềm hy vọng và mẫu gương ấy, là của ăn đi đường cho chúng ta ? “Bởi thế ta hãy mạnh dạn tiến lại gần ngài Thiên Chúa là nguồn ân sủng để được xót thương và lãnh ơn trợ giúp mỗi khi cần” (Dt 4,16).

Câu hỏi thứ hai liên quan đến sự phân định của Gioan Tẩy giả. Nếu bạn gặp được ông, bạn sẽ thích đặt những câu hỏi nào liên hệ đến cách lối ông đã phân định về sứ mệnh của bản thân ông cũng như về thân thế và sứ mệnh của Đức Giêsu? Đối với riêng tôi, những viên dẫn Kinh Thánh về sứ vụ của Gioan đã gây nhiều thắc mắc. Chẳng hạn, nếu ông là người anh họ của Đức Giêsu như Tin mừng Luca khẳng định, tại sao ông lại nói trong Tin mừng Gioan (1,31-34) rằng ông đã không biết Ngài trước khi Thần Khí mạc khải cho ông, nhất là nếu ông đã nhảy mừng trong bụng của Ê-li-sa-bét ngày Thăm viếng? Mặt khác, làm thế nào ông hiểu được phép rửa của ông đối với phép rửa của Đức Giêsu? Gioan có thật sự là thành viên của cộng đoàn E-xê-ni ở Qumran không, như có bản chép tay được tìm thấy ở vùng Biển Chết, đã cho biết? Đó có phải là chính ý niệm về sự mong đợi Đấng Messia, nhờ vậy ông đã nhận ra được sứ vụ của Đức Giêsu không?

Nhưng câu hỏi mà tôi đặc biệt muốn đặt ra với Gioan Tẩy giả, vì có liên quan đến kinh nghiệm phân định của tôi, sẽ liên quan đến "mối hoài nghi" nổi danh nơi ông trong Mat-thêu 11 (câu 2-6). Thường tình người ta bảo rằng bản thân Gioan không nghi ngờ gì về tính cách Messia của Đức Giêsu, và rằng nếu ông đã sai môn đệ mình đi hỏi Ngài là trong mục đích củng cố niềm tin cho chính họ. Nhưng không có gì trong bản tường thuật của Mat-thêu yểm trợ cho giả thuyết ấy: thoát đầu, bản tường thuật này hình như rõ ràng để lại cảm tưởng là bản thân Gioan cũng đã trải qua một đêm mù tối thật sự. Đây

những hoài nghi. Người ta có thể nghĩ rằng Đức Giêsu đã hành động không như Gioan chờ đợi, và Gioan đã thật sự tự hỏi rằng toàn bộ sứ vụ của Ngài chẳng sai lệch hết cả rồi đó sao? (1). Vậy mà ông đang ngồi tù và sắp chết cho những điều mình xác tín: tự hỏi rằng mình có sắp chết cho một sự sai lầm không, thật chẳng dễ chịu tí nào!

Lý do tại sao tôi muốn hỏi Gioan về những tâm tình của ông lúc bấy giờ, là vì kinh nghiệm của ông đồng thời câu trả lời của Đức Giêsu cho những câu hỏi của người được sai đi đặt ra, có thể rất quan trọng đối với chúng ta: như chúng ta sắp nói trong chương 3, sự phân định của chúng ta hầu như luôn tạm thời và có thể phải thay đổi. Chúng ta phân định, như lời I-nha-xiô, "theo một cách nào đó thôi", và bằng trực nghiệm cuối cùng của sự phân định được tiến hành bằng cách áp dụng sự lựa chọn đã được quyết định. Nếu Gioan thật sự đã ném

(1) Chúng ta thoáng thấy khó khăn này trong diễn văn của Đức Giêsu trước đám đông, sau khi các môn đệ của Gioan đã rời khỏi nơi đó. Đức Giêsu đối lập lối sống khắc khổ và "mang tính ngôn sứ" của Gioan với lối sống của mình, khi Ngài nói: "Gioan đến không ăn không uống thì thiên hạ bảo: ông ta bị quỷ ám. Con người đến cũng ăn cũng uống như ai, thì thiên hạ lại bảo: Đây là tay ăn nhậu, bạn bè với quân thu thuế và phường tội lỗi!" Vì Gioan đến "không ăn không uống", nên rất có thể là lối sống của Đức Giêsu trước mắt ông, có vẻ như mâu thuẫn với thái độ của Đức Messia mà ông đã tự hình dung.

sự hoài nghi, thì chúng ta thấy ông, ở đây, nơi cuộc sống cụ thể, vẫn trung thành, trong sự tối tăm của đức tin, với việc lựa chọn của mình. Trong trường hợp này, câu trả lời mà Đức Giêsu ngỏ với ông, những “dấu chỉ” về những người Ngài đã chữa lành, ưu tư của Ngài về người nghèo, và lòng tín nhiệm Ngài yêu cầu (Mt 11,4-6), cũng sẽ là câu trả lời của Ngài cho chúng ta trong những lúc đen tối của cuộc đời chúng ta đang mưu cầu sự phân định. Xác tín riêng của tôi là Gioan đã nắm trái sự hoài nghi và những dấu chỉ Ngài nêu, là một sự biết ơn rất lớn đối với đức tin hoàn toàn nơi vị tiền hô của mình. Nhưng quả là một điều thật êm dịu và đầy an ủi khi được chính Gioan xác định lại.

### *Chương 3 : sự phân định trong chính cuộc đời của tôi*

Chương 3 nói về chỗ đứng của sự phân định trong cuộc đời chúng ta ngày nay. Đặc biệt chúng ta đã nói tới “bầu khí” của sự phân định : những điều kiện cần hội đủ và những đức tính của con tim chính yếu để phân định thật sự và có hiệu quả, Thánh Ý Thiên Chúa trong một hoàn cảnh cụ thể. Vì vấn đề áp dụng đòi hỏi bạn phải suy nghĩ về một tình huống cá biệt, nên tôi không thể đưa ra một câu trả lời duy nhất chung cho tất cả các trường hợp được. Nhưng có lẽ các bạn mong có thể kiểm tra một vài điểm để xem hoàn cảnh mô tả đã được chọn đúng.

Trước hết, đó có phải là một trường hợp đủ quan trọng để hiện mình cho một sự phân định không ? Đây có phải là một hoàn cảnh trong đó Thánh Ý Thiên Chúa không rõ ràng không ? Đôi khi, như chúng ta sẽ thấy, chúng ta đi tìm phân định chỉ vì chúng ta từ chối quyết định đó thôi. Đó có thể là trường hợp, chẳng hạn, khi có người đến xin tôi giúp họ phân định xem họ có ơn gọi đi tu không. Chắc chắn, tự nó, đây là một vấn đề cần đến sự phân định, nhưng khi lắng nghe và chia sẻ với một vài người, có lúc tôi thấy rằng Thánh Ý Chúa đã thật rõ ràng, chỉ có điều là mình thiếu can đảm và đức tin để làm cái Ngài yêu cầu thôi.

Nếu hoàn cảnh bạn nghĩ đến, đủ quan trọng và khá mờ mờ để có lý do mà tiến hành phân định, bạn có thể kiểm tra sau đó xem nó có tập trung nơi chính đối tượng của sự phân định không. Sự phân định thường nhắm đến hành động, là điểm gặp gỡ giữa sự cầu nguyện và việc đáp trả cụ thể với Lời Chúa. Letty tự hỏi mình có nên nhập vào nhóm “hiếu động” của cộng đoàn không ? Joe muốn biết mình phải ở lại Chung viện hay tạm thời về nhà giúp gia đình đang thời thiếu thốn ? Ed và Maria phải chọn giữa giải pháp sống chung hay xa nhau vì ích lợi của con cái ? Câu hỏi cá nhân bạn đặt ra có được rõ ràng và chính xác đủ như thế không ? Nếu vấn đề quá chung chung hoặc có nhiều vấn đề lẫn lộn với nhau, thì rất khó đi tới một sự phân định có lợi. Trong phần kết, chúng ta sẽ trở lại khía cạnh này khi đề cập đến sự phân định cộng đoàn.

Cũng có thể đặt ra câu hỏi đầu là tâm tình phải có, hoặc đầu là đức tính chính yếu cho sự phân định đích thực mà bạn thiếu. Việc áp dụng ba điều kiện và ba đức tính cho trường hợp của cá nhân bạn có thể là cơ hội cho một sự xét mình có hiệu quả. Việc biết mình là chính nền tảng không những của sự phân định mà còn của mọi đời sống nội tâm thiết thực. Vậy mà tự thấy mình trong sự thật thường tình là điều không dễ dàng, cho nên cũng cần kiểm tra lại việc tự đánh giá đó bằng cách yêu cầu một người bạn hoặc một vị linh hướng biết bạn “từ bên trong” xem họ nhìn thấy bạn như thế nào. Đối với họ đầu là tâm tình hoặc đức tính bạn đang thiếu, toàn bộ hay một phần? Có lẽ câu trả lời sẽ rất bổ ích.

#### *Chương 4 : làm sao cố vấn cho Letty ?*

Vì chương 4 đề cập đến “ba hồi” để tiến hành lựa chọn tốt, theo thánh I-nhà-xiô, người ta hỏi bạn rằng bạn sẽ cố vấn như thế nào cho nữ tu Letty mà chúng ta đã làm quen ở chương 3. Đó là một nữ tu trẻ vừa khẩn tạm và đang do dự về lập trường phải có đối với sự dẫn thân chính trị và xã hội. Tôi mong là từ nay trở đi, một điều đã rõ đối với bạn : thật là một sự sai lầm nghiêm trọng, khi chị này đến trình bày vấn đề của mình cho bạn, mà bạn lại khuyên chị ấy rời khỏi dòng tu của chị hoặc tuân phục bề trên để thôi đặt vấn đề. Làm như vậy có thể bạn đã cho chị ấy một lời khuyên tốt đấy (chia sẻ quan điểm khôn ngoan của bạn về vấn đề này), nhưng

bạn sẽ không đóng đúng vai trò của mình, là người “hợp tác”, người thông ngôn về điều mà Thiên Chúa muốn nói với *chị ấy*. Nếu Thánh Ý Thiên Chúa không rõ ràng cũng không hiển nhiên, giả dụ như trường hợp mà một trong những giải pháp chị ấy dự kiến lại là tội lỗi chẳng hạn, thì vai trò của bạn lúc bấy giờ là giúp chị ấy lắng nghe chính những tình cảm của mình, và suy ra điều gì Thiên Chúa có thể yêu cầu chị ấy qua những tình cảm của chị.

Trong các chương 5, 6, 7, chúng ta sẽ khảo sát làm sao giải thích những tình cảm của mình để đọc được ở đó những dấu chỉ của Thánh Ý Thiên Chúa, nhưng tới điểm này của chương 4, chúng ta đã có thể thấy rằng sẽ không khôn ngoan đâu nếu để cho tình cảm chúng ta “chập mạch”, và cứ đơn giản gán cho chúng điều phải làm. Cũng chẳng khôn ngoan, như vế thứ hai của câu hỏi nêu lên, nếu *túc khắc* đề nghị một trong hai phương pháp của thánh I-nhà-xiô để lấy một quyết định của “hồi thứ ba” là “hồi của lý luận”, chúng ta đã thấy rằng hồi này là một hồi “thanh thảo” bình ổn, lúc mà Thiên Chúa có vẻ im hơi lặng tiếng, và những tình cảm của chúng ta không ra hiệu lệnh gì để xác định Thánh Ý Ngài cả. Thế mà trong trường hợp của Letty, như được trình bày, hình như không thể nào mà lại không có những tình cảm cần phải phân định !

Dù gì đi nữa, chúng ta có thể giả định rằng sự sáng sủa của hồi thứ nhất (hồi của mạc khải) được một Phaolô hoặc một Mat-thêu trải qua thì không khớp với kinh nghiệm mà Letty đã sống. Nhưng chúng ta cũng

còn phải kiểm tra điều gì xảy ra khi chị ấy cầu nguyện cho vấn đề này. Nếu chị ấy được nhiều “tinh thần” khác nhau run rủi, như I-nha-xiô đã nhắc đến khi mô tả hồi thứ hai, thì lúc bấy giờ chúng ta có “cái” để phân định và phải áp dụng những quy tắc sẽ được bình luận trong ba chương tiếp theo.

Chỉ trong trường hợp mà chị Letty không còn có thể nhắc đến một tình cảm nào nữa, thì chúng ta có thể quay qua những phương pháp được I-nha-xiô chỉ, cho hồi thứ ba, để quyết định đâu là Thánh Ý Thiên Chúa. Do đó, chúng ta phải *bắt đầu* với nữ tu Letty bằng cách để cho chị ấy đơn sơ chia sẻ với chúng ta toàn bộ kinh nghiệm của mình, về vấn đề này, chị ấy đã cầu nguyện chưa ? Nếu rồi, thì đã nhận được câu trả lời nào của Thiên Chúa ? Nếu có những cảm hứng trái ngược nhau vào những thời điểm khác nhau, lúc đó chúng ta có nguyên liệu để mà phân định theo đúng nghĩa (hồi thứ hai của I-nha-xiô), và chúng ta có thể sử dụng những quy tắc được trình bày trong các chương tiếp theo. Nếu không có những cảm hứng cũng không có những “tinh thần” run rủi, lúc bấy giờ chúng ta có thể đề nghị với chị Letty những phương pháp của I-nha-xiô cho hồi thứ ba.

### *Chương 5 : sự lựa chọn cơ bản và những tình cảm của chúng ta*

Chương 5 dẫn chúng ta đến những quy tắc phân định được thánh I-nha-xiô thiết lập. Nếu đoạn chúng ta

đang bình luận được rút ra từ những quy tắc của tuần thứ nhất, thì trong thực tế, đoạn này bàn đến những tâm tính thiết yếu mà tâm hồn cần có để tiến hành phân định. Hai điểm được nhấn mạnh : tâm quan trọng về sự lựa chọn cơ bản đối với chiến lược được Thiên Chúa hoặc ma quỷ sử dụng, và ý nghĩa của hai trạng thái nội tâm, niềm an ủi và nỗi phiền muộn, là chính vật liệu để phân định. Người ta đã yêu cầu bạn suy nghĩ về hai điểm cơ bản ấy từ kinh nghiệm cá nhân của mình.

Trước hết, bạn có thể chắc chắn rằng sự lựa chọn cơ bản của bạn là “cho Thiên Chúa” không, để cách nào niềm an ủi thật sự là tiếng nói của Ngài, và nỗi phiền muộn là của ma quỷ ? Trong thực tiễn, điều đó có nghĩa là : đức tin của tôi có sống động không ? Vậy mà chúng ta biết qua Kinh Thánh và qua truyền thống của Giáo Hội là chúng ta không bao giờ biết chắc được rằng mình đang ở trong ơn nghĩa của Chúa cả - rằng đức tin của chúng ta thì sống động. Chúng ta nghĩ, và hy vọng là như vậy ; nhưng còn ở đời này, ngoại trừ một ơn đặc biệt đã là việc nếm trước Thiên đàng rồi, thì chúng ta “sợ hãi và run rẩy mà lo đến sự cứu rỗi của mình”. Đó chẳng phải một lý do để lo lắng đâu, nhưng đó chỉ là điều chúng ta đang sống trong chế độ của đức tin chứ chẳng phải trong sự hưởng kiến, vả lại chúng ta có những dấu chỉ, những dấu chỉ sờ chạm được rằng chúng ta đang sống trong ơn nghĩa của Chúa và trong tình yêu Ngài : đó là chúng ta ao ước Ngài, mong muốn được đẹp lòng Ngài, thì đã là một dấu chỉ, vì thậm chí chúng ta không thể ước muốn Ngài hoặc muốn làm Thánh Ý Ngài nếu

trước những người khác và trước các biến cố. Cũng đúng rằng mình càng tăng trưởng trong sự chín chắn thì mình càng đạt đến một sự biết mình sâu sắc hơn, và từ đó mình được trang bị tốt hơn để phân định. Tuy vậy, biết nghi ngờ về mình một cách lành mạnh cũng là một trong những hoa trái của sự chín muồi ấy. Cho nên, sự linh hướng – cái nhìn khách quan của người có thể thấy chúng ta “từ bên ngoài” – sẽ luôn quý hoá đối với những tâm hồn muốn tiến bước.

#### *Chương 6 : nỗi phiền muộn của Gióp và của chúng ta*

Cuối chương này chúng ta có nêu lên hai câu hỏi về sự phiền muộn. Câu thứ nhất đề nghị tìm nguyên nhân nào trong hạ nguyên nhân sinh ra sự phiền muộn, được áp dụng cho vị anh hùng của sách Gióp ; câu thứ hai yêu cầu bạn, dưới ánh sáng các quy tắc được nêu trong chương 6, nhìn xem chính bạn đã phản ứng như thế nào trước một kinh nghiệm phiền muộn đã gây ấn tượng sâu nơi bạn. Cũng là điều quan trọng khi nhắc nhở rằng sự phiền muộn là một phần bình thường và lành mạnh trong mọi đời sống đức tin vững mạnh. Nếu một ai đó khẳng định với tôi rằng người ấy chưa bao giờ trải qua một nỗi phiền muộn nghiêm trọng nào thì tôi sẽ nói rằng người ấy đã sống trong một ổ kén, hoặc điều đúng hơn, rằng người ấy chưa bao giờ tiếp xúc với chính những tình cảm của mình. Nếu sự phiền muộn là một trạng thái hoàn toàn bình thường, thì tuy nhiên cũng đúng rằng

ân sủng không làm việc trong cuộc đời chúng ta. Một ước muốn kiên trì và bền bỉ được sống trong tình yêu Ngài sẽ là một dấu chỉ tốt nhất rằng chúng ta đang sống trong ân sủng. Chắc chắn, ước muốn ấy sẽ được diễn tả một cách cụ thể : qua sự nhạy bén của chúng ta trước nhu cầu của tha nhân, qua một lòng tin nhiệm càng lớn hơn trong những thử thách khó khăn, qua tất cả những “hoa trái” mà chúng ta đã nói đến trong chương 2 của cuốn *Khi giếng đã khô cạn* (When the Well Runs Dry).

Trong vế thứ hai của câu hỏi, người ta hỏi bạn có thể phân biệt không khó khăn gì các tình cảm của mình và nhận diện được chúng không ? Điều này đặc biệt khó khăn đối với những người mà một nền giáo dục đã từng tập họ kèm chế hoặc dồn nén những tình cảm của mình. Tôi hạn chế kinh nghiệm cá nhân của mình trong hai nền văn hoá, nền văn hoá của Philippines và của Hoa Kỳ, vậy mà, dù chúng thật khác nhau ở nhiều điểm, trong cả hai nền văn hoá, người ta đều kèm chế tình cảm của mình. Tại Mỹ, một đứa con trai không khóc bao giờ. Ở Philippines, trai gái đều không nói mà cũng không làm gì khiến mình lập dị : họ khuôn vào điều mà nhóm đang chờ đợi (*pakikisama*), một điều làm nản chí cả người làm việc tốt lẫn người phạm điều xấu. Vì đã có cơ hội linh hướng ít là một vài người thuộc những nền văn hoá khác hai nền văn hoá trên, tôi đã đi đến suy nghĩ rằng : không dễ dàng cho *bất cứ một con người nào* để giữ liên lạc thật sự với những tình cảm của mình. Riêng về bản thân, tôi biết rằng mình càng tiến trong cuộc đời, mình càng thấy mình thật nhiệm mầu và thật lạ lùng

chúng ta không tiếp cận nó một cách hài hoà duyên dáng chừng nào chưa được kinh nghiệm của “mạch suối khô cạn” hoặc của đêm tối chuẩn bị lâu dài trước đó.

Về điều này, kinh nghiệm của Gióp có thể dạy dỗ và nâng đỡ chúng ta. Như đã biết, Gióp là một tội trung có tâm cơ của Thiên Chúa : theo chính Lời Ngài, người tội trung tốt nhất trên mặt đất. Vậy mà khi Xa-tan được phép thử thách ông bằng sự phiền muộn thì Gióp đã để sự thử thách đè bẹp. May thay ông đã không nghe theo lời khuyên của bạn bè mình để mù quáng đầu hàng trước sự nghiêm khắc bề ngoài của điều Thiên Chúa phán quyết, và xưng thú một tội lỗi mà ông đã không hề ý thức. Nhưng ông đã rút ra kết luận sai lầm là Thiên Chúa đã bỏ rơi mình, và đến một lúc nào đó, ông cũng đã đơn giản xin Ngài kết liễu đời ông cho xong.

Nỗi phiền muộn của Gióp không do thiếu sót hoặc tội lỗi của ông. Độc giả chúng ta đều biết ngay từ đầu câu chuyện. Gióp cũng tin điều ấy. Nhưng tại sao ông lại đau khổ ? Tác giả cho chúng ta biết ngay ở chương đầu rằng Thiên Chúa cho phép Xa-tan thử thách ông để ông chứng tỏ tình yêu và lòng trung tín của mình - để cho thấy rằng Gióp chẳng phải là một người cơ hội. Nhưng càng lúc bản tường thuật được giở ra, chúng ta càng hiểu rằng vấn đề không chỉ là trắc nghiệm tâm trạng *hiện thời* của Gióp mà thôi. Dù những chủ ý của Xa-tan là những chủ ý nào, cuộc thử thách trở thành ngọn lửa thanh luyện làm cho tình yêu của Gióp trở nên sắc bén hơn và mạnh hơn cả sự chết. Ở cuối sách, Gióp có thể nói với Thiên Chúa : “Vâng, tôi đã nói năng mà

không hiểu, về những kỳ công vượt sức tôi và tôi chẳng biết... Tôi biết Ngài qua nghe nói, nhưng bây giờ mắt tôi đã thấy Người” (G 42,3.5). Đây là một ví dụ điển hình về nguyên nhân thứ hai tại sao Thiên Chúa cho phép có sự phiền muộn : “để làm cho tình yêu của chúng ta nên sắc bén hơn như lửa luyện thép vậy”.

Nguyên nhân thứ ba theo I-nhà-xiô là để dạy cho chúng ta rằng niềm an ủi là một ân huệ nhưng không mà mình không thể hưởng do công trạng hoặc do gợi ý được, thì đâu có hiển nhiên trong câu chuyện của Gióp. Tuy vậy tôi vẫn nghĩ là trong thực tế nguyên nhân thứ hai và thứ ba đi đôi với nhau : khi các tâm hồn tỏ ra thành tâm và sốt sắng, nỗi phiền muộn dạy cho họ buông thả phó mặc cho Chúa đồng thời thanh luyện và biến đổi tình yêu của họ. Ước muốn và bản năng giữ quyền kiểm soát của cuộc sống chúng ta, xét cho cùng là sự “thiếu trong sạch” quan trọng nhất và đậm rĩ sâu nhất nơi chúng ta.

Điều đó có lẽ đã được gợi ý ở các chương cuối của sách Gióp. Từ chương 38 trở đi, Thiên Chúa : “Được rồi. Người đã nói năng không ngớt ; bây giờ đến phiên Ta, Ta sẽ vặn hỏi người và người hãy cho Ta hay”. Rồi Ngài kê ra tất cả những kỳ công của việc tạo dựng - các ngôi sao trên trời, thủy quái dưới biển, những đê rừng để con ra sao ? Ai... Ai...? Nói đi... người biết mà ! Câu hỏi được nêu lên với tất cả lòng triu mến và một chút mỉa mai : “Vì người, Gióp, biết rất ít về những mầu nhiệm của vũ trụ, làm sao người tin là đã hiểu điều Ta hành xử với người ? Làm sao người trách cứ là Ta đã bỏ và loại

trừ người ?” Đối với Gióp, thậm chí cả ý nghĩa của những đau khổ ông chịu cũng vượt quá trí hiểu và khả năng hành động của ông. Tất cả đều là ân huệ, kể cả cuộc thử thách, có sức tinh luyện, mà Gióp đã trải qua.

### *Chương 7 : các niềm an ủi trong Kinh Thánh*

Trong chương 7, chúng ta đã đề cập đến nghệ thuật khó khăn để phân định niềm an ủi. Như đã thấy, một niềm an ủi không có nguyên nhân đi trước chỉ có thể từ Thiên Chúa mà đến. Nó ít xảy ra hơn là một niềm an ủi có nguyên nhân khả giác đi trước, nhưng khi nó xuất hiện, nó thật sự từ Thiên Chúa mà đến. Trong số các niềm an ủi được câu hỏi nêu lên, có niềm vui của người mù được mở mắt (Lc 18,43) và của Gia-kêu khi Đức Giêsu yêu cầu ông tụt xuống khỏi cây sung (Lc 19,6), lần này và lần kia, cả hai niềm an ủi trên đều có “nguyên nhân khả giác” đi trước. Nếu đuôi rắn không ló ra trong trường hợp này và trường hợp kia, thì phần đầu, giữa và cuối đều có vẻ tốt cả - mỗi lần, nguyên nhân của niềm an ủi đều là sự gặp gỡ khả giác với Đức Giêsu, đem lại việc chữa lành. Cho nên, niềm an ủi của Gia-kêu và của người mù sẽ là những niềm an ủi đích thực nhưng với nguyên nhân khả giác đi trước.

Ngược lại, chuyện hoá bánh ra nhiều trong Ga 6,1-15 cho thấy rõ cái đuôi rắn. Ở đây cũng có niềm an ủi khi đám đông hoan hô Đức Giêsu là “vị ngôn sứ”, là Đấng Messia (6,15), và cả ở đây nữa, cũng có một

nguyên nhân khả giác đi trước, đó là phép lạ Đức Giêsu hoá bánh và cá ra nhiều để nuôi họ. Nhưng chúng ta cảm thấy ở câu 6,15 thì đã có chuyện phiền toái vì “họ sắp đến bắt mình đem đi tôn làm vua” bằng áp lực. Nếu phép lạ hoàn toàn thiết thực và thật sự là công trình của Đức Giêsu, “phần cuối” của kinh nghiệm hình như không mấy tốt : tinh thần xấu đã len lỏi vào trong công trình của Thiên Chúa. Và lại đó chính là điều mà lời lẽ của Đức Giêsu đã xác định khi đám đông cuối cùng đã tìm được Ngài, trên bờ bên kia : “các ông đi tìm tôi vì... đã được ăn no nê” (6,26-27), Ngài nói với họ rằng đức tin của họ không thật : họ không tìm Ngài vì những dấu lạ, nhưng vì đã được ăn no nê.

Cuối cùng, kinh nghiệm của Phêrô ở những câu cuối của chương xuất hiện như một niềm an ủi thật không có nguyên nhân khả giác. Toàn bộ chương này, “bài diễn văn về Thánh thể”, thuật lại một loạt thách đố đối với đức tin của những người muốn theo Ngài. Từ từ họ đã tản mác rút lui, không tài nào chấp nhận nổi những đòi hỏi của Lời Ngài giảng dạy trên bình diện đức tin, và cuối cùng chỉ còn lại nhóm Mười Hai. Khi Đức Giêsu hỏi họ : “Cả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ đi hay sao ?” Phêrô là người đã trả lời : “Bỏ Thầy chúng con biết đến với ai ? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời”. Đức tin “khoẻ mạnh” của Phêrô đặc biệt tuyệt vời vì nó có vẻ không có nguyên nhân khả giác đi trước. Thật vậy, tất cả những nguyên nhân khả giác : sự xung đột với đám đông và những người pha-ri-sêu, những lời rất nặng và gây ngỡ ngàng của Đức Giêsu,



việc rút lui của gần hết cử toạ - tất cả những điều ấy đáng lý gây phiền muộn nơi Phêrô. Câu trả lời của ông còn chứa đựng vang âm : “Chúng con biết đến với ai ?” Ông cũng không hiểu Đức Giêsu khá hơn những người khác, nhưng ông tin và tín nhiệm, *bất chấp* tất cả những tình huống khả giác có khả năng làm nảy sinh sự phiền muộn.

### Chương 8 : cỏ lùng ngày nay

Câu hỏi của chương 8 liên quan đến cỏ lùng : loại cỏ lùng nào trong các loại được mô tả (thế gian, xác thịt và ma quỷ) có nguy cơ sinh sôi nảy nở ngày nay trong thửa ruộng của Thiên Chúa ? Chúng ta buộc phải nói rằng, theo tôi, ngày nay cũng như hôm qua cả ba loại đều mọc khoẻ và sinh sôi nảy nở nữa. Những giá trị của “thế gian”, của nền văn hoá thế tục, nơi mà linh hồn được cấm trồng, thì tùy thời và tùy nơi, nhưng chúng luôn đặt thành vấn đề đối với người môn đệ thực tâm theo Đức Giêsu. Thời đại của chúng ta mền chuộng khoa học, sự thành công và việc làm cật lực của con người, đã tự khẳng định chính mình, ít là đối với ai đang thuộc về các nền văn hoá của thế giới phát triển. Tất cả các giá trị ấy đều đáng kể, nhưng chúng dễ dàng được đẩy tới một mức quá đáng, và lúc bấy giờ chỉ còn để lại rất ít chỗ cho Thiên Chúa và cho đức tin. Về điểm này, thế giới Tây phương và thế giới mác-xít hợp thành một cặp bất ngờ : bất chấp quan điểm triết để khác nhau của họ về

cách tổ chức lý tưởng xã hội loài người, cả hai dễ dàng sùng bái người nam và người nữ ; và trong viễn tượng ấy, khi mà con người là nguồn mạch của chính sự toàn thiện của mình, chiều kích thần thiêng của cuộc sống chúng ta chẳng còn kỳ thú gì, hoặc như một trở ngại nguy hiểm. Trong thế giới thứ ba, có lẽ vấn đề có khác : nhân vì sự nghèo khó và sự cay đắng về số phận hằng ngày của bao nhiêu con người ta, một cái gì không tưởng về nhân loại có lẽ cũng chẳng hấp dẫn gì hơn. Nhưng điều ấy không có nghĩa là nền văn hoá đó tiếp đón đức tin đích thực dễ dàng hơn đâu. Mê tín dị đoan, thuyết định mệnh, xu hướng đổ tội cho người khác (hoặc cho một cơ chế không tên tuổi nào đó), và quy trách nhiệm về tất cả những khó khăn mình gặp, cũng có thể là bấy nhiêu cỏ dại trong ngôi vườn của Thiên Chúa.

Còn về xác thịt, việc yêu mình và sự dâm dục do các bản năng của chúng ta mà đến, khỏi cần chứng minh, tôi thiết tưởng rằng, loại cỏ lùng này đang sinh sôi nảy nở ngày hôm nay. Nền “đạo đức” hiện đại được bộc lộ trong những công thức như : “Tôi làm điều tôi thích”, “Điều đó chỉ ăn nhằm đến tôi mà thôi”, “Mặc tôi”, đã ô nhiễm hầu hết các xã hội. Để cho những tình cảm của mình đưa đẩy, mà không cần biết chúng đưa đi đâu, không những rất hợp khẩu vị ngày nay mà về mặt “khoa học” lại còn được kính nể nữa.

Sự tự chủ, sự ổn định trong những điều mình cam kết, lòng chung thủy, không hợp thời trang chút nào ; thậm chí thường chúng còn bị coi như là bất khả thi đối với con người nữa. Về phần tôi, tôi sẽ là một trong

những người hiếm thấy, dễ dàng cho rằng việc quyến rũ của xác thịt ngày nay không mãnh liệt hơn vào những thời mang tính trấn áp dâm, và không chắc rằng nói cho cùng xu hướng bật đèn xanh lại không lành mạnh hơn tính cả thẹn quá mức mà xã hội thời xưa áp đặt, dù sao, tôi vẫn nhìn nhận không khó khăn gì rằng cuộc cách mạng tình dục đã không thật sự bùng hết rẫy, cây cỏ dại-xác thịt.

Ma quỷ, như chúng ta đã nói, dùng thế gian và xác thịt để đạt đến những mục đích của nó. Khi chúng ta nói rằng loại cỏ lùng thứ ba, trong Kinh Thánh, là chính ma quỷ, thì chúng ta đã thêm gì nào cho những điều chúng ta đã nói ? Chúng ta gợi nhắc đến ảnh hưởng của nó trên trái tim và tâm hồn của loài người, qua những hiện tượng tôn giáo, trong lời cầu nguyện nội tâm... , là “cột trụ thứ ba”, loại cỏ lùng thứ ba trong thửa ruộng của Thiên Chúa. Xảy ra, như C.S Lewis đã ghi nhận : thành công lớn nhất của ma quỷ là thuyết phục chúng ta rằng nó chẳng có thật. Đó là một chiến lược có thể rất hữu hiệu trong một nền văn hoá bị tục hoá và duy vật như nền văn hoá được chúng ta mô tả trên đây. Vào những lúc khác, ma quỷ sẽ gieo những ý niệm sai lệch về chính nó, về quyền năng của chính nó (và qua đó về Thiên Chúa và quyền năng của Ngài), sẽ dẫn tới nỗi sợ sệt, mê tín dị đoan, và từ chỗ ấy gây trở ngại cho sự gặp gỡ với vị Mục tử nhân lành của các sách Tin mừng : có lẽ hiện tượng này xảy ra thường xuyên hơn trong các xã hội “bán khai”, nhưng khi xem một cuốn film như “người trừ quỷ”, mình tự hỏi : bức tranh này sẽ đem lại cho

khán giả ý niệm nào về sự siêu nhiên, về Thiên Chúa và Xa-tan ? Hoặc họ sẽ hết sức kinh hoàng, hoặc họ sẽ coi câu chuyện này là quá đáng và ngớ ngếch, nhưng một phác hoạ về quyền lực của Xa-tan như vậy sẽ không mở cửa dễ dàng cho sự phân định thật.

Còn có thể nói thêm nhiều điều khác về ba loại cỏ lùng này, nhưng những nhận xét trên cũng đủ để thấy rằng cả ba loại vẫn sống dai dẳng ngày nay, loại nào phát triển mạnh nhất trong chính cuộc đời của chúng ta (là vết thứ hai của câu hỏi) thì chỉ một mình chúng ta mới trả lời được : những điều quan trọng là bạn phải *có thể* nói lên được. Loại cỏ lùng không dùng vào đâu được và có thể phá hoại cả mùa màng là sự mù quáng về chính bản thân, sự từ chối nhận biết và nhìn thẳng hoàn cảnh thật của mình trước mặt Thiên Chúa. Và lại, tình yêu sáng suốt sẽ càng lớn lên nơi chúng ta thì chúng ta sẽ càng biết mình hơn. Lúc bấy giờ, chủ mùa gặt sẽ dùng cỏ lùng ở trong ruộng để mưu cầu lợi ích cho chúng ta.

### *Chương 9 : sự phân định*

#### *trong tình yêu và sự khiêm tốn*

Câu hỏi cuối cùng của chúng ta là về những liên hệ giữa khả năng sống tình yêu sáng suốt và thứ khiêm nhường thứ ba, như thánh I-nhà-xiô đã định nghĩa. Người ta thường nhìn thấy ở điểm sau cùng này cao điểm trong kinh nghiệm thần bí riêng của thánh I-nhà-xiô về sự phục vụ. Tuy vậy, hầu hết các người đến tìm tâm đều

rất khó chấp nhận sự khiêm nhường này, vì hình như việc mình cầu nguyện để xin bị hạ nhục, được chịu đê hèn và nghèo khó, điều mà những người này cho là rất khó. Sau khi đã hướng dẫn các cuộc tĩnh tâm trong nhiều năm, và đã phải đối đầu với chương ngại về mức độ khiêm nhường thứ ba này, tôi vẫn quả quyết rằng đó chẳng phải là điều mà I-nha-xiô muốn nói thật sự đâu. Ước ao những sự lãng nhục và những lời trách mắng lại mang hơi hám của chủ nghĩa thích đau khổ, đó là điều chắc chắn ; thêm vào đó thật khó lòng hiểu được sự ao ước đó có thể là cao điểm của việc *linh thao* được.

Linh thao đề nghị giải phóng tâm hồn quảng đại khỏi mọi vướng mắc hỗn độn để tâm hồn ấy có thể tìm và theo Thánh Ý Thiên Chúa cho chính mình. Sau tuần thứ nhất của cuộc tĩnh tâm một tháng này, cách nào đó, tâm hồn phải “trần trụi” trước mặt Thiên Chúa : người ấy phải cất mặt nạ mình đang mang để có thể xuất hiện trước mặt Ngài trong một sự thẳng thắn và khiêm nhường triệt để. Tuần “thứ hai” là chính cái tâm của sự *linh thao*, do đó là lúc mình được tràn đầy Đức Kitô, mặc lấy Đức Giêsu, được uốn nắn theo hình ảnh của Ngài, để cách nào đó, những giá trị và thái cử của Ngài trở nên của chúng ta. Chính ở cuối tuần thứ hai này mà I-nha-xiô đề nghị việc suy gẫm quan trọng này về ba loại khiêm nhường, trong đó loại thứ ba là đỉnh điểm. Đó là lý tưởng cần đạt tới cho tâm hồn ao ước được sống hoàn toàn “trong, với và nhờ Đức Kitô”.

Nếu một lần nữa chúng ta nghiên cứu bản văn (như được câu hỏi trích dẫn) bằng cách ghi nhận cách

giải thích trên đây về động lực của *linh thao*, theo tôi, những từ quan trọng rõ ràng là : “để bắt chước Đức Kitô... để trở nên giống Ngài... với Đức Kitô”. Tôi không ao ước sự nghèo khó và đê hèn cho chính chúng và thậm chí cũng chẳng phải như một lý tưởng khác khổ : chính Đức Giêsu cũng đã chẳng làm, như lời nguyện của Ngài trong Vườn Cây Dầu đã cho thấy. Đúng hơn, Ngài chỉ mong được làm một với Cha, hoàn toàn, dù *giá phải trả là giá nào*, và bất kể nó dẫn đến đâu. Với loại khiêm nhường thứ ba, chúng ta cũng có cùng một ao ước ấy : cùng ở với Đức Giêsu, chỉ làm một với Ngài, bất cứ nơi nào Ngài đến. Câu “bất cứ nơi nào mẹ đi” trong chương thứ nhất của sách Bà Rút, theo tôi, đó là một công thức biểu lộ một cách tuyệt vời loại khiêm nhường thứ ba này. Rút đâu có muốn đến sống ở đất khách quê người như một người xa lạ và suốt đời ở goá, nhưng điều bà muốn là suốt đời sống với Noémi, bà mẹ của chồng mình, bất luận những hệ quả mà quyết định ấy đưa đến.

Đó là nơi mà mức độ khiêm nhường thứ ba dẫn ta đến, theo *Tập Linh thao*. Mối liên hệ, dây ràng buộc với sự sáng suốt mà cuối cùng tình yêu mang lại thì có lẽ đã rõ. Người nào có được sự bén nhạy thường trực đó với Thiên Chúa ? Chính là người đã sống thời gian lâu dài trong tình yêu của Ngài, và đối với người ấy Thiên Chúa đã hoàn toàn trở thành trung tâm và ý nghĩa của cuộc sống. Đối với người ấy, điều duy nhất quan trọng là ở với Đức Kitô - trong sự nghèo khó lãng nhục, thành công, vinh quang, trong mọi hoàn cảnh. Chính việc sống

với Ngài mới là điều quan trọng chứ không phải cách lối mà nó sẽ diễn ra.

Một tình yêu kiểu đó thật ra là một mối tình lớn, và người nào có khả năng sống tình yêu ấy sẽ là vị tông đồ hoàn hảo. Chúng ta không thể đạt tới được : chúng ta đã ghi nhận điều ấy khi nghiên cứu về sự sáng suốt cuối cùng mà tình yêu đem lại, và I-nha-xiô cũng đã nhấn mạnh khi ông khuyên những ai ao ước loại khiêm nhường thứ ba này nên xin “ước gì Thiên Chúa cũng vui lòng chọn mình”. Đó là ân huệ của Thiên Chúa. Nhưng như tôi vẫn nói với những người đến tĩnh tâm do tôi hướng dẫn, rằng : các bạn đừng xin nếu thật sự mà nói các bạn không mong ước có điều ấy. Đức Giêsu đã chết để ban nó cho chúng ta : nếu chúng ta thành tâm xin Ngài ban ơn ấy cho chúng ta, chắc chắn Ngài sẽ ban cho, vì đó là ân huệ hoàn hảo nhất trong các ân huệ của Ngài.

## Nội dung

Dẫn nhập : điểm gặp gỡ của cầu nguyện và hoạt động .....	3
I. Chuẩn bị đất .....	15
1. Những bước Kinh Thánh đầu tiên : ngôn sứ giả và ngôn sứ thật .....	17
2. Sự phân định của Đức Giêsu : Đức Giêsu phân định và là đối tượng của một sự phân định .....	41
3. Bầu khí của sự phân định đối với chúng ta .....	75
II. Gieo giống tốt .....	109
4. Ba hồi để lựa chọn một cách đúng đắn .....	111
5. Chiến lược của Thiên Chúa và của kẻ thù .....	133
6. Những người mới bắt đầu và nỗi phiền muộn ...	158
III. Một mùa gặt trong đó lúa tốt san sát với cỏ lùng	189
7. Sự trung thành và niềm an ủi .....	191
8. Giá trị của cỏ lùng .....	221
9. Lúa tốt sinh hoa kết quả .....	250
Phần kết : sự phân định của cộng đoàn .....	277
Phần phụ lục : Đáp án các bài thực tập .....	297

## MỜI ĐÓN ĐỌC

---

- ✦ Lịch sử cứu độ :  
Bộ "Lên Núi Chúa" số 4.
  
- ✦ Trường đức tin, số 16 :  
Đo Thái giáo của **Dominique Barthélémy**.
  
- ✦ Mùa Phục sinh :  
Những cám dỗ và sự lựa chọn của Đức Giêsu  
(Les tentations et le Choix de Jésus)  
của **Bernard Rey**.
  
- ✦ Tháng 11 :  
Cậy trông cho mọi người (Espérer pour tous)  
của **Hans Urs Von Balthasar**.